

HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

Nguyện đem công đức này

Trang nghiêm Phật Tịnh Độ

Trên đèn bốn ơn nặng

Dưới cứu khổ ba đường

Nếu có người thấy nghe

Đều phát lòng Bồ Đề

Hết một báo thân này

Sanh qua cõi Cực Lạc

Nam mô A Di Đà Phật



Mục Lục

Thành kính Tri Ân	4
Lời Đầu Sách	5
I. Vài Dòng Về Hai Nhà Phiên Dịch	10
1. Cưu Ma La Thập	10
2. Hòa Thượng Thích Trí Tịnh	11
II . Giải Thích Danh Đề	12
III. Nghi Chánh Thức Tụng Giới	13
1. Phần khai Kinh	13
2. Nghi cách của người tụng giới	19
3. Phần quy kính Tam bảo	19
4. Sách tấn tu tập	23
5. Kiểm chứng	27
6. Lời tựa mở đầu	31
IV. Phần Tụng Giới Căn Bản	40
1. Đức Phật Lô Xá Na	42
2. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni	54
3. Đức Phật kiết giới Bồ tát	76
V. Vài Nét Về Giới Trọng	85
VI. Thành Phần 10 Giới Trọng	86
a. Nêu Rõ Và Yếu Giải Từng Giới	87
1. Giới sát sanh	87
2. Giới trộm cướp	90
3. Giới dâm	92
4. Giới vọng	94
5. Giới bán rượu	97
6. Giới rao lời của tứ chúng	100
7. Giới tự khen mình chê người	103

8. Giới bôn sên thêm mắng đũa	106
9. Giới giận hờn không nguôi	109
10. Giới hủy báng Tam bảo	112
b. Đức Phật Kết Răn	115
VII. Vài Nét Về Giới Khinh	118
VIII. Thành Phần 48 Giới Khinh	118
a. Nêu Rõ Và Yếu Giải Từng Giới	120
1. Giới không kính thầy bạn	120
2. Giới uống rượu	123
3. Giới ăn thịt	125
4. Giới ăn ngũ tân	127
5. Giới không dạy người sám tội	129
6. Giới không cúng dường thỉnh pháp	130
7. Giới không đi nghe pháp	133
8. Giới có tâm trái bỏ Đại thừa	136
9. Giới không khán bệnh	138
10. Giới chứa khí cù sát sanh	140
11. Giới đi sứ	142
12. Giới buôn bán phi pháp	144
13. Giới hủy báng	146
14. Giới phóng hỏa	148
15. Giới dạy giáo lý ngoài Đại thừa	149
16. Giới vì lợi mà giảng pháp lộn lạo	152
17. Giới cậy thế lực quyên tội	154
18. Giới không thông hiểu mà làm thầy truyền giới	157
19. Giới lường thiệt	159
20. Giới không phóng sanh	160
21. Giới đem sân báo sân - đem đánh trả đánh	164
22. Giới kiêu mạn không thỉnh pháp	168
23. Giới khinh ngạo không tận tâm dạy	169

Minh Quang & Diệu Huệ	100	Chúc Nhuận	100
Tâm An 2 & gia đình	500	Diệu Ngọc	100
Viên Quang	100	Thái Đông Bang	50
Tâm Như & Chúc Phong	50	Hanna Hân Ngô	50
Huệ Thành & Từ Thịnh	50		
Trang Tuấn Dinh	50		

Hồi hướng cầu siêu chư hương linh:

Hl. Trần Chánh	100	Hl. Nguyễn Duy Việt	50
Hl. Lưu Ngọc Long	100	Hl. Dương Khôn Chương	50
Hl. Phan Văn Tri	50	Hl. Bandith Jimmy Ung	50
Hl. Văn Chối	50		
Hl. Quách Cẩm Tích	50		
Hl. Dương Thị Mai	50		
Hl. Hoàng Thị Hương	50		
Hl. Châu Văn Sáu	50		
Hl. Chung Cẩm	50		
Hl. Nguyễn Thị Mười	50		
Hl. Lâm Ngọc Yên	50		
Hl. Đào Văn Hải	50		
Hl. Dương V.T. B Edward	50		
Hl. Cao Lương Chung	50		
Hl. Vũ Thị Mão	50		
Hl. Trần Từ Kiệt	50		
Hl. Phạm Minh Lực	50		
Hl. Nguyễn Đức Du	50		
Hl. Lý Lạc Lan	50		
Hl. Nguyễn Bá Hùng	50		
Hl. Đặng Thị Thất	50		
Hl. Huỳnh Nguyệt Vân	50		
Hl. Nguyễn Thị Mười	50		

Sớm được vãng sanh
Tịnh độ



Thanh Lương	50	Quảng Lộc	25
Thiện Hiền	200	Chon Thọ	50
Tâm Liên	50	Nhân Chí	50
Lệ Nghiêm	50	Thiện Hỷ	50
Chon Tâm Tịnh	50	Viên Hiền	50
Đức Tuệ	50	Viên Hào	50
Tâm Chiếu	50	Diệu Bạch	50
Tịnh Từ	300	Tâm Tiên	50
Viên Hương	30	Bác Mười Nguyên	100
Tín Hiền Chánh	30	Mỹ Linh Huỳnh	40
Diệu Phủ	100	Đức Thục	50
Diệu Tuyết	100	Trần Kim Cúc	100
Minh Nhơn	100	Nhuận Phước	50
Diệu Từ	50	Ân danh	200
Chon trì	50	Huệ Linh	50
Tịnh Hương	50	Diệu Quê	50
Minh Bạch	50	Nhàn Phạm	50
Hạnh Hải	50	Vương Siêu Quyên	50
Duyên Ngọc	50	Nùng Phổ Mùi	50
Diệu Đức	50	Nguyễn Mỹ & Th. Diệu	100
Minh Hoàng	50	Phạm Ngọc Dung	100
Lệ Thanh	50	Huệ Huy	100
Quang Hương	30	Đào thị Mai	50
Viên Hoàng	25	Nguyễn Thị Thu Thanh	50
Tín Hòa	25	Ân danh	50
Chân Mỹ Thường	50	Tăng Thị Mười	200
Linh Diệu	20	Rodney Pháp Duy H. Ân	100
Chon Tâm Đạo	50	Trí Bảo Huỳnh Ngọc Quý	50
Thuận Lễ	150	Chúc Chon H. N. Cương	50
Tâm Thê	100	Huỳnh Lợi & H. Phương	100
Tín Chánh	50	Huệ Lạc	100
Thị Đạt	100	Tâm Đắc	50
Chân Hiền Đạo	25	Quincy Trí Việt	50

24. Giới không tập học Đại thừa	172
25. Giới tri chúng vụng về	174
26. Giới riêng thọ lợi dưỡng	176
27. Giới thọ biệt thỉnh	179
28. Giới biệt thỉnh Tăng	180
29. Giới tà mạng nuôi sống	182
30. Giới quản lý cho bạch y	185
31. Giới không mua chuộc	188
32. Giới tổn hại chúng sanh	190
33. Giới tà nghiệp giác quán	192
34. Giới tạm bỏ Bồ đề tâm	193
35. Giới không phát nguyện	196
36. Giới không phát thệ	198
37. Giới vào chỗ hiểm nạn	202
38. Giới trái thứ tự tôn ty	206
39. Giới không tu phước huệ	208
40. Giới không bình đẳng truyền giới	211
41. Giới vì lợi làm thầy	213
42. Giới vì người ác giảng giới	219
43. Giới cố mống tâm phạm giới	220
44. Giới không cúng dường kinh luật	222
45. Giới không giáo hóa chúng sanh	224
46. Giới thuyết pháp không đúng pháp	226
47. Giới chế hạn phi pháp	228
48. Giới phá diệt Phật pháp	230
b. Tổng Kết	234
c. Lưu Thông	235
IX. Kệ Khen Tặng Giới Pháp	240
X. Phân Hội Hướng	250
Kinh Sách Tham Khảo Và Trích Dẫn	252

THÀNH KÍNH TRI ÂN

Kính lễ:

- Hồng ân Tam bảo mật thù gia hộ.
- Thâm ân các đấng sanh thành dưỡng dục.
- Thâm ân chư vị tôn túc Tăng Ni, các bậc Thầy và Thiện hữu tri thức.
- Chân thành tri ân Thượng tọa Thích Phước Viên đã trình bày và giúp cho phần in ấn.
- Chân thành tri ân Đại Đức Thích Phước Quảng đã giúp phát họa hình bìa.
- Chân thành tri ân Sư cô Thích nữ Phước An và Phật tử Lệ Phượng đã sửa bản in.
- Chân thành tri ân quý liên hữu Phật tử phát tâm hỷ cúng tịnh tài.

Xin tất cả nhận nơi đây lòng chân thành tri ân sâu xa của soạn giả.

Nguyện cầu hồng ân Tam bảo gia hộ cho chư Tôn liệt vị: trí tánh thường minh, thân tâm thường lạc, Phật quả chóng viên thành.

Nguyện đem pháp thí này hồi hướng cho pháp giới chúng sanh đồng trọn thành Phật đạo.

Nam Mô Chúng Minh Sư Bồ tát Ma ha tát

Phương danh ấn tống Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới

Thầy Phước Nghĩa	100	Hạnh Thông	50
Thầy Phước Viên	100	Chí Phước	30
Ni sư Phước Định	50	Chiếu Hoằng	30
Ni sư Phước Hỷ	50	Ấn danh	30
Sư cô Phước Chiếu	50	Huệ Lạc	50
Sư cô Phước Lễ	100	Thanh Thê	30
Sư cô Phước Thọ	100	Thanh Nhơn	20
Sa di ni Vạn Kính	30	Diệu Thanh 1	30
Sa di ni Vạn Trang	30	Diệu Ngọc 2	20
Sa di ni Vạn Tường	50	Diệu Lạc 3	50
Từ Hương	100	Duyên Bình	50
Diệu Mãn	50	Nguyên Lộc	100
Diệu Quang 5	50	Diệu Thánh	100
Diệu Viên	200	Quảng Đài	50
Ngọc Quý	50	Diệu Đắc	50
Như Hương	100	Thông Ngọc	50
Viên Như	50	Diệu Phước 2	50
Mỹ Phương	50	Diệu Hương 3	50
Như Đình	50	Diệu Lộc 2	50
Hoa Quang	20	Tâm Thanh	50
Diệu Lạc 1	100	Diệu Như	100
Diệu Huệ 2	100	Minh Nhơn	100
Diệu Hạnh	100	Diệu Hoàng	50
Diệu Quang 1	200	Nguyên Kính	50
Tâm Diệu	50	Nguyên Phú	50
Chân Mỹ Hân	100	Ngọc Hương	50
Tắc Hương	100	Diệu Lượng	50

Kinh sách tham khảo và trích dẫn

- Kinh Phạm Võng - Lược Giảng Nghi Thức Tụng Giới Bồ Tát - HT Thích Trí Tịnh.
- Cương Yếu Giới Luật - HT Thích Thiện Siêu
- Giới Luật Học Cương Yếu - HT Thích Thánh Nghiêm
- Giới Pháp Xuất Gia Tại Gia Bồ Tát Giới - HT Thích Trí Quang
- Hương Sen Vạn Đức - HT Thích Trí Tịnh
- Từ Điển Phật Học Hán Việt
- Từ Điển Phật Học Huệ Quang
- Từ Điển Hán Việt Từ Nguyên - Bửu Kế
- Cái Dưng Của Thánh Nhân - Nguyễn Duy Cần
- Tịnh Độ Luận - Minh Đức Thanh Lương
- Chúng Đạo Ca - HT Thanh Từ giảng giải
- Không diệt Không sinh đừng sợ hãi - Thích Nhất Hạnh
- Lược Giảng Kinh Pháp Hoa - HT Thích Thiện Siêu

KINH PHẠM VÕNG NGHI TỤNG BỒ TÁT GIỚI YẾU GIẢI

- Hán dịch: Dao Tần, Tam Tạng Pháp Sư

Cưu Ma La Thập.

- Việt dịch: Hòa thượng Thích Trí Tịnh

Lời Đầu Sách

Bồ tát giới hay còn gọi là Đại thừa giới, Phật tính giới, Phương đẳng giới, Thiên Phật Đại giới. Đây là những giới luật chỉ dành riêng cho người Bồ tát Đại thừa thọ trì. Nội dung Bồ tát giới nói về Tam tụ tịnh giới, tức là 3 nhóm chính: "Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới, và Nhiêu ích hữu tình giới". Tất cả Phật pháp đều được gom trong ba môn lớn là: "Trì luật nghi, Tu thiện pháp và Độ chúng sinh". Giới Bồ tát được nói trong kinh sách Đại thừa rất nhiều, nhưng chỉ lấy Kinh Phạm Võng và Luận Du Già làm tiêu biểu. Giới Bồ tát chủ yếu là nặng về phần giới tánh hơn là giới tướng như giới của Thanh Văn. Kinh Phạm Võng nói: "Giới Bồ tát là cội nguồn của chư Phật, là căn cứ của Bồ tát và của các Phật tử".

Trong quyển Từ Điển Phật Học Huệ Quang, tập 1, trang 589 có nói: "Tính chất của giới Bồ tát giống như Bát quan trai giới, Bát quan trai giới cũng là một loại giới Biệt giải thoát ngoài giới của 7 chúng. Nhưng trong giới Bồ tát có một vài giới giống Bát quan trai giới gọi là Đôn lập giới

và có một vài giới không đồng với Bát quan trai giới mà giống với Tiệm thứ giới của Thất chúng giới. Vì vậy, chủng loại của giới Bồ tát có thể chia làm hai:

1. Đốn lập: Có thể thọ giới Bồ tát liền, mà không cần phải thọ Tam quy và Ngũ giới.

2. Tiệm thứ: Trước phải thọ Tam quy, Ngũ giới, rồi sau mới thọ giới Bồ tát".

Như vậy, Đốn lập là thọ liền không cần phải theo thứ lớp. Tuy nhiên, phần nhiều là theo thứ lớp trước thọ Tam quy và Ngũ giới rồi sau đó mới lãnh thọ giới Bồ tát.

Người xuất gia hay tại gia, sau khi thọ giới Bồ tát, thì mỗi nửa tháng đều phải bố tát tụng giới. Mục đích của bố tát tụng giới là nhằm để thức nhắc cho những ai đã lãnh thọ giới pháp Bồ tát. Nếu xét thấy trong nửa tháng qua, mình có phạm lỗi lầm thì phải ra chúng tác bạch sám hối. Cho nên việc bố tát tụng giới rất là cần thiết cho cả hai giới xuất gia và tại gia. Về nghi thức tụng Bồ tát giới, ta thấy một phần ở trong Kinh Phạm Võng. Kinh Phạm Võng có nhiều quyển, nhiều phẩm. Trong số những phẩm đó, có một phẩm tên là "**Bồ Tát Tâm Địa Pháp Môn**". Trong phẩm này có chia ra làm hai phần: Thượng và Hạ.

Phẩm Tâm Địa Bồ Tát ở phần Thượng, chuyên thuyết minh về địa vị của Bồ tát. Còn phần Hạ thì nói về 10 giới trọng và 48 giới khinh của Bồ tát. Do đó, bất luận ai muốn phát tâm Đại thừa tu theo công hạnh của Bồ tát để tiến

loại giới. Như trường hợp đánh đập chúng sanh thuộc về chủng loại của giới sát sanh. Làm tổn hại đến tài sản của người là chủng loại của giới trộm cướp v.v... Đây là nói về căn bản và chủng loại.

Còn tánh tội và giá tội thì như thế nào? Tánh và giá tội là đứng trên lập trường quả báo mà nói. Như tạo tội sát sanh, trộm cướp ... dù có thọ giới hay không, khi đã giết người và vật, thì đều là một thứ tội ác. Nhất định sẽ bị quả báo. Tội phát khởi từ tâm tánh, nên gọi là tánh tội. Nếu như người đã thọ giới Bồ tát rồi mà không phát tâm cứu độ chúng sanh, thì gọi là giá tội.

Nếu Bồ tát nào phạm tội trọng, theo như Kinh Phạm Võng đây gọi là tội Ba la di (chặt đầu không thể cứu) Kinh Anh Lạc gọi là Thập bất khả hối (không thể sám hối). Ngược lại, nếu phạm giới khinh, Kinh Phạm Võng gọi là tội nghiệp cầu, so với giới trọng nhẹ hơn, Kinh Địa Trì gọi là Đột kiết la... Tội này có thể sám hối đúng pháp thì hết tội.

Câu kết thúc của bài kệ là: "Tất cả đều được nhờ ân". Mọi người nghe giới Bồ tát Phật dạy đây mà phát tâm thọ trì đọc tụng biên chép v.v... thì tất cả sẽ được ân triêm lợi lạc.

Nam mô Phạm Võng Giáo Chủ Lô Xá Na Phật Biến Pháp Giới Tam Bảo (3 lần)

Soạn xong ngày 16. 8. 2021

Mùa Vu Lan - Đại dịch Covid -19

Pháp Lạc Thất

Tỳ kheo Thích Phước Thái

Thanh văn. Ba loại trí là: 1. Nhất thể trí: Là trí của hàng Thanh văn, Duyên giác biết được tổng tướng của mọi pháp, tổng tướng đó tức là không tướng. 2. Đạo chủng trí: Tức là trí Bồ tát biết tất cả mọi loại đạo pháp khác nhau. 3. Nhất thể chủng trí: Trí Phật viên minh sáng suốt, thông đạt tổng tướng, biệt tướng và hết thảy mọi loại pháp hóa đạo, đoạn trừ nghi hoặc (Tứ Diển Phật Học Hán Việt). Với tinh thần Bồ tát lợi mình, lợi người, cho nên Phật nói: Nguyện ai nghe pháp này, đều được thành Phật đạo.

X. PHẦN HỒI HƯỚNG

Trên Liên Hoa Đài Tạng

Lược giảng Tâm Địa pháp môn này

Truyền lại chư Thế Tôn

Khinh, trọng phân rành

Tất cả được nhờ ân.

Trong bài kệ Hồi Hướng này, ta nên chú ý là Phật nói: Truyền lại chư Thế Tôn. Như vậy giới Bồ tát chỉ có chư Phật truyền tụng cho nhau mà thôi. Chư Phật tiếp nối truyền thọ cho nhau, để làm hưng thịnh hạt giống Bồ đề không cho đoạn tuyệt. Câu: "**khinh trọng phân rành**" là nói giới trọng và giới khinh đã trình bày rõ ràng. Ở đây, thiết nghĩ, cũng cần nói thêm về giới trọng và giới khinh này. "Sự phân biệt của giới trọng và giới khinh là ở sự bất đồng của "căn bản" và "chủng loại", hoặc sự bất đồng của "tánh tội" và "giá tội". Nói căn bản của tất cả giới như: sát sanh, trộm cướp, dâm dục, vọng ngữ. Bốn giới này được liệt vào đứng đầu căn bản của tất cả giới. Từ trên mỗi giới căn bản rồi sinh ra các giới nhỏ cùng loại, gọi là chủng

dân lên Phật quả, thì việc trước tiên là cần phải giữ giới Bồ tát và thật hành hạnh Bồ tát.

Xét thấy, phần Hạ của phẩm Bồ tát "Tâm Địa" này rất cần thiết cho việc tụng giới, nên chư Tổ mới tách riêng ra làm thành nghi thức tụng giới Bồ tát. Cho nên đối với người xuất gia đã thọ giới Bồ tát thì theo luật Phật dạy là mỗi nửa tháng phải bổ tát tụng giới này. Danh từ bổ tát là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là trường tịnh. Chữ trường nói đủ là trường dưỡng có nghĩa là nuôi lớn căn lành. Chữ tịnh có nghĩa là rửa sạch, tức rửa sạch những nghiệp chướng. Nói gọn là nuôi lớn căn lành và tẩy trừ nghiệp chướng.

Nói nuôi lớn căn lành là nhờ vào việc hành trì giới luật. Còn nói rửa sạch nghiệp chướng tức là nhờ vào sám hối cải thiện. Ăn năn lỗi trước chừa bỏ lỗi sau. Có thể thì mỗi ngày hành giả mới có thể tăng trưởng đạo lực.

Cần nói rõ, tài liệu chính làm chỗ y cứ để biên soạn sách này là chúng tôi y cứ vào quyển "**Kinh Phạm Võng Và Tỳ Kheo Giới Kinh**" của hai dịch giả HT Thích Trí Tịnh và HT Thích Thiện Hoa. Vì quyển Kinh này đa số chư Tăng, Ni đều trì tụng trong những kỳ bổ tát tụng giới.

Đọc kỹ 10 giới trọng và 48 giới khinh trong quyển Kinh Phạm Võng này, ta thấy Phật dạy chung cho cả hai giới: xuất gia và tại gia đã thọ Bồ tát giới. Đơn cử như "Giới Bán Rượu", rõ ràng đây là Phật dạy cho Phật tử Bồ tát tại gia. Người xuất gia chân chính, giới hạnh trang nghiêm, thì không ai lại đi bán rượu cả. Người xuất gia không thể

sống một cách tà mạng như thế được. Người Phật tử tại gia việc bán rượu họ có thể làm được. Cho nên khi Phật tử tại gia đã thọ Bồ tát giới rồi thì Phật cấm không được hành nghề bán rượu. Trong Giới Kinh ta thấy giới đầu tiên là "Giới Không Kính Thầy Bạn", rõ ràng trong giới này Phật dạy cho các hàng Phật tử tại gia như các vị vua quan v.v... phải cung kính cúng dường chư Tăng, các bậc Tôn Trưởng có đức độ đạo hạnh cao thâm. Như thế, thì Phật tử xuất gia và Phật tử tại gia đã thọ giới Bồ tát đều có thể nghe và học chung được. Do đó, nên vào năm Đinh Mùi (1967), Hòa thượng Vạn Đức (Thích Trí Tịnh) đã khai giảng trong mùa an cư cho Tăng, Ni và Phật tử tham học. Trong lúc Hòa thượng giảng giải có người ghi lại lời Hòa thượng giảng trong băng, mãi đến năm 1991 thì người ghi mới mang đến để Hòa thượng duyệt xét và viết "Lời Nói Đầu". Sau đó thì sách được phát hành với danh đề là "Kinh Phạm Võng Lục Giảng Nghi Thức Tụng Giới Bồ Tát". Quyển sách này là một trong số những tài liệu mà chúng tôi y cứ tham khảo.

Việc nghiên cứu trong lãnh vực chuyên sâu giới luật, không phải là chuyện dễ dàng. Phần lý thuyết đã quá chi ly khó khăn và lại thêm khô khan thật khó hiểu, nói chi đến phần thật hành gìn giữ đúng giới, đúng luật lại càng khó khăn hơn. Riêng bản thân chúng tôi, dĩ nhiên, không phải là người chuyên sâu trong lãnh vực này. Nhưng vì thật tâm muốn tự mình tra cứu học hỏi và đồng thời cũng muốn giúp cho các bạn đồng tu, đồng hành hiểu biết thêm phần nào trong những giới luật đã lãnh thọ. Nên chúng tôi

**Chư Bồ tát quá khứ
Đã từng học giới này
Hàng vị lai sẽ học
Người hiện tại đương học
Đây là đường Phật đi
Là chỗ Phật khen ngợi...**

Phật xác định cho chúng ta rõ, chư Phật Bồ tát trong quá khứ cũng đã từng học giới này, nghĩa là các Ngài cũng đi trên lộ trình này, đây là một lộ trình mà bất cứ ai muốn thành tựu Phật quả, thì cũng phải đi con đường này chớ không có con đường nào khác. Chính con đường này mà từ xưa tới nay và mãi về sau chư Phật, Bồ tát vẫn tiếp nối nhau cùng đi và tán dương khích lệ cho những ai phát tâm đồng mãnh sẵn bước trên con đường này. Con đường này không phải ai cũng có được nhân duyên để đi. Hôm nay, chúng ta có đầy đủ nhân duyên phước báo lắm, mới được lãnh thọ giới pháp Bồ tát Đại thừa, quả thật là một điều vạn duyên hy hữu cho chúng ta. Chính vì thế, nên Phật mới khen ngợi cho những ai mạnh dạn tiến bước trên con đường này.

**Ta đã giảng giới xong
Phước đức nhiều vô lượng
Hồi hướng cho chúng sanh
Đồng đến "Nhứt thế trí"
Nguyện ai nghe pháp này
Đều được thành Phật đạo.**

Sáu câu kệ cuối là lời kết thúc của nguyên bài kệ 56 câu. Nhứt thế trí là một trong ba loại trí của Phật, Bồ tát và

Hết thầy lỗi hý luận Đều từ đây dứt sạch

Hý luận là cách luận bàn như trò đùa giỡn cợt chơi mà thôi. Vì luận nói làm gì đến cái chỗ chơn thật được. Vạn pháp chỉ là trò huyền hóa. Khi nhận ra được thể tánh chơn thật và sống được với thể tánh đó rồi, thì mới thấy các pháp thế gian này chỉ là trò đùa hý luận. Đến đó là bật dứt tất cả. Mọi sự tranh chấp hơn thua không còn. Đó cũng là dứt sạch hết mọi phiền não. Đến đây mới thực sự là "Lục trần bất ố, hoàn đồng Chánh giác" (Tín Tâm Minh).

Vô thượng trí của Phật Đều do đây mà thành

Vô thượng trí là trí huệ không gì trên tức chỉ cho quả vị Phật. Tức quả vị Phật cũng do nơi đây mà thành. Chớ không có đi tìm kiếm ở phương trời nào khác.

Vì thế nên Phật tử Phải phát tâm dũng mãnh Nghiêm trì giới của Phật Tròn sạch như Minh Châu...

Thế nên là Phật tử ta phải phát khởi Bồ đề tâm cho thật mạnh mẽ, nghiêm trì giới luật Phật dạy một cách vẹn toàn thì sự trong sạch đâu có khác gì hạt minh châu như ý trong sáng tuyệt vời.

cố gắng sưu tập một số ít tài liệu để biên soạn hình thành tập sách nhỏ này, tạm gọi là "Yếu Giải" đôi điều.

Trong khi biên soạn, với khả năng kiến giải về giới luật hạn hẹp, nếu có điều chi sai sót, kính mong các bậc cao minh và chư Tôn Đức thức giả hoan hỷ chỉ giáo và bỏ qua cho những điều sai sót lỗi lầm. Người soạn xin hết lòng lắng nghe sự chỉ giáo và xin chân thành cảm tạ tri ân chư Tôn liệt vị.

Trân trọng

Khởi soạn ngày 27 tháng 6 năm 2021
Nhằm ngày 18 tháng 5 năm Tân Sửu
Pháp Lạc Thất

Tỳ kheo Thích Phước Thái

I. Vài Dòng Về Hai Nhà Phiên Dịch

1. Cưu Ma La Thập

Ngài là người phiên dịch Kinh này từ Phạn văn ra Hán văn. Cưu ma la thập tiếng Phạn là Kumàrajva, gọi tắt là La Thập. Ngài là một bậc cao Tăng ở Trung Quốc, sống vào đời Đông Tấn (344 - 413). Cha Ngài là người Ấn Độ, mẹ là công chúa xứ Dao Tần, Tân Cương ngày nay. Cha mẹ Ngài về sau đều xuất gia theo đạo Phật. Thuở nhỏ Ngài rất thông minh, mới 7 tuổi mà mỗi ngày Ngài học thuộc lòng hơn hai ngàn bài kệ.

Ngài nổi tiếng lão thông kinh sử, tiếng tăm Ngài vang khắp xứ Ấn Độ và Trung Quốc, vua Phù Kiên nghe danh đức của Ngài, liền sai tướng Lữ Quang đem quân đến thỉnh. Vì bấy giờ Ngài đang sống ở nước Quy Tư thỉnh Ngài về triều, bấy giờ là triều đại Tiền Tần. Nhưng khi về đến giữa đường, nghe vua Phù Kiên mất, nên Ngài bị giữ lại ở Lương Châu trải qua thời gian 17 năm.

Năm 401 Dao Hung đánh bại họ Lữ, nhà vua liền thỉnh Ngài về Trường An để dịch kinh. Ngài là người thông suốt ba tạng kinh nên thời nhơn gọi Ngài là Tam Tạng Pháp Sư. Ngài dịch rất nhiều Kinh, Luận từ Phạn văn ra Hán văn.

Ngài có 4 người học trò nổi danh thừa kế sự nghiệp dịch thuật của Ngài. Bốn vị đệ tử đó là: Tăng Triệu, Đạo Sanh, Đạo Dung và Đàm Ảnh.

Nghĩa là:

*Đón ngộ tuy đồng với Phật
Nhưng nhiều đời tập khí sâu
Gió tuy dừng mà sóng vẫn nổi mạnh
Lý đã hiện bày mà niệm vẫn còn sinh khởi*

Nơi học, nơi "Vô học"

Chớ mong tướng phân biệt,

Bởi vì nơi thể tánh chơn thật, không có sự phân biệt học hay vô học. Học là từng cấp bậc tiến lên của chư vị Bồ tát. Còn vô học là Phật. Thể thì đồng nhưng tướng thì sai khác. Nói cách khác phương tiện tuy khác, nhưng cứu cánh không hai. Còn học là còn gọi là Bồ tát. Đến vô học thì gọi là Phật. Như vậy Phật và Bồ tát đâu có cách xa. Muốn làm Bồ tát hay Phật cũng từ nơi tâm thể của mình mà thôi.

Đây là "Đệ nhứt đạo",

Cũng gọi pháp Đại thừa

Đệ nhứt đạo hay còn gọi là Đệ nhứt nghĩa đế hoặc là Chơn đế v.v... Dù có nhiều tên gọi khác nhau, nhưng tựu trung cũng chỉ cho cái thể tánh Đại thừa mà thôi. Nói tu theo pháp Đại thừa hay thọ giới Đại thừa, tụng kinh Đại thừa... thật ra tất cả cũng chỉ là hình thức thôi. còn thực chất của Đại thừa là làm thế nào sống được với cái thể tánh bất sanh bất diệt như trên đã nói. Đó mới thực sự là thể nhập Tánh chơn như vậy.

Trong thể nhứt tâm ấy Siêng tu tập trang nghiêm

Nói nhứt tâm là nói đến thể, cái thể tánh chơn thật của các pháp. Thể tánh là nhứt chơn. Đã là nhứt chơn thì mọi hiện tượng đều không. Hiện tượng có là vì giả có. "*Tác hữu trần sa hữu, vi không nhứt thiết không, Hữu không như thủy nguyệt, vật trước trước không không*" (Từ Đạo Hạnh). Có thì tất cả đều có, không thì tất cả đều không. Có và không giống như trăng dưới nước, chớ chấp có cùng không. Hiểu thế, thì có và không chỉ là hai phạm trù đối đãi khái niệm, cho nên cần phải triệt tiêu hai khái niệm này. Khi có và không bị triệt tiêu rồi, thì cái không bị triệt tiêu (tức thể tánh của có và không) sẽ hiển bày. Như vậy, thì đâu cần tìm cầu ở đâu xa. Cứ ở nơi tự tánh mà tu tập - thể thôi!

Công hạnh của Bồ tát Phải tuân tự học tập.

Đây nói đến cái công hạnh, tức hạ thủ công phu tu tập của Bồ tát. Ngộ "Lý" là như thế, nhưng "Sự" tức hạnh tu thì phải tuân tự tiến lên, từ thấp tiến lên cao. Đốn ngộ nhưng phải tiệm tu.

Đốn ngộ tuy đồng Phật
Đa sanh tập khí thâm
Phong đình ba thượng dững
Lý hiện niệm du xâm.

Nhân duyên hóa đạo đã mãn, Ngài viên tịch tại Trường An vào đời Đông Tấn năm 413 Tây lịch trụ thế 70 tuổi.

2. Hòa Thượng Thích Trí Tịnh

Tiểu sử của Hòa thượng khá dài, đã đăng trong quyển "Hương Sen Vạn Đức". Quý vị nào muốn biết rõ trọn cuộc đời học và hành đạo, cùng sự nghiệp dịch kinh cũng như những thành quả mà HT đã cống hiến cho đạo pháp và nhơn sinh như thế nào, thì xin quý vị nên tìm đọc trong quyển sách nêu trên. Ở đây, chúng tôi chỉ xin nêu ra về nhân duyên mà Hòa thượng đã dịch quyển kinh này. Theo lời thuật lại của Hòa thượng, tôi xin dẫn nguyên văn lời của Hòa thượng nói: "*Trước khi tôi dịch ra bốn này thì ở Việt Nam cũng có một vài vị Thượng tọa đã dịch. Nhưng các vị trong Giáo Hội Tăng Già Nam Việt thấy rằng cần phải có một bản dịch chính đốn hơn, để cho chư Tăng cũng như các vị cư sĩ thọ Bồ tát giới có bản để tụng, để bố tát. Do đó cho nên, yêu cầu tôi nên thành ra mới có bốn này. Lúc đó Ngài Hòa Thượng Huệ Quang làm Pháp Chủ Giáo Hội Tăng Già Nam Việt. Sau khi tôi dịch rồi, thì đệ trình lên Giáo Hội và Giáo Hội có triệu tập một ban để kiểm duyệt. Sau khi kiểm duyệt rồi, thì nhận định bản dịch của tôi có phần giá trị xứng đáng có thể lưu hành được để trong hàng Tăng giới cũng như tại gia thọ Bồ Tát giới để thọ trì và tụng niệm.*

Do đó cho nên mới để chứng minh do Hòa Thượng Huệ Quang Pháp Chủ Giáo Hội Tăng Già Nam Việt" (Kinh Phạm Võng Lược Giảng Nghi Thức Tụng Giới Bồ Tát

trang 50) Nêu ra như thế, để chúng ta thấy rằng đây là quyển kinh đáng để chúng ta y cứ tụng đọc và nghiên cứu học hỏi.

II. Giải Thích Danh Đề

Danh đề gồm có 5 chữ: “**Nghi Tụng Bồ Tát Giới**”. Để cho người học hiểu rõ hơn, chúng tôi xin được chiết tự ra để giải thích.

a. Nghi: Nói cho đủ là nghi thức, tức cách thức lễ nghi thật hành đúng theo qui tắc. Nghĩa là phải giữ đúng phép tắc cách thức trong khi hành lễ tụng giới.

b. Tụng: là tụng thành tiếng có âm điệu lên xuống trầm bổng. Tụng phát xuất từ miệng, trong tâm phải thành kính. Thường khi nói đến tụng kinh, có khi chúng ta đọc mặt chữ, nhưng cũng có lúc tụng thuộc lòng. Tụng thuộc lòng thì không cầm bản. Còn đọc mặt chữ thì phải có bản. Tụng đúng nghĩa là phải tụng thuộc lòng không được cầm bản. Còn cầm bản thì gọi là đọc chớ không nói là tụng. Nhưng theo thói quen lâu nay, dù không thuộc lòng chỉ đọc mặt chữ thôi, người ta cũng vẫn gọi là tụng kinh, chớ không nói là đọc kinh.

c. Bồ Tát: dịch từ chữ *Buddhisattva*. *Buddhi*: giác ngộ; *sattva*: hữu tình, chúng sinh, tức một chúng sinh có thể giác ngộ thành Phật. Chữ *Buddhisattva* phiên âm là Bồ đề tát đỏa. Trung Hoa dịch có hai nghĩa: một là hữu tình giác, hai là giác hữu tình. Hữu tình giác ý nói Bồ tát cũng là

cũng chẳng đi. Đây chủ trương "Bát Bất" của Ngài Long Thọ trong Trung Quán Luận. Mà cũng là lý Bát nhã thâm áo mà chúng ta thường trì tụng trong Bát nhã tâm kinh. Tướng thì có sanh có diệt v.v... nhưng còn tánh thì không sanh, không diệt. Dụ như sóng thì sanh diệt, còn nước thì không có sanh diệt. Bởi sóng là hiện tượng của nước. Nước là thể của sóng. Tuy nhiên, trong sóng vẫn có nước (phiên nã tức Bồ đề) ngược lại, trong nước vẫn có sóng. (Niết bàn trong sanh tử) nghĩa là nước trong không ngoài nước đục mà có. Đó là lý "Bất Nhị" pháp môn trong Kinh Duy Ma Cật. Hay lý "Tương tức, Tương nhập" trong Kinh Hoa Nghiêm. Hiểu được lý này, thì ta mới có thể hiểu câu nói tùy duyên bất biến hay bất biến tùy duyên. Về mặt hiện tượng của các pháp thì là tùy duyên. Nhưng đứng về mặt bản thể của các pháp thì tùy duyên nhưng lại bất biến. Tùy duyên nhưng thể tánh không thay đổi. Về mặt hiện tượng thì có từng cặp đối đãi. Có sanh có diệt, có đến có đi, có đồng thì có khác... Nhưng xét cho cùng vạn pháp chỉ là "nhứt chơn pháp giới". Nghĩa là chỉ có một tâm thể vắng lặng sáng suốt mà thôi. Từ tâm thể mà duyên sanh ra các pháp. Các pháp duyên sanh cũng không rời tự tánh. Hiểu được lý này thì chúng sanh và Phật không hai. Tuy không hai mà nói một cũng không đúng. "Phật chúng sanh tánh thường rỗng lặng, đạo cảm thông không thể nghĩ bàn..." Hiểu được lý này, nên nhà khoa học người Pháp, ông Lavoisier đã từng tuyên bố: "Không có gì được sinh ra, cũng không có gì mất đi". Ông ta không phải là người thực hành hay nghiên cứu về đạo Phật, nhưng ông có cái thấy giống như Phật. Đó chính do ông đã khai phát tìm ra được chân lý của vũ trụ.

Đối với hàng Tiểu thừa không chấp ngã pháp như phàm phu, nhưng lại say mê đắm chìm nơi cảnh giới Niết bàn. Phật quả đó là "trăm không trệ tịch". Nghĩa là mãi chìm đắm ở nơi cảnh giới vắng lặng (không tịch). Hạng người này Phật nói cũng không gieo giống được Phật tánh. Hay nói cách khác do sự say mê đắm chìm trong cảnh giới Niết bàn đó, mà họ không thể nào gieo giống Bồ đề Vô thượng Diệu quả này được.

Muốn nấy mầm Bồ đề

Trí huệ soi thế gian

Phải nên quan sát kỹ

Thật tướng của các pháp.

Tám câu kệ nói lên nghĩa lý rất thâm sâu. Ở đây, Phật dạy phải nhận rõ về lý tánh của giới. Lý tánh của giới là thật tướng của các pháp. Mà thật tướng tức là tướng "không". Vì vạn pháp là do nhân duyên hợp thành. Đã do nhân duyên hợp thành, thì thực thể của vạn pháp là không tánh. Như vậy người muốn nẩy mầm Bồ đề, (chúng tử Phật tánh) để có đầy đủ trí huệ soi sáng thế gian, thì cần phải quán sát kỹ thật tướng của các pháp, tức lý tánh của giới vậy.

Không sanh cũng không diệt

Không thường lại không đoạn

Chẳng đồng cũng chẳng khác

Chẳng đến cũng chẳng đi

Thể tánh của các pháp là không (sunyata - Emptiness). Cho nên mới nói là không sanh, không diệt, không thường, không đoạn, chẳng đồng, chẳng khác, chẳng đến

một trong những loài hữu tình, như loài người chẳng hạn. Bất cứ người nào có giác ngộ nhận ra được cuộc đời này là vô thường giả dối không thật, không đắm mê đắm nhiễm tạo nghiệp thọ khổ, đều gọi chung là Bồ tát. Đó là nghĩa thứ nhất gọi là Hữu tình giác. Thứ hai là Giác hữu tình. Nghĩa là sau khi tỉnh thức giác ngộ, có áp dụng tu hành lợi ích thiết thực, rồi đem ra chỉ dạy cho người khác ứng dụng tu hành và cũng được giác ngộ lợi ích như mình, thì gọi đó là Giác hữu tình.

d. Giới: nghĩa đen là hàng rào. Nó có công năng ngăn chặn những gì bên trong và bên ngoài ra vào. Nói rõ ra, là hàng rào giới luật có khả năng ngăn chặn sáu căn không cho dong ruổi theo sáu trần mà gây ra nhiều tội lỗi. Nhưng phải là thứ hàng rào kiên cố bên chắc mới được. Không phải loại hàng rào bờ riu hư mục. Cũng thế, giới luật có công năng là để ngăn chặn những hành vi xấu ác sai trái của chúng ta. Gọi là phòng phi chỉ ác vậy.

III. Nghi Chánh Thức Tụng Giới

1. Phần Khai Kinh

Tán Lư Hương

Trước khi vào phần nghi thức tụng giới, việc trước tiên là phải cử bài Tán lư hương và tiếp theo tụng bài "Khai Kinh". Đây là nghi thức thông thường trong khi tụng giới bắt buộc phải có. Bài Tán lư hương này là dựa theo bài chữ Hán:

Lư hương sạ nhiệt
Pháp giới môn huân
Chư Phật hải hội tất điều văn
Tùy xứ kết tường vân
Thành ý phương ân
Chư Phật hiện toàn thân

Dịch theo thể văn lục bát:

Lư hương vừa ngún chiên đàn
Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn cõi xa
Lòng con kính ngưỡng thiết tha
Ngưỡng mong chư Phật thương mà chứng minh.

Bài kệ Tán lư hương này, chúng ta có thể hiểu qua hai phần: "Sự" và "Lý". Chủ trương của đạo Phật bao giờ cũng phải Sự, Lý viên dung. Nói cách khác tánh và tướng không rời nhau. Nếu chúng ta chỉ hiểu một chiều trên phần sự tướng, thì đạo Phật cho đó là mê tín. Do đó, người học Phật cần phải thận trọng khi tụng đọc kinh điển Phật dạy. Sau đây chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu vài nét qua bài tán lư hương này:

Lư hương vừa ngún chiên đàn.

Lư là cái lò; hương là thơm. Nghĩa là khi đốt những loại gỗ chiên đàn trầm hương hay bạch đàn, vừa cháy ngún thì tự nó xông tỏa ra một mùi thơm thật dễ chịu. Vì đây là loại gỗ quý giá dùng để đốt khi cúng Phật.

Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn cõi xa.

Gỗ vừa cháy ngún thì có khói thơm nghi ngút bay lên. Hai chữ ngào ngạt là để diễn tả mùi thơm êm dịu thật dễ chịu

Điều lợi ích thứ năm, là phước trí trang nghiêm, giới hạnh tròn đủ, nên hiện đời được an lành và con đường tiến đến Phật quả ngày càng thẳng tiến rõ nét hơn. Khi phước trí được lưỡng toàn, thì việc thành Phật không còn gì phải nghi ngờ. Vì giới pháp đầy đủ, thì tội lỗi nào có xen vào. "Nếu phước đức viên mãn mà giới không toàn vẹn thì định không do đâu mà có, định không có, thì huệ làm sao viên mãn được? nên giới phải đầy đủ trước, rồi phước huệ mới đầy đủ sau, vì giới là nền tảng cơ bản vậy".

Đây là các Phật tử
Người trí khéo nghĩ lường
Kẻ trước tướng chấp ngã
Không thể được pháp này

Bốn câu kệ này, đức Phật khuyên những vị Phật tử đã lãnh thọ Bồ tát giới, cần phải tư duy cho thật sâu sắc chín chắn ở nơi giới pháp mà mình đã thọ nhận. Đồng thời Phật quở những kẻ chấp ngã quá nặng thì thử hỏi làm sao được pháp này. Pháp mà Phật nói đây phải là pháp giác ngộ giải thoát mọi triền phược khổ đau. Cho nên đối với những người còn chấp "ngã và pháp" nặng nề thì làm sao về lại được quê hương an lạc (Niết bàn)? Muốn về lại quê hương an lạc thì Phật khuyên mọi người hãy buông bỏ gánh nặng vô minh phiền não vọng chấp ngàn đời của chúng ta. Hạnh phúc hay khổ đau tất cả đều do tâm ta tạo ra mà thôi.

Người trầm không trệ tịch
Cũng không gieo giống được

phút lâm chung tâm trí người đó không bị điên đảo tán loạn. Ngược lại, người tu hành lỗi thời phạm trai phá giới, thì lúc lâm chung tâm thần bán loạn, lo âu sợ hãi, nghĩ nhớ lung tung, đó là nhân của đọa lạc. Còn người tu hành chơn chánh thì tâm thức của họ an định nên trên gương mặt của họ hiện rõ nét hoan hỷ an lạc. Đó là nhân của giải thoát.

Ba là sanh chỗ nào Cùng Bồ tát làm bạn

Điều lợi ích thứ ba, là bất luận người đó sanh ra ở đâu, chỗ nào, cõi nào, thì luôn được các vị Bồ tát kết làm bạn lữ. Bởi vì nhân tu hiện đời thật hành Bồ tát đạo, thì đương nhiên sẽ làm quyến thuộc của Bồ tát thôi. Đó là theo luật "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu". Được làm bạn lữ với Bồ tát, tức là những bậc Thiện tri thức, thì con đường tu tập của hành giả ngày càng thăng tiến thù thắng chớ không bao giờ lui sụt.

Bốn là những công đức Giới độ đều thành tựu

Điều lợi ích thứ tư, là những công đức do hiện đời gia công tu tập, nhờ sức huân tu cần mẫn, giới đức trang nghiêm, đạo lực tinh thâm, nên thành tựu theo sở cầu như ý nguyện. Tùy sở trú xứ thường an lạc.

Năm, đời này, đời sau Đủ giới và phước huệ

toát ra từ ở nơi gỗ quý. Muôn ngàn cõi xa. Là ý nói mùi thơm này sẽ bay khắp cả pháp giới mười phương chư Phật. Đây là do tâm tưởng thành kính cúng dường của chúng ta.

Lòng con kính ngưỡng thiết tha.

Câu này nói lên tất cả tâm thành của mình. Khi mình vận dụng tâm thành thiết tha đến đâu, thì tất cả mười phương chư Phật đều hay biết hết, cho nên câu dưới mới nói:

Ngưỡng mong chư Phật thương mà chứng minh.

Chứng là chứng nhận; minh là soi sáng. Nghĩa là mình hết lòng thiết tha mong mỗi chư Phật chứng minh và soi sáng cho tấm lòng cung kính cúng dường của mình. Cái tâm thành đó nó như một làn khói bay xa khắp cả chư Phật. Tất cả chư Phật đều soi sáng cho cõi lòng thanh khiết trong sạch của mình. Lòng mình trong sạch, thì chính ngay giây phút đó, ông Phật tự tâm của mình cũng đã chứng minh cho mình rồi.

Nam Mô Phạm Võng Giáo Chủ Lô Xá Na Phật (3 lần)

Sau khi tán hương cúng dường chư Phật xong, kể đến là chúng ta niệm Phạm Võng Giáo Chủ Lô Xá Na Phật.

Nam Mô: nguyên là tiếng Phạn Namo, Trung Hoa phiên âm là nẳng mô. Nó gồm có nhiều nghĩa: chí tâm, quy mạng, kính lễ, quy lễ, cứu ngã, độ ngã v.v... Vì nó có nhiều nghĩa như thế, nên người ta vẫn giữ nguyên âm đọc là Nam mô.

Phạm: là chỉ cho cõi trời Đại Phạm, còn **Võng** là cái lưới. Nghĩa là tràng lưới của Đại Phạm thiên vương. Tràng lưới ấy có các mắc kết ngọc khác nhau mà ảnh hiện lẫn nhau, trùng trùng điệp điệp. Nhìn tràng lưới như vậy, Phật nói mọi thế giới cũng vậy, các pháp môn cũng vậy, vô cùng vô tận.

Giáo Chủ: người làm chủ giáo hóa giảng dạy cho hết thảy chúng sanh. Tức chỉ cho đức Phật Thích Ca Mâu Ni, vì Ngài là giáo chủ cõi Ta bà này. Nhưng giáo chủ ở đây là ám chỉ cho vị giáo chủ Lô xá na Phật.

Lô Xá Na: tiếng Phạn gọi là Lô Xá Na, Trung Hoa dịch là Báo thân. Báo thân là một trong ba thân của Phật. Do trải qua nhiều đời đức Phật dùng trí huệ thật hành hạnh Bồ Tát, nên nay mới được cái báo thân tướng hảo quang minh trang nghiêm. Lô Xá Na cũng có nghĩa là chiếu soi khắp cả.

Phật: tiếng Phạn Buddha, Trung Hoa phiên âm là Phật Đà, dịch nghĩa là giác giả. Nghĩa là người giác ngộ hay người tỉnh thức. Giác có 3 nghĩa: Tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Do vì giác hạnh viên mãn nên gọi là Phật. Phật là một danh từ chung. Bất cứ ai tu hành đúng pháp và giác ngộ hoàn toàn, đều gọi chung là Phật cả.

Nguyên câu: chúng con hết lòng quy mạng hướng về đức Phật giáo chủ Lô Xá Na.

Kệ Khai Kinh

**Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu**

Trong đạo Phật Định và Huệ rất quan trọng. Người tu thiếu định huệ thì không thể đạt thành quả vị nào. Người muốn tu pháp môn định huệ phải là người có trí. Định và huệ (tuệ) không phải là hai. Tên tuy khác nhưng thể vẫn đồng. Trong Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Huệ Năng chủ trương lấy "Định Huệ" làm gốc. Người tu hành muốn thoát ly sanh tử thì phải lấy "Giới, Định, Huệ" làm chỗ y cứ để tu. Đây là ba môn học vô lậu rất quan trọng trong Phật pháp. Nên nói phải thọ trì pháp này. Người tu lúc chưa thành Phật thì sẽ hưởng được năm điều lợi:

Một là thập phương Phật Thường tưởng hộ trì luôn

Điều lợi ích thứ nhất, là được mười phương chư Phật thường hộ niệm. Tất nhiên là sẽ được nguyện lực của Phật luôn hộ trì. Hộ trì cho những người hằng gìn giữ giới pháp Bồ tát và tinh chuyên thật hành pháp môn định huệ. Người đó tất nhiên sẽ được tăng trưởng thiện căn phước đức. Những ác nghiệp chướng duyên lần lần tiêu diệt và hạt giống Phật tánh phát triển dần và ngày càng lớn mạnh hơn.

Hai là lúc lâm chung Chánh niệm lòng vui vẻ

Điều lợi ích thứ hai, là người thọ trì chánh giới thì lúc lâm chung sẽ được chánh niệm. Đây là điều rất thù thắng vi diệu và thật là hy hữu, không phải dễ có được. Bởi nhờ công đức hành trì giới luật và tu định huệ sâu, nên giờ

là tùy theo trường hợp, hoàn cảnh và thời đại của người xuất gia mỗi thời, mỗi chỗ đều khác. Riêng giới Bồ tát thì không luận về thời gian: quá khứ, hiện tại và vị lai, mười phương chư Phật dù ở cõi nào và Phật nào cũng đều giống nhau về việc thuyết giới Bồ tát.

Đoạn văn giới kinh kế tiếp nói về các tạng nên xem lại trong phần chú thích của 52 bậc Bồ tát: "tâm tạng là chỉ cho 30 tâm (Thập phát thú tâm, Thập trưởng dưỡng tâm, Thập kim cương tâm). Địa tạng là chỉ cho Thập địa. Giới tạng là chỉ cho 10 giới trọng và 48 giới khinh.

Nói vô lượng hạnh nguyện tạng là Lục độ vạn hạnh của Đại thừa. Nhơn và quả của Phật tánh thường trụ. Phật tánh tức là thật tướng (tướng không của vạn pháp) là nhơn của Đại thừa và cũng là quả của Đại thừa" (chú thích của dịch giả).

"Còn về phần giảng rộng những hành tướng của tâm địa được thời như trong phẩm Phật Hoa Vương Thất Hạnh" có nói (lời nhà kiết tập) Phẩm này nói về hành tướng của tâm địa (tướng tâm địa là giới luật của Bồ tát) nơi đây chỉ nói lược mà thôi.

IX. Kệ Khen Tặng Giới Pháp

**Người trí nhiều Định Huệ
Thọ trì được pháp này
Lúc còn chưa thành Phật
Được hưởng năm điều lợi...**

**Nay con nghe thấy chuyên trì tụng
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm màu**

Phật pháp rộng sâu rất nhiệm màu

Câu này mang hai ý nghĩa. Về phần Sự, là tán thán giáo pháp của Phật nghĩa lý rất rộng sâu. Về Lý, thì khen ngợi bản tâm (Phật pháp) sâu rộng không thể nghĩ bàn (nhiệm màu).

Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu

Câu này cũng nói lên hai ý nghĩa: "Sự" và "Lý". Về Sự, thì giáo pháp của Phật nói ra thật không phải là dễ gặp. Nay đây mình đã gặp thì phải trân quý mà giữ gìn. Về Lý, vì cái pháp vi diệu nói trên, bởi do chúng sanh sống trong mê muội bất giác, nên không dễ gì nhận ra tánh giác được. Mặc dù tánh giác vẫn sẵn có, nhưng vì bị vô minh che lấp, nên không thể thấy được. Cho nên mới nói trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu.

Nay con nghe thấy chuyên trì tụng

Về mặt sự tướng, cái giáo pháp quý báu đó rất khó gặp mà nay con đã gặp và nghe thấy, thì con nguyện hết lòng chuyên tâm trì tụng. Về phần lý tánh, một khi đã nhận được bản tâm hay tánh giác rồi, thì con nguyện hết lòng trân quý gìn giữ và hằng sống (trì tụng) với bản tâm đó.

Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm màu

Nguyện cho con có đầy đủ trí huệ sáng suốt để nhận hiểu được nghĩa lý thâm sâu vi diệu của Phật. Một khi đã nhận được bản tánh rồi, và hằng sống với bản tánh đó, thì không có gì quý báu màu nhiệm cho bằng.

Giáo pháp hiện tại mà chúng ta gặp được để tu hành, là do đức Phật Thích Ca Mâu Ni ứng thân nói ra. Do đó, trước khi tụng giới chúng ta phải thành tâm tưởng nhớ đến thâm ân giáo hóa lớn lao của Ngài bằng cách là chí thành niệm danh hiệu của Ngài.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Khi đã niệm danh hiệu Ngài rồi, kế tiếp, ta phải ghi nhớ những điều căn bản sau đây:

- Phải thành tâm tha thiết chăm chỉ học hỏi, lắng nghe và trì tụng.
- Phải hằng ghi nhớ đến những giới luật mà mình đã lãnh thọ.
- Phải quy hướng về tự tâm mình mà gắng công tu tập gạt trừ phiền não, thanh tịnh hóa thân tâm.
- Không được nhìn ngó lỗi người để rồi phê bình chỉ trích nói xấu chê bai trước mặt hoặc sau lưng. Như thế, thật trái với giới luật và lời Phật dạy. Đó không phải là hạnh từ bi của Bồ tát làm.
- Phải nương theo những lời Phật dạy mà quyết chí nỗ lực tu trì cho đến ngày thành công viên mãn Phật quả.
- Phải gắng công chuyên cần gìn giữ ở nơi ba nghiệp thân, miệng, ý cho được thanh tịnh.

Đức Phật đã nói rõ, các vị Bồ tát trong tam thiên đại thiên thế giới, tất cả hiện đang có mặt tham dự pháp hội để nghe đức Phật tụng giới Bồ tát này. Tại sao Phật không sai bảo vị Bồ tát lớn nào thay Phật để tụng mà chính Phật phải đích thân tụng giới? Bởi vì giới Bồ tát rất là quan trọng không thể để người khác thay Phật tụng giới được. Theo thiên kiến của riêng tôi, thì đây Phật muốn cho tất cả các vị Bồ tát khác phải thấy được cái tầm mức quan trọng của giới Bồ tát đến bậc nào. Thế nên không ai có thể lơ là khinh thường, mà tất cả phải chú tâm hết lòng thành kính lắng nghe. Để thấy rằng giới Bồ tát là cận kề với Phật. Và người nào nghiêm trì giới Bồ tát một cách kiên trì miên mật, thì người đó được nâng lên gần ngang hàng với Phật. Vì vậy mà đích thân Phật tụng giới Bồ tát để mọi người thấy được tầm mức quan trọng của giới Bồ tát vậy.

Đoạn kế tiếp nói rõ về đức Phật đã giảng xong phần giới pháp vô tận trong phẩm "Tâm Địa Pháp Môn" của đức Phật Lô Xá Na đã giảng nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, thì nghìn trăm ức đức Thích Ca cũng đồng giảng như vậy.

Phần văn giới tiếp theo là chỉ rõ bất luận chư Phật nào cũng đều giảng thuyết nơi giới Bồ tát như thế cả. Điều này được xem như là một thông lệ của chư Phật. Do đó, ta thấy giới Bồ tát khác với giới Thanh Văn (Sa di và Tỳ kheo) vì giới Thanh Văn là tùy theo trường hợp mà thuyết giới. Nói chư Phật chỉ thuyết giới Bồ tát mà không có nói thuyết giới Tỳ kheo, như đức Phật Ca Diếp khi ra đời Ngài không có chế giới Tỳ kheo, trong khi đó thì đức Phật Thích Ca Ngài chế ra giới luật Tỳ kheo. Cho nên mới nói

Trường thọ, sanh ở Bắc cầu lô châu, và thể trí biện thông), thường được thác sanh trong loài người hay cõi trời dần dần sẽ được thành Phật. Tóm lại, người trì giới này sẽ đem lại 3 điều lợi ích như sau:

1. Lìa khổ (không đọa vào 3 đường ác nói trên).
2. Được vui (thường sanh trong loài người hay cõi trời).
3. Được gặp Phật, gần Phật.

Kế tiếp, Phật nói rõ thời gian và nơi chốn. Thời gian Phật thuyết giảng giới Bồ tát cho thính chúng Bồ tát cùng nghe. Nơi chốn là dưới cội cây Bồ đề (Bodhi tree). Ở đây, Phật chỉ nói là lược giảng thôi, nếu giảng rộng ra thì còn những phẩm khác nữa. Như phần "Khuyến Học" trong phẩm Vô Tướng Thiên Vương (vua cõi trời vô tướng) mỗi mỗi đều giảng rõ. Ba la đề mộc xoa là chỉ cho giới luật đây, tức là giới Bồ tát vậy.

Nói chư học sĩ tức chỉ cho các vị Bồ tát. Vì Phật là bậc vô học. Trong đạo Phật có chia ra làm hai hạng: hữu học và vô học. Hữu học là những vị còn phải học. Bên Thanh Văn thì từ sơ quả Tu đà hoàn cho đến A na hàm là những vị còn phải học. Đến quả vị A la hán gọi là vô học. Vì A la hán đã dứt trừ hết Kiến, Tư hoặc phiền não. Ở đây là chỉ cho các vị Bồ tát là những vị còn phải học. Học tới chừng nào thành Phật mới thôi. Đến thành quả vị Phật mới được gọi là vô học. Hàng Bồ tát còn phải học như vậy, còn chúng ta thì sao? có vô học được chưa? Thế mà có người vẫn không chịu học. Thật là đáng xấu hổ và thật là đáng tiếc!

2. Nghi Cách Của Người Tụng Giới

Khung cảnh của một buổi tụng và thính giới phải hết sức trang nghiêm và thành kính. Thông thường, trước khi tụng, người tụng giới (do tăng sai) phải ra trước đại chúng tác bạch lạy 1 lạy rồi quỳ thưa:

“Kính bạch chư Đại Đức (đại chúng, Phật tử), Đại Đức bảo con tụng giới, nhưng con e có sự làm lầm trong khi tụng, vậy kính xin chư Đại Đức từ bi chỉ bảo cho con”.

Lời tác bạch này, với mục đích là để ngừa khi tụng bỏ sót chữ hoặc tụng sai chữ mà mang tội. Cho nên cần phải thưa bạch trước. Điều kiện của sự tụng giới là phải tụng cho rõ ràng, không nhanh cũng không chậm và phải đọc một cách thành kính trang trọng. Chớ không phải tụng như tụng kinh. Một người đọc và những người khác thì phải hết lòng chú tâm lắng nghe. Hoặc là coi dò theo từng lời, từng câu một cách cẩn thận và trang trọng. Tuyệt đối, không nên tỏ ra mệt mỏi chán nản hay ngủ gục. Như thế, thì sẽ mắc tội rất lớn. Đó là cái tội khinh thường giới luật vậy.

3. Phần Quy Kính Tam Bảo

***Chúng thọ Bồ tát giới lắng nghe!
Quy mạng Lô Xá Na,
Mười phương Kim cương Phật.***

Đây là phần chính yếu của nghi thức tụng giới. Trước khi quy kính Tam bảo, người tụng giới thức nhắc đại chúng

nên hết lòng lắng nghe. Lắng nghe (để thính là phải vận dụng cả hai: “thân và tâm”. Thân thì ngồi trong tư thế nghiêm trang ngay thẳng (chánh thân đốn tọa). Còn tâm thì không được xao lãng nghĩ nhớ lung tung, mà phải hết lòng chú tâm lắng nghe hoặc coi dò theo mặt chữ.

Phàm làm việc gì trước phải quy kính Tam bảo. Không những chỉ quy kính riêng đức Lô Xá Na Phật thôi, mà còn phải quy kính chư Phật khắp cả mười phương nữa. Kim cang Phật là những vị đã viên mãn báo thân Phật.

***Đánh lễ đức Di Lặc,
Sẽ hạ sanh thành Phật.
Nay tụng ba tụ giới,
Bồ tát đều cùng nghe.***

Quy kính chư Phật xong, kế tiếp là quy kính các vị Bồ tát mà tiêu biểu là đức Bồ tát Di Lặc. Tại sao phải quy kính đức Bồ tát Di Lặc mà không nêu ra quy kính các vị Bồ tát khác? Vì đức Di Lặc chịu sự thọ ký của đức Phật Thích Ca. Trong tương lai Ngài sẽ giáng sanh xuống cõi Ta bà này tu hành thành Phật. Vì thế, đánh lễ Ngài là đánh lễ tất cả chư đại Bồ tát. Do đó mà lấy đức Di Lặc làm tiêu biểu. Vì Ngài thừa tiếp pháp bảo của Phật Thích Ca và truyền lại cho tất cả chúng sanh tu hành. Đây là nêu ra phần Tăng bảo vậy.

***“Nay tụng ba tụ giới
Bồ tát đều cùng nghe”.***

tạng. Tất cả chư Phật giảng thuyết vô lượng pháp tạng như thế đã xong.

Hết thủy chúng sanh trong nghìn trăm ức thế giới đều thọ trì, hoan hỷ phụng hành.

Còn về phần giảng rộng những hành tướng của tâm địa thời như trong phẩm "Phật Hoa Quang Vương Thất Hạnh" có nói.

Phần lưu thông này là tiếp nối phần tổng kết trên. Vì thế nên mới nói là Phật phán tiếp. Ngoài những hội chúng Bồ tát xuất gia còn có hội chúng Bồ tát tại gia, cả hai giới đều chí tâm lắng nghe lời Phật dạy để lưu bố rộng truyền. Phật khuyến nhắc thêm một lần nữa, "những ai đã thọ trì giới Bồ tát thì phải thọ trì đọc tụng biên chép quyển giới pháp Phật tánh thường trụ để lưu thông mãi mãi..." Chủ yếu của giới Bồ tát là nhằm làm hiển lộ Phật tánh. Hai chữ "thường trụ" là nói lên một thực thể bất sanh bất diệt luôn hiện hữu có mặt cùng khắp vượt ngoài phạm trù thời và không gian. Trao truyền nhau không phải trên mặt văn tự chữ nghĩa không thôi, mà còn phải trao truyền giới pháp Phật tánh cho nhau đừng để bị đoạn diệt. Nếu hành giả nào thọ trì đúng theo giới Bồ tát, thì đó là thọ trì Phật tánh chủng tử. Đã thọ trì như thế, tất nhiên sẽ gặp chư Phật. Một khi đã được gặp chư Phật, thì lo gì mà không được chư Phật thọ ký và tiếp dẫn. Vì vậy nên nói là chư Phật trao tay. Đòi đòi sẽ không còn bị sa đọa vào ba ác đạo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) và bát nạn (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đui điếc câm ngọng, Phật tiền Phật hậu, sanh cõi

nữ thầy, những người thọ giới Bồ tát, nên phải thọ trì đọc tụng giảng thuyết biên chép quyển giới pháp Phật tánh thường trụ để lưu thông mãi mãi. Tất cả chúng sanh xoay vần truyền dạy lẫn nhau không dứt. Do đây, đặng gặp chư Phật, được chư Phật trao tay. Đòi đòi khỏi hẳn ba ác đạo và tám chỗ nạn. Thường được thác sanh trong loài người, hay cõi trời.

Nay ta ở dưới cội Bồ đề này, lược giảng giới pháp của chư Phật. Tất cả đại chúng phải nhất tâm học Ba la đề mộc xoa, hoan hỷ phụng hành.

Như phần "Khuyến Học" trong phẩm "Vô Tướng Thiên Vương" mỗi mỗi đều giảng rõ.

Lúc đó chư vị Học sĩ trong cõi tam thiên ngôi lóng nghe đức Phật tụng giới, hết lòng kính trọng, hoan hỷ thọ trì.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng xong về mười vô tận giới pháp trong phẩm Tâm Địa Pháp Môn của đức Phật Lô Xá Na đã giảng nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng lúc trước. Nghìn trăm ức đức Thích Ca cũng đồng giảng như vậy.

Từ cung Đại Tự Tại Thiên Vương đến dưới cây Bồ đề này, thuyết pháp cả mười chỗ, vì tất cả Bồ tát và vô số đại chúng thọ trì đọc tụng giải thuyết pháp nghĩa cũng như vậy.

Tất cả Phật tâm tạng, địa tạng, giới tạng, vô lượng hạnh nguyện tạng, như quả Phật tánh thường trụ

Hiện tại lập lại ba tụ giới, nói đủ là ba tụ tịnh giới. Tụ có nghĩa là một khối hay một nhóm. Vì giới Bồ tát có nhiều quy điều và chia làm ba khối lớn:

- Nhiếp luật nghi giới.
- Nhiếp thiện pháp giới.
- Nhiêu ích hữu tình giới.

Tất cả những giới luật Phật chế nhằm để ngăn ngừa những hành vi xấu ác tội lỗi đều quy kết về một khối. Khối lớn này gọi là: "*nhiếp luật nghi giới*" (giới luật và oai nghi).

Gìn giữ những giới luật không phạm là điều rất quý báu rồi, nhưng là Bồ tát thì phải thật hành những điều lành. Tất cả những thiện pháp này bắt buộc Bồ tát phải làm. Tất cả đều được quy về một khối lớn là: "*nhiếp thiện pháp giới*".

Khi thật hành những điều lành, Bồ tát chỉ với một mục đích duy nhất là nhằm vào làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh. Việc làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh không phân biệt thân sơ, chủng loại hay giai cấp v.v... tất cả đều được quy kết về một khối lớn là: "*nhiêu ích chúng sanh*".

Tất cả những điều giới sau đây đều được chia chẻ chi ly từ ba khối lớn này. Do đó, nên mới nói yêu cầu các vị đã thọ giới Bồ tát hãy cùng nhau lắng lòng mà nghe.

*"Giới như đèn sáng lớn
Soi sáng đêm tối tăm"*.

Hai câu này là nêu lên cái công năng của giới. Giới luật Phật chế ra có công năng rất lớn, giống như ngọn đèn cháy sáng soi sáng đêm tối tăm. Chúng sanh vì si mê tối tăm nên gây tạo ra nhiều tội lỗi mà không hề hay biết. Nay nhờ có giữ giới nên mới biết được mình đã gây tạo những điều bất thiện. Nhờ có soi sáng như thế, nên mình mới gắng công tu hành sửa đổi thân tâm và trau dồi giới đức ngày càng thăng tiến tốt đẹp hơn..

**“Giới như gương báu sáng
Chiếu rõ tất cả pháp”.**

Khi ra làm việc lợi ích cho mình và tha nhân, có những việc mình nghĩ là thiện là tốt, rồi thấy người khác họ làm không giống mình, thì mình nghĩ là họ làm việc xấu ác. Nhưng muốn biết có đúng với ý nghĩ của mình không, thì phải dựa vào đâu để biết? Tất nhiên là chúng ta phải lấy cái gương giới luật ra để mà chiếu soi thì mới rõ thấu được.

**“Giới như châu ma ni
Rưới của giúp kẻ nghèo”.**

Người giữ giới là người đang thật hành Bồ tát đạo. Hạnh Bồ tát là ban vui cứu khổ cho tất cả chúng sanh, nhưng tuyệt nhiên không nghĩ điều gì lợi ích cho riêng cá nhân mình. Nhờ giữ giới tinh nghiêm trong sạch giống như viên ngọc quý. Từ đó, mới đem rưới cho khắp kẻ nghèo. Trong Kinh Hiền Ngu Nhân Duyên nói: *“Long vương nơi đại hải và Thiên đế có như ý bửu châu. Châu này có thể lực*

trải qua ba thời gian: quá khứ, hiện tại và vị lai cũng đều trì tụng như thế. Trong lời thức nhắc của Phật, thiết nghĩ, ta nên chú ý hai chữ "Thọ Trì". Thọ là nhận, trì là gìn giữ. Đó là nói theo chữ nghĩa thông thường. Nghĩa sâu của hai chữ thọ trì cũng không phải đơn giản như thế. Thọ là nhận, nhưng nhận cái gì? Trì là gìn giữ, nhưng gìn giữ cái gì? Nhận, không có nghĩa là nhận suông trên mặt chữ nghĩa. Trì cũng không có nghĩa là gìn giữ trên mặt chữ nghĩa. Chữ nghĩa có gì mà phải thọ, phải trì? Như vậy, thọ trì đây ý nói là mỗi người chúng ta hãy ngẫm nhận lại tự tánh của chính mình. Mà muốn nhận lại cái tự tánh của chính mình, thì phải nhờ đến giới luật. Sống được với giới luật đó là ta đã trì tự tánh. Đây gọi là trì Như Lai Tạng. Tức là phải cẩn trọng gìn giữ cái tâm thể vắng lặng sáng suốt của chính mình. Một niệm bất giác khởi lên là phải nhận cho rõ, vì khi có niệm khởi là trái với tánh giác rồi. Đã trái với tánh giác tức đồng nghĩa rơi vào trần lao. Vì vậy cần phải gìn giữ đừng cho niệm khởi. Niệm không khởi thì tâm thể vắng lặng. Tâm thể vắng lặng thì tánh giác hiện bày. Thọ trì ý nghĩa thâm trầm sâu sắc như vậy, chớ không phải ý nghĩa thông thường đâu.

Và cuối cùng là Phật khuyến khích tất cả Phật tử đã thọ Bồ tát giới rồi, thì phải cố gắng tụng 10 điều giới trọng và 48 điều giới khinh, mà chư Phật trong ba đời thấy đều trì tụng.

c. Lưu Thông

Đức Phật phán tiếp: Tất cả đại chúng, Quốc vương, Vương tử, các quan, Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, tín nam, tín

Hiếu thuận là thuận theo tâm từ bi, tâm hỷ xả, tâm làm lợi ích cho chúng sanh. Mà muốn làm lợi ích cho chúng sanh thì phải hành trì giới luật một cách nghiêm túc. Bằng trái lại, thì Phật nói là: "không lòng hiếu thuận".

"Tự mình hủy phá giới pháp của Phật, hay làm nhon duyên bảo người khác hủy phá". Đây là mắc hai tội rất lớn. Tội tự mình phá giới. Và tội xúi giục bảo người khác phá giới. Nếu cố phá giới pháp, Phật tử này phạm khinh cấu tội.

Chín giới như vậy, cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì.

b. Tổng Kết

Đức Phật dạy! Các Phật tử! Đó là bốn mươi tám điều giới khinh, các người phải thọ trì. Chư Bồ tát thọ đời quá khứ đã tụng, chư Bồ tát thọ đời vị lai sẽ tụng, chư Bồ tát hiện tại đương tụng.

Các Phật tử lắng nghe! Mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh đây, chư Phật trong ba thuở đã tụng, sẽ tụng, và hiện tại đương tụng. Nay ta cũng tụng như vậy.

Đây là những lời kết thúc, sau khi Phật đã nói qua 48 điều giới khinh. Lời kết thúc này được xem như là những lời thức nhắc tha thiết của Phật. Phật nói rằng, qua những điều giới mà Phật đã trình bày rõ ở mỗi điều giới trong đây, không riêng gì Phật đã trì tụng mà tất cả chư Bồ tát

mưa xuống những thực phẩm y phục vàng bạc châu báu v.v... cho mọi người được hưởng".

"Thoát khổ mau thành Phật

Chỉ giới này hơn cả

Vì thế nên Bồ tát

Phải tinh tấn giữ gìn".

Muốn thoát khỏi sanh tử luân hồi và tiến đến thành Phật quả, ngoài giới luật ra, thì không còn có con đường nào khác. Từ xưa tới nay, những ai tiến tu trên đường giác ngộ giải thoát, tất cả đều nhờ giới luật mà được thành tựu. Thế nên nói, chỉ có giới Bồ tát là hơn hết. Sở dĩ nêu lên tánh cách quan trọng của giới như thế, vì giới luật là đứng đầu trong ba môn "Tam Vô Lậu Học": "**Giới, Định, Huệ**". Tu hành mà không giữ giới thì không thể nào thành tựu được đạo quả. Vì thế, là người đã lãnh thọ giới Bồ tát, tất cả đều phải nỗ lực tinh tấn giữ gìn.

4. Sách Tấn Tu Tập

Chư Đại Đức! (chư Đại chúng! chư Phật tử)

Cần nói rõ về phần xưng hô này. Trong phần chú thích của Kinh này có nêu rõ: "*Tụng giới trước chư Tăng, hỏi thời gọi "chư Đại Đức". Nếu trước hàng Sa di Bồ tát hay trước hàng tại gia Bồ tát thời đổi lại "chư Đại chúng" hay là "chư Phật tử". Dưới đây, trong đoạn tiền phương tiện và đoạn bài tựa cũng vậy*".

Phần mùa Xuân (mùa Hạ mùa Đông). Về phần này cũng theo chú thích của dịch giả thì: "Theo chánh pháp một

năm 12 tháng chia làm 3 mùa: Xuân, Hạ và Đông. Từ 16 tháng chạp đến 15 tháng 4 là mùa Xuân. Từ 16 tháng 4 đến 15 tháng 8 là mùa Hạ. Từ 16 tháng 8 đến 15 tháng chạp là mùa Đông. Nếu ngày tụng giới nhằm mùa Hạ hay mùa Đông thời tụng là "Hạ phần" hay "Đông phần".

* Như ngày 30 tháng chạp tụng giới thời xướng: phần mùa Xuân 4 tháng làm một mùa, nửa tháng đã qua, thiếu một đêm, thừa một đêm, còn 3 tháng rưỡi.

* Rằm tháng giêng thời xướng: phần mùa Xuân 4 tháng làm một mùa, một tháng đã qua, thiếu một đêm, thừa một đêm, còn 3 tháng. Cho đến rằm tháng 4 thời xướng: Phần mùa Xuân 4 tháng làm một mùa, 4 tháng đã qua thiếu một đêm còn thừa một đêm v.v..." **Bốn tháng làm một mùa. Nửa tháng đã qua** (một tháng, tháng rưỡi, hai tháng, hai tháng rưỡi, ba tháng, ba tháng rưỡi, bốn tháng (hoặc tụng "một tháng, một tháng rưỡi, hai tháng, hai tháng rưỡi, ba tháng, ba tháng rưỡi, bốn tháng) **thiếu một đêm thừa một đêm** (lời xướng đây là tụng giới trong ngày ba mươi tháng chạp: từ 16 đến 30 là đã qua nửa tháng, mùa Xuân, nên nói (nửa tháng đã qua). Nhưng đến sáng mừng một mới mãn ngày 30, nên nói (còn thiếu một đêm). Và nói (thừa một đêm) là vì ba tháng rưỡi còn lại của mùa Xuân, còn dư đêm ba mươi vậy. **Còn ba tháng rưỡi** (ba tháng, hai tháng rưỡi, hai tháng, một tháng rưỡi, một tháng, nửa tháng (hoặc tụng còn 3 tháng, còn 2 tháng rưỡi, còn 2 tháng, còn 1 tháng rưỡi, còn 1 tháng, còn nửa tháng. Hoặc chỉ tụng "còn thừa một đêm" nếu đã qua 4 tháng)

Phật nói tiếp: "*Người đã thọ giới của Phật, nên hộ trì giới luật của Phật như ấp yêu con một, như kính thờ cha mẹ không được hủy phá*".

Chính vì điểm quan trọng này mà trong Kinh Di Giáo đức Phật có dạy: "**Tỳ kheo các ông! sau khi ta nhập diệt, phải tôn trọng quý kính Ba la đề mộc xoa (giới luật), như đêm tối gặp ánh sáng, như người nghèo gặp của báu. Phải biết pháp này là Thầy của các ông, dù ta có trụ ở đời cũng không khác pháp này vậy**".

Nói giới luật còn không có nghĩa là còn trong quyền kinh, quyền luật bằng văn tự, mà còn ở đây là còn trong lòng người trân kính thọ và hành trì giới luật. Do đó, nếu Phật tử nào không nghiêm trì giới luật mà còn phá giới, thì vị đó coi như là hủy phá chánh pháp của Phật.

Đã là Phật tử, mỗi khi nghe kẻ ác tâm cố ý nói xấu bài xích kích bác Phật pháp, thì không khỏi cảm thấy rất đau lòng! Trong đây diễn tả sự đau đớn đó còn hơn cả trăm nghìn mũi giáo nhọn đâm vào tim mình. Thậm chí cho đến cả nghìn lưỡi dao, vạn cây gậy đánh đập thân mình. Thử hỏi như thế còn nỗi đau đớn nào hơn! Thà chịu đau khổ trong muôn ngàn kiếp ở trong địa ngục, chớ không muốn nghe lời hủy báng chê bai của những kẻ ác tâm cố ý phá hủy giới pháp của Phật. Nói lên điều này để thấy rằng, giới pháp của Phật tối ư quan trọng mà những ai đã lãnh thọ thì phải cố gắng giữ gìn. Khác nào như người giữ gìn kho tàng quý giá chứa toàn của báu vậy.

những vị có quyền chức cao nhằm mang lại sự nguy khốn đầy ải cho đồng đạo xuất gia cùng lý tưởng với mình. Đó mới là cái nhục và thật là xấu hổ tội lỗi. Việc này, nào phải chỉ có thời xưa mới có, mà ngay cả thời nay cũng đã và đang xảy ra. Thế thì làm sao tin được đây? Cùng là xuất gia huynh đệ một nhà, có cùng một lý tưởng với nhau, mà đôi khi vì danh lợi mà nhẫn tâm liên kết với nhà cầm quyền để hãm hại bán rẻ bạn mình. Thật là tủi hổ đau đớn biết bao! Hạng người này quả thật là nội trùng nổi giặc cho giặc. Song giới này có nêu rõ, nếu như người xuất gia lỡ có phạm tội với luật pháp thế gian, thì như trường hợp những quốc gia tôn trọng Phật pháp, thì họ không bao giờ giam nhốt hay gông cùm các Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni. Tuy họ không bắt nhốt giam cầm tù tội, nhưng họ sẽ đưa các vị phạm pháp này giao cho nhà chùa để xử lý. Khi đó, Tăng đoàn sẽ y cứ vào luật Phật mà tùy tội nặng nhẹ xử phạt. Nếu là phạm tội nặng theo luật pháp thế gian, thì vị phạm pháp này có thể bị tẩn xuất ra khỏi Tăng đoàn và vị này không còn mang hình thức của một tăng sĩ nữa. Sau khi hoàn tục trở thành cư sĩ rồi, thì vị này chừng đó sẽ bị luật pháp trừng trị như bắt nhốt giam cầm tù tội v.v... Đó là vì nhà cầm quyền của quốc gia đó họ kính trọng Phật pháp nên phải xử theo cách đó. Tuy luật pháp trừng trị như vậy, nhưng hành vi vị này được coi như là hủy phá Phật pháp vậy.

Chỉ có trong hàng ngũ đệ tử Phật mới có thể phá hoại làm tổn hại Phật pháp thôi. Ngoài ra, không có Thiên ma ngoại đạo nào có thể phá hoại được chánh pháp của Phật. Cho nên Phật mới nói: **"Như trùng trong thân Sư tử tự ăn thịt Sư tử, chớ chẳng phải trùng ở ngoài đến ăn"**.

"Già chết gần kề, Phật pháp sắp diệt, chư Đại Đức (Đại chúng! Phật tử) vì muốn đắc đạo nên nhứt tâm cần cầu tinh tấn. Chư Phật do nhứt tâm cần cầu tinh tấn nên dựng chứng quả vô thượng chánh giác, huống là các pháp lành khác."

Nhân lúc còn mạnh khỏe, các ngài phải gắng sức siêng tu pháp lành. Đâu nên chảnh gáp cầu đạo lại chần chờ đợi già yếu. Còn mong mỗi thú vui gì?...

**Ngày nay đã qua,
Mạng sống giảm dần,
Như cá cạn nước.
Nào có vui chi!**

Nói: **"Chư Đại Đức"** đây là lời gọi của người tụng giới. Khi tụng giới bố tát, nếu như có cả hai giới xuất gia và tại gia cùng tham dự thính giới, thì nên gọi là "chư Đại chúng". Còn chỉ có Phật tử tại gia không thôi, thì gọi là "chư Phật tử". Còn nếu chỉ thuần các vị xuất gia Tỳ kheo, thì gọi là "chư Đại Đức". Đó là cách xưng hô cho đúng trong lúc chúng nhóm họp nghe giới. Kế tiếp là nói về thời gian trôi qua nhanh chóng. Nêu rõ như thế, mục đích là để chúng ta hằng lưu tâm ghi nhớ mà chóng lo thức tỉnh tu hành. Bởi con người không ai thoát khỏi búa thời gian đẽo gọt mòn dần. Thoáng đó, thì đã già nua cằn cỗi. Xuân xanh mới đó bạc đầu rồi đây! Tuổi già thêm bệnh hoạn ốm đau liên miên, thì rất cận kề với cái chết. Sống giờ phút này không ai biết được giờ phút sau mình sẽ ra sao?! Không biết mình có còn hay mất. Đời người giống như trở

bàn tay. Lật qua thì còn, lật lại thì mất. Già bệnh chết không hẹn cùng ai. Nhờ sự thức nhắc của Phật, Tổ mà mình mới nỗ lực gắng công lo tu hành.

Nói **“Phật pháp sắp diệt”** là nhằm cảnh báo thức nhắc chúng ta. Hôm nay mình còn có được chút ít phước duyên nghe được giáo pháp của Phật, mà không chịu gắng công lo tu hành, đến khi giáo pháp của Phật không còn có mặt trên thế gian này nữa, thì chừng đó mình làm sao biết được đường lối tu hành? Giáo pháp của Phật càng lúc càng lùi dần chìm sâu vào thời mạt pháp. Không phải ai cũng dễ biết, dễ nghe được hết. Thế nên, muốn tiến tu để chóng thành tựu đạo quả thì, mỗi người cần phải nhất tâm cần cầu tinh tấn. Tinh tấn là một mặt tiến tới thuần tinh không tạp. Có nỗ lực tiến tu thì, con đường chứng quả Bồ đề mới mong sớm được thành tựu. Đó là mục tiêu tối hậu mà tất cả hành giả tu Phật đều nhắm tới. Mà muốn được như thế, tất nhiên chúng ta cần phải tu tạo các pháp lành. Nếu như trong lúc còn mạnh khỏe mà chúng ta không chịu gắng sức tu trì, gây tạo nhiều phước trí, đến khi già yếu sức khỏe khô héo kiệt dần, đâu còn đủ sức để mà chuyên lo hành trì bái sám tu tạo nhiều phước trí nữa!

Đến đây, nhắc lại lời Phật dạy trong Kinh Xuất Diệu, Phật bảo: *“Mạng sống con người sẽ bị giảm dần theo thời gian năm tháng, khác nào như cá cạn nước sẽ bị chết khô. Đã thế, thì thử hỏi còn ham mê đắm say với những thú vui gì nữa?!!”* Nghĩ đến cái chết trước mắt, chúng ta không nên chần chừ hẹn lần hẹn lữa. Chúng ta nên nhớ:

vương và các quan, làm những sự công trời các Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, người thọ giới Bồ tát như cách của ngục tù và binh nô. Như trùng trong thân Sư tử tự ăn thịt Sư tử, chớ chẳng phải trùng ở ngoài đến ăn. Cũng thế, các Phật tử tự hủy phá Phật pháp, không phải ngoại đạo hay Thiên ma phá được.

Người đã thọ giới của Phật, nên hộ trì giới luật của Phật như ấp yêu con một, như kính thờ cha mẹ, không được hủy phá.

Người Phật tử khi nghe ngoại đạo, người ác dùng lời xấu hủy báng giới pháp của Phật, thời đau đớn không khác nào cả ba trăm cây giáo nhọn đâm vào tim mình, hay cả nghìn lưỡi dao, cả vạn cây gậy đánh bổ vào thân mình. Thà tự cam vào ở địa ngục đến trăm kiếp, chớ không muốn nghe lời hủy báng giới pháp của Phật do bọn người ác. Huống là không lòng hiếu thuận, tự mình hủy phá giới pháp của Phật, hay làm nhơn duyên bảo người khác hủy phá. Nếu cố phá giới pháp, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Giới văn 47 nói trên, nhằm nêu lên thành phần bất hảo, tức những vị Phật tử tại gia có ác ý phản bội chánh pháp, tiếp tay với nhà cầm quyền để làm hư hại Phật pháp. Còn giới 48 này phần nhiều đề cập đến sự phản bội của Phật tử xuất gia. Tâm ban đầu xuất gia là tâm tốt, tức hảo tâm xuất gia. Nhưng về sau lại bị tài sắc danh lợi lôi cuốn họ đi vào con đường thế quyền gây ra nhiều tội lỗi. Tội lỗi tội tệ nhất là chính mình giải thích giáo pháp, giới pháp cho

đó, việc tiếp lửa nôi đèn (truyền đăng tục diệm) sẽ không còn tồn tại.

Hạn chế không cho tạo tượng Phật, Bồ tát cùng Tháp và kinh luật, như vậy, thì thế gian trụ trì Tam bảo lần lần sẽ bị hủy diệt. Chùa Tháp không có, tượng Phật không còn, kinh sách không lưu thông, như vậy lấy đâu mà truyền bá chánh pháp? Nếu chánh pháp không tồn tại thì thế gian này sẽ ra sao? Có ai còn biết đến Phật pháp để tu hành nữa không? Như thế thì chẳng khác nào đã hủy diệt Phật pháp rồi. Kinh luật là pháp bảo, mà pháp bảo không còn lấy gì truyền bá độ chúng sanh. Nơi thờ Phật không có, tức là không cho phát triển các cơ sở tự viện, vậy thì tượng Phật và Bồ tát tồn thờ ở chỗ nào? Đó là tiêu diệt Phật bảo. Đến như hạn chế người xuất gia thì lấy ai để truyền thừa giảng nói chánh pháp, đó là tiêu diệt Tăng bảo. Chẳng những thế, lại còn đặt ra những chức quan đồng lý (trông coi sổ sách quản lý hành chánh) hạn chế tứ chúng và lập bộ sổ ghi sổ Tăng. Rõ ràng việc làm này nhằm mục đích là phá hoại Tam bảo. Hiện tại, Tam bảo còn có mặt ở thế gian, ấy thế mà, thế gian vẫn luôn bất an đại loạn. Ta thử tưởng tượng một ngày nào đó Tam bảo không còn có mặt ở cõi đời này nữa, thì thử hỏi cõi đời này sẽ ra sao? Có còn ai biết tu hành làm lành lánh dữ nữa không? Vì thế, nên Phật nói, nếu là Phật tử mà có những hành vi phá hoại phản bội Phật pháp, a tòng cùng nhà cầm quyền tiếp tay làm những chuyện phi pháp, thì Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

48. Giới Phá Diệt Phật Pháp

Nếu Phật tử, do lòng tốt mà xuất gia, lại vì danh tiếng cùng tài lợi, giảng thuyết giới của Phật cho Quốc

*Khuyên tu niệm thì hẹn mai hẹn một
Quý sứ đòi thì khóc một khóc hai
Tu thì lười biếng lại rai
Vãng sanh thì muốn liên đài phẩm cao
Lòng người chẳng biết nói sao
Khỏe thì ham muốn khi đau lại buồn
Nói thì chỉ biết nói suông
Thật hành thì ít, ngông cuồng thì hay
Tương rau dưa muối qua ngày
Tụng kinh niệm Phật lại rai được rồi
Đến khi ngã bệnh ôi thôi!
Làm sao cho kịp bồi hồi ra đi!
Mịt mù nơi cõi âm ty
Kíp mau sửa lại xét suy tu hành.
Cái gì làm được hôm nay
Chớ nên để đến ngày mai mới làm.
Hay:
Mạc dãi lão lai phương niệm Phật
Cô phần đa thị thiếu niên nhon
Nghĩa là:
Đừng đợi đến già mới lo niệm Phật
Thiếu chi mồ trẻ đã qua đời.*

Vậy mọi người hãy nghe lời Phật Tổ chỉ dạy thức nhắc mà nên chí quyết thiết tha trong sự tu hành. Có thế, thì chúng ta mới mong được an vui giải thoát vậy.

5. Kiểm Chứng Và Yết Ma

Hỏi: Chúng nhóm chưa?

Đáp: Chúng đã nhóm.

Hỏi: Hòa hiệp chăng?

Đáp: Hòa hiệp.

Hỏi: Chúng nhóm họp để làm gì?

Đáp: Thuyết giới Bồ Tát.

Hỏi: Người chưa thọ giới Bồ Tát và người không thanh tịnh ra chưa?

Đáp: Trong đây không có người chưa thọ giới Bồ Tát và người không thanh tịnh. (nếu có thì bảo ra rồi đáp rằng: - Người chưa thọ giới Bồ Tát và không thanh tịnh đã ra).

Hỏi: Có bao nhiêu vị Bồ Tát khiêm diện, thuyết dục và thanh tịnh? (nếu có thuyết dục nên ra thưa: Chư đại chúng lắng nghe cho: Tôi là Bồ Tát... những việc làm đúng pháp của Tăng. Bồ Tát... giới dục và thanh tịnh .

Đáp: Trong đây không có Bồ Tát khiêm diện, thuyết dục và thanh tịnh.

- Hỏi: Chúng nhóm chưa?

Đây là kiểm điểm lại số chúng đồng giới đã thọ. Mục đích là để tiến hành làm phép yết ma bố tát. Yết ma có nghĩa là đại chúng đồng thuận chấp nhận cho tiến hành pháp sự. Sau khi quan sát kiểm điểm số chúng kỹ càng đầy đủ, thì thầy Tri sự mới đáp rằng:

- Đáp: Chúng đã nhóm.

- Hỏi: Hòa hợp không?

Tại sao phải hỏi câu này? Vì đây là câu hỏi rất quan trọng trong việc pháp sự bố tát. Nếu trong chúng có hòa hợp thì

lực cao quý, phá diệt giới luật Phật pháp, lập ra điều luật chế, hạn chế bốn bộ đệ tử của Phật, không cho xuất gia hành đạo, cũng không cho tạo lập hình tượng Phật và Bồ tát, cùng Thập và kinh luật. Lại đặt ra chức quan đồng lý hạn chế tứ chúng, và lập bộ sổ ghi số Tăng. Tỳ kheo Bồ tát đứng dưới đất còn bạch y ngồi tòa cao, làm nhiều việc phi pháp như binh nô thờ chủ. Hàng Bồ tát này chính nên được mọi người cúng dường, mà trở lại bắt làm tay sai của các quan chức, thế là phi pháp phi luật.

Nếu Quốc vương và các quan có lòng tốt thọ giới của Phật, chớ làm những tội phá Tam bảo ấy. Nếu có làm, thì phạm "khinh cấu tội".

Giới này nêu rõ, dù ở địa vị quyền cao chức lớn hay thứ dân bình thường, miễn ai có lòng tin Phật thì mới thọ giới của Phật. Đó là lẽ tất nhiên. Nếu không có lòng tin thì họ thọ giới Phật chế làm gì? Ngay đến những vị nguyên thủ quốc gia, hoàng tử, các quan kể cả bốn bộ đệ tử (Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di) ý vào quyền thế của mình mà phá diệt giới luật Phật pháp, tự lập ra điều luật chế quy định giới hạn đây là hành vi phá hoại Tam bảo. Chỉ vì dựa vào quyền lực mà hạn chế một cách phi pháp đối với Tam bảo. Trong đây nêu rõ: hạn chế bốn bộ đệ tử của Phật và không cho người xuất gia hành đạo. Nếu hạn chế như thế thì có khác gì là hủy diệt Phật pháp. Vì những vị xuất gia trọng tuổi lần lượt viên tịch, thì có ai để mà tiếp nối truyền thừa. Tre tàn mà măng không mọc. Như thế thì sự truyền thừa sẽ không còn tiếp tục được nữa. Do

coi thường và phát ngôn một cách vô ý thức. Thật đây là một điều tệ hại, nếu có, thì xin hãy chấn chỉnh lại.

Thuyết pháp như thế nào mới đúng với lễ nghi thuyết pháp? Thuyết pháp phải tùy chỗ, tùy thời, và tùy người. Tùy chỗ là không phải nơi thuyết pháp thì không nên thuyết. Thuyết như thế là không đúng chỗ. Dù như có người đang đi chung với mình ở ngoài đường, mà họ che dù, thì dù cho họ có muốn nghe pháp đi nữa thì mình cũng không nên nói. Vì người nghe không có lòng tôn trọng kính pháp. Hoặc ở trong chỗ bất tịnh hay những nơi không được trang nghiêm thì cũng không nên nói. Còn tùy thời là sao? Là phải đúng theo giờ khắc đã được quy định. Còn không, thì gọi là thuyết pháp phi thời. Tùy người là tùy theo người nghe. Người nghe có thật lòng tha thiết muốn nghe pháp hay không? Hay nghe vì một hoàn cảnh bắt buộc nào đó. Hoặc nghe để vui lòng cho có lệ. Nghe với một cái tâm hời hợt coi thường không chú ý đến những lời pháp thoại. Người nghe như vậy là thiếu cái tâm tha thiết cung kính cầu pháp. Trường hợp này tốt hơn hết là không nên nói. Nếu vì đại chúng thính pháp đông người và có tổ chức thỉnh cầu, nơi trang nghiêm thanh tịnh, như ở giảng đường chẳng hạn ... và đúng thời, thì nên nói. Và người nói pháp phải có tinh thần tự trọng. Phải thật lòng truyền đạt đến người nghe bằng cái tâm tha thiết muốn cho họ ai nấy cũng đều phát tâm Bồ đề.

47. Giới Chế Hạng Phi Pháp

Nếu Phật tử, đều đã có lòng tin thọ giới của Phật, hoặc Quốc vương, Hoàng tử, các quan, bốn bộ đệ tử tự ý thế

mới có thể bỏ tất tưng giới. Phải hòa hợp nói ở đây, tất nhiên là phải hòa hợp ở nơi ba nghiệp: "thân, khẩu, ý". Ý thì vui vẻ, miệng thì không nên gây gổ cãi cọ. Nếu chúng không hòa hợp thì sự bỏ tất không thành. Còn nếu như có Bồ tát nào không đến được thì phải gởi dục. Mục đích là để cho mọi người hiện diện biết là vị đó vắng mặt.

- **Hỏi: Chúng nhóm họp để làm gì?**

Đây là hỏi đến nguyên nhân. Phạm bất cứ việc gì xảy ra, cũng đều phải có cái nguyên nhân của nó. Trường hợp ở đây cũng thế. Cho nên mới hỏi chúng nhóm để làm gì? Người đáp phải dựa vào việc đang xảy ra mà đáp cho đúng.

- **Đáp: Thuyết (tụng) giới bỏ tất.**

Nói rõ sự việc đang xảy ra. Một pháp sự mà mọi người cần phải chú tâm vào khi tụng giới. Nhưng giới Bồ tát chỉ có những ai đã lãnh thọ giới Bồ tát mới được tham dự trong pháp hội thính giới này. Còn những vị không có thọ giới Bồ tát thì không được tham dự. Cho nên câu kế tiếp mới hỏi đến.

- **Hỏi: Người chưa thọ giới Bồ tát và người không thanh tịnh ra chưa?**

Câu hỏi này nhằm vào hai sự kiện:

- Người chưa thọ giới Bồ tát
- Người không thanh tịnh.

Đây là nêu rõ hai hạng người không được tham dự trong khi tụng giới. Nếu như có một trong hai sự kiện nói trên, thì việc yết ma tụng giới không thành. Bởi theo luật Phật dạy, người chưa thọ giới Bồ tát và người không thanh tịnh (nghĩa là người phạm giới) phải ra khỏi giới tràng, thì mới được phép yết ma tiến hành tụng giới. Quan sát người chưa thọ giới Bồ tát thì dễ, còn quan sát người không thanh tịnh mới thật là khó. Biết ai thanh tịnh và ai không thanh tịnh. Mặc dù chỉ thanh tịnh trong nửa tháng qua thôi. Người đáp phải quan sát xem xét thật kỹ lưỡng trong chúng rồi mới thưa:

- Đáp: Trong đây không có người chưa thọ giới Bồ tát và người không thanh tịnh.

Khi đáp như thế rồi, mới hỏi tiếp những Bồ tát vắng mặt có thuyết dục hay không?

- Hỏi: Có bao nhiêu vị Bồ tát khiếm diện, thuyết dục và thanh tịnh?

Khiếm diện là không có mặt trong kỳ bố tát. Thuyết dục là gì? Thuyết là nói, dục là muốn. Nghĩa là, ý người đó cũng muốn đến một trú xứ cùng với đại chúng làm việc đúng như pháp bố tát, nhưng vì lý do bất khả kháng, nên họ không thể đến tham dự được. Do đó, nên người ấy mới gọi dục và nhờ Bồ tát A... tác bạch gọi dục giùm. Còn nói thanh tịnh là ý nghĩa gì? Nghĩa là tự mình xét thấy trong nửa tháng qua không có làm những điều gì lầm lỗi, nên

tòa cao, dùng hương hoa cúng dường, còn tứ chúng, hàng thánh giả, thời ngồi dưới. Đối với Pháp Sư phải như là hiếu thuận cha mẹ, kính thuận Sư trưởng như Bà La Môn thờ lửa. Nếu Phật tử thuyết pháp mà không đúng như pháp thời phạm "khinh cấu tội".

Việc thuyết pháp truyền bá chánh pháp đối với người tăng sĩ thật rất hệ trọng. Nhưng thuyết pháp phải đúng pháp theo lễ nghi của một người truyền đạo. Phải có tâm niệm trọng pháp kể cả người nói và người nghe thì mới có sự đồng cảm với nhau. Ngoài việc trọng pháp, ta cũng kính trọng người nói pháp. Bởi nhờ có người truyền bá chánh pháp, thì người Phật tử mới hiểu được lời Phật dạy. Ta cũng nên để ý về lễ nghi trong buổi giảng pháp. Theo luật Phật dạy, người thuyết pháp phải ngồi trên tòa cao và thính chúng thì ngồi dưới. Đây là biểu lộ cả hai: "vừa trọng pháp và cũng vừa kính trọng người giảng pháp". Khi thuyết pháp, vị Pháp sư không nên thiên vị người giàu sang hay nghèo hèn. Chỉ cần người đó có tinh thần trọng pháp là tốt. Dù ở trong hội chúng với số lượng người đông đảo thính pháp, thì vị Pháp Sư phải ngồi trên tòa cao, tuyệt đối không được đứng thuyết pháp. Đó là nguyên tắc cơ bản của một vị Pháp Sư. Nếu Phật tử không thật hành đúng theo nghi lễ này, theo luật, thì phạm tội. Bởi nếu không trọng pháp, thì đâu có y giáo phụng hành. Cho nên câu nói "y giáo phụng hành" rất là quan trọng. Câu nói này không phải xuất phát trên đầu môi chót lưỡi, mà phải xuất phát từ cái tâm thành kính quý trọng của người nghe. Một câu nói như là một lời tuyên thệ trước đại chúng cũng như trước một bậc Thầy khả kính. Thế mà, người nghe lại

cửa thấy bất cứ chúng nào cũng đều nói: "Các người đều nên thọ tam quy và thập giới". Tam quy và ngũ giới chỉ dành riêng cho người Phật tử tại gia. Người tu theo nhơn thừa trước tiên là phải thọ tam quy và trì ngũ giới. Tiến thêm một bước là xuất gia thọ 10 giới Sa di. Mà muốn thọ mười giới Sa di trước đó cũng phải thọ tam quy ngũ giới. Như vậy tam quy và ngũ giới là nền tảng căn bản chung cho người xuất gia. Và mười giới Sa di là bước đầu của người xuất gia tiến lên thọ giới Tỳ kheo. Đây là hai loại giới luật rất căn bản cho người Phật tử tại gia và xuất gia.

Giới vẫn còn nói thêm, chẳng những đối với người thôi, mà ngay cả đến các loài vật như trâu, bò, chó, ngựa, heo, dê v.v... đều phải thành tâm chú nguyện cho tất cả các loài động vật (dù nhỏ như con kiến, con ong, con sâu) được tăng trưởng thiện căn đời đời sanh ra gặp Phật pháp tu hành chóng thành Phật đạo. Phải có cái tâm thương tất cả chúng sanh và muốn cho tất cả chúng sanh đồng phát Bồ đề tâm tiến đến thành Phật. Là Bồ tát mà không phát tâm giáo hóa muôn loài chúng sanh, thời Bồ tát này phạm "khinh cầu tội".

46. Giới Thuyết Pháp Không Đúng Pháp

Nếu Phật tử, thường nên có lòng đại bi phát tâm giáo hóa. Lúc vào nhà đàn việt sang giàu, cùng trong tất cả chúng hội, không được đứng thuyết pháp cho hàng bạch y. Phải ngồi trên tòa cao trước chúng bạch y.

Vị Tỳ kheo Pháp Sư không được đứng dưới đất thuyết pháp cho tứ chúng. Khi thuyết pháp, vị Pháp Sư ngồi

mới được dự dục. Còn nếu như không có ai thuyết dục và giới dục, thì nên đáp:

- Đáp: Trong đây không có Bồ tát nhận khiếm diện, thuyết dục và thanh tịnh.

6. Lời Tựa Mở Đầu

“Chư Đại Đức! chắp tay chí tâm lắng nghe! Nay tôi sắp tụng lời tựa về pháp Đại thừa của chư Phật. Đại chúng lắng lắng lắng nghe”.

Đoạn này, nhằm thức nhắc đại chúng nên phải hết lòng lắng nghe. Nghe cái gì? Nghe lời tựa nói về pháp Đại thừa. Đây là pháp bí yếu của chư Phật. Muốn tiến đến thành quả vị Phật, thì Bồ tát không thể nào xao lãng pháp tối yếu Đại thừa này. Vì tất cả chư Phật, chư Bồ tát nhờ nương pháp Đại thừa mà được thành tựu đạo quả giải thoát. Nên tất cả phải vận dụng tâm lực chú ý thành kính hết lòng lắng nghe.

“Trong đây vị nào biết mình có tội phải sám hối. Sám hối thời được an vui. Không sám hối thì tội lỗi càng thêm nặng. Người không có lỗi thời yên lặng. Vì yên lặng nên biết đại chúng thanh tịnh”.

Đoạn ở trên là nhắc nhở đại chúng phải thành kính lắng nghe. Đến đoạn này, lại nhắc nhở đến việc sám hối. Vì là phàm phu, tâm chúng ta đầy đầy phiền não ô trược nhiều loạn động, ba nghiệp buông lung, nên chúng ta dễ gây ra nhiều tội lỗi. Nếu vị nào tự xét thấy mình trong nửa tháng qua, có gây tạo tội lỗi, phạm giới, thì đây là cơ hội quý

báu nhất, để ra giữa đại chúng mà phát lồ tác bạch thành tâm sám hối. Khi đã mạnh dạn sám hối rồi, thì cõi lòng sẽ cảm thấy rất an vui thanh thoát nhẹ nhàng hơn. Vì những mặc cảm tội lỗi sẽ không còn nữa. Còn nếu không phát lồ sám hối, cố tình che giấu, thì tội lỗi càng thêm sâu nặng. Đối với những người tự xét thấy không có phạm tội trong nửa tháng qua, thì giữ im lặng. Nếu tất cả đều im lặng hết, nên mới nói là trong chúng đây đều thanh tịnh cả.

“Chư Đại Đức lắng nghe; Sau khi đức Phật diệt độ, trong thời mạt pháp, nên phải tôn kính Ba la đề mộc xoa. Ba la đề mộc xoa là giới pháp này”.

Lại nhắc nhở một lần nữa. Tại sao phải nhắc nhở đại chúng lắng nghe hoài như thế? Bởi giới luật rất là quan trọng trong việc tu hành giải thoát. Nếu không lắng nghe kỹ, thì không nhớ để mà giữ gìn. Tuy đã có nhắc nhở như thế, nhưng trong chúng vẫn còn có người chểnh mảng lơ là thường hay nghĩ lo ra, chớ không chịu chú tâm vào việc nghe giới. Thậm chí có người còn tỏ thái độ uể oải mệt mỏi và ngủ gục nữa. Thính giới với tâm trạng và thái độ như thế, thì thật là có lỗi lắm vậy!

Đức Phật có lời huyền ký, sau khi đức Phật không còn ở đời, hàng đệ tử của Phật dù tại gia hay xuất gia, tất cả đều phải lấy giới luật làm Thầy. Giới luật là mạng mạch của Phật pháp. Giới luật còn thì Phật pháp còn, giới luật mất thì Phật pháp sẽ bị diệt vong. Do đó, nên ở đây mới răn nhắc chúng ta là phải tôn kính Ba la đề mộc xoa. Ba la đề mộc xoa là tiếng Phạn (Pratimoksa) Trung Hoa dịch là

“nên tâm nghĩ miệng nói: "Các người là súc sanh phát Bồ đề tâm" khi Phật tử đi đến núi, rừng, sông, nội cùng tất cả chỗ, đều làm cho hết thấy chúng sanh phát Bồ đề tâm.

Nếu Phật tử không phát tâm giáo hóa chúng sanh, thời phạm "khinh cầu tội".

Với tâm đại bi của Bồ tát là vì chúng sanh. Với mục đích là làm cho chúng sanh phát Bồ đề tâm. Tâm nguyện của Bồ tát là giáo hóa chúng sanh khiến cho chúng sanh hết khổ được vui. Cái vui lớn nhất của chúng sanh là đạt được cứu cánh viên mãn Phật quả. Đó là hạnh nguyện thiết tha cao cả của Bồ tát. Đọc điều giới này, ta trực nhớ lại hạnh nguyện độ sanh của Thường Bất Khinh Bồ tát mà trong Kinh Pháp Hoa đã diễn tả. Đến nơi đâu thấy ai Ngài cũng đều chấp tay và thốt lên câu: "Tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài sẽ thành Phật". Như một lời nhắc nhở hay thọ ký cho mọi người ai cũng có chánh nhân Phật tánh và ai cũng có khả năng thành Phật. Đâu có khác gì lời dạy của đức Phật khi xưa: "*Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành*". Phải tin chắc như vậy. Ta tự hỏi: dựa trên cơ sở nào mà tự tin chắc như vậy? Dựa trên chính hạt giống Phật của mình. Bởi mình có hạt giống Phật nên tu hành đúng hướng chân lý theo lời Phật dạy, tất nhiên một ngày nào đó mình cũng sẽ có khả năng thành Phật như Ngài. Nghĩa là chúng ta nên xây dựng niềm tin vững chắc trên cơ sở chánh nhân Phật tánh.

Theo lý luận đó, ở đây ta thấy Phật dạy: Phật tử nên có lòng đại bi khi vào những nơi thành thị, thôn xóm hay nhà

sự". Ngày xưa chỉ viết tay, chứ làm gì có việc in ấn nhanh lẹ như ngày nay. Do vậy, nên người xưa rất quý trọng kinh luật, thậm chí họ không để quyền kinh hay quyền luật ở chỗ không được trang nghiêm sạch sẽ. Chính vì chỗ quý trọng đó, nên người ta dùng mọi thứ tốt đẹp để đựng kinh luật. Những thứ như hộp, rương, tủ hoặc kệ để trên cao... Kinh luật không để bụi bặm bám vào, lỡ có rách hư thì nên tìm cách tu bồi lại. Quý trọng hơn nữa thì người ta đóng bìa cứng để khỏi phải hư rách bìa. In thì in giấy láng đẹp. Cầm kinh cũng phải cầm một cách cung kính, không nên đựng đâu quăng đó. Có người cầm kinh kẹp sau đít, hoặc kẹp trong nách, thật là bất kính. Đúng là không sợ tội lỗi. Kinh luật đâu phải như sách vở ngoài đời, mà muốn để đâu thì để, quăng đâu thì quăng, kẹp đâu thì kẹp. Có người đang cầm quyền kinh coi, thấy người lớn hơn mình đi lại liền chấp hai tay cầm quyền kinh xá người. Điều đó trong oai nghi Tổ dạy không được làm như thế. Nói tóm lại, giáo pháp của Phật nói đã được chư Tổ kết tập lại in thành kinh luật thì ta phải hết lòng cung kính giữ gìn không nên tỏ vẻ khinh thường mà mang tội.

Nếu không y pháp Phật dạy đây để thành kính cúng dường kinh luật, thì Phật tử đó phạm "khinh cấu tội".

45. Giới Không Giáo Hóa Chúng Sanh

Nếu Phật tử, nên có lòng đại bi, khi vào trong tất cả nhà cửa thành ấp, thấy những loài chúng sanh, phải xưng lên rằng: "Các người đều nên thọ tam quy và thập giới". Nếu gặp trâu, bò, chó, ngựa, heo, dê v.v...

"Biệt giải thoát hay xứ xứ giải thoát". Nghĩa là tuy giới luật của Phật chế ra có nhiều loại nhiều phần khác nhau, nhưng tựu trung cũng nhằm mục đích là đưa hành giả đến chỗ cứu cánh giải thoát. Ở đây nói Ba la đề mộc xoa chính là giới của Bồ tát vậy.

"Trì giới này thời như đi đêm tối gặp đèn sáng, như người nghèo được của báu, như bệnh được lành, như người tù được thả, như kẻ đi xa được về nhà".

Đây là nói về sự lợi ích thiết thực của việc giữ gìn giới luật. Người không giữ giới như ngựa không dây cương, như khi, vượn không chuồng, tha hồ mà chuyền nhảy rong chạy dầm đạp lung tung. Đó là biểu hiện của một đời sống thật buông lung phóng túng. Vì vô minh vọng động bất giác, nên chúng ta gây tạo nhiều tội lỗi mà không hay biết. Trái lại, đối với người giữ giới thì đời sống của họ thanh tịnh sáng suốt không buông thả trụy lạc. Bởi nhờ giữ giới nên định huệ mới phát sanh. Có trí huệ thì mới biện biệt được lẽ chánh tà chơn ngụy. Do đó, nên tránh được nhiều tội lỗi. Cho nên, mới nói như đi trong đêm tối gặp đèn sáng. Giới luật như ngọn đèn chiếu soi mọi lỗi lầm. Người không giữ giới như kẻ nghèo hèn, người giữ giới như được của báu. Có của báu tất nhiên là giàu to. Nghĩa là giàu lòng đạo đức nhân ái. Không giữ giới như người bị bệnh ốm o tiều tụy. Người giữ giới như bệnh được lành. Thế thì còn gì vui sướng cho bằng! Người không giữ giới như kẻ bị nhốt trong lao tù, mất hết tự do. Người giữ giới là người ra khỏi lao tù và luôn sống một cuộc đời tự do tự tại thoải mái an lạc hạnh phúc. Người giữ giới là người

đang trên đường về lại cố hương nhận lại ngôi nhà “**Bảo Sở**” của chính mình. Tóm lại, qua năm điều dụ trên là nói lên sự lợi ích vô cùng của người trì giới này vậy.

“Nên biết rằng giới pháp này là đức Thầy sáng suốt của đại chúng, không khác đức Phật còn ở đời. Nếu không có lòng sợ tội thì tâm lành khó nảy nở”.

Đây là lời cảnh giác khuyến nhắc rất tha thiết chí tình của Phật. Phật bảo chúng ta nên biết rằng giới pháp này là đức Thầy sáng suốt. Nếu chúng ta tuân hành giữ gìn đúng theo giới luật, thì chẳng khác nào như Phật còn ở đời. Dù rằng, hiện chúng ta cách Phật rất xa, nhưng nếu chúng ta cố gắng siêng tu giữ đúng theo lời Phật dạy, thì chúng ta vẫn cảm thấy rất gần Phật. Bằng ngược lại, thì cách Phật rất xa. Chúng ta phải có lòng sợ tội. Dẫn lời Phật dạy, nếu chúng ta không có lòng sợ tội thì tâm lành khó khai phát nảy nở. Nói thế, liền dẫn kinh để chứng minh:

“Cho nên trong Kinh có lời dạy: - "Chớ xem thường những lỗi nhỏ mà cho là không hại, giọt nước dầu nhỏ mà lân đầy cả chum lớn. Lúc tạo tội chùng trong giây phút, mà phải cả nghìn muôn năm chịu khổ nơi địa ngục. Một phen bị đọa lạc, mất thân người, thời muôn đời khó đặng lại”.

Đọc qua đoạn văn kinh này, chúng ta phải hết sức lưu ý. Người tu hành, muốn cho mình ít có phạm lỗi lầm thì mỗi người cần phải cẩn thận gìn giữ ở nơi ba nghiệp. Chớ nên coi thường những lỗi nhỏ. Một lời nói ác, hay một hành

lấy tủy làm nước, chẻ xương làm viết, để biên chép kinh luật, dùng vàng bạc cùng hương hoa vô giá và tất cả châu báu làm hộp, rương, đựng những quyển kinh luật. Nếu không y theo pháp mà cứng dờng kinh luật, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Tuy Phật đã nhập diệt rất lâu xa, nhưng kinh luật của Phật vẫn được chư Tổ kết tập lưu truyền lại cho đến ngày nay. Đó thuộc về văn tự Bát nhã. Thế nên, người Phật tử cần phải kính trọng lưu tâm học hỏi. Nếu không nhờ văn tự Bát nhã này, thì chúng ta cũng không thể nào quán chiếu Bát nhã và chứng được Thật tướng Bát nhã. Do đó, kinh luật Phật nói rất là quan trọng mà Phật tử chúng ta cần phải tôn kính duy trì và nghiên tâm tu học.

Đọc qua điều giới này, ta thấy những phương tiện thời xưa để ghi chép lại thành văn tự chữ nghĩa, thật rất khó khăn không phải như bây giờ. Phương tiện in ấn thời nay rất đầy đủ tiện nghi thật không thiếu thứ gì. Đối với thời đại văn minh tân tiến gọi là thời đại kỹ thuật số 4.0 như hiện nay, thì việc biên chép in ấn bằng các loại giấy mực rất là tinh xảo tiện lợi. Cái gì dễ quá thì người ta lại coi thường. Phương tiện in thành văn tự thời xưa tuy có khó khăn đủ thứ, nhưng người xưa vẫn có thể khéo biết sử dụng nhiều thứ như: **"giấy, vải, hàng, lụa, thẻ tre, vỏ cây, cho đến lột da làm giấy, chích máu làm mực, lấy tủy làm nước, chẻ xương làm viết để biên chép kinh luật"**. Việc lột da làm giấy, chích máu làm mực, rút tủy làm nước, chẻ xương làm bút, theo Hòa thượng Trí Quang, ngài cho rằng: "đây là nói lên tinh thần vị pháp vong thân, không phải nói thực

người cố tâm, theo luật, thì người cố tâm sẽ bị phạm tội nặng hơn. Người vô tâm tuy cũng phạm nhưng tội sẽ nhẹ hơn. Theo luật nhân quả thì dù cố tình hay vô tình cũng đều có nhân và có quả. Đương nhiên là có sự khác biệt trên việc trả quả báo nặng nhẹ không đồng. Một khi đã phạm, chẳng những không thật tâm sám hối mà còn thọ nhận tài vật của đàn na dâng cúng, thì thật là không biết xấu hổ. Hạng người như thế, thì Phật cho kẻ đó là kẻ giặc trong Phật pháp. Quý thần đều xa lánh và ghét bỏ. Như vậy, thì thật không còn tiếp tục đáng sống nữa. Bởi không còn hưởng được những gì là quyền lợi của một người dân bình thường trong một xứ sở. **"Không được đi trên đất của quốc dân, không được uống nước của quốc dân"**. Thế thì còn đất đâu để mà cắm dùi dung thân sinh sống?

Chưa hết, Phật còn nói, người phạm giới đi tới đâu thì sẽ bị quý thần theo chà quét dấu chân của người ấy. Ai thấy cũng chê cười mỉa mai và cho người đó là kẻ giặc trong Phật pháp.

Điều tệ bạc hơn nữa, là Phật còn nhân mạnh: **"Người phạm giới khác nào loài súc sanh, cây cỏ. Nếu cố phá hủy giới pháp của Phật, Phật tử này phạm "khinh cấu tội"**.

44. Giới Không Cúng Dường Kinh Luật

Nếu Phật tử, phải thường nhứt tâm thọ trì đọc tụng kinh luật Đại thừa, dùng giấy, vải, hàng, lụa, thẻ tre, vỏ cây, cho đến lột da làm giấy, chích máu làm mực,

động bất thiện tuy nhỏ nhặt, nó cũng có thể gây ra tai hại hậu quả cho mình và người rất lớn. Dụ như một giọt nước tuy nhỏ, nhưng nếu chúng ta cứ tiếp tục nhỏ giọt hoài, tất nhiên, tích lũy lâu ngày thì sẽ đầy cả chum lớn. Như một hành động giết người xảy ra chỉ trong giây phút, nhưng hậu quả sẽ bị ngồi tù hoặc có khi phải bị tội tử hình. Câu nói: **"Lúc tạo tội chừng trong giây phút, mà phải cả nghìn muôn năm chịu khổ nơi địa ngục. Một phen bị đọa lạc, mất thân người thời muôn đời khó dựng lại"**. Thiết nghĩ, chúng ta cần nên tư duy một cách chín chắn sâu sắc và phải luôn ghi nhớ mãi lời dạy này. Thật là đáng lo sợ lắm thay!

"Sắc trẻ không dừng, dường như ngựa chạy. Mạng người vô thường, mau hơn nước dốc. Ngày nay đâu còn, khó bảo đảm được ngày mai".

Đây là lời thức nhắc về việc sanh tử vô thường nhanh chóng của con người. Ở đời, ít có mấy ai nghĩ đến sự tu hành. Người ta cứ mãi miết đua chen tranh nhau được mắt trên trường danh lợi. Lúc còn trẻ khỏe mạnh, thì ý lại không lo tu. Đến khi già nua ốm yếu, thì lại ăn năn hối tiếc! Câu nói: **"Sắc trẻ không dừng dường như ngựa chạy"**. Lời dạy này đã nêu ra một hình ảnh thật hết sức cụ thể của sự chuyển biến vô thường nhanh chóng. Mới ngày nào còn trẻ trung đẹp đẽ, thế rồi, không mấy chốc thì lại xấu xí già yếu tàn phai. Nào là má cóp da nhăn, răng rụng, mắt lờ, tai điếc... Thời gian qua nhanh như ngựa chạy. Mạng người sống chết như trở bàn tay hay mau hơn nước dốc. Nước từ trên dốc cao chảy xuống rất nhanh. Nói thế,

đề diễn tả sự vô thường trôi qua rất nhanh như chớp mắt. Xét kỹ, mạng sống của con người thay đổi nhanh chóng còn hơn nước dốc. So sánh như thế để chúng ta ý thức mà tỉnh giác lo tu. Nếu chúng ta còn lẩn lưa chân chờ thì một may con vô thường đến, thì chùng đó ôi thôi! ăn năn không còn kịp nữa. Cho nên mới nói: **“Ngày nay dầu còn, khó bảo đảm được ngày mai”**. Mua một món hàng còn có bảo đảm thời hạn, còn như mạng sống này ai dám bảo đảm cho ta?! Sớm thấy còn, chiều lại mất không hay. Mạng sống này như hạt sương mai, thoáng đó rồi mất, nhanh hơn nháy mắt.

Than ôi!

*Dép dưới giường lên giường vội biệt
Sống ngày nay ai dễ biết được ngày mai
Mạng người hô hấp kinh thay
Nghĩ con vĩnh biệt tuyên đài mà đau!*

“Đại chúng mỗi người nên nhứt tâm cần cầu tinh tấn. Chớ biếng nhác trễ lười, phóng túng ngủ nghỉ. Ban đêm phải nhiếp tâm niệm Phật tham thiền, chớ để thời gian luống qua vô ích, mà sau này phải ăn năn. Đại chúng mỗi người nên nhứt tâm cung kính y theo giới này, như pháp tu hành, cần nên học tập”.

Đây là đoạn văn kết thúc của những lời sách tấn khuyến nhắc ở trên. Phật Tổ khuyến mọi người chúng ta nên ý thức sự vô thường nhanh chóng nói trên mà cố gắng nỗ lực tinh cần tu học, chớ có sanh tâm coi thường mà bê tha giải đãi biếng lười. Đời sống bê tha phóng túng, đó là đời sống của những con người phóng thả trụy lạc sa đọa.

không được thọ lãnh đồ cúng dường của tất cả đàn việt, cũng không được đi trên đất của quốc dân, không được uống nước của quốc dân. Năm nghìn đại quỷ luôn đứng án trước mặt người đó mà gọi là "Gã bọm giặc". Nếu khi đi vào trong phòng nhà thành ấp, các quỷ thường theo chà quét dấu chân của người ấy. Tất cả người đòi đều mắng người ấy là kẻ giặc trong Phật pháp. Hết thấy chúng sanh đều không muốn nhìn ngó người ấy. Người phạm giới, khác nào loài súc sanh, cây cỏ. Nếu cố phá hủy giới pháp của Phật, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Như đã nói, giới Bồ tát thuộc về tánh giới, còn giới Thanh Văn thuộc về tướng giới. Vì tánh giới nên vừa mống tâm khởi quấy là phạm giới. Còn tướng giới thì khi nào hiện ra hình tướng bên ngoài bất chánh mới quy kết phạm giới. Thí dụ: thấy một món đồ tốt đẹp quý giá, giới Bồ tát, vừa dấy niệm ham thích muốn lấy, thì đã phạm. Ngược lại giới Thanh Văn thì không phạm. Giới tướng Thanh Văn, khi nào thò tay lấy đồ vật đó mà người chủ không hay biết thì đã phạm giới trộm cắp rồi. Thành ra giữa hai giới: tánh và tướng có sự khác biệt nhau. Thế nên giới Bồ tát quả thật rất là khó giữ. Vừa mống tâm sai giới là đã phạm giới, dù việc đó không làm, thì cũng vẫn phạm theo điều giới 43 này. Nếu biết mình đã phạm thì phải nên mau sám hối cho dứt cái tâm bất chánh đó.

Nếu vì vô ý hoặc do tập khí nhiều đời quá nặng mà lỡ phạm giới, dù sao vẫn còn có thể tha thứ hơn là kẻ cố tâm phạm giới. Cùng đồng thời phạm, nhưng kẻ vô tâm và

có được tâm lòng bao dung rộng mở, có đầy đủ "trí đức, tâm đức và ân đức" thì đó là hồng phúc lớn của toàn dân. Lấy đức trị dân là điều thích hợp với sự thật hành của Bồ tát đạo. Đó cũng là một sinh thức và hành động của một quân vương chánh pháp như vua Asoca ở Ấn Độ và những vị quân vương đầu đời Trần ở Việt Nam.

Như vậy, mục đích của điều giới này là đức Phật nhằm cảnh báo cho những ai đụng đầu nói đó, không cần biết đối tượng mình nói họ là người như thế nào. Có bao nhiêu sở học thì cứ đem ra để nói. Có người cho rằng, lối thuyết pháp bỏ túi này không thích hợp chút nào cả. Khi nào xét thấy cần nói, cần khuyên, cần nhắc nhở, thì mới nên nói. Không nên có thái độ vào tai ra miệng, thì không tốt. Là một Pháp Sư hay một Giảng sư cần để ý lời cảnh nhắc của Phật ở điều giới này. Trong điều giới 39, thì Phật khuyên phải diễn giảng Bồ tát giới trong mọi trường hợp. Riêng giới này thì Phật cấm không được diễn giảng cho những đối tượng có ác tâm tà kiến. Không phải vì ghét họ, mà không nói là vì thương họ. Bởi vì họ mang nặng óc kỳ thị tà kiến, nên dù mình có nói thì họ cũng chẳng thèm nghe. Chẳng những không nghe thôi mà họ còn sanh tâm chê bai phỉ báng thế là vô tình mình tạo cho họ gây thêm tội lỗi. Đối với hạng người này mà Phật tử cố ý giảng nói giới pháp của Phật, thì phạm "khinh cấu tội".

43. Giới Cố Mộng Tâm Phạm Giới

Nếu Phật tử, do đức tin mà xuất gia, thọ chánh giới của Phật, lại cố mộng tâm hủy phạm giới pháp, thời

Người tu hành dù tại gia hay xuất gia, cũng không nên dễ dãi xem thường sự tu học. Nhất là vấn đề ngủ nghỉ. Bởi tâm lý của người tu thường hay viện cứ đủ mọi lý do để tránh né thời khóa hành trì. Đến giờ tụng kinh, niệm Phật, tham thiền... thì lại viện cứ việc này việc nọ để được tránh né nghỉ ngơi cho khỏe. Hoặc giả là tìm cách rong chơi tìm người tán dóc. Đó là tâm bệnh chung của chúng sanh. Ít có ai ý thức để tự thúc liễm thân tâm tu hành cho mau có kết quả. Dòng đời thì dễ tiêm nhiễm, nhưng chánh đạo thời thật khó huân tu. Thế nên, ở đây Cổ Đức mới khuyên nhắc chúng ta mỗi người phải nên nhứt tâm cung kính y theo giới pháp này mà gắng sức tu hành. Có thể, thì sau này mới không ăn năn hối hận vậy.

Chư Đại Đức! Nay là ngày thứ mười lăm (14) có trăng (không trăng), làm phép bố tát, tụng Bồ tát giới. Đại chúng nên nhứt tâm nghe kỹ. Ai có tội thời phát lồ. Người không tội thời im lặng. Vì im lặng nên biết đại chúng thanh tịnh, có thể tụng giới Bồ tát.

Đây nói về thời gian của ngày bố tát. Về thời gian trong Phật pháp có khác hơn thời gian ở ngoài đời. Thời gian thông thường ở thế gian, người ta tính 3 tháng làm một mùa. Một năm có 4 mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Ba tháng mùa Xuân là: tháng giêng, tháng hai và tháng ba. Ba tháng mùa Hạ là: tháng tư, tháng năm, tháng sáu. Ba tháng mùa Thu là: tháng bảy, tháng tám, tháng chín. Ba tháng mùa Đông là: tháng mười, tháng mười một và tháng chạp. Trái lại, trong Phật pháp thì tính 4 tháng làm một mùa. Một năm có 3 mùa: Xuân, Hạ và Đông. Mùa Xuân từ 16/12/ đến 15/4/ là cuối mùa Xuân. Sáng ngày 16/4/ là bắt đầu

ngày đầu của mùa Hạ cho đến 15/8/ là ngày cuối của mùa Hạ. Mùa Đông tính từ 16/8/ cho đến ngày 15/ 12/ là cuối mùa Đông.

Nói về tháng có trăng và không trăng, thì theo âm lịch từ ngày 1 – 15 là trăng sáng (có trăng), 16 – 30 hay 29 (tháng thiếu) là trăng tối (không trăng). Đây là tính theo tháng âm lịch của Ấn Độ. Ấn Độ lấy trăng bắt đầu tàn làm đầu tháng (tức đêm 16 mỗi tháng âm lịch và lấy trăng thật tròn sáng làm cuối tháng (tức đêm rằm mỗi tháng âm lịch). Bồ tát tụng giới thì nửa tháng một kỳ, cử hành vào ngày cuối cùng của nửa tháng (tức rằm và 30 hay 29) và thường cử hành ban ngày, như vậy còn một đêm mới hết nửa tháng; một đêm đối với nửa tháng trước là thiếu mà đối với nửa tháng sau là thừa. Từ ngữ bồ tát tiếng Phạn gọi là Upavasatha, uposatha. Tiếng Hán dịch là Tịnh trụ hoặc là Trưởng dưỡng. Trưởng dưỡng có nghĩa là nuôi lớn căn lành và còn Tịnh có nghĩa là tịnh trừ nghiệp chướng vậy.

Đó là căn cứ theo thời gian âm lịch mà bồ tát tụng giới cho đúng. Trước khi bắt đầu chánh thức tụng giới Bồ tát, ở đây nhắc lại một lần nữa là đại chúng phải nhứt tâm lắng nghe cho thật kỹ. Nhứt tâm là chỉ nghe hoặc theo dõi những điều giới đang tụng thôi, tuyệt đối không được để tâm suy nghĩ chuyện mông lung vẩn vơ gì khác. Vì có nghe kỹ, thì mới có thể nhận ra những lỗi lầm mà mình đã phạm phải trong nửa tháng qua. Nếu có phạm tội thì phải nên ra giữa chúng mà tác bạch phát lồ sám hối. Đây là lời nhắc nhở cuối cùng. Vì có sám hối lỗi lầm thì thân tâm mới được nhẹ nhàng an thoát và sẽ không còn hối hận

42. Giới Vì Người Ác Giảng Giới

Nếu Phật tử, không được vì tài lợi mà đem đại giới của chư Phật đây nói với người chưa thọ giới Bồ tát, hoặc với hàng ngoại đạo, những người tà kiến...Trừ Quốc vương, ngoài ra không được nói với tất cả hạng người ấy. Những hạng người ấy chẳng thọ giới của Phật, gọi là súc sanh, đòi đòi sanh ra không gặp được Tam bảo, như cây đá, không có tâm thức; gọi là ngoại đạo, bọn tà kiến, nào khác cây cối. Với những hạng người tà ác ấy, nếu Phật tử giảng nói giáo pháp của chư Phật, thời phạm "khinh cấu tội".

Không phải lúc nào, ở đâu, với ai cũng thuyết Bồ tát giới một cách vô ý thức câu thả. Nhất là đối với những người không có lòng tin ở nơi giáo pháp Đại thừa. Chẳng những thế mà họ còn có tâm bất kính, khinh khi coi thường, ngoan cố, không tin tưởng, rồi còn phỉ báng chê bai giới Bồ tát. Đây là những hạng người không có giống Phật, là kẻ ngoại đạo, không thể lãnh thọ mà cũng không chịu lãnh thọ. Đối với những hạng người tà kiến, bất tín cụ này ta đừng bao giờ thuyết giới Bồ tát với họ. Còn đối với Quốc vương, tức đối với các vị nguyên thủ quốc gia, thì cần phải nói. Vì sao? Vì họ có nhiều quyền hành tất cả quyền sinh sát ở trong tay họ. Nếu không nói cho họ biết về hạnh nguyện cao cả của Bồ tát, là lấy từ bi làm trọng, yêu nước thương dân, đặt quyền lợi quốc gia lên trên những quyền lợi cá nhân. Đó là phương cách khuyên nhắc họ phải có tấm lòng rộng lượng bao dung của một vị quân vương trị nước an dân chân chính. Nếu một vị nguyên thủ quốc gia

Thai tông. Đối với Thiên Thai tông, thì ba phép quán này được xem như cốt tủy trong việc tu hành.

Còn nói mười chi thiền là: Sơ thiền có 5 chi: Hỷ, Lạc, Giác, Quán và Nhứt tâm. Nhị thiền gồm có 4 chi: Hỷ, Lạc, Nội tịnh, và Nhứt tâm. Tam thiền có 5 chi: Lạc, Huệ, Xả, Niệm và Nhứt tâm. Tứ thiền có 4 chi: Xả, Niệm, Bất khổ bất lạc và Nhứt tâm.

Cộng lại là 18 chi mà nói 10 chi đó là trừ những tên chi trùng nhau nên còn lại 10 tên: Hỷ, Lạc, Giác, Quán, Nhứt tâm, Nội định, Huệ, Xả, Niệm và Bất khổ bất lạc.

Trong 3 phép quán "Không, Giả, Trung" tùy theo mỗi phép quán mà có nhiều, hay ít khác nhau, nên nói là đa thiếu. Không tức là chơn không (Chơn đế) Giả là tục đế (các hiện tượng đều là giả danh không thật). Trung là chiết trung lại chỉ có trung đạo, không nghiêng nặng bên nào.

Còn nói xuất nhập là sao? "Là quán không. Được không rồi xuất không, để quán giả. Như vậy là xuất không nhập giả. Được giả rồi, thì lại xuất giả, để nhập không, như vậy gọi là xuất nhập".

Thế thì, làm một vị Pháp Sư giáo giới khó hơn một vị Pháp Sư giảng thuyết hay tụng đọc nhiều. Nghĩa là phải thông hiểu rành rẽ mọi thứ. Nếu chưa thông hiểu, khi được thỉnh cầu làm giới sư, tốt nhất là ta nên từ chối. Nếu vì chưa thông hiểu mà chỉ vì háo danh ham lợi để được người cung kính lễ bái thì phạm tội 41 này.

những lỗi lầm đã phạm phải. Sám hối là một phương pháp thanh tịnh hóa thân tâm rất hay trong đạo Phật. Có thể, thì mọi tội lỗi mới không còn.

Đã nhắc nhở và kêu gọi như thế, mà đại chúng vẫn giữ im lặng. Vì im lặng nên biết đại chúng không có phạm lỗi lầm. Do đó, nên phần tụng giới Bồ Tát sẽ được bắt đầu sau 3 lần gạn hỏi sau cùng.

Tôi đã tụng lời tựa của giới Bồ Tát rồi.

Nay xin hỏi trong đại chúng đây được thanh tịnh không? (hỏi 3 lần, mỗi lần hỏi người hỏi nên ngừng lại một vài giây).

Sau ba lần hỏi như thế, nếu không có ai đứng ra phát lồ sám hối giữa đại chúng, thì người tụng giới mới thưa rằng:

Thưa Đại chúng! Trong đây thanh tịnh, vì im lặng. Việc này xin nhận biết như vậy.

Việc này là việc nào? là việc mà từ trước tới giờ đã nêu ra trong phần lời tựa của pháp Đại thừa từ trong giới kinh rút ra. Đó là việc rất hệ trọng mà đại chúng đã nghe qua. Sau khi nghe qua như vậy, mà đại chúng vẫn im lặng, như thế, thì đủ biết là đại chúng không có phạm lỗi lầm gì, nên tất cả đều giữ thái độ rất im lặng.

Trước khi bắt đầu tụng giới, người tụng giới phải trân kính thành tâm niệm:

Nam Mô Phạm Võng Hội Thượng Phật Bồ Tát (3 lần)

IV. Phân Tụng Giới Căn Bản: Giới Trọng Và Giới Khinh

Như đã nói, Phạm Bồ Tát Tâm Địa có chia ra làm 2 phần: Thượng và Hạ.

- Về phần Thượng, thì đức Lô Xá Na Phật giảng về các quả vị của Bồ tát gồm có bốn mươi bậc: "Thập phát thú, Thập trưởng dưỡng, Thập kim cương và Thập địa".

- Về phần Hạ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni kiết giới Bồ tát 10 điều giới trọng (nặng) và 48 điều giới khinh (nhẹ). Nói giới trọng là vì đây là những giới căn bản của Bồ tát. Còn nói giới khinh là vì nhẹ hơn so với giới trọng. Ta cần phân biệt giữa trọng tội và nghịch tội. Người phạm trọng tội, tương đối nhẹ hơn nghịch tội. Tội nghịch là tội giết cha, giết mẹ, giết A la hán, phá hòa hợp tăng, làm Phật ra máu, gọi chung là ngũ nghịch tội. Kinh nói: "người phạm tội nghịch thì không thể sám hối được".

- Tâm địa là gì? Nghĩa là lấy đất dụ cho tâm. Vạn vật từ đất sanh ra, cũng vậy, muôn pháp từ tâm lưu xuất. "Đâu ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp" (Lục Tổ Huệ Năng). Trong Kinh Hoa Nghiêm có bài kệ 4 câu mà thường ở trong các chùa Bắc tông thường hay tụng vào thời công phu thí thực chiều:

"Nhược nhơn dục liễu tri
Tam thế nhứt thiết Phật
Ứng quán pháp giới tánh
Nhứt thiết duy tâm tạo".

Nếu phạm giới khinh, thì Phật dạy: "*phải đối thú sám hối, thời tội diệt tiêu diệt, không phải như tội thất nghịch*". Điều này, vị Pháp sư hướng dẫn phải chỉ bảo rõ ràng. Muốn thế, trước tiên vị Pháp sư phải hiểu rõ việc này. Nói việc này là vị Pháp Sư phải hiểu rành rẽ về tánh giới và tướng giới. Vì trong giới luật Phật chế nó có tánh giới và tướng giới. Đồng thời cũng phải hiểu rõ về những gì là phạm giới trọng và những gì là phạm giới khinh. Một vị Pháp Sư ngoài việc thông hiểu về luật nghi, còn phải hiểu tất cả các môn thiền quán và các cấp bậc tu hành của Bồ tát từ thấp lên cao. Vì thế nên Phật nêu ra một số tánh chất của các pháp. Đệ nhứt nghĩa để còn gọi là Chơn đế tức là Phật tánh bản nguyên thiên chơn Phật của mỗi người. Căn cứ vào Phật tánh rồi từ đó tu tập tiến dần lên theo một giai trình tu chứng của Bồ tát vị: 1. Tập chủng tánh là thập phát thú. 2. Trưởng dưỡng tánh là thập trưởng dưỡng (thập hạnh). 3. Bất hoại tánh là thập kim cương (thập hồi hướng) 4. Đạo chủng tánh và 5. Chánh pháp tánh là thập địa và nhị giác: (Đẳng giác và Diệu giác).

Tánh chủng tánh, bất khả hoại tánh (phẩm cách kiên cố cứng chắc như kim cương), đạo chủng tánh, chánh pháp tánh. Đó là các tầng bậc đi lên mà ở trước có đề cập đến. Ta nên lưu ý, từ Thập phát thú cho đến Thập địa là từng bậc tu chứng tiến lên từng quả vị, đó gọi là những quả vị bên ngoài, còn bên trong là từ Phật chủng tánh chuyển thành ra các tánh cho đến thập địa rồi thành Phật.

Pháp hạnh của Bồ tát vị là các quán hạnh và pháp hạnh. Quán hạnh có 3: "*Không quán, giả quán và trung quán*". Đây là ba phép quán, gọi là nhất tâm tam quán của Thiên

người muốn thọ giới Bồ tát thì phải bảo vệ đó thỉnh hai đại sư: Hòa thượng và A xà lê.

Cần nói thêm, lúc đại chúng thọ giới Bồ tát thì việc thỉnh sư khác hơn thọ giới thông thường. Nghĩa là, phải thỉnh đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm đàn đầu Hòa thượng và thỉnh hai vị Bồ tát để làm Giáo thọ và A xà lê. Cung thỉnh đức Văn Thù Sư Lợi Bồ tát làm Yết ma A xà lê, còn đức Di Lặc thì làm Giáo thọ A xà lê.

Nếu giới tử nào đã phạm tội thất nghịch, thì không được thọ giới. Nếu giới tử nào đã phạm 10 giới trọng, thì Giới sư nên bảo người đó sám hối. Về phương cách sám hối, là phải đối trước tượng Phật và Bồ tát. Ngày đêm 6 thời tụng giới Bồ tát tha thiết đảnh lễ tam thế chư Phật, cho được thấy hảo tướng. Sám hối như thế cho đến khi nào người đó thấy được hảo tướng mới thôi. Thấy hảo tướng có hai cách: một là trong khi sám hối, lúc niệm Phật hay lúc lễ Phật mà thấy. Nghĩa là trong lúc mình còn tỉnh táo mà thấy. Hảo tướng tức những tướng tốt trang nghiêm, như thấy tượng Phật hoặc tượng Bồ tát, hay thấy hoa sen, hoặc thấy Phật Bồ tát lấy tay xoa đầu v.v... Cách thấy thứ hai là lúc ngủ mê chiêm bao thấy. Tuy nhiên, trong chiêm bao nhưng phải thấy một cách rõ ràng không được thấy mờ mờ. Sau khi thức dậy, cảm thấy thân tâm nhẹ nhàng, thư thái, an lạc, vắng lặng. Đó là điềm thấy tốt. Ngược lại, thấy mập mờ, không cảnh nào ra cảnh nào, thì đó là thấy không tốt. Cần thận coi chừng ma quỷ phá. Đó là nói khi phạm giới trọng. Còn phạm giới khinh thì sao?

Tạm dịch:

*Nếu người nào muốn biết rõ
Ba đời và tất cả chư Phật
Thì hãy nên quán tánh pháp giới
Tất cả đều từ tâm tạo.*

Tổ Nam Nhạc Hoài Nhượng cũng nói:

**"Tâm địa hàm chư chủng
Ngộ trạch tức giai manh
Tam muội hoa vô tướng
Hà hoại phục hà thành"**

Tạm dịch:

*Đất tâm chứa các giống
Gặp ướt liền nảy mầm
Hoa Tam muội không tướng
Nào hoại lại nào thành.*

Trong 50 bài tụng của Duy Biểu Học, bài tụng đầu tiên, Thiên Sư Thích Nhất Hạnh có nói về "Đất tâm". Bài tụng gồm có 4 câu:

**"Tâm là đất gieo hạt
Mọi hạt giống chứa đầy
Tâm địa cũng chính là
Toàn thể hạt giống ấy".**

Lấy đất dụ cho tâm, vì đất có khả năng cất chứa gìn giữ mọi hạt giống. Tâm cũng có khả năng bảo trì những hạt giống. Tâm nói ở đây chính là A lại da thức hay còn gọi là

tàng thức. Đất là một hình ảnh cụ thể thực tế vi diệu để mô tả tính năng tàng của tâm. Nên gọi là tâm địa. Trong các kinh điển Đại thừa, có một quyển kinh tên là Tâm Địa Quán. Mục đích của kinh nhằm nêu rõ bản tâm thanh tịnh của tất cả chúng sanh. Tâm là biết. Biết (tạm nói) có hai phương diện: chơn và vọng. Chơn là cái "Biết" chơn thật rốt ráo thường hằng nhưng không hình tướng. Vì không hình tướng, nên không sinh không diệt. Tâm này ở thánh không tăng, ở phàm không giảm. Còn cái "Biết" theo cảnh, theo duyên phân biệt tốt, xấu, phải trái, hơn thua v.v... để rồi tạo nghiệp thọ khổ, đây là cái Biết vọng. Cái Biết này là hiện tượng khi có, khi không, có sinh, có diệt... Còn cái Biết chơn thì hằng hữu bất sinh, bất diệt. Cái Biết này là thể của muôn pháp. Nuông tâm này để tu thì mau thành Phật. Tâm này cũng gọi là Tâm Địa vậy.

1. Đức Phật Lô Xá Na

Phật Lô Xá Na, tức chỉ cho Báo thân Phật. Theo sự chú thích của dịch giả dẫn Kinh văn trong phần trên nói: "Lúc ấy, đức Thích Ca liền đem đại chúng nơi thế giới này về đến nơi Liên Hoa đài tạng thế giới, trong cung Bá vạn ức tử kim Cương Quang Minh, thấy đức Lô Xá Na Phật ngự trên tòa Bá vạn ức Liên Hoa chói sáng rực rỡ". Chư Phật nào cũng đều có ba thân: Pháp thân, Báo thân và Ứng, Hóa thân.

- Pháp thân tiếng Phạn gọi là Tỳ lô giá na, Trung Hoa dịch là Biên như thiết xứ, tức chỉ cho thể tánh chơn như trùm khắp vạn pháp. Thanh tịnh Tỳ lô giá na Phật.

Trong đạo pháp, muốn làm thầy dạy người cho đúng chánh pháp Phật dạy cũng không phải là chuyện dễ dàng. Người làm thầy đó cũng phải nỗ lực chuyên cần học hỏi giáo lý Đại thừa, phải có trình độ hiểu biết Phật pháp tương đối khá, chớ không phải ngang nhiên mà ra làm thầy dạy thiên hạ được. Có lắm người xuất gia mang hình thức đầu tròn áo vuông, ở chùa cũng lâu, nhưng không chịu học hỏi giáo pháp, cũng không theo học một trường lớp Phật học nào, vậy mà cũng muốn ra làm thầy dạy thiên hạ. Tổ Quy Sơn có dạy: "**Giáo lý vị thường thố hoài, huyền đạo vô nhơn khế ngộ**". Nghĩa là giáo lý chưa từng để lòng, thì chỗ huyền đạo làm sao ngộ được? Tệ hơn nữa, là khi có người thưa hỏi, không lời chỉ dạy, dầu có luận nói thì cũng chẳng nhằm kinh luật. Đó là Tổ trách những người xuất gia mà không chịu nỗ lực học hỏi Phật pháp. Vì cống cao ngã mạn, hieu hieu tự đắc, mục hạ vô nhơn, nên không chịu học hỏi với ai. Thế mà cũng làm thầy dạy đời như ai, cho nên giới này Phật mới nói: "**Vì lợi mà làm thầy**". Làm thầy phải có tâm chơn chánh và phải đem giáo pháp Phật dạy để truyền dạy lại cho người thấp kém hơn. Tự lợi và lợi tha hay tự giác, giác tha đó là bốn phận trách nhiệm của người làm thầy. Mình chưa độ được mình, thì nói chi đến việc độ người khác. Điều quan trọng trong khi giáo hóa, phải làm cho người ta phát khởi tín tâm tin tưởng ở nơi giáo pháp Đại thừa.

Phật lại dạy thêm: "**Bồ tát làm Pháp Sư giáo giới cho người. Lúc thấy có người muốn thọ giới Bồ tát, nên bảo người ấy thỉnh hai đại sư: Hòa thượng và A xà lê**". Là Pháp Sư có đủ giới đức để truyền giới cho người, nếu thấy

phạm tội thất nghịch thời cho thọ giới. Nếu có phạm trong mười giới trọng, phải báo người ấy sám hối; đối trước tượng Phật và Bồ tát. Ngày đêm sáu thời tụng giới Bồ tát tha thiết đánh lễ tam thế chư Phật, cho được thấy hảo tướng. Sám hối như thế trong bảy ngày, mười bốn ngày, hăm một ngày, nhứt đến trọn năm mãi đến chừng nào thấy được hảo tướng. Đây là hảo tướng: thấy Phật đến xoa đầu mình, thấy quang minh, thấy hoa báu v.v... các thứ cảnh tượng lạ. Thấy được những hảo tướng ấy là triệu chứng tội đã tiêu diệt. Nếu không được thấy hảo tướng, dầu có sám hối vẫn vô ích. Người này hiện đời cũng không đắc giới, nhưng đặng tăng ích thọ giới. Nếu là người phạm trong bốn mươi tám điều giới khinh, đối thú sám hối, thời tội đặng tiêu diệt, không phải như tội thất nghịch.

Vị Pháp Sư giáo giới ở trong những pháp này phải hiểu rõ. Nếu không hiểu kinh luật Đại thừa, những giới khinh, giới trọng, hành tướng phải, chẳng phải; không hiểu đệ nhứt Nghĩa đế, tập chủng tánh, trưởng dưỡng tánh, tánh chủng tánh, bất khả hoại tánh, đạo chủng tánh, chánh pháp tánh. Những quán hạnh đa, thiểu, xuất, nhập của trong các pháp đó, cùng mười chi thiên, tất cả pháp hạnh, mỗi mỗi đều không thông hiểu. Phật tử vì tài lợi, vì danh tiếng, cầu quấy, cầu nhiều, tham đệ tử đông nên giả tuồng là mình hiểu biết tất cả kinh luật, để được cúng dường, đó là tự dối mình mà cũng khi dối người khác. Nếu cố làm Giới sư truyền giới cho người, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

- Báo thân tiếng Phạn gọi là Lô xá na, Trung Hoa dịch là Báo thân. Viên mãn báo thân Lô xá na Phật.

- Ứng thân là thân Phật thị hiện ra đời ở Ấn Độ. Cái thân đó là do "Ngũ uẩn" hợp thành. Hóa thân là thân biến hóa cùng khắp để hóa độ chúng sanh. Thiên bá ức Thích Ca Mâu Ni Phật.

"Bảy giờ, đức Phật Lô Xá Na vì trong đại chúng lược giảng "Tâm Địa" như chừng đầu sợi lông trong số trăm nghìn hàng hà sa bất khả thuyết pháp môn".

Lô Xá Na chỉ cho phần viên mãn quả đức. Chư Phật đã nhiều kiếp tu hành ở nơi phước và trí. Phước trí trang nghiêm, lưỡng toàn phương tác Phật. Đây là chỉ cho nhân địa lúc tu nhân của chư Phật. Nhân địa tức địa vị của Bồ tát trong lúc tu nhân, khi nhân địa hoàn mãn thì kết thành quả địa là Phật. Như vậy quả địa là cái báo thân Phật, do vì tu nhân Phật mà tựu thành cái báo thân Phật. Hễ chúng ta tu nhân gì thì tương lai sẽ kết thành quả báo đó. Nhân tu Bồ tát thì kết thành báo thân Phật. Tu nhân người thì kết thành quả báo người v.v...

Nói cách khác, đức Phật Lô Xá Na, tức là "Báo Thân" của Phật Thích Ca Mâu Ni, còn Thích Ca Mâu Ni là ứng hóa thân của Phật Lô Xá Na vậy. Thế thì, ứng thân và báo thân tuy hai mà một, tuy một mà hai. Vì cả hai đều chung một bản thể pháp thân thường trú.

Chư Phật ra đời nhằm mục đích là để giáo hóa chúng sanh. Có vô lượng pháp môn để giáo hóa. Tùy theo căn cơ

của chúng sanh mà đức Phật tùy nghi hóa độ. Thông thường, có ba nguyên tắc mà đức Phật y cứ vào đó để hóa độ: Một, là hóa độ theo thứ lớp căn cơ. Hai, hóa độ tùy phương tiện. Ba, hóa độ theo tinh thần bình đẳng. Ở đây, ta thấy đức Phật Lô Xá Na giảng pháp Tâm Địa này nhằm để hóa độ cho các vị Bồ tát, mà tâm địa này chỉ là một phần nhỏ trong pháp môn của Phật nói, nên gọi là chùng đầu sợi lông mà thôi. Nói thế, để thấy rằng, còn rất nhiều những pháp môn khác mà Phật tùy căn cơ, phương tiện để giáo hóa chúng sanh. Những pháp môn Phật dạy nhiều đến đôi không thể nói hết được nên gọi là bất khả thuyết pháp môn. Chứ không phải chỉ có pháp môn tâm địa này thôi. Tuy nhiên, dù tu bất cứ pháp môn nào cũng không ngoài tâm. Cho nên nêu tâm là nêu đủ các pháp.

Ngài Kết "Tâm địa đây chính là lời của tất cả Phật thời quá khứ đã giảng, tất cả Phật thời vị lai sẽ giảng và tất cả Phật thời hiện tại đương giảng. Cũng là pháp môn mà tất cả Bồ tát đã học, sẽ học và đương học".

Đoạn văn kinh này cho thấy rằng, pháp môn "Tâm Địa" thật là tối ưu quan trọng. Vì quá quan trọng, nên các vị Bồ tát dù cũ hay mới gì, tất cả cũng đều phải y cứ vào pháp môn tâm địa Phật dạy đây, để mà nỗ lực tinh tấn gia công chuyên cần tu học. Cả ba đời chư Phật, không có vị Phật nào ra đời mà không dạy pháp môn tâm địa này. Vì có sao? Bởi vì Pháp môn này là đòn bẩy quan yếu chóng đưa Bồ tát đạt thành quả vị Phật. Chính vì điểm quan trọng đó mà không có vị Bồ tát nào dám xao lãng khinh thường pháp môn tâm địa này. Thật là duyên phúc thay, một căn

ta mặc đủ màu đủ kiểu, trái lại người tu thì chỉ mặc một màu đó là màu hoại sắc thôi.

Ta thấy ở đây Phật nói rất rõ về việc lễ nghĩa của người xuất gia. Phật dạy: "**Theo pháp của người xuất gia, không lạy: Quốc vương** (vua của một nước) **cha mẹ, lục thân và quý thân**". Lục thân nghĩa là những người có liên hệ trong thân bằng quyến thuộc: cha mẹ, anh em, chồng vợ. Khi xuất gia rồi, chẳng những không lạy cha mẹ còn tại thế, mà đến ngày cha mẹ mất, người con đã xuất gia cũng không được để tang (như người đời) và cũng không được lạy.

Để kết luận điều giới này, đức Phật nói rõ: "**Phàm hễ ai hiểu lời nói của Pháp Sư đều được thọ giới**". Dù người đó ở những nơi xa xôi từ trăm dặm, nghìn dặm lận lợi đến để cầu xin thọ giới Bồ tát, mà vị Pháp Sư có ác tâm, sân tâm không mau truyền giới Bồ tát cho người ấy, thì vị Pháp Sư này phạm "khinh cấu tội".

41. Giới Vì Lợi Làm Thầy

Nếu Phật tử, giáo hóa người sanh lòng tin tưởng pháp Đại thừa, Bồ tát làm Pháp Sư giáo giới cho người. Lúc thấy có người muốn thọ giới Bồ tát, nên bảo người ấy thỉnh hai đại sư: Hòa thượng và A xà lê.

Phải hỏi người ấy có phạm tội thất nghịch không? Nếu người ấy hiện đời có phạm tội thất nghịch, thời Pháp Sư không được cho người ấy thọ giới. Như không

Phàm hễ ai nhận hiểu lời nói của Pháp Sư đều được thọ giới. Mà có người từ trăm dặm nghìn dặm đến cầu pháp, nếu Bồ tát Pháp Sư vì ác tâm, sân tâm, mà không mau mắn truyền giới Bồ tát cho người ấy, thì phạm "khinh cầu tội".

Điều giới này chủ yếu là nói lên tinh thần bình đẳng của một vị Giới sư. Khi truyền giới, Giới sư không có quyền chọn lựa. Từ bực vua chúa hay quan quyền cho đến thứ dân, tất cả đều được thọ giới Bồ tát như nhau. Không được thiên vị bất cứ ai. Vì như thế sẽ mất đi cái tâm bình đẳng đối với mọi người. Thậm chí đến những hạng người cho là cận bã của xã hội, như dâm nam, dâm nữ, nuôi sống bằng nghề bán thân, đưa người cửa trước, rước người cửa sau, cũng vẫn được thọ giới Bồ tát. Nói chung bất cứ hạng người nào cho đến như quỷ thần cũng đều được thọ giới. Nếu đầy đủ những điều kiện của một người xin thọ giới Bồ tát, thì Giới sư phải bình đẳng mà truyền giới cho họ. Ngoại trừ những kẻ phạm tội thất nghịch, thì thân hiện đời này của họ không thể lãnh thọ giới pháp. Bảy tội nghịch như đã nói ở trước là ngoài 5 tội nghịch còn thêm 2 tội giết Hòa thượng và giết A xà lê.

Vấn đề y phục là những đồ mặc ở nơi thân, cho đến đồ lót ngồi hoặc nằm, tất cả đều phải nhuộm để trở thành màu hoại sắc. Điều này có nghĩa là phải dạy người thọ giới Bồ tát đều phải nhuộm pháp y bằng hoại sắc. Hoại sắc là màu không còn giữ nguyên màu sắc chánh của nó. Như màu đà cũng là màu hoại sắc. Vì pháp phục của người tu phải khác hơn y phục của người thế gian. Người thế gian người

lành rất lớn, nhờ gieo trồng căn lành nhiều đời nhiều kiếp sâu dày, nên nay chúng ta mới được nghe và mới được học hỏi phẩm pháp môn tâm địa này.

"Ta đã từng trăm A tăng kỳ kiếp tu tập Tâm địa này, do đó ta được hiệu là Lô Xá Na. Chư Phật! Các Ngài đem lời giảng của ta đây hầu mở con đường tâm địa cho hết thảy chúng sanh".

Chữ "Ta" ở đây chính là chỉ cho Đức Phật Lô Xá Na, vì trong lúc đó Đức Phật đang giảng. Đức Phật tuyên bố khẳng định rõ ràng rằng, Ngài đã từng trải qua trăm A tăng kỳ kiếp (con số không hạn định thời gian) để tu tập tâm địa này. Tâm địa này cũng chính là chánh nhân để tu hành đạt thành quả vị Phật. Nhờ trải qua số kiếp lâu xa thật hành Bồ tát hạnh, nên Ngài mới được phước trí trang nghiêm và kết thành quả vị Phật Lô Xá Na. Trong khi Đức Phật Lô Xá Na giảng pháp môn tâm địa này, chư Phật đều dự nghe và rồi các Ngài đem lời giảng của Phật Lô Xá Na để khai thông mở rộng con đường tâm địa cho tất cả chúng sanh. Với tâm ý là để cho chúng sanh y cứ vào đó tu hành để được thoát ly tam giới. Do vì chúng sanh không nhận rõ bản tâm (cái tâm chơn thật hằng hữu bất sanh bất diệt) mãi làm nô lệ cho vọng tâm (tâm giả dối không thật) sai khiến duyên theo trần cảnh tạo nghiệp thọ khổ. Bởi do vọng chấp khởi sanh phiền não, tạo nghiệp lành dữ, gọi là nghiệp hữu lậu, để kết thành quả sanh tử luân hồi ở trong ba cõi. Nghiệp dữ thì thọ báo tam đồ khôn khổ: "địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh". Nghiệp lành thì hưởng được quả báo an vui nơi cõi trời, cõi người. Tuy

nhiên, dù vui hay khổ cũng đều ở trong vòng nghiệp báo sanh tử luân hồi cả.

Chỉ có con đường chánh nhân tâm địa, nói cách khác là thấy được bản tâm thanh tịnh sáng suốt sẵn có của chúng ta, và rồi y cứ ở nơi bản tâm này mà nỗ lực tiến tu gia công hành trì, thì con đường dẫn đến thành Phật là điều quyết chắc không còn nghi ngờ. Vì thế tánh chơn như vượt ngoài đối đãi nhị nguyên. Đã là "Bản lai vô nhứt vật", thì còn gì mà so sánh hơn thua tranh chấp. Đến đây nhân ngã bỉ thử không còn, thị phi bất dứt, chỉ là một thể tánh viên minh tịch tịnh hằng chiếu sáng đó thôi.

"Liên đó, từ trên tòa Thiên Quang Sư Tử rục rờ nơi thế giới Liên Hoa đài tạng, Đức Phật Lô Xá Na phóng ra những tia sáng. Trong tia sáng ấy có tiếng nói với chư Phật đang ngự trên nghìn cánh sen báu. Các Ngài thọ trì phẩm Tâm Địa pháp môn của ta đây, rồi tuần tự đem giảng lại cho nghìn trăm ức Thích Ca cùng tất cả chúng sanh. Ai nấy đều nên thọ trì đọc tụng và nhứt tâm vâng làm".

Liên đó là nương theo văn trên, nghĩa là sau khi phó chúc, Đức Phật Lô Xá Na liền phóng ra tia sáng nơi tòa Thiên Quang Sư Tử ở thế giới Liên Hoa đài tạng, là chỗ ngự của Đức Phật Lô Xá Na. Những tia sáng mà Đức Phật Lô Xá Na phóng ra, trong tia sáng đó có tiếng nói với chư Phật đang ngự trên nghìn cánh sen báu, khuyên chư Phật nên thọ trì "Phẩm Tâm Địa Pháp Môn" của Phật Lô Xá Na. Rồi sau đó, nên tuần tự đem giảng lại cho nghìn trăm ức

40. Giới Không Bình Đẳng Truyền Giới

Nếu Phật tử, lúc cho người thọ giới không được lựa chọn. Tất cả hàng Quốc vương, Hoàng tử, các quan, Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Tín nam, Tín nữ, Dâm nam, Dâm nữ, Phạm thiên trong 18 cõi Sắc, Thiên tử trong sáu cõi Dục, người thiếu căn, hai căn, huỳnh môn, tôi tớ và tất cả quỷ thần đều được thọ giới. Tất cả y phục ngọa cụ nên bảo phải hòa màu: xanh, đỏ, đen, tím nhuộm thành hoại sắc cho hiệp với đạo.

Trong tất cả quốc độ, theo phong tục của người trong nước mặc, y phục của thầy Tỳ kheo đều phải khác với y phục của người thế tục.

Khi ai muốn thọ Bồ tát giới, vị Sư phải hỏi rằng: trong đời này người có phạm tội thất nghịch chăng? Bồ tát Pháp Sư không được cho người phạm tội thất nghịch thọ giới trong đời này.

Đây là tội thất nghịch: ác tâm làm thân Phật chảy máu; hại bực Thánh Nhơn; giết cha; giết mẹ; giết Hòa thượng; giết A xà lê, Phá yết ma tăng, chuyển pháp luân Tăng.

Nếu phạm tội thất nghịch, thời hiện đời không đắc giới. Ngoài ra tất cả người đều được thọ giới.

Theo pháp của người xuất gia, không lay: Quốc vương, cha mẹ, lục thân và quỷ thần.

minh ngôi Tam bảo. Tam bảo có mặt ở thế gian mới có thể đem lại sự lợi lạc cho thế gian. Vì vậy, phàm xét thấy khi đủ nhân duyên thì nên chung nhau góp công sức và tài vật để kiến tạo.

Ngoài việc tạo lập các cơ sở hành đạo ra, giới pháp này còn khuyến tấn người Phật tử Bồ tát nên giảng thuyết kinh luật Đại thừa để cứu độ cho tất cả chúng sanh, cầu nguyện cho họ chóng thoát khỏi khổ nạn. Đó là tạo cho họ tăng trưởng căn lành và đầy đủ phước báo để họ được giải thoát. Riêng đối với người khuất tịch, nhờ công đức của kinh luật Đại thừa mà giác linh hay hương linh mau được siêu sanh thoát hóa. Do đó, ta thấy kinh luật Đại thừa rất là quan trọng, cho người còn sống cũng như cho người đã khuất bóng. Thế nên, bất cứ trong trường hợp nào, người Phật tử Bồ tát giới cũng không được rời kinh luật Đại thừa. Chúng ta cần phải giảng kinh, thuyết pháp và đọc tụng thường xuyên kinh luật Đại thừa.

Nếu như có hàng tân học Bồ tát, vì một lý do nào đó mà giải đãi biếng nhác bỏ bê không chịu siêng năng cầu học kinh luật Đại thừa, thì vị Bồ tát này sẽ phạm tội khinh cầu. Vì thế, đối với các vị mới thọ Bồ tát giới, hay đã thọ lâu năm, mà không chịu nỗ lực tinh cần chuyên tâm học hỏi kinh luật Đại thừa hay giới Bồ tát của kinh Phạm Võng, thì tất cả cũng đều phạm tội khinh cầu.

Chín giới như thế cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì, (trong phẩm Phạm Đàn có giải rộng).

Thích Ca và tất cả chúng sanh. Như vậy, trên nghìn cánh sen báu, mỗi cánh sen có một đức Phật ngự.

Câu cuối cho ta thấy rằng, bất cứ ai mà được dự vào hàng chư Phật, đều có thể thọ trì đọc tụng và nhứt tâm vâng làm. Nói rõ ra, là không riêng gì chư Phật mà tất cả chúng sanh, ai đã lãnh thọ giới Bồ tát cũng đều được dự nghe và thọ trì đọc tụng vâng làm cả.

"Sau khi lãnh thọ phẩm Tâm địa Pháp môn, chư Phật đang ngự trên nghìn cánh sen báu cùng nghìn trăm ức đức Thích Ca đồng đứng dậy rời khỏi tòa Sư tử. Toàn thân của các Ngài chiếu ra vô số tia sáng. Trong mỗi tia sáng ấy đều hóa hiện vô lượng đức Phật, đồng thời tung lên vô lượng hoa đẹp xanh, vàng, đỏ, trắng để cúng dường đức Phật Lô Xá Na. Cúng dường xong, chư Phật từ tạ trở về".

Văn trên có nói đến nơi Phật ngự là tòa Thiên Quang Sư Tử, Thiên quang là ánh sáng chiếu khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Ý nói trí tuệ của Phật soi sáng trùm khắp cả pháp giới. Còn Sư Tử là hình ảnh của một loài thú dữ, chúa tể sơn lâm. Những loài thú khác khi nghe tiếng gầm thét của con sư tử, thì tất cả đều khiếp hãi run sợ. Cho nên, trong kinh thường nói, Phật thuyết pháp như tiếng rống của con sư tử. Giáo pháp của Phật có công năng là phá tà hiển chánh. Tòa sư tử nói ở đây, không có nghĩa là hình tướng của con sư tử, mà Phật ngự bất cứ nơi nào cũng đều gọi là tòa sư tử cả. Vì sao? Vì đức Phật là bậc tự tại đối với tất cả muôn loài. Phật là vua của các pháp.

"Đấng Pháp Vương vô thượng,
Ba cõi chẳng ai bằng,
Thầy dạy khắp trời người,
Cha lành chung bốn loài..."

Tất cả trời người đều tôn kính quy ngưỡng đức Phật. Khác nào như con sư tử tự tại đối với muôn thú không chút e sợ. Vì thế nên chỗ Phật ngự gọi là tòa "vô ngại, vô úy" vậy.

Chư Phật đồng ngự trên nghìn cánh sen báu để lắng nghe và lãnh thọ Pháp môn Tâm địa, sau đó các Ngài cùng với trăm nghìn đức Thích Ca đồng đứng dậy rời khỏi tòa sư tử. Toàn thân của chư Phật đều chiếu ra vô số tia sáng. Trong mỗi tia sáng hóa hiện vô lượng đức Phật. Điều này nói lên ý nghĩa rằng, nơi thân thì chiếu ra vô số tia sáng (trí tuệ chiếu sáng trùm khắp), cứ mỗi tia sáng hóa hiện vô lượng đức Phật (nơi nào cũng là pháp thân Phật cả). Đồng thời tung lên hoa đẹp có đủ bốn màu: xanh, vàng, đỏ, trắng để cúng dường đức Phật Lô xá na (nuôi lớn pháp thân huệ mạng), cúng dường xong chư Phật từ tạ trở về (Quy y tròn một niệm, dứt sạch nghiệp ba kỳ). Các Ngài trở về nơi đương xứ của mình bằng cách nhập vào chánh định thể tánh hư không hoa quang.

"Sau khi rời khỏi chánh định thể tánh hư không hoa quang, đức Phật mới ngự trên tòa kim cương Thiên Quang Vương và Diệu Quang Đường mà giảng về Thập Thế giới Hải".

Chư Phật nhập chánh định, trong khi nhập định đó trở về nơi đạo tràng. Khi về lại Bồ Đề Đạo Tràng rồi, chư Phật

dựng Phật tháp, chỗ an cư, tọa thiền trong mùa đông mùa hạ, tất cả những cơ sở hành đạo đều nên kiến tạo.

Người Phật tử phải giảng thuyết kinh luật Đại thừa cho tất cả chúng sanh. Lúc tật bệnh, nước có nạn có giặc, ngày cha, mẹ, anh, em, Hòa thượng, A xà lê khuất tịch, và mỗi tuần thất, nhứt đến bảy tuần thất, cũng nên giảng thuyết kinh luật Đại thừa. Tất cả những trai hội cầu nguyện, những lúc đi làm ăn, những khi có tai nạn lụt, bão, hỏa hoạn, ghe thuyền trôi giạt nơi sông to biển lớn, gặp quỷ la sát v.v... đều cũng đọc tụng kinh luật Đại thừa. Nhứt đến tất cả tội báo, tam ác, bát nạn, thất nghịch công cùm xiềng xích trói buộc tay chơn, hoặc người nhiều dâm, nhiều sân, nhiều ngu si, nhiều tật bệnh, đều nên giảng kinh luật Đại thừa này.

Nêu hàng tân học Phật tử không thật hành như trên đây, thời phạm "khinh cấu tội".

Việc tạo dựng cơ sở để có nơi hành lễ và truyền bá giáo pháp của Phật là điều rất cần thiết. Vì thế, nên người Phật tử Bồ tát cần khuyến khích nhau tạo những phương tiện như tự viện, Tăng phòng v.v... để cho chư Tăng có nơi an trú tu học. Việc tạo dựng này là trách vụ bốn phận của người Phật tử tại gia. Người xuất gia chỉ có đứng ra kêu gọi Phật tử tùy hỷ phát tâm đóng góp tài vật để kiến tạo ngôi Tam bảo thôi. Vì đây là việc làm mang lại lợi ích chung cho tất cả, không riêng ai. Cho nên ngôi chùa còn được gọi là ngôi nhà chung, là đại gia đình. Xuất gia và tại gia cả hai đều có bốn phận duy trì và phát huy xương

chất phẩm vị giới luật. Còn nếu ngôi lộn xộn giống như đạo Bà la môn, thì chẳng đẹp chút nào. Đã vậy, còn thêm sự tranh cãi rầy rà mất đi sự hòa khí tình huynh đệ thầy trò.

Ngày nay ta thấy có đôi khi một người có địa vị chức quyền trong chánh quyền, thì vị này vẫn được ngồi chung ngang hàng với những vị trong hàng giáo phẩm cấp cao. Điều này tuy là xã giao lấy lòng, nhưng nhìn vào thật khó coi. Có người đời sống cá nhân của họ ngoài đời chẳng ra gì, ấy thế mà vì có chút chức quyền địa vị trong xã hội, mà họ lại được chư Tôn đức Tăng, Ni nể nang nâng họ lên ngôi ngang hàng với các bậc trưởng lão cao đức. Thật không còn thể thống gì cả. Nhưng nói ra theo luật Phật dạy đây, thì họ cho rằng, bây giờ là thời đại nguyên tử 4.0 rồi mà còn lạc hậu chấp nhứt ngôi trước ngôi sau nữa sao? Thế là chỉ biết câm nín im mồm mà thôi! Thời của Tổ Quy Sơn cách chúng ta hơn ngàn năm mà Ngài còn than: "Trung ngôn nghịch nhĩ!" Lời nói thẳng, nói ngay, thì quả thật bao giờ cũng trái với cái lỗ tai của người nghe!

Nói ngôi theo thứ tự đúng pháp, thì cố Đại lão HT Vạn Đức cũng dạy: *"Theo thứ tự đúng pháp, là theo nơi sự thọ giới trước sau mà phân ngôi thứ, đó là đúng pháp. Còn nếu lấy chức tước quyền quý, quan dân để mà phân, hay là lấy tuổi đời mà phân gọi là không đúng pháp"*.

39. Giới Không Tu Phước Huệ

Nếu Phật tử, thường phải khuyến hóa tất cả mọi người kiến tạo Tăng phường nơi núi rừng vườn ruộng, xây

mới xuất định nên nói rằng: "Đức Phật mới ngự nơi Tòa kim cương thiên quang vương, là tòa nơi cõi Bồ đề, gọi là kim cương (cương) tòa. Khi đức Phật sắp thành đạo, Ngài ngự trên tòa Kim cương để nhập kim cương định, khi nhập kim cương định rồi, mới được thành Phật". Trong lúc nhập kim cương định tạo nên một sự chấn động mạnh, làm rung động tất cả các nơi khác. Chỉ có tòa kim cương mới có thể chịu đựng một cách vững chắc bền bỉ không bị lay động. Vì tòa kim cương là thể tánh vững chắc bền vững. Phật đã từng phát nguyện: *"Ta ngồi đây nếu không thành quả vị Chánh đẳng Chánh giác", thì dù cho thịt nát xương tan, ta quyết không rời khỏi chỗ ngồi này"*. Chính do phát lời đại nguyện kiên cố cứng chắc như kim cương nên đức Phật mới thành tựu được đạo quả. Điều này cho thấy, "tu hành vô nguyện, thì đạo quả nan thành". Thế nên, tu hành muốn đạt thành sở nguyện, thì phải lập nguyện cho thật bền vững cứng chắc như kim cương mới có thể thành tựu ý nguyện vậy.

Điều này ta có thể hiểu, tòa Kim Cương Thiên Quang Vương dưới cõi Bồ đề là cõi của chúng ta đây, còn Diệu Quang Đường là nơi cung trời Tứ Thiên Vương. Trên trời Tứ Thiên Vương có một tòa nhà gọi là Diệu Quang Đường. Tòa nhà đó là nơi Phật ngự, nghĩa là Phật ngự nơi Bồ Đề Đạo Tràng, Kim Cương Tòa đó và nơi cung trời Tứ Thiên Vương giảng về Thập Thế giới Hải. Thập thế giới hải là các thế giới thuộc về Thập Phương Vô Lượng Chư Thế Giới chung trong Hoa Tạng Thế Giới hải (Hoa Nghiêm Kinh Sớ - 59).

"Rồi Đức Phật giảng pháp Thập trụ nơi cung trời Đế Thích, giảng pháp Thập Hạnh nơi cung trời Diệm Ma, giảng pháp Thập Hồi Hương nơi cung trời Đâu Suất, giảng pháp Thập Thiên Định nơi cung trời Hóa Lạc, giảng pháp Thập Địa nơi cung trời Tha Hóa, giảng pháp Thập Kim Cương nơi cõi Sơ Thiên, giảng pháp Thập Nhân nơi cõi Nhị Thiên, giảng pháp Thập Nguyên nơi cõi Tam Thiên, và sau cùng ở Tứ Thiên nơi cung trời Đại Tự Tại Thiên Vương, Đức Phật giảng Phẩm Tâm Địa Pháp Môn mà thưở trước Đức Phật Lô Xá Na đã giảng ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng".

Sau khi giảng về "Thập Thế Giới Hải" ở cung trời Tứ Thiên Vương (cõi trời lưng chừng núi Tu di) và Bồ Đề Đạo Tràng. Sau đó, đức Phật ngự nơi cung trời Đế Thích để giảng pháp "Thập Trụ". Thập trụ nói đủ là Thập địa trụ hay Thập pháp trụ. Tức 10 trụ trong quá trình tu hành của Bồ tát từ giai vị thứ 11 cho đến 20 trong 52 giai vị Bồ tát. Mười trụ gồm có: 1. Sơ phát tâm trụ. 2. Trì địa trụ. 3. Tu hành trụ. 4. sinh quý trụ. 5. Phương tiện cụ túc trụ. 6. Chính tâm trụ. 7. Bất thoái trụ. 8. Đồng chân trụ. 9. Pháp vương tứ trụ. 10. Quan đánh trụ. Trời Đế Thích còn gọi là Thích Đề Hoàn Nhơn là vua của cõi trời Đạo Lợi. Đây là cõi trời thứ 2 của Dục giới.

Đến cung trời Diệm Ma (có chỗ gọi là Dạ Ma), tức cõi trời thứ 3 của cõi Dục, ở đây, đức Phật giảng pháp Thập Hạnh. Thập hạnh là 10 hạnh lợi tha của Bồ tát tính từ giai vị thứ 21 đến giai vị thứ 30. Thập hạnh gồm có: 1. Hoan hỷ hạnh. 2. Nhiều ích hạnh. 3. Vô sân hận hạnh. 4. Vô tận

Không được như hàng ngoại đạo, si mê, hoặc già, hoặc trẻ, ngồi trước sau lộn xộn không có thứ tự, không khác cách ngồi của bọn binh nô. Trong Phật pháp của Ta, hễ người thọ giới trước thời ngồi trước, còn người thọ giới sau thời ngồi sau.

Nếu Phật tử không theo thứ tự đúng pháp mà ngồi, thời phạm "khinh cấu tội".

Giới này Phật đã quy định rất rõ về cách ngồi theo thứ lớp. Thứ lớp ở đây có hai: Một là thứ lớp giữa các chúng. Chúng xuất gia được chia làm 2 bộ; chư Tăng và chư Ni. Tăng ngồi theo Tăng và Ni ngồi theo Ni. Chúng tại gia cũng chia làm hai: nam cư sĩ và nữ cư sĩ. Nam cư sĩ còn gọi là Ưu bà tắc. Nữ cư sĩ gọi là Ưu bà di. Theo thứ tự nam ngồi theo nam và nữ ngồi theo nữ. Không được ngồi lộn xộn với nhau. Đó là thứ lớp theo chúng mà ngồi. Hai là ngồi căn cứ theo hạ lạc. Tức tính theo tuổi trong đạo. Người thọ giới trước thì ngồi trước (chỉ trong phạm vi bố tát, còn theo cương vị hành chánh thì khác). Như người hạ lạc thấp, nhưng có chức vụ cao trong hàng giáo phẩm, thì vị đó vẫn được ngồi ở vị trí cao hơn. Cho nên, điều này ta cần phải lưu ý. Nếu không thì có sự tranh chấp không hay. Cãi nhau vì chỗ ngồi thì thật là xấu hổ. Tuy lớn tuổi đời mà hạ lạc thấp hơn thì cũng vẫn ngồi sau. Luật Phật chế quy định theo thứ tự hạ lạc, thì không phân biệt chức tước quyền cao hay giàu sang danh vọng, tất cả đều phải ngồi theo thứ tự. Điều này, nếu nhìn theo góc độ văn hóa thì chúng ta thấy cũng rất là cao đẹp. Bởi đây là một tinh thần bình đẳng dựa trên quy luật tuổi đạo. Nói lên được tính

người tụng giới vẫn ngồi ngang hàng với những người ngồi nghe. Như thế là trái với luật Phật dạy ở đây rồi. Tôi xin trích dẫn lời giảng dạy của cố Đại lão HT Thích Trí Tịnh trong một đoạn ngắn của quyển Lục Giảng Nghi Thức Tụng Giới như sau: **"Bất luận vị đó lớn nhỏ, nhưng nếu thay thế trong đại chúng để tụng giới, thì vị đó phải thỉnh lên ngồi ở trên cao"**.

Đến vấn đề pháp phục của người xuất gia, thì trong luật cũng nêu rõ ràng, là người xuất gia phải mặc đồ hoại sắc, không được mặc đồ trắng như người bạch y. Nhưng bây giờ thì trong Tăng chúng cũng có người mặc nguyên bộ đồ trắng. Giống như người bạch y cư sĩ tại gia. Có lẽ vì pháp phục của chư Tăng, Ni, chưa có quy định pháp phục rõ ràng, nên ai muốn mặc sao cũng được, dù vẫn biết mặc như thế là trái với luật Phật dạy.

Đến như chỗ hiểm nạn, người du phương đầu đà phải nên tránh những chỗ hiểm nguy đó. Biết chỗ đó có hiểm nạn mà vẫn cố vào thì người đó sẽ phạm điều giới 37 này. Biết chỗ hiểm nạn mà vẫn vào đó an cư thì vẫn bị phạm tội.

38. Giới Trái Thứ Tự Tôn Ty

Nếu Phật tử, phải theo thứ tự đúng pháp mà ngồi: người thọ giới trước thời ngồi trước, người thọ giới sau thì ngồi sau. Không luận già, trẻ, Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni. Người sang như Quốc vương, hoàng tử, nhần đến kẻ hèn như huỳnh môn, tôi tớ v.v... tất cả đều nên theo thứ tự mà ngồi: người thọ giới trước thời ngồi trước, người thọ giới sau thời ngồi sau.

hạnh. 5. Ly si loạn hạnh. 6. Thiện hiện hạnh. 7. Vô trước hạnh. 8. Tôn trọng hạnh. 9. Thiện pháp hạnh. 10. Chân thật hạnh. Đó là 10 hạnh mà Bồ tát cần phải nỗ lực chuyên cần tu tập.

Kế tiếp, đến cõi trời thứ 4 là cõi trời Đâu Suất (nơi Bồ Tát Di Lặc đang ngự trong nội viện thiên cung), Phật giảng pháp Thập Hồi Hương. Thập hồi hương là 10 giai vị, từ giai vị thứ 31 đến giai vị 40 trong 52 giai vị tu hành của Bồ tát. Mười hồi hương gồm có: 1. Cứu hộ nhứt thiết chúng sanh ly chúng sanh tướng hồi hương. 2. Bất hoại hồi hương 3. Đẳng nhứt thiết Phật hồi hương. 4. Chư nhất thiết xứ hồi hương. 5. Vô tận công đức tạng hồi hương. 6. Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hương. 7. Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh hồi hương. 8. Như tướng hồi hương. 9. Vô phược trước giải thoát hồi hương. 10. Pháp giới vô lượng hồi hương. Đó là mười điều Hồi Hương mà Bồ tát cần phải nỗ lực tu tập.

Đến cõi trời thứ 5 là cõi trời Hóa Lạc, đức Phật giảng pháp Thập Thiên Định. Đây là 10 giai đoạn của thiên định từ khởi đầu đến cao độ. Đó là: 1. Xuất gia thanh tịnh thiên. 2. Cận thiện tri thức thanh tịnh thiên. 3. A lan nhã xứ thiên. 4. Ly hỷ luận hội não thiên. 5. Thân tâm nhu nhuyễn thiên. 6. Trí huệ tịch tĩnh nhất thiết âm thanh thiên. 7. Thất giác bát đạo thiên. 8. Ly vị trước chư phiền não thiên. 9. Thông minh thanh tịnh thiên. 10. Nội trí phương tiện du hỷ thân thông thiên.

Đó là 10 Thiên Định mà Bồ tát cần phải thật hành.

Cõi trời cuối cùng của 6 cõi trời Dục giới là cõi trời Tha Hóa. Nơi đây, đức Phật giảng pháp Thập Địa. Đây là 10 giai vị tu tập cuối cùng của Bồ tát. Mười giai vị gồm có: 1. Hoan hỷ địa. 2. Ly cấu địa. 3. Minh địa. 4. Diệm địa. 5. Nan thắng địa. 6. Hiện tiền địa. 7. Viễn hành địa. 8. Bất động địa. 9. Thiện huệ địa. 10. Pháp vân địa.

Tóm lại, lần lượt trải qua 6 tầng trời ở cõi Dục, từ cõi trời Tứ Thiên Vương cho đến cõi trời Tha Hóa, mỗi nơi đức Phật đều có thuyết giảng những pháp tu đặc biệt cho các vị Bồ tát. Như: Thập thế giới hải, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập thiên định và Thập địa.

Sau đó, đức Phật rời cõi Dục, đến cõi trời Sắc giới. Nơi cõi trời Sơ Thiên, đức Phật giảng pháp Thập Kim Cương. (Thập Kim Cương này chúng tôi tra trong Từ Điển Phật Học Huệ Quang, thấy nói Thập Kim Cương Tâm, chớ không có Thập Kim Cương, như vậy không biết có đúng không? Chúng tôi xin nêu ra đây để quý độc giả xem thử).

Mười nguyện tâm kiên cố như Kim Cương của Bồ tát nói trong Phẩm Ly Thế Gian, Kinh Hoa Nghiêm 55. Đó là: 1. Giác liễu pháp tính. 2. Hóa độ chúng sinh. 3. Trang nghiêm thế giới. 4. Hồi hướng thiện căn. 5. Thờ phượng bậc Đại sư. 6. Thật chứng các pháp. 7. Rộng thực hành nhẫn nhục. 8. Tu hành trong thời gian dài. 9. Tự thực hành đầy đủ. 10. Đầy đủ các nguyện khác.

Đến cõi trời Nhị Thiên, đức Phật giảng pháp Thập Nhẫn. Thập nhẫn là 10 tâm an nhẫn mà Bồ tát chứng được khi

- Khăn tay để lau.
- Con dao để cắt nhánh dương hoặc cắt các vật khác.
- Đá lửa để nhúm lửa hoặc sưởi ấm khi lạnh. Không phải để nấu ăn. Hành đầu đà chỉ là khát thực thôi.
- Cái nhíp để nhổ lông mũi.
- Giường dây dùng tấm vải thật mỏng để làm một cái giường có thể giăng trên cây để nghỉ được, tránh được muỗi mòng đốt chích.

Ta cần phân biệt hành đầu đà và du phương khác nhau. Du phương là đi đến nơi này nơi kia để phỏng đạo hoặc giáo hóa. Còn hành đầu đà là phải thật hành đúng theo hạnh đầu đà. Mỗi năm hành đầu đà hai kỳ. Ấn định thời gian rất rõ. Chỉ trong vòng thời gian đó, hành đầu đà là phải đi du phương. Người hành đầu đà đi đâu cũng phải mang theo trong người 18 vật, không thiếu một được. Như chim hai cánh mới có thể bay xa được. Hành đầu đà theo luật thì không cần phải thật hành trọn đời. Tùy theo sự phát nguyện tu hành một thời gian nào đó rồi xả. Hạnh này phải nói rất là khó thật hành. Người muốn tu theo hạnh này, thì phải có chí nguyện lớn.

Tiếp theo là nói về bố tát và nghi thức bố tát. Theo định kỳ cứ mỗi nửa tháng thì bố tát một lần. Trừ phi có những tai nạn bất ngờ xảy ra. Cử một người tụng còn tất cả những người khác thì ngồi chăm chú lắng nghe. Người tụng giới phải ngồi cao hơn người ngồi nghe. Nghĩa là phải có bàn và ghế đặt ở chính giữa (từ bàn Phật ngó ra) cho người ngồi tụng giới. Luật dạy rõ ràng, vậy mà trong những kỳ bố tát tụng giới từ trước tới nay, tôi vẫn thấy

phiên nào, xa lìa mọi trệ trước. Đầu đà gồm có 12 hạnh: 1. Mặc áo nạp y. 2. Mặc áo tam y. 3. Khất thực. 4. Không bày biện ăn uống. 5. Nhất tọa thực. 6. Nhất sử thực. 7. A lan nhĩ xứ. 8. Trùng gian tọa. 9. Thụ hạ tọa. 10. Lộ địa tọa. 11. Tùy tọa, 12. Thường tọa bất ngộa (Từ Điển Phật Học Hán Việt). Tuy có 12 hạnh, nhưng phần nhiều chỉ chú ý nhất vào hạnh khất thực mà thôi. An cư vào mùa đông ở xứ lạnh, thì gọi là Kiết đông. Mùa hè ở xứ nóng, thì gọi là Kiết hạ.

Khi một người hành đầu đà thì phải đem theo 18 món như nói trên. Vì sao phải đem theo như vậy? Vì hành đầu đà tuyệt đối không được ở nhà ai và cũng không được vào chùa để nghỉ ngơi, cho nên cần phải có đầy đủ những vật dụng này. Mỗi vật dụng đều có công dụng riêng của nó.

- Nhẫn ngành dương là thế cho bàn chải đánh răng. Ngày xưa làm gì có bàn chải đánh răng như bây giờ.

- Xà bông cũng không có nên phải dùng tro để thay thế rửa rái.

- Cái bát thì để đựng đồ ăn, còn bình thì đựng nước. Ai nói trì bình là sai. Bởi bình chỉ để đựng nước uống mà thôi.

- Tọa cụ là đồ để lót ngồi.

- Tích trượng là cây gậy để chống. Ấn Độ thời xưa rấn rết rất nhiều, nên đi đâu cũng cần phải có cây gậy.

- Hộp lư hương là để đốt cúng dường Tam bảo, tụng kinh, ngồi thiền... - Đẩy lược nước "đồ hộ sanh" đến đâu có khe suối hoặc kênh rạch để mức nước nên cần đẩy lược nước tránh sát hại sinh trùng.

đoạn trừ các hoặc vô minh, chứng đắc lý các pháp xưa nay tịch nhiên. Mười nhẫn gồm có: 1. Âm thanh nhẫn. 2. Thuận nhẫn. 3. Vô sinh pháp nhẫn. 4. Như huyền nhẫn. 5. Như diễm nhẫn. 6. Như mộng nhẫn. 7. Như hương nhẫn. 8. Như điện nhẫn. 9. Như hóa nhẫn. 10. Như hư không nhẫn. Đó là mười nhẫn mà Bồ tát cần nên tu tập.

Đến cõi trời Tam Thiên, đức Phật giảng pháp Thập Nguyên. (Thập nguyên chúng tôi tra cứu trong hai bộ Từ Điển: Phật Học Huệ Quang và Từ Điển Phật Học Hán Việt không thấy nêu ra. Kể cả quyển Tam Tạng Pháp Số chữ Hán, cũng không thấy có. Không biết có phải là Thập Nguyên của Phổ Hiền Bồ tát hay không. Vì chưa rõ, cho nên chúng tôi không tiện nêu ra. Kính mong đại chúng hoan hỷ).

Cho đến sau cùng ở Tứ Thiên nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương mà giảng Phẩm Tâm Địa Pháp Môn của đức Phật Lô Xá Na đã giảng ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng. Điểm đặc biệt mà chúng ta cần chú ý: *"Tất cả nghìn trăm ức Đức Thích Ca ở nơi thế giới của mình đều giảng nói như thế cả"*.

Qua đoạn văn trên ta thấy nêu rõ, từ nơi Bồ Đề Đạo Tràng rồi lần lượt đi qua các cõi trời thuộc phạm vi dục giới và sắc giới, đức Phật đã tuần tự thuyết giảng cho các hàng thánh chúng là các vị Bồ tát pháp hội đương cơ. Từ một đức Thích Ca rồi hóa hiện ra trăm ngàn đức Thích Ca ở các cõi trời đều vì chư Bồ tát mà giảng pháp. Không phải chỉ có một ứng thân của Phật Thích Ca mà có đến nghìn trăm ức ứng thân Thích Ca Mâu Ni.

2. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni, từ lúc sơ khởi hiện thân nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, rồi qua phương Đông đến tại cung của Thiên Vương, diễn nói Kinh "Ma Thọ Hóa". Sau đó, Ngài giáng sanh nơi cõi Nam Diêm Phù Đề tại nước Ca Tỳ La, Vua Bạch Tịnh là thân phụ, và Hoàng hậu Ma Gia là sinh mẫu, nữ danh của Ngài là Tất Đạt Đa.

Xuất gia bảy năm, ba mươi tuổi thành đạo, hiệu Ngài là Thích Ca Mâu Ni.

Ở trên, nói về nhân duyên của đức Phật Lô Xá Na truyền pháp môn Tâm Địa cho đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đến đây, nói rõ về chỗ xuất xứ của đức Phật Thích Ca. Trước khi giáng sinh nơi cõi Nam diêm phù đề, (còn gọi là Nam thiệm bộ châu, một trong 4 châu thiên hạ). Lúc sơ khởi đức Phật Thích Ca hiện thân nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, rồi qua phương Đông đến cung của Thiên Vương, như trong sử nói trước khi giáng sanh, Ngài ngự nơi cung trời Đâu Suất Thiên Cung nói Kinh Ma Thọ Hóa. (Kinh này không thấy trong Đại Tạng, chỉ thấy nhắc ở đây thôi - lời chú thích của HT Thích Trí Tịnh). Sau đó Ngài giáng sanh nơi cõi Diêm Phù. Diêm phù đề là nói rộng, còn nói hẹp, thì ở thành Ca Tỳ La Vệ, nơi vườn Lâm tỳ ni, dưới cội cây "Vô Ưu" thuộc miền Trung Ấn Độ, bây giờ là nước Nepal. Thân phụ của Ngài là vua Bạch Tịnh (Suddhodana Gotama) và hoàng hậu Maha Maya là người giàu lòng nhân ái, kính trọng Thánh hiền. Tên của Ngài là Tất Đạt Đa.

này mang luôn bên mình. Đây là hai kỳ hành đầu đà trong mỗi năm: từ rằm tháng giêng đến rằm tháng ba, và từ rằm tháng tám đến rằm tháng mười. Trong hai kỳ hành đầu đà, luôn mang theo mình 18 món ấy như chim hai cánh.

Nếu đến ngày bố tát, hàng tân học Phật tử, mỗi nửa tháng luôn bố tát, tụng mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh.

Lúc tụng giới, nên ở trước tượng Phật và Bồ tát mà tụng. Chỉ có một người bố tát thời một người tụng. Nếu hai người, ba người, nhứt đến trăm nghìn người cũng một người tụng, còn bao nhiêu thời lắng nghe. Người tụng ngồi cao, người nghe ngồi thấp. Mỗi người đều đáp y hoại sắc chín điều, bảy điều và năm điều. Trong lúc kiết hạ an cư cũng phải mỗi việc đúng theo phép tắc.

Lúc hành đầu đà chớ đi đến chỗ có tai nạn, cõi nước hiểm ác, nhà vua hung bạo, đất đai gập ghềnh, cỏ cây rậm rạp, chỗ có giống sư tử, cọp, sói, cùng lụt, bão, nạn cháy, giặc cướp, đường sá có rắn rít... Tất cả nơi hiểm nạn ấy đều không được đến. Chẳng những lúc hành đầu đà, mà lúc kiết hạ an cư cũng không được vào những chỗ hiểm nạn ấy. Nếu cố vào những nơi ấy, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Giới này chú trọng về việc thật hành hạnh đầu đà - dhuta, còn gọi là Đồ Trà, Đồ đa, dịch là Đầu tẩu, nghĩa là rửa sạch

quan thứ sáu là ý căn hay ý thức không nói đến. Bởi vì ý thức là chủ động điều khiển 5 giác quan. Cho nên diệt phần thô trọng trước mới nói đến phần vi tế sau. Ý thức là gốc của sự tạo thành nghiệp. Tuy nhiên, nếu nói một cách chung thì khi một thức hoạt động thì bao gồm cả 7 thức kia. Bởi vì bát thức tâm vương và các món tâm sở đều có sự hợp tác chung nhau làm việc. Như con mắt thấy (nhãn thức) thì đều có mặt của những thức tâm vương tâm sở khác. Cho nên sự hoạt động của mỗi tâm thức, có khi chung hợp tác mà cũng có khi hoạt động riêng rẽ một mình. Như trường hợp ý thức (thức thứ 6) hoạt động trong lúc ngủ mê (mộng trung ý thức) hoặc hoạt động một mình (độc đầu ý thức).

Điều nguyện thứ năm là điều nguyện chung tất cả chúng sanh đều thành Phật.

Tóm lại, muốn giới thể được thanh tịnh, thì phải kiên trì phát thể. Nếu không phát thể nguyện trọng đại, thì khi đối cảnh xúc duyên cũng dễ phạm lỗi.

37. Giới Vào Chỗ Hiểm Nạn

Nếu Phật tử, mỗi năm phải hai kỳ hành Đầu đà, mùa Đông, mùa Hạ thời ngôi thiên kiết hạ an cư. Thường dùng nhang dương, nước tro, ba y, bát, bình, tọa cụ, tích trượng, hộp lư hương, dĩa lược nước, khăn tay, con dao, đá lửa, cái nhíp, giường dây, kinh, luật, tượng Phật, tượng Bồ tát. Khi Phật tử hành đầu đà cùng lúc du phương đi lại trăm dặm ngàn dặm, mười tám món

Ai cũng biết sử liệu ghi lại, sau khi rời khỏi hoàng cung, Thái tử Tất Đạt Đa đã trải qua 5 năm tìm đạo và 6 năm tu khổ hạnh, và sau đó Ngài đến cội cây Tất bát la, rồi thiền tọa trải qua 49 ngày đêm, mới chứng được đạo quả. Nếu tính theo thời gian thì Ngài xuất gia năm 19 tuổi và thành đạo năm 30 tuổi. Thế thì tại sao ở đây lại nói: "***Xuất gia bảy năm, ba mươi tuổi thành đạo, hiệu Ngài Thích Ca Mâu Ni Phật***". Như vậy có trái với sử ghi mà xưa nay chúng ta đã biết không? Để trả lời câu hỏi thắc mắc này, chúng tôi xin được trích dẫn nguyên văn lời của Đại lão Hòa thượng, thượng Trí hạ Tịnh đã giảng trong quyển "Kinh Phạm Võng Lược Giảng Nghi Thức Tụng Giới Bồ Tát, xuất bản năm 1997 tại TP Hồ Chí Minh ở trang 65": "*Ý nói từ khi Đức Phật tự mình tìm đạo, lúc đó mới chính thức gọi là Xuất gia, còn lúc chạy theo nhóm ngoại đạo tu khổ hạnh gọi là rời cung vua mà thôi.*

Khi đức Phật nhận thấy nhóm ngoại đạo không thiết thực giải thoát, mình nên tự tìm lấy mà thôi, rồi mới tự tu khổ hạnh để tự tìm đạo giải thoát.

Trong lúc đó bỏ ăn bỏ ngủ, trải qua như vậy 6 năm, đó mới gọi là chính thức Xuất gia.

Sáu năm khổ hạnh và 49 ngày tịnh tọa dưới cội Bồ Đề, như vậy là 7 năm, nên nhớ ý nghĩa này. Khi rời khỏi chỗ tu khổ hạnh cũng phải trễ một thời gian, trong sử có nói: sau là thọ sự cúng dường sữa, rồi đi tắm, việc này việc kia, cũng phải tốn thời gian. Nhưng thời gian trong sử không nói nhất định bao lâu. Chỉ nói Ngài đến cội Bồ Đề

trải cỏ trên tòa Kim Cương ngồi kiết già. Rồi nói nếu không thành Phật nhứt định không rời nơi đây. Bởi vậy cộng hơn 6 năm, nên trong đây gọi là 7 năm đó vậy".

"Tứ Bửu Tòa Kim Cương Hoa Quang nơi Đạo Tràng Tịch diệt nhứt đến nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, trong mười nơi ấy Đức Phật tuần tự ngự đến thuyết pháp".

Bửu Tòa Kim Cương Hoa Quang, tức là tòa Kim Cang ở dưới cội Bồ Đề, gọi là Đạo Tràng Tịch diệt. Kim Cang là một kim loại cứng chắc hay phá các thứ khác mà các kim loại khác không phá được nó. Lấy kim Cang để dụ cho trí huệ bát nhã. Vì trí huệ bát nhã có công năng phá hoại tất cả các lỗi chấp của phàm phu và ngoại đạo. Các lỗi chấp tuy nhiều nhưng không ngoài hai loại cố chấp nặng nhứt của chúng sanh, đó là: "Ngã" và "Pháp" chấp. Hiểu về Lý thì nơi nào cũng là tòa kim Cang cả. Nếu chúng ta ngồi bất cứ nơi đâu mà tâm ta có chánh niệm, chánh định, thì chính nơi đó là tòa kim Cang. Đâu cần phải đi qua Bồ Đề Đạo Tràng ở Ấn Độ, mới có tòa kim Cang. Tại sao gọi là đạo tràng tịch diệt? Đạo tràng nếu hiểu theo nghĩa thông thường thì đó là nơi hành đạo làm những công việc pháp sự. Như tụng kinh, thuyết pháp, bố tát, truyền giới v.v... Tất cả đều gọi chung là đạo tràng. Đạo tràng hiểu theo nghĩa sâu hơn nghiêng hẳn về phần lý tánh thì, chỉ cho bản thể chơn như hằng hữu thanh tịnh bất động. Nói cách khác là cái tâm ngay thẳng (trực tâm) chính đó là đạo tràng. Mà tâm ngay thẳng là lý "Trung đạo" không bị kẹt dính mắc hai bên. Còn kẹt hai bên là còn dính mắc vào

Qua 10 lời nguyện quan trọng đã nêu bày trong điều giới này, ta có thể gom lại thành 5 điều thệ nguyện:

1. Nguyện không làm sự bất tịnh với nữ nhơn.
2. Nguyện giữ giới thanh tịnh để xứng đáng thọ tứ sự (đồ ăn, đồ mặc, đồ nằm và dược phẩm) cúng dường.
3. Nguyện giữ giới thanh tịnh để xứng đáng thọ sự cung kính của người.
4. Nguyện trừ tâm nhiễm ô đối với ngũ trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc)
5. Nguyện tất cả chúng sanh đều thành Phật.

Qua năm điều trên, ta thấy rõ ràng là nghiêng nặng về người xuất gia. Tuy nhiên, người tại gia cũng có những nhu cầu thiết yếu trong đời sống như 4 thứ cúng dường cho người xuất gia. Có điều khác hơn là, những thứ vật dụng này chính do người tại gia làm ra. Ngược lại người xuất gia là khát sĩ thì không có tạo tác những thứ này. Vì thế nên người xuất gia thọ nhận "tứ sự" cúng dường của người Phật tử tại gia. Trong điều 4, ta thấy không riêng gì dành cho người xuất gia mà người tại gia cũng có thể trừ tâm nhiễm ô này. Đây là nói 5 giác quan của ta khi tiếp xúc với 5 trần bên ngoài. Nếu khi tiếp xúc mà khởi tâm nhiễm trước, thì gọi là trần. Bằng ngược lại, thì không gọi là trần mà gọi là cảnh.

Dù xuất gia hay tại gia, muốn được an lạc giải thoát thì phải làm chủ 5 giác quan khi tiếp xúc với 5 trần. Tùy theo làm chủ được nhiều ít mà có được sự an lạc giải thoát nhiều ít. Ở đây chỉ nói 5 giác quan (ngũ căn), còn giác

- **Thà lấy trăm nghìn lưỡi dao cắt đứt lưỡi mình, quyết không đem tâm phá giới này, mà ăn các thứ tịnh thực của người.**
- **Thà lấy búa bén chặt chém thân thể mình, quyết không đem tâm phá giới này mà tham mặc đồ tốt.**
- **Lại phát nguyện: Nguyện cho tất cả chúng sanh đều được thành Phật.**

Nếu Phật tử không phát những điều thệ này, thời phạm "khinh cấu tội".

Điều giới 35 Phật nói về việc không phát nguyện. Bởi tu hành việc phát nguyện thật là tối thiết yếu. Điều giới 36 này, Phật nói tiếp về không phát thệ. Thệ là lời thề. Lời thề đây khác hơn lời thề nguyện của thế gian. Thề là nói lên sự kiên quyết hùng dũng bằng một chí nguyện vững chắc như kim cương phá thạch. Chứ không phải thề thốt theo kiểu dối trá lường gạt qua mặt nhau như người thế gian hay thề. Họ thề cho qua chuyện. Mục đích là để cho đối phương tin họ. Đó là lối thề thốt lường gạt qua mắt thiên hạ. Ngược lại, lời thề nguyện hay thệ nguyện trong Phật giáo thật tối ư quan trọng. Trọng lượng của lời thề còn nặng hơn núi Tu di. Do đó, một khi đã phát thệ rồi là phải thực hiện cho đúng như lời thề. Trong phần tựa của năm đệ Lăng Nghiêm, trong đó có lời thề của Ngài A Nan: "*Phục thỉnh Thế Tôn vị chứng minh, ngũ trước ác thế thệ tiên nhập, như nhứt chúng sanh vị thành Phật, chung bất ư thử thủ nê hoàn*". Lại thỉnh đức Thế Tôn chứng minh cho con, trong đời ngũ trước ác thế con xin **thề** vào trước, nếu có một chúng sanh nào mà chưa thành Phật, thì con không bao giờ vào Niết bàn.

đôi đũa thì không gọi là tâm ngay thẳng, tức không phải Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Vì vậy nên mới nói Đạo Tràng Tịch diệt. Tịch diệt là tên khác của Niết bàn, có nghĩa là vắng lặng. Do diệt hết vô minh phiền não nên tâm thể được vắng lặng. Cho nên khi nói đến Đạo Tràng ta phải hiểu cả hai phần "Sự" và "Lý". Sự và Lý, Tánh và Tướng không hai đó là nghĩa của Đạo Tràng vậy.

Đại tự tại thiên vương là vị vua ngự ở cõi trời Tứ Thiên, là vị thần thủ hộ của Phật giáo. Vị thần này còn có tên là Ma hê thủ la.

"Lúc đó như khi xem bữa tràng màn lưới của Đại phạm thiên vương, đức Phật vì đại chúng mà giảng kinh Phạm võng".

Đại Phạm thiên vương, tức là vua của cõi trời Tứ Thiên. Cũng gọi là Đại tự tại thiên vương. Như vì trong hội thuyết pháp này, đức Phật dùng lưới báu của Đại phạm thiên vương làm tỷ dụ, nên gọi là Kinh Phạm Võng, tức màn lưới báu châu treo trước điện thiên vương. Những mắc lưới châu báu đan kết với nhau óng ánh chiếu sáng tuyệt đẹp, nên lấy đó để nói lên ý nghĩa nhân duyên, tương tức, tương nhập, mà đức Phật thuyết minh Kinh Phạm Võng.

Ngài dạy rằng: "Vô lượng thế giới dường như là lỗ lưới. Mỗi thế giới đều khác nhau cả, khác nhau đến số vô lượng. Giáo pháp của Phật cũng như vậy".

Qua đoạn văn kinh này, cho ta thấy cái tuệ giác của đức Phật đã nhìn thấy thấu suốt hằng hà sa số thế giới, mà khoa Thiên văn học ngày nay đã và đang mò mẫm khám phá những thế giới khác. Nhà Bác học Melvin Berger còn cho ta biết: "những khám phá mới nhất của khoa Thiên văn học cho hay: với những máy viễn vọng kính tối tân, loài người đã trông thấy trong Thiên hà của chúng ta có chừng 150 tỷ ngôi sao, trong đó có tới một tỷ hành tinh có dấu hiệu có nguồn sống của sinh vật. Ngoài ra còn có hàng triệu triệu Thiên hà mà chúng ta đang có mặt, mà Thiên hà gần chúng ta nhất mệnh danh là Tròn Ốc, có những hành tinh nhỏ li ti, mắt trần khó thấy, cách xa chúng ta khoảng 2 triệu năm ánh sáng..."

Điều này đủ chứng minh cho thấy khoa học chỉ tìm hiểu phát minh những gì mà cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm đức Phật đã nói. Đó là điều mà khoa học chứng minh cho thấy điều Phật nói là chính xác. Ngoài thế giới Ta bà còn vô số thế giới ta thấy rải rác trong các kinh điển Phật giáo Đại thừa đều có đề cập đến. Tiêu biểu như Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Di Đà v.v... Nhìn thấy những lỗ lưới đan kết xen nhau bằng những hạt châu Ma ni, mỗi hạt châu đều khác nhau. Cũng thế trong không gian vô tận mỗi thế giới đều khác nhau. Tuy mỗi thế giới khác nhau nhưng cũng không ngoài không gian rộng lớn vô biên. Điều này để nói lên rằng, những pháp môn Phật dạy tuy nhiều vô lượng vô biên nhưng chung kết lại với nhau thành ra Phật pháp. Phật pháp là pháp giác ngộ chung cho tất cả chúng sanh. Mỗi chúng sanh trình độ căn cơ có sai biệt, nhưng tất cả cũng không ngoài tánh giác. Cũng như các lượn

- **Thà lấy lưới sắt nóng quấn thân mình cả nghìn lớp quyết không để thân này phá giới mà thọ những điều y phục của tín tâm đàn việt.**
- **Thà chịu nuốt hòn sắt cháy đỏ và uống nước đồng sôi mãi đến trăm nghìn kiếp, quyết không để miệng này phá giới mà ăn các thứ thực phẩm của tín tâm đàn việt.**
- **Thà nằm trên đồng lửa lớn, trên tấm sắt nóng, quyết không để thân này phá giới mà nhận lấy các thứ giường ghế của tín tâm đàn việt.**
- **Thà trong một hai kiếp chịu cho cả trăm grom giáo đâm vào mình, quyết không để thân này phá giới mà thọ các thứ thuốc men của tín tâm đàn việt.**
- **Thà nhảy vào vạc dầu sôi trong trăm nghìn kiếp quyết không để thân này phá giới mà lãnh những phòng nhà, ruộng vườn, đất đai của tín tâm đàn việt. Lại phát thệ rằng:**
- **Thà dùng chày sắt đập thân này từ đầu tới chân nát như tro bụi, quyết không để thân này phá giới mà thọ sự cung kính lễ bái của tín tâm đàn việt. Lại phát thệ rằng:**
- **Thà lấy trăm nghìn lưới grom giáo khoét đôi mắt mình quyết không đem tâm phá giới mà nhìn xem sắc đẹp của người.**
- **Thà lấy trăm nghìn dùi sắt, đâm thủng lỗ tai mình trải trong một hai kiếp, quyết không đem tâm phá giới này mà nghe tiếng tốt giọng hay.**
- **Thà lấy trăm nghìn lưỡi dao cắt bỏ lỗ mũi mình, quyết không đem tâm phá giới này mà ngửi các mùi thơm.**

một câu châm ngôn: *"Ở bất cứ nơi nào có bạn bè, thì đó là quê hương của bạn, và bất cứ nơi đâu mà bạn được yêu thương, thì đó là gia đình của bạn"*. Cổ nhân cũng có câu nói: "Học Thầy không tầy học bạn". Vì thầy ít khi mình được gần gũi thường xuyên để học hỏi. Còn bạn thì dễ thân cận học hỏi với nhau hơn. Có những người bạn tốt họ giúp cho mình về kiến thức Phật pháp rất nhiều. Thầy bạn thường dạy ta về những kinh luật Đại thừa, và những cấp bậc tu tập chứng đắc của các vị Bồ tát như: Thập phát thú, Thập trưởng dưỡng, Thập kim cương và Thập địa (đã có giải thích qua). Những vị Thiện tri thức này đã chỉ dạy cho ta tu hành đúng theo chánh pháp.

- Điều nguyện cuối cùng là: ***"nguyện giữ vững giới của Phật: thà chết chớ chẳng chịu phai lòng"***. Đây là điều nguyện tối ư quan trọng. Muốn thành tựu được đạo quả, thì ngoài điều nguyện này ra, không còn điều nguyện nào thiết yếu vững chắc hơn, để hoàn thành tâm nguyện của ta trên bước đường giác ngộ giải thoát. Phật kết luận: ***"Nếu tất cả Phật tử không phát những điều nguyện trên đây thời phạm "khinh cấu tội"***.

36. Giới Không Phát Thệ

Nếu Phật tử, khi đã phát nguyện mười điều nguyện lớn trên đây rồi, phải giữ gìn giới cấm của Phật. Tụ thệ rằng: Thà nhảy vào đồng lửa, hố sâu, núi đao, quyết không cùng với tất cả người nữ làm điều bất tịnh để phạm điều cấm trong kinh luật của tam thế chư Phật. Lại thệ rằng:

sóng trên biển cả, tuy có nhiều lượn sóng nhỏ to khác nhau, nhưng tựu trung cũng không ngoài biển cả mà có.

"Đức Phật đã tám nghìn lần đến thế giới Ta Bà này, ngự trên Bửu Tòa Kim Cương Hoa Quang nhả đến ngự nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, lược giảng "Tâm Địa Pháp Môn" cho cả thầy đại chúng trong những pháp hội ấy".

Đoạn trên nói rõ về không gian bao trùm vô số thế giới, ở đây Phật lại nói về thời gian. Thời gian mà Phật đến cõi Ta bà này trải qua tám nghìn lần và mỗi lần như thế thì Phật lại ngự trên Bửu tòa kim cương hoa quang. Đồng thời Phật ngự nơi cung trời của Đại tự tại thiên vương mà lược giảng pháp môn Tâm Địa. Đây là pháp môn chỉ bày tự tánh để chúng sanh nương đó mà tu hành chóng thành Phật quả. Ví như muốn có cơm thì phải dùng gạo nấu. Nếu lấy đất sét nấu thì muôn đời vạn kiếp cũng không bao giờ thành cơm. Vì nhân và quả không tương xứng nhau. Cũng vậy, muốn thành Phật tất phải y cứ vào "Chánh nhân Phật tánh" (tâm địa) mà tu hành. Chánh nhân Phật tánh thì ai cũng sẵn có. Như lửa vốn có sẵn trong cây. Tuy nhiên, muốn cho cây phát lửa, thì cần phải dùng vật liệu cọ xát. Cọ đến độ cực nóng thì lửa mới phát sanh. Sự cọ xát của hai thanh cây đó gọi là "Duyên nhân Phật tánh", tức điều kiện cần phải có để cho lửa phát sanh. Khi lửa đã phát sanh thì đó gọi là "Liễu nhân Phật tánh". Liễu nhân là cái kết quả trọn vẹn cuối cùng. Cũng thế, muốn thành Phật cũng phải nhờ đến duyên nhân, tức điều kiện tối thiết yếu trong việc tu tập. Nhưng tất cả đều đòi hỏi phải có thời gian.

Như vậy, thời gian trải qua tám nghìn lần để Phật giảng Pháp môn Tâm Địa thì tất cả thánh chúng cũng phải trải qua tám nghìn lần để dự nghe các hội thuyết pháp của Phật. Địa điểm nơi Phật nói Kinh Phạm Võng trải qua thời gian lâu xa, đó chính là nơi cung trời của Đại tự tại thiên vương. Điều này cho thấy rằng, thời gian và không gian hay muôn pháp có ra cũng đều phát khởi từ tâm lưu xuất. Đó là điều mà thiết nghĩ chúng ta cần nên lưu ý.

"Sau đó từ cung của Thiên Vương, đức Phật trở xuống ngự dưới cội Bồ Đề nơi cõi Diêm Phù, vì tất cả chúng sanh trên quả đất này, hạng người phạm ngu tối mà giảng một giới pháp Kim Cương Quang Minh Bửu Giới. Giới pháp này là lời thường trì tụng của Phật Lô Xá Na, khi Ngài mới phát Bồ Đề tâm trong thời kỳ tu nhơn của Ngài. Giới pháp này cũng chính là bản nguyên của tất cả Phật là bản nguyên của tất cả Bồ tát và là chủng tử của Phật tánh".

Đức Phật giảng xong thời thuyết pháp ở cung trời Đại tự tại, Ngài liền trở xuống nơi cõi này đến Bồ Đề Đạo Tràng, vì tất cả chúng sanh phạm phu ngu tối, mà giảng Bồ tát giới, gọi là Kim Cương Quang Minh Bửu giới. Giới pháp này là giới pháp mà đức Phật Lô Xá Na đã từng trì tụng, khi Ngài mới phát tâm Bồ Đề. Giới này cũng chính là cái nhân địa mà Ngài đã ứng dụng hành trì. Sở dĩ gọi giới pháp này là Kim Cương Quang Minh Bửu giới, là vì nội dung của nó hàm chứa đầy đủ "Ba nhóm tịnh giới" (Tam tụ tịnh giới), rất quan trọng như đã nói ở trước. Ba nhóm giới này gồm thâu tất cả những thiện pháp và nó có công

độ tận, phương chứng Bồ đề". Địa ngục chưa trông không, Ngài nguyện không thành Phật. Khi nào chúng sanh được độ hết, thì Ngài mới chứng quả Bồ đề. Đức Thích Ca Mâu Ni thì phát thệ rằng: "Nếu Ta ngồi đây (dưới cội cây Tất bát la) mà không chứng quả Bồ Đề (đắc đạo quả Vô Thượng Bồ Đề, tức quả vị Phật) thì dù cho thịt nát xương tan, Ta quyết không rời khỏi chỗ ngồi này". Đại khái đó là những lời đại nguyện của chư Phật và Bồ tát. Cho nên ở đây Phật dạy, là Phật tử thọ giới Bồ tát thì nên phát những điều nguyện lớn:

- Nguyện hiếu thuận với cha mẹ, đây là nói chữ hiếu theo thế gian. Bản phận làm con đối với các đấng sanh thành ta phải hết lòng hiếu kính phụng dưỡng. Còn trong đạo, đối với các bậc trưởng thượng Sư Tăng như Hòa thượng, A xà lê là những vị làm Giới sư truyền giới cho ta. Hiếu thuận Sư Tăng là hiếu thuận xuất thế gian. Còn hiếu với cha mẹ là hiếu thế gian.

- Nguyện được gặp Thầy hiền bạn tốt, đây là những bậc Thiện hữu tri thức của ta. Các Thầy là những vị Giáo thọ hướng dẫn chỉ bảo ta trên bước đường tu học Phật pháp. Những vị này mở mang kiến thức Phật pháp cho ta. Vì thế nên ta phải luôn biết ân và hết lòng kính trọng. Ngoài ra, ta cũng cần giao du thân thiết với những người bạn tốt. Bạn xấu thì nên tránh, bạn tốt, bạn lành thì nên gần gũi để cùng trao đổi học hỏi với nhau. Đời ta rất cần có bạn tốt lành để chia sẻ lúc hanh thông hoặc khi bế tắc. Tổ Quy Sơn có dạy: "Sanh ra thân ta là nhờ công ơn cha mẹ, làm nên thân ta là nhờ công ơn Thầy bạn". Người Tây Tạng có

con đường thành Phật xa xôi diệu vợi, đâm ra chán nản ngán ngẩm. Do đó, muốn được thành tựu quả vị nhanh hơn nên mới khởi niệm tu theo Nhị thừa. Với tâm ý là để mau chứng quả giải thoát, hoặc là ham mê theo ngoại đạo tà giáo, chỉ khởi một niệm như vậy thôi, thì cũng đã phạm rồi. Nếu ta có ý khởi niệm nhằm chán Đại thừa, không muốn học hoặc tuân theo Đại thừa, mà chỉ thích tin theo ngoại đạo, thì chư Tổ khuyên ta nên mau sám hối. Sám hối thì tội tiêu, nếu không sám hối mà cứ tiếp tục thì, có thể làm mất Bồ đề tâm. Thật là đáng sợ!

35. Giới Không Phát Nguyện

Nếu Phật tử, nên phát những điều nguyện lớn: nguyện ở hiếu thuận với cha mẹ, Sư Tăng - nguyện đặng gặp được Thầy tốt - bạn thiện tri thức - thường dạy bảo tôi các kinh luật Đại thừa - dạy cho tôi về Thập Phát Thú, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cương, Thập Địa, cho tôi hiểu rõ để tu hành đúng chánh pháp - nguyện giữ vững giới của Phật: thà chết chớ chẳng chịu phai lòng. Nếu tất cả Phật tử không phát những điều nguyện trên đây thì phạm "khinh cấu tội".

Tu hành vô nguyện đạo quả nan thành. Cho nên sự phát nguyện rất là quan trọng. Chư Phật, chư Bồ tát, chư vị Tổ Sư, không vị nào trong lúc tu nhân mà không phát nguyện. Đức Phật A Di Đà có 48 điều đại nguyện. Đức Bồ tát Quán Thế Âm có 12 điều đại nguyện. Đức Bồ Tát Phổ Hiền cũng có 10 điều đại nguyện. Đức Địa Tạng nguyện rằng: "địa ngục vị không, thệ bất thành Phật, chúng sanh

năng đưa hành giả đến quả vị Phật. Chính vì thế nên giới này chói sáng quý báu rất hiếm có và cứng chắc như kim cương nên gọi là "Kim Cương Quang Minh Bửu Giới". Điều quan trọng đáng chú ý và ghi nhớ hơn nữa, là ở đây Phật nói: **"Giới pháp này cũng chính là bản nguyên của tất cả Phật là bản nguyên của tất cả Bồ tát và là chủng tử của Phật tánh"**. Nói bản nguyên là vì tự tánh vốn sẵn có. Cùng ý này, trong Chứng Đạo Ca, Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác cũng có nói: "Bản nguyên tự tánh thiên chơn Phật". Nghĩa là tánh giác chơn thật xưa nay ai cũng sẵn có, nó là nguồn gốc của muôn pháp. Cái gốc, cái nguồn gọi là tự tánh, tức cái tánh chơn thật của chính mình. Như vậy, người nào khéo biết y cứ vào tánh giác (thiên chơn Phật) này mà tu, thì người đó sớm muộn gì cũng sẽ thành Phật. Tu hành lệch quỹ đạo tánh giác này thì sẽ không bảo đảm. Vì thế nên ba nhóm tịnh giới của Bồ tát rất quan trọng để cho chúng sanh chóng đạt thành quả vị Phật vậy.

"Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Tất cả ý thức, sắc, tâm, là tình, là tâm đều vào trong phạm vi giới pháp Phật tánh. Vì chắc chắn thường có chánh nhơn, nên chắc chắn Pháp thân thường trụ".

Như trên đã nói giới pháp này là chủng tử của Phật tánh. Ở đây, đức Phật một lần nữa lại khẳng định rằng, vì sẵn có chủng tử Phật tánh, nên ai cũng đều có khả năng tu hành thành Phật cả. Trong Kinh Niết Bàn đức Phật cũng nói: "Tất cả chúng sanh đều sẵn có Phật tánh" (nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh). Kinh Hoa Nghiêm đức Phật cũng nói: "Lạ lùng thay! tất cả chúng sanh đều sẵn có

đầy đủ đức tướng Như Lai". "Như Lai" nói ở đây có nghĩa là một thực thể bất sanh bất diệt. Tức chỉ cho pháp thân thường trụ. Hẳn chúng ta còn nhớ, trong Kinh Pháp Hoa ở Phẩm thứ hai mươi, có vị Bồ tát tên là Thường Bất Khinh, gặp ai Ngài cũng nói: "*Tôi chẳng dám khinh quý Ngài, quý Ngài đều sẽ làm Phật*". Đi đâu, gặp ai Ngài cũng nói câu đó. Dù Ngài đã bị người ta dùng những lời lẽ nặng nề mạ nhục mắng nhiếc thậm tệ, họ cho ông là vô trí Tỳ kheo, nhưng Ngài chẳng sanh lòng hờn giận ai cả. Tại sao thế? Bởi vì Ngài chỉ có một tâm nguyện luôn nhắc nhở mọi người ai cũng sẵn có tánh Phật, vì ai cũng sẵn có tánh Phật, thì làm sao Ngài dám khinh khi coi thường. Đó là một hạnh tu đặc biệt của Ngài. Thường Bất Khinh là cái tên được mọi người đặt cho và khen tặng Ngài. Như vậy, ai cũng sẵn có tánh giác như Phật, Phật tu Phật thành, chúng sanh tu thì chúng sanh sẽ thành như Phật. Tuy nhiên với điều kiện là phải thật hành đúng theo chân lý như Phật, thì mới có kết quả thành tựu được. Ngược lại, thì khó mà thành tựu đạo quả như Ngài.

Một lần nữa, Phật lại xác minh cho chúng ta biết rõ, giới Bồ tát chính là chủng tử Phật tánh. Câu "**Tất cả ý thức, sắc, tâm, là tình, là tâm đều vào trong phạm vi giới pháp Phật tánh**". Giới pháp này y cứ nơi tự tánh để thật hành, và chính giới pháp này cũng là chủng tử Phật tánh mà tất cả chúng sanh đều sẵn có. Bất cứ loài nào cũng đều ở trong phạm vi giới pháp Phật tánh cả. Nói cách khác, loài nào cũng đều có tánh giác. Đối với loài hữu tình thì gọi là Phật tánh. Đối với loài vô tình thì gọi là Pháp tánh. Mà pháp tánh cũng chính là pháp thân thường trụ. "Thị

lời Phật. Để nói lên rằng, người gìn giữ giới luật cũng không dám trái lời Phật dạy.

Phật nói: "*Thường có tín tâm lành với Đại thừa*". Lời dạy này rất quan trọng đối với người có lòng tin nơi giáo pháp Đại thừa. Ta có một bộ luận, tác giả là Tổ Mã Minh, vị Tổ thứ 12 ở Ấn Độ, Ngài có sáng tác bộ luận Đại Thừa Khởi Tín. Nội dung luận này nhằm vạch rõ nguồn gốc mê ngộ, chỉ bày đường tắt tu hành, tóm các nghĩa lý sâu rộng của Phật nói, làm cho phát khởi lòng tin Đại thừa. Tin Đại thừa cũng chính là mình tin Phật tánh của chính mình. Phật là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành. Câu nói này như là một lời thọ ký khẳng quyết không chút nghi ngờ. Vì Phật có sẵn hạt giống Phật, nên Phật tu Phật thành. Chúng ta cũng sẵn có hạt giống Phật, nếu chúng ta tu thì, chúng ta cũng sẽ thành Phật như Phật. Nhưng với điều kiện là phải thật hành đúng theo hướng chân lý Phật dạy. Đó là điều mà chúng ta tin chắc như vậy. Tin chắc như vậy gọi là tin Đại thừa. Vì Đại thừa cũng chính là Phật thừa. Chỉ có một Phật thừa không hai cũng không ba (Kinh Pháp Hoa).

Phật nói rõ: "Nếu chúng ta có một tâm niệm xu hướng theo Nhị thừa hay ngoại đạo, thì sẽ phạm vào tội này". Lý do tại sao Phật nói như vậy? Vì hàng Nhị thừa vẫn chưa thấy được Phật tánh. Mà chúng ta tu theo các vị đó, thì chỉ đạt được quả vị ngang với A la hán hoặc Bích chi Phật thôi. Mà nguyện vọng của Bồ tát là cầu thành Phật, chứ không cầu một thừa nào khác. Và lại, ở đây, chỉ nói một niệm chứ không phải nói trọn đời. Nghĩa là khởi tâm thấy

là mê. Đã mê thì trái với tánh giác. Mà trái với tánh giác tức rơi vào trần lao. Cho nên tâm Bồ đề rất quan trọng. Không rời tâm Bồ đề là hành giả có đức tin Đại thừa vững chắc. Đồng thời, cũng thường xuyên hành trì giới pháp Đại thừa. Phát khởi lòng tin Đại thừa cũng chính là phát khởi Bồ đề tâm vậy. Tuy chưa bỏ hẳn, chỉ tạm bỏ thời gian, thì phạm điều giới khinh 34 này. Chính vì Phật muốn cho chúng ta luôn nhớ, nên mới nói ngày đêm phải siêng năng 6 thời đọc tụng giới Bồ tát. Đọc tụng nói đây có 2 cách: Một là hằng nhớ trong tâm thì lúc nào cũng là tụng. Hai là, phải ngày đêm 6 thời, ý nói luôn luôn không rời giới Bồ tát, chứ không phải phân chia thời gian ngày 3 thời, đêm 3 thời.

Đức Phật nói rõ: ***"trong tứ oai nghi, lúc nào cũng phải giữ gìn giới Bồ tát vững chắc như kim cương, như đeo trái nỏ để qua biển lớn, như các Tỳ kheo bị cột bằng dây cỏ"***. Đoạn văn giới kinh này Phật đã nêu rõ ba hình ảnh để làm thí dụ. Thứ nhất, là phải vững chắc như kim cương. Kim cương là thứ kim loại cứng chắc không gì phá hoại nó được. Kim cương là dụ cho giới Bồ tát. Thứ hai, là trái nỏ. Người muốn qua biển lớn thì phải ôm trái nỏ cho thật chặt. Và phải giữ gìn bảo toàn trái nỏ không được để cho trái nỏ bị xì hơi. Trái nỏ là dụ cho giới Bồ tát. Người nào muốn qua biển sanh tử, thì phải gìn giữ giới Bồ tát này không được rời ra, giống như ôm chặt trái nỏ vậy. Thứ ba, cột bằng dây cỏ. Buộc bằng dây cỏ là một sự tích nằm trong Đại tạng nghiêm kinh luận, nói về Tỳ kheo vì tuân lời Phật dạy không được bứt cỏ, nên bị giặc trói bằng cỏ mà vẫn cố chịu chứ không chịu làm trái

pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ" (Kinh Pháp Hoa). Câu này có nghĩa là, pháp nào đều có vị trí của pháp đó, các pháp thế gian (thời gian và không gian) là tướng thực tại hằng hữu. Những điều dụng thần thông trí huệ v.v... tất cả đều từ pháp thân mà lưu xuất. Giống như mọi hiện tượng, không một hiện tượng nào ngoài hư không mà có. Vì hư không bao trùm khắp cả muôn vật. Nói cách khác, tất cả không ngoài "Nhứt chơn pháp giới". Phật và chúng sanh chỉ khác nhau ở mê và ngộ. Mê là chúng sanh, ngộ là Phật. Mê và ngộ cũng không ngoài tánh giác hay pháp thân thường trụ. Chơn thường trụ có nghĩa là luôn luôn có mặt. Nó là thực tại hiện hữu vượt ngoài không và thời gian. Thế thì, ta tin chắc rằng, ta có khả năng thành Phật, nếu ta nhận ra được tánh giác hằng hữu ở nơi ta (kiến tánh thành Phật). Mà giới Bồ tát có công năng giúp chúng ta chóng đạt thành sở nguyện đó vậy.

"Mười Ba La Đề Mộc Xoa như thế xuất hiện trong đời. Giới pháp này là chỗ kính trọng thọ trì của tất cả chúng sanh trong ba thuở".

Như chúng ta đã biết, trong giới Bồ tát có 10 giới trọng, nên đây mới nói 10 Ba la đề mộc xoa. Ba la đề mộc xoa là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Biệt giải thoát. Nếu ai hành trì đúng theo giới pháp này, thì bảo đảm người đó quyết định sẽ được giải thoát. Tại sao nói giới pháp này là chỗ kính trọng thọ trì của tất cả chúng sanh trong ba cõi? Vì giới pháp này chính là tự tánh của tất cả chúng sanh. Cho nên, chúng sanh muốn được giải thoát thì phải hết lòng quy kính thọ trì. Thọ là nhận lãnh, trì là gìn giữ. Đó là

nghĩa thường của hai chữ thọ trì. Thọ trì nghĩa lý sâu hơn là phải hằng sống với tự tánh. Mà tự tánh xưa nay vốn không phải là một vật. Vì không phải là một vật thể nên không bị sinh diệt. Người nào hằng sống được với tự tánh thì chắc chắn người đó sẽ được an lạc giải thoát. Không riêng gì một đời mà cả ba đời chúng sanh cũng đều phải hết lòng quy kính thọ trì giới này vậy.

"Giờ đây, đức Phật sẽ vì trong đại chúng này mà giảng lại Giới phẩm vô tận tạng, là Giới phẩm của tất cả chúng sanh; bốn nguyên tự tánh thanh tịnh".

Sau khi đức Phật trình bày về 10 giới trọng (Ba la đề mộc xoa) để cho tất cả chúng sanh trong ba đời kính trọng thọ trì. Đến đây, đức Phật sẽ vì trong đại chúng đương hội mà giảng lại "Giới phẩm vô tận tạng", đây là Giới phẩm của tất cả chúng sanh. Tại sao đức Phật lại nói giới phẩm này là của tất cả chúng sanh? Bởi vì Giới pháp này cũng chính là bốn nguyên tự tánh thanh tịnh của tất cả chúng sanh. Điều này cho thấy giới thể của Bồ tát khác với giới tướng của Thanh Văn. Cho nên mới nói Giới này là bốn nguyên tự tánh. Nghĩa là tánh giác (bản giác) sẵn có đầy đủ trong tự tâm bốn tánh của tất cả chúng sanh. Vì giới này từ nơi bốn tâm tự tánh của chúng sanh mà lập ra. Đó là điểm khác biệt của giới tướng Thanh Văn vậy. Tại sao Phật nói Giới phẩm này là vô tận tạng? Vô tận là nghĩa không cùng, không có giới hạn. Còn tạng có nghĩa là dung chứa. Cái thể dung chứa không có giới hạn, vì cái tánh thể này không hình tướng nên mới có khả năng dung chứa như vậy. Thế thì, vô tận tạng là chỉ cho tâm thể của tất cả

4. Bói quẻ: coi bói, coi quẻ, coi tay, coi tướng ...

5. Làm sứ mạng cho giặc cướp.

Năm điều này là những duyên chương đạo giải thoát làm tăng thêm phóng dật loạn tâm.

Tuy nhiên, những lời ca tiếng hát ngâm chứa đạo lý giải thoát, với mục đích là để thức tỉnh người đời cho họ sớm hồi tâm chuyển ý tu hành, thì điều đó không có gì là sai trái. Phật cấm là cấm những lời ca tiếng hát du dương ủy mỹ mang tính kích thích tình dục ái nhiễm, nặng về thể tục thì không được nghe và hát. Còn những bản nhạc trữ tình quê hương mang tính dân tộc hợp với tinh thần yêu quê hương đất nước, thì cũng đâu có gì trái đạo. Ngoài ra, nếu Phật tử nào cố làm những điều nói trên, thì phạm tội khinh cầu.

34. Giới Tạm Bỏ Bồ Đề Tâm

Nếu Phật tử, ngày đêm sáu thời đọc tụng giới Bồ tát này. Nên giữ gìn giới luật trong tất cả khi đi đứng nằm ngồi, vững chắc như kim cương, như đeo trái nổi để qua biển lớn, như các Tỳ kheo bị cột bằng dây cỏ. Thường có tín tâm lành đối với Đại thừa. Tự biết rằng mình là Phật chưa thành, còn chư Phật là Phật đã thành, rồi phát Bồ đề tâm và giữ vững không thoái chuyển. Nếu có một tâm niệm xu hướng theo Nhị thừa hay ngoại đạo. Phật tử này phạm "khinh cầu tội".

Bồ đề tâm là tâm giác ngộ. Người tu hành mà rời tâm giác ngộ, tất nhiên là rơi vào tâm tà kiến vô minh. Không giác

33. Giới Tà Nghiệp Giác Quán

Nếu Phật tử, không đặng vì ác tâm đi xem tất cả nam nữ v.v... đánh nhau, hay quân trận binh tướng giặc cướp v.v... đấu chiến nhau. Cũng chẳng được đi xem hát, nghe nhạc, chơi cờ, đánh bạc, đá cầu, đá bóng v.v... cho đến bói xú. Chẳng được làm tay sai cho kẻ trộm cướp. Nếu cố tâm làm các điều trên, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Tà nghiệp là một hành động trái với chánh pháp. Tà giác, tà quán đều làm cho tâm trí bị rối loạn thêm, chẳng ích lợi gì. Những việc làm nào đưa đến sự đam mê say đắm làm rối loạn tâm trí, mất chánh niệm đều không nên làm. Vì những việc đó làm chướng ngại thánh đạo. Nói ác tâm, tức cái tâm đi ngược lại với giáo pháp Đại thừa. Vì thất niệm nên thích đi xem những chỗ đấu trường. Nơi mà các thanh niên nam nữ đấu võ đánh nhau. Tuy nhiên, vì luyện tập cho cơ thể được cường tráng có đầy đủ sức khỏe tu học, thì luật không có cấm. Bởi đi xem những nơi họ thí võ đài với nhau chỉ thêm kích thích tánh bạo động mà thôi. Cho nên Phật không cho người xuất gia đi xem. Vì nơi đó không phải chỗ thích hợp của người xuất gia. Cũng không được đi xem hát, nghe nhạc, chơi cờ, đánh bạc, đá cầu, đá bóng v.v... Tóm lại, có 5 điều cần phải tránh không được chơi hoặc xem.

1. Xem đấu chiến.
2. Chỗ hí trường mua vui ca múa hát xướng...
3. Chơi bời: cờ bạc, đá cầu, đá bóng ...

chúng sanh. Đó cũng chính là bản nguyên tự tánh thanh tịnh.

**"Nay ta là Lô Xá Na
Đương ngồi trên đài liên hoa.
Trên nghìn cánh sen đơm vòng
Lại hiện ra nghìn Thích Ca.
Mỗi cánh sen trăm ức cõi
Mỗi cõi một Phật Thích Ca.
Đều ngồi dưới cội Bồ Đề,
Đồng thời thành chánh giác đạo.
Nghìn trăm ức Phật như vậy
Lô Xá Na là bản thân.
Nghìn trăm ức Phật Thích Ca
Đều đem vi trần chúng
Cùng nhau đến tại chỗ ta
Để nghe ta tụng Phật giới
Ta liền giảng môn Cam lộ.
Bây giờ nghìn trăm ức Phật,
Trở về đạo tràng của mình,
Đều ngồi nơi cội Bồ Đề
Tụng mười trọng bốn mươi tám
Giới như vùng nhựt nguyệt sáng
Cũng như chuỗi báu ngọc châu
Chúng Bồ tát như vi trần
Do giới này mà thành Phật
Đây là đức Xá Na tụng
Ta đây cũng tụng như vậy.
Các ông tâm học Bồ tát
Phải cung kính thọ trì giới!**

**Khi thọ trì giới này rồi
Nên truyền lại cho chúng sanh
Lắng nghe ta đang trì tụng
Pháp Ba La Đề Mộc Xoa
Là giới tạng trong Phật pháp
Đại chúng lòng nên tin chắc:
Các người là Phật sẽ thành.
Ta đây là Phật đã thành
Thường có lòng tin như vậy
Thời giới phẩm đã trọn vẹn
Tất cả những người có tâm
Đều nên nhiếp hộ Phật giới
Chúng sanh nào thọ Phật giới
Chính là vào hàng chư Phật
Đã đồng hàng bậc Đại Giác
Mới thật là con chư Phật
Đại chúng đều nên cung kính
Chí tâm nghe lời ta tụng".**

Nguyên bài kệ này là thuật lại đại ý của đoạn văn trên.

**"Nay ta là Lô Xá Na
Đương ngồi trên đài Liên Hoa.
Trên nghìn cánh sen đơm vòng
Lại hiện ra nghìn Thích Ca
Mỗi cánh sen trăm ức cõi
Mỗi cõi một Phật Thích Ca"**

Đoạn văn kệ này là diễn tả nơi trú xứ đạo tràng của đức Phật Lô Xá Na. Ngài hiện đang ngự trên đài Liên Hoa

cát thì phạm tội điều giới 32 này, còn mang ra giết hại chúng sanh thì phạm giới trọng thứ nhứt là tội sát sanh.

Có người còn cậy thế ý quyền dựa hơi vào chánh quyền mà ngang nhiên cướp đoạt tài vật của người khác. Chẳng những thế mà họ còn dã tâm hành hung bắt trói buộc người. Hành động ác đức này hầu như thời nào cũng có. Nhất là đối với thời đại quân chủ phong kiến. Mấy ông làng xã hay bức hiếp dân lành. Chụp mũ vu oan giá họa, bắt người vô tội, hành hung bằng mọi cách, không tội trở thành có tội, thật là ác tâm còn hơn rắn độc. Thấy người ta thành công về phương diện nào đó, thì kẻ ác tâm tìm đủ mọi cách để hãm hại. Vì lòng ganh tỵ, không muốn ai hơn mình, họ lại nhẫn tâm bắt chắp thủ đoạn gian ác, bằng mọi cách họ phá hoại sự thành công của người khác. Những kẻ ác tâm hèn hạ này thử hỏi, thời nào mà lại chẳng có?

Đến việc nuôi những loài súc vật như mèo, chồn, heo, chó, cũng không được nuôi. Vì những loài này, có loài nuôi chỉ để ăn thịt, hoặc bán cho người khác để họ xẻ thịt bán. Tự mình giết thì phạm tội trọng sát sanh. Còn như mình bán cho người khác giết, thì cũng phạm cái tội tùy hỷ sát. Còn mèo và chồn hai con vật này, chúng nó có sở trường là bắt chuột, chúng là loài chuyên môn sát hại sanh vật khác nên cũng không được nuôi. Đến việc nuôi chó cũng nên để ý, nếu nuôi chó săn thì phạm, còn nuôi chó để giữ nhà thì không phạm. Thỉnh thoảng ta thấy trong một vài ngôi chùa, nhất là ở Việt Nam vẫn có nuôi chó mèo. Dĩ nhiên, đây là loại chó giữ nhà chứ không phải là loại chó săn. Còn mèo nuôi để bắt chuột, điều này theo điều giới 32 này thì không được nuôi.

32. Giới Tồn Hại Chúng Sinh

Nếu Phật tử, không được buôn bán dao gậy, cung, tên những khí giới sát sanh. Không được chứa cân non giả thiếu. Không được nương thế lực quan quyền mà lấy tài vật của người. Không được ác tâm trói buộc người, và phá hoại việc thành công của người. Không được nuôi mèo, chồn, heo, chó. Nếu cố làm các điều trên, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Thời xưa, vì không có những thứ vũ khí tối tân như hiện nay, nếu có, thì hẳn nhiên họ cũng đem bán. Nhất là đối với các nước nhược tiểu. Nước nào cũng rất cần vũ khí để phòng bị bảo vệ đất nước mình. Ngày nay, thì có bộ quốc phòng chuyên lo về vấn đề quân sự nên việc sử dụng vũ khí tối tân tinh vi đối với họ thì rất cần thiết. Ngày xưa, vì không có những thứ vũ khí tối tân hiện đại, nên họ chỉ buôn bán những thứ vũ khí thô sơ cổ điển như dao gậy, cung tên... Đây là những thứ khí giới có khả năng sát hại sinh vật. Đến như những việc buôn bán nhỏ hơn thì có người lại dỏ thói bất lương bằng cách cân non, đong thiếu. Nói không được cất chứa, bởi vì có những người dùng cái cân non và cái giả (đơn vị của người miền Nam hay dùng để đong lúa gạo, dung tích khoảng 35 - 40 lít một giả lúa) để lường gạt người mua. Nếu chứa cất những vật dụng này, thì phạm tội của điều giới 32. Chỉ cất chứa thôi chớ chưa nói đến việc đem ra sử dụng cân non, đong thiếu. Nếu như cân non, đong thiếu thì sẽ phạm tội trộm, tức tội trọng. Còn những loại vũ khí sát sanh cũng vậy, nếu chứa

Tạng thế giới (đài chứa toàn hoa sen báu, sen tượng trưng cho thanh tịnh bất cấu nhiễm, đây là chỉ cho bản tâm thanh tịnh sáng suốt của tất cả chúng sanh), chung quanh chỗ đức Phật ngồi có một nghìn cánh sen và trên mỗi cánh sen đều có một Phật Thích Ca. Mỗi cội có một Phật Thích Ca, mà ở đây lại có trăm ức cội. Như vậy có trăm ức Thích Ca trên mỗi cánh sen, có nghìn cánh sen nên có nghìn trăm ức Phật Thích Ca.

Tại sao chỉ có một Phật Lô Xá Na mà lại có hàng trăm nghìn đức Phật Thích Ca ngự trên mỗi cánh sen? Xin thưa, chúng ta đừng quên Lô Xá Na là Báo thân Phật. Còn Phật Thích Ca là Hóa thân Phật (thiên bá ức hóa thân Thích Ca Mâu Ni Phật) Như vậy, Từ một báo thân mà có thể hóa hiện ra vô số thân. Tuy hiện ra vô số thân, nhưng không rời báo thân. Báo thân cũng từ nơi Pháp thân mà có. Ba thân Phật tuy có chia ra như thế, nhưng ba thân chỉ có cùng một thể tánh chơn như mà thôi.

**"Đều ngồi dưới cội Bồ Đề
Đồng thời chánh giác đạo
Nghìn trăm ức Phật như vậy
Lô Xá Na là bản thân".**

Ai ngồi dưới cội Bồ đề? Chính là ứng hóa thân của đức Phật Thích Ca. Cội Bồ Đề là chỉ cho Bồ Đề đạo tràng ở Ấn Độ. Nơi đây, chính đức Phật Thích Ca thành đạo xưa kia. Hàng nghìn trăm ức Phật cũng như thế. Sở dĩ gọi là Bồ đề, vì Bồ đề có nghĩa là giác. Thật ra tên của cây này, theo sử ghi lại tên của nó là Tất bát la. Nhưng vì Phật

thành đạo dưới cội cây này, nên gọi là cây Bồ đề. Lô Xá Na chính là bản thân của trăm nghìn ức Phật Thích Ca. Như vậy, người thành đạo dưới cội cây này, chính là đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đó là ứng hóa thân Phật vậy.

**"Ngàn trăm ức Phật Thích Ca
Đều đem theo vi trần chúng
Cùng nhau đến tại chỗ ta
Để nghe ta tụng giới".**

Điều lý thú hơn nữa, là chính đức Phật Thích Ca đều đem theo số chúng nhiều như vi trần (không thể tính hết) đồng đến chỗ Phật Lô Xá Na để nghe giới pháp. Điều đó cho ta thấy rằng, Phật nâng cao tầm mức quan trọng của giới Bồ tát. Khi số thính chúng do đức Phật Thích Ca đem đến tất cả đều quy tụ nhóm họp để nghe Phật Lô Xá Na giảng Pháp môn Cam lộ, mà Pháp môn Cam lộ cũng chỉ cho Pháp môn Tâm Địa, cũng chính là giới Bồ tát đây vậy. Cam lộ là chất ngọt thường biểu lộ tượng trưng cho lòng từ bi, mà Bồ tát lấy lòng từ bi làm trên hết. Có chỗ nói rằng, cam lộ cõi trời có thể làm cho người uống hết mọi tật bệnh thân thể cường tráng khỏe mạnh. Giới pháp Tâm Địa đây cũng vậy, làm cho người thọ trì dứt hết tất cả điều ác, thành tựu tất cả điều lành, được an lạc giải thoát thành Phật.

**"Bây giờ ngàn trăm ức Phật,
Trở về đạo tràng của mình.
Đều ngồi nơi cội Bồ Đề
Tụng mười trọng bốn mươi tám" (giới khinh)
Giới của bốn sư Xá Na**

tát hiện nay ta thấy có nhiều nơi họ đem tượng Phật, Bồ tát ra bán đấu giá. Với mục đích là dùng số tiền đó để xây dựng chùa hoặc sung vào một công việc hữu ích nào đó. Tuy đây là một việc làm mang tính lợi ích chung, nhưng cũng là một hình thức bán tượng Phật và Bồ tát. Còn người mua, lý do là vì họ muốn chung bầy hoặc tôn thờ, đó là tùy ý họ. Nói chung cả người bán và người mua đều có ý tốt. Điều này không ai có thể phủ nhận. Tuy nhiên, nếu căn cứ theo lời Phật dạy đây, tất nhiên việc làm đó là có lỗi rồi. Lỗi là mình đem bán tượng Phật và tượng Bồ tát như là một món hàng giao dịch, không cần biết với mục đích gì.

Việc buôn bán này, phải nói trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp đã xảy ra rất nhiều. Bọn lính Tây khi vào chùa cái gì lấy được thì họ lấy, còn không thì họ đập phá tiêu tan hết. Có những tượng Phật, Bồ tát rất tương hảo, hay chuỗi huyền bóng láng rất đẹp, họ lấy mang đi, nếu tiếc, thì mình đem tiền đến để xin chuộc lại, còn không, thì họ hủy hoại hết. Thậm chí họ còn bắt luôn cả Tăng, Ni, những người đang hành đạo và kể cả cha mẹ v.v... Nếu không có đủ tiền chuộc thì họ bán người làm nô lệ. Có người không đủ tiền thì phải đi quyên góp hoặc vay mượn những nhà giàu có, để cố chuộc lại cho kỳ được. Tình trạng này, đã xảy ra rất nhiều trong thời Phật, nên Phật mới nêu lên giới này. Điều quan trọng là nếu như Phật tử đã chứng kiến việc này mà không kiếm tiền chuộc lại (như đã nêu trên), thì Phật tử này phạm khinh cầu tội. Cũng may, việc này chỉ xảy ra trong thời xưa thôi, nếu như bây giờ thì chắc phạm tội khinh cầu của giới 31 này nhiều lắm.

thì không bắt buộc ăn hay không ăn chiều, nhưng nên nhớ là mỗi tháng phải ăn 6 ngày trai (nói trai ra là ăn chay, đây là phát âm theo người miền Bắc Việt Nam) Cần phân biệt rõ giữa trai và giới. Thường nghe nói người đó phá trai, phạm giới. Phá trai có nghĩa là ngày ăn trai thì không được ăn chiều (bắt phi thời thực). Ngày nay thì chư Tổ tạm khai cho người tu được ăn chiều, nhưng khi ăn phải sanh lòng hổ thẹn. Còn nói phá giới là thay vì ăn chay thì lại ăn thịt cá, đó gọi là phá giới.

31. Giới Không Mua Chuộc

Nếu Phật tử, sau khi Phật nhập diệt ở trong đời ác, thấy hàng ngoại đạo, bọn giặc cướp cùng tất cả người ác đem bán hình tượng Phật, Bồ tát, cha mẹ, đem bán kinh luật, đem bán Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, cùng người hành đạo Bồ tát, kẻ phát tâm Bồ đề, để làm tay sai cho các quan hay làm tội tởm cho mọi người. Phật tử thấy những sự như thế, nên có lòng từ bi tìm cách cứu vớt. Nếu không đủ sức, Phật tử phải đi quyên tiền các nơi để chuộc hình tượng Phật, Bồ tát và tất cả kinh luật, chuộc Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, người tu hạnh Bồ tát, kẻ phát tâm Bồ đề. Nếu không chuộc, Phật tử này phạm "khinh cầu tội".

Nói trong đời ác tức đời ngũ trược ác thế, đời mà hiện tại nay hơn loại đang sinh sống. Nếu là Phật tử thọ Bồ tát giới, thấy những kẻ ngoại đạo hay bọn giặc cướp cùng những người đồng lõa có tâm ác độc đem bán hình tượng Phật, Bồ tát, cha mẹ, thậm chí họ còn đem bán cả kinh luật, Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni v.v... Việc đem bán hình tượng Phật, Bồ

Khi trăm nghìn ức Phật Thích Ca nghe Phật Lô Xá Na giảng giới pháp xong, tất cả chư Phật đều hồi quy bốn quốc, tức đồng về đạo tràng của mình mỗi vị Phật giáo hóa một cõi. Chư Phật đều ngồi dưới cội Bồ đề tụng mười giới trọng và 48 giới khinh. Đây chính là giới của Phật Lô Xá Na nói ra. Lô Xá Na là bản sư của tất cả chư Phật Thích Ca. Nên nói Giới của bản sư Lô Xá Na.

**"Giới như vùng nhật nguyệt sáng
Cũng như chuỗi báu ngọc châu
Chúng Bồ tát như vi trần
Do giới này mà thành Phật".**

Đây là nói lên cái công dụng tuyệt vời của giới. Bản chất của giới pháp nó có công năng chiếu sáng như mặt trời, mặt trăng. Tại sao lấy ánh sáng của mặt trời mặt trăng để ví dụ cho giới? Bởi vì công dụng của ánh sáng là phá tan bóng tối. Nơi nào có ánh sáng, thì nơi đó không có bóng tối. Cũng thế, giới này phá tất cả các thứ tà pháp, tà giới và đem tối dày đặc của vô minh phiền não. Đó là công năng tuyệt vời của giới thể này. Vì vậy, câu kệ mới nêu ra cái thí dụ giới như là chuỗi báu ngọc châu. Chuỗi báu ngọc châu là thứ quý giá nhất của thế gian, không gì có thể so sánh được. Giới này quý giá cũng như thế. Nói thế, để thấy cái giá trị tuyệt diệu của giới pháp. Đã biết là quý giá như thế nên Bồ tát phải hết lòng trân quý giữ gìn.

Số chúng Bồ tát nhiều như vi trần. Đây là lấy vi trần để so sánh số lượng Bồ tát đông nhiều không thể tính kể. Đông nhiều như vậy, nhưng cũng nhờ giới này mà tất cả đều thành tựu Phật quả. Điều này để nói lên cái giá trị cao thượng siêu việt của giới Bồ tát vậy.

**"Đây là đức Xá Na tụng
Ta đây cũng tụng như vậy
Các ông tân học Bồ tát
Phải cung kính thọ trì giới
Khi thọ trì giới này rồi
Nên truyền lại cho chúng sanh".**

Chữ "Ta" là chỉ cho đức Phật Thích Ca Mâu Ni. "Ngài nói rằng: xưa kia đức Lô Xá Na tụng giới như thế nào, thì nay Ngài cũng tụng giới như thế đó". Đức Phật khuyến nhắc các vị tân học Bồ tát, nghĩa là những vị mới thọ giới Bồ tát, cũng như những vị đã thọ lâu rồi, tất cả đều phải hết lòng cung kính thọ trì giới này. Đây là lời khuyến nhắc thiết tha của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngài lại nhắc nhở thêm, sau khi các ông thọ trì giới này rồi, thì nên tiếp tục truyền lại cho chúng sanh. Bởi người thọ trì giới này thấy có lợi lạc cho bản thân mình, thì nên khuyên bảo người khác đồng thọ trì như mình. Mục đích là để cho giới pháp được lưu truyền trường cửu trên thế gian. Đó là sự truyền trao cho nhau để làm lợi lạc cho tất cả chúng sanh.

**"Lắng nghe ta đang trì tụng
Pháp Ba La Đề Mộc Xoa
Là giới tạng trong Phật pháp"**

Phật bảo mọi người hãy lắng nghe (để thính) trong lúc Ngài đang tụng giới. Hai chữ "lắng nghe" rất quan trọng trong suốt buổi thính giới. Người tụng (do Tăng sai) cũng phải hết lòng chú tâm vào bản văn giới kinh mà tụng đọc.

xấu hổ. Hạng người này gọi là đại vọng ngữ, chưa chứng mà nói đã chứng, tự ngôn chứng thánh, nói thể không sợ đọa địa ngục. Chắc chắn cửa địa ngục đang mở ra chờ đón họ.

Vì hàng bạch y làm mai mối. Bạch y là áo trắng, tức chỉ cho người cư sĩ tại gia. Xưa ở Ấn Độ, người tại gia thường mặc áo trắng (chánh sắc) mà nếu sắc trắng hoại đi biến thành màu khác thì gọi là hoại sắc. Còn nói việc làm chủ hôn mai mối này, thỉnh thoảng trong chùa cũng thường xảy ra. Đây là việc làm lễ chứng minh kết hôn cho chú rể và cô dâu được gọi là lễ "Hàng thuận". Và đây cũng là phương tiện hành lễ theo ý muốn thỉnh cầu của Phật tử. Tuy nhiên, theo HT Vạn Đức thì, đúng luật là đã phạm rồi. Bởi vì một vị Thầy lớn trong chùa đứng ra chứng minh dạy bảo cho chú rể và cô dâu, thì đâu có khác gì là đứng ra làm chủ hôn cho hai họ. Chẳng những thế, lại còn đại diện cho luật pháp ký hôn thú nữa. Trong luật cấm tuyệt làm mai mối, thậm chí còn không được trao thư qua lại cho hai bên nam nữ, nói chi đến việc làm chủ hôn. Nhưng bây giờ theo thời đại mới thì phải khai phương tiện, biết nói sao hơn! Thành ra có những điều phải chấp nhận làm sai trái với luật Phật dạy.

Làm quản lý nhiều việc, nhưng đây chỉ nêu ra một việc làm mai mối thôi. Bởi đó là nhân duyên gây thành nghiệp kiết phược. Kiết phược là trói buộc, là nghiệp duyên oan trái buộc ràng. Theo Bồ tát giới, thì mỗi tháng có 6 ngày trai, mỗi năm có 3 tháng trường trai. Trai đây có nghĩa là không ăn chiều, gọi là trai pháp. Riêng giới Bồ tát tại gia

tốt cho đạo pháp, xưng tán ca ngợi đủ thứ, nhưng hành vi của họ thì trái lại. Có những hạng người ở trong đạo pháp, nhờ đạo pháp mà họ được tiến thân, có danh vọng địa vị, phẩm vị chức quyền cao, được mọi người tôn kính trọng vọng, nhưng lòng họ thì quá nham hiểm ác độc tạo ra những mưu sâu kế độc, những thủ đoạn tinh vi để triệt hạ giá trị đạo pháp. Hạng người này, nói theo HT Thiện Siêu là "ăn cơm Phật đốt râu thầy chùa". Đây là hạng người ngầm kỹ lại thời nào cũng có. Đúng như lời người xưa nói: "Su tử trùng, thực sư tử nhục". Chỉ có con vi trùng (vi khuẩn Delta) ở trong thân của con sư tử, thì mới có thể hại chết con sư tử mà thôi. Bởi con sư tử không ai giết hại nó được. Là chúa tể sơn lâm, có loài thú nào mà không sợ nó. Một tiếng gầm rống của nó, thì tất cả những loài thú khác đều phải run sợ kinh hãi quỳ mọp. Ấy thế mà, nó rất sợ con vi khuẩn ác độc trong thân của nó. Chỉ có con vi khuẩn đó mới hại được nó thôi. Cũng vậy, không ai làm tổn hại đạo pháp được cả, chỉ có hàng đệ tử của Phật mới làm tổn hại Phật pháp mà thôi. Đệ tử nói đây, chỉ cho người xuất gia cũng như tại gia. Nói thế để thấy rằng, việc duy trì và phát huy ngôi Tam bảo thường trú thế gian, đó là trách nhiệm, bổn phận chung của hai giới xuất gia và tại gia. Nếu mình không làm được, thì xin hãy ngồi yên, đừng có những hành vi quậy phá bằng những ngôn từ độc ác. Hoặc bằng những hành động bất chánh gây phá rối hàng ngũ lãnh đạo Tăng già. Đó là nói việc ác ý đập phá tổ chức bên ngoài, còn bên trong phạm vi tu hành, có người chưa chứng đắc gì cả, vậy mà miệng vẫn không ngớt bô bô khoe khoang tự hào rằng, mình đã ngộ đạo chứng đạt lý không của vạn pháp v.v... Thật là không biết

Tuyệt đối phải giữ chánh niệm, tâm không được xao lãng trong khi tụng đọc. Vì có chú tâm thì mới có thể hiểu được phần nào trong giới kinh nêu ra. Đối với người nghe cũng thế. Thân ngồi ngay thẳng và tâm phải chánh niệm. Nghĩa là phải tập trung tâm ý để lắng nghe. Chữ "Lắng" là lắng tất cả những vọng niệm, vọng duyên, những cái bợn phiền não. Giữ tâm thể vắng lặng. Thân tâm đều phải trang nghiêm thanh tịnh. Người nghe không được tỏ ra mệt mỏi uể oải hay đi vào hôn trầm ngủ gục. Người tụng đọc cũng phải tụng đọc từng chữ, từng câu cho rõ ràng, không được đọc sót hoặc sai chữ. Có người ngồi nghe mà thân thì dao động liên miên, còn tâm thì phóng túng buông lung nhìn quanh ngó quắt. Đó là biểu lộ thái độ không tôn kính giới pháp. Thế thì có tội trong khi nghe giới vậy.

Pháp Ba La Đề Mộc Xoa chính là giới pháp này. Cụm từ này ở trước đã có giải thích qua, nên ở đây chúng tôi xin miễn lặp lại.

Tiếp theo đây, là đức Phật trình bày về giới tạng trong Phật pháp. Chúng ta hãy lắng nghe:

**"Đại chúng lòng nên tin chắc:
Các người là Phật sẽ thành
Ta đây là Phật đã thành
Thường có lòng tin như vậy
Thời giới phẩm đã trọn vẹn".**

Phật bảo chúng ta nên tin chắc, nhưng tin chắc cái gì? Tất nhiên là tin chắc mỗi người đều sẵn có tánh giác (Phật

tánh). Vì mỗi người sẵn có tánh giác nên mỗi người như định sẽ thành Phật. Tuy nhiên, với điều kiện là phải nhận ra tánh giác. Trong nhà Thiền gọi là "minh tâm kiến tánh". Minh tâm là thấy rõ nguồn tâm. Kiến tánh là nhận rõ bản tánh. Thấy được tánh giác thì việc tu hành của chúng ta mới bảo đảm vững chắc không còn sai lệch, tức không rơi vào tà kiến. Chữ tin, Phật nói ở đây không có nghĩa là tin suông. Như mình tin có Phật tánh là có Phật tánh. Mà tin ở đây là mình phải thiết thiết nhận ra thấy rõ Phật tánh ở nơi chính mình. Không phải tin trên văn tự chữ nghĩa. Tin chắc rằng mình có hạt giống Phật, tất nhiên, nếu mình tu đúng theo những gì Phật chỉ dạy, thì chắc chắn mình sẽ thành Phật. Bởi đức Phật đã chứng minh cho thấy là Phật tu Phật đã thành. Nói tu chỉ là một cách nói. Phật tánh là cái tánh thể bất sanh bất diệt sẵn có, chỉ cần mình nhận ra cái tánh thể đó và rồi sống trọn vẹn với cái tánh thể đó, thì gọi là Phật, tức đấng toàn giác. Phật nói: "Các người là Phật sẽ thành, ta đây là Phật đã thành". Đó là lời nói chắc thật của Phật. Nói thế để cho chúng ta có một niềm tin vững chắc, rằng mình cũng có khả năng thành Phật như Phật. Phá được tự ty mặc cảm của chúng sanh. Thế thì, mình không còn thấy giữa Phật và mình cách xa nhau nữa. Mê là chúng sanh, ngộ là Phật. Phật và chúng sanh chỉ khác nhau giữa mê và ngộ mà thôi. Lục Tổ Huệ Năng nói: "Niệm trước mê là chúng sanh, niệm sau ngộ là Phật". Nếu niệm giác liên tục, thì Phật ra đời liên tục. Ngược lại, nếu niệm mê liên tục, thì chúng sanh cũng xuất hiện liên tục. Nói cách khác khổ hay vui, Niết bàn hay địa ngục cũng từ ở nơi tâm ta mà ra. Mà tâm cũng chính là giới. Đó là điều mà Phật đã nói rõ ở đây. Nếu có lòng tin chắc thật

trăm thứ sâu bỏ vào trong một cái hộp cho chúng ăn nhau, con nào còn sống gọi là sâu cỏ. Dem phân sâu cỏ ấy tán ra mà đầu độc thì phát điên cuồng hay bị cỏ trướng. Lấy phân cả trăm thứ sâu nuôi chung mà đầu độc, cũng gọi là độc sâu cỏ" (HT Thích Trí Quang)

Thấy người sa vào lối sống hành nghề tà mạng, thì mình nên cảnh báo cho họ biết. Đó là vì tình thương giữa tình đồng đạo và giữa con người với nhau. Khuyến nhắc là việc của người sống có chánh niệm, có tỉnh thức, còn nghe hay không là chuyện của người đó. Nghe thì tốt, bằng không thì tùy họ thôi. Mình làm hết bổn phận của mình thế là đủ. Đó là điều thuận theo hiếu đạo vậy.

30. Giới Quản Lý Cho Bạch Y

Nếu Phật tử vì ác tâm, tự mình hủy báng Tam bảo, giả tuồng kính mến, miệng thì nói không, mà hành vi lại ở trong có, làm Quản lý cho hàng bạch y, vì hàng bạch y làm mai làm mối cho nam cho nữ giao hội dâm sắc, gây thành các nghiệp kiết phược; những ngày lục trai trong mỗi tháng, ba tháng trường trai trong mỗi năm, làm việc sát sanh, trộm cướp, phá trai, phạm giới. Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Đọc qua đoạn văn giới này, chắc hẳn chúng ta không khỏi đau buồn cho những người đã vì ác tâm mà có thái độ bất kính khinh chê Tam bảo. Bề ngoài thì ra tuồng kính mến đạo pháp, nhưng bên trong thì ngầm hãm hại. Đây là hạng người khẩu Phật tâm xà thật đáng ghê sợ! Miệng thì nói

phải gặt hái quả đó. Lường gạt tiền bạc của người ta mà muốn người ta không biết thì đó là chuyện oái oăm ngược đời. Cây kim trong bọc lâu ngày thì cũng phải lòi ra thôi. Trừ khi trong bọc không có cây kim nào. Muốn người ta không biết mình là kẻ gian manh lừa đảo, thì tốt hơn hết là mình sống ngay thẳng đừng bao giờ có hành động lương lẽo, lường gạt lừa đảo ai.

Là Phật tử, nên tự tạo cho mình có một cuộc sống đúng theo nhân quả. Gắng tạo nhân lành, tất nhiên sẽ hưởng quả lành. Ngược lại, gieo nhân ác mà muốn hưởng quả lành, thì chuyện đó không bao giờ có. Sống bằng con đường tà mạng là cuộc sống trái với con đường hiếu đạo. Hơn nữa, người xuất gia thì "*hoằng pháp thị gia vụ, lợi sinh vi sự nghiệp*", nên phải sống nhờ vào sự cúng dường của tín đồ Phật tử. Cho nên những việc kiếm sống bằng tà mạng thì không nên làm. Vì nuôi sống bằng con đường tà mạng là hướng dẫn người ta đi vào con đường mê tín dị đoan. Điều này trái với luật nhân quả và cũng trái với cung cách chí nguyện cao cả của người xuất gia. Đương nhiên là sẽ bị sa đọa.

Còn người tại gia thì "như lý cầu tài" tạo sự nghiệp bằng cách hợp lý chơn chính mà sống, ngoài ra đều là tà mạng cả. Câu nói: "**Tự tay làm đồ ăn, tự xay tự giã**" là sao? Đây là nói thiếu tư cách oai nghi của vị Tỳ kheo. Còn nói "**nuôi ó và chó săn**", việc này hại người hại vật không nên làm. Hòa hiệp trăm thứ thuốc độc để đem bán kiếm lời, đây là một thứ hành vi rất độc ác hại người, không thể chấp nhận được. Thậm chí dùng đến "**độc sâu cỏ**" là bắt cả

như thế, thì Phật nói đây là giới phạm trọn vẹn. Ngược lại, thì giới phạm còn khiêm khuyết.

**"Tất cả những người có tâm
Đều nên nhiếp hộ Phật giới
Chúng sanh nào thọ Phật giới
Chính là vào hàng chư Phật
Đã đồng hàng bậc Đại giác
Mới thật là con chư Phật"**

Đọc qua những câu kệ này, chúng ta thấy đức Phật đã thực sự nâng cao giá trị của những người đã thọ giới Bồ tát. Bởi ai cũng có tâm mà tâm là "Biết". Biết có hai mặt (tạm nói): Chơn và Vọng. Gọi là chơn tri và vọng tri. Chơn tri là cái biết chơn thật. Vọng tri là cái biết giả dối. Cái Biết chơn thật thì không hình tướng, không sinh không diệt... Còn cái biết giả dối, khi có khi không, thì nó có hình tướng và sinh diệt. Cái Biết chơn thật này tuy không hình tướng, nhưng không gì ngoài nó. Nó là cái thể của vạn pháp. Dụ như nước biển. Còn cái biết vọng, phan duyên trần cảnh sinh diệt, dụ như sóng biển. Sóng thì lúc có lúc không. Còn nước thì không lúc nào vắng mặt. Nước mới là chơn thật, còn sóng là hiện tượng hư giả không thật. Bỏ cái hư giả nhận lại cái chơn thật, đó là bỏ sóng nhận lại nước (khiến hư tồn thật). Trên nói nhận Phật tánh là thể. Nước thì muôn đời cũng vẫn là nước. Còn sóng là cái dụng của nước nên không thật. Tuy không thật, nhưng sóng cũng không rời nước. Vì rời nước thì không có sóng. Trong lúc sóng nổi lên thì nước vẫn tiềm tàng trong sóng. Nước dụ cho tánh thể Bồ Đề. Sóng dụ cho phiền não. Khi

phiền não nổi lên, thí như cơn giận dữ chẳng hạn, thì ngay lúc đó vẫn có "tánh không giận" tiềm tàng trong cơn giận. Khi hết giận thì "tánh không giận" hiện bày. Như vậy, sóng và nước, giận (phiền não) và không giận (Bồ Đề) cả hai đều không rời nhau. Tuy nhiên, tuy không rời nhau, nhưng nói một là sai mà nói hai thì không đúng. Không thể lúc giận nổi lên mà nói đó là Bồ Đề (giác). Cũng thế, lúc sóng nổi lên không thể nói đó là nước được. Nhưng nếu rời nước ra thì không có sóng. Do đó, nên trong Kinh nói: "Phiền não tức Bồ đề, sanh tử tức Niết bàn" là vậy.

Nói thế, để hiểu rằng sự nhiếp hộ Phật giới (giới thể thanh tịnh sáng suốt) thật là quan trọng. Cũng như chúng ta gìn giữ hộ trì bản tâm (cái Biết chơn thật) của mình rất quan trọng, khác nào nhiếp hộ Phật giới. Đức Phật cho rằng, chúng sanh nào thọ Phật giới là vào hàng chư Phật. Như thế là đã đồng hàng với bậc Đại Giác. Phật nói như vậy mới xứng đáng là con chư Phật (chơn thiệt Phật tử). Theo lời Phật dạy đây, xét mình thật là xấu hổ vô cùng. Mình chưa xứng đáng là con của chư Phật. Danh từ Phật tử lâu nay người ta thường hay gọi với nhau, xét kỹ thật là hổ thẹn vô cùng. Theo như Phật nói ở đây, thì tự xét mình có thật xứng đáng là Phật tử chưa? Nếu chưa, thì mình phải cố gắng vươn lên tu tập. Trong Kinh Pháp Hoa, Ngài Xá Lợi Phất dù là bậc trí tuệ đệ nhất trong hàng Thanh Văn, nhưng Ngài chưa bao giờ dám tự nhận mình là Phật tử. Ngài là huệ tánh Thanh Văn, cho nên khi nghe Phật giải thích rõ về nghĩa Phật tánh, thì Ngài tự nhận mình có Phật tánh, cũng có khả năng thành Phật, còn Thanh Văn chỉ là đến quả vị A la hán mà thôi. Do đó, nên Ngài phát khởi

pháp. Từ tà nghiệp sẽ đưa đến tà mạng. Tà mạng là nuôi sống bằng cách gian tham, lường gạt, lừa đảo, gian xảo, bịp bợm, toàn dùng những chiêu trò thủ thuật xảo quyết ăn trên đầu trên cổ thiên hạ. Ngược lại, chánh mạng là nuôi sống bằng một nghề nghiệp lương thiện, chánh đáng, có lương tâm đạo đức của một con người. Còn tà mạng không sớm thì chầy cũng bị rơi vào cạm bẫy của pháp luật. Chỉ có những kẻ ác tâm, vì lợi dưỡng nên họ mới bất chấp mọi thủ đoạn hèn hạ. Dù đó là một việc làm trái với lương tâm đạo đức con người. Ta thường thấy trên các trang mạng truyền thông đều có đề cập đến những thứ tà mạng này.

Việc buôn bán người nam, nữ đều có. Việc buôn bán người, như trước đã có nói qua. Việc xem tướng, bói toán hay bàn mộng kiết hung hăng ngày đều có. Thậm chí họ còn làm bùa ngãi để mê hoặc con người. Khi họ muốn chiếm đoạt một điều gì đó có lợi cho họ, thì họ bất chấp thủ đoạn gian ác sẽ dùng bùa chú để gây thiệt hại đối phương. Việc dùng bùa ngãi này hiện nay họ sử dụng rất thanh hành. Còn việc cho uống thuốc độc để cho đối phương chết để họ chiếm đoạt tài sản của cải cũng xảy ra thường xuyên. Tâm người ác độc không thể đoán lường trước được. Lắm kẻ giả nhân giả nghĩa, làm ra vẻ đạo đức, để lừa gạt trục lợi thiên hạ. Thậm chí họ lợi dụng danh nghĩa tên tuổi của họ để họ lường gạt qua mặt người khác. Nhưng liệu họ có lường gạt qua mặt được thiên hạ hay không? Làm sao họ có thể qua mặt được nhân quả. Đã gieo giống cay, mà muốn hưởng quả ngọt, thì làm gì trên đời này có chuyện ngược đời đó. Hễ gieo giống nào thì

Thường khi đến chùa có nhiều chư Tăng, Ni trong chùa, ít khi nào Phật tử có cái tâm bình đẳng đối xử với quý Tăng, Ni đồng đẳng như nhau. Ít nhiều gì cũng có phần thiên vị riêng biệt trong đó. Vị Tăng hay Ni nào được lòng Phật tử, hoặc thấy vị đó dễ thương mến, thì Phật tử ưu đãi vị đó nhiều hơn. Đó là một tâm lý rất thường tình của người Phật tử. Vô tình người Phật tử tạo thành sự khác biệt, và không khéo sẽ trở thành có sự bất hòa trong Tăng chúng. Một nhóm Phật tử này có một nhóm Tăng chúng riêng. Đó là điều đưa đến sự chia rẽ trong Tăng chúng. Người Phật tử không nên trọng bên này, khinh bên kia. Phải có tâm cúng dường bình đẳng thì phước báo mới lớn vậy. Nếu Phật tử nào có cái tâm thiên vị thịnh Tăng riêng, thì Phật cho đó là không thuận với hiếu đạo.

29. Giới Tà Mạng Nuôi Sống

Nếu Phật tử, dùng ác tâm vì lợi dưỡng buôn bán nam sắc, nữ sắc, tỵ tay làm đồ ăn, tỵ xay, tỵ giã, xem tướng, bùa mông, đoán sẽ sanh trai hay gái, bùa chú, pháp thuật, nghề nghiệp, phương pháp nuôi ó và chó săn, hòa hiệp trăm thứ thuốc độc, nghìn thứ thuốc độc, độc rắn, độc sanh kim, sanh ngân, độc sâu cỏ, đều không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Nếu cố làm các điều như thế. Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Tà mạng là một lối nuôi sống bằng cái nghề không chánh đáng. Trong Bát chánh đạo có một thứ gọi là chánh nghiệp. Chánh nghiệp là hành động việc làm chân chính. Trái lại là tà nghiệp. Tà nghiệp là hành nghề một cách phi

lòng tin hướng về Đại thừa. Nhờ đó mà Phật thọ ký cho Ngài sẽ thành Phật ở tương lai. Cho nên trong Kinh gọi là "hồi tâm A la hán". Hai chữ Phật tử người ta quen gọi với nhau lâu ngày thành ra người ta coi thường. Chính vì có niệm coi thường đó mà ý nghĩa Phật tử mất đi tính chất quan trọng đặc thù của nó.

Sau khi nêu ra như thế, đến đây đức Phật khuyên mọi người:

**"Đại chúng đều nên cung kính
Chí tâm nghe lời ta tụng".**

Chữ tụng Phật dùng trong đây thật đúng với ý nghĩa. Bởi Phật dĩ nhiên là Ngài tụng thuộc lòng rồi. Vì chữ tụng có nghĩa là thuộc lòng. Còn nhìn vào mặt chữ mà đọc thì gọi là đọc chứ không thể gọi là tụng được. Nhưng chúng ta dùng chữ tụng riết rồi thành quen. Nhìn mặt chữ đọc cũng nói là tụng Kinh.

Hai câu cuối của bài kệ này có bốn chữ khá quan trọng, thiết nghĩ, chúng ta cũng cần nên chú ý: "**Cung kính và chí tâm**". Cung kính là biểu lộ hình thức bên ngoài nhiều hơn. Dù hình thức đó cũng phát xuất từ trong tâm mà ra. Tuy nhiên, nói đến cung kính có nghĩa là người ta biểu lộ hình thức lễ nghi bên ngoài. Câu nói: "Tâm ưu trung xuất hành ưu ngoại". Nghĩa là trong tâm như thế nào thì biểu hiện ra bên ngoài như thế ấy. Còn chữ chí tâm là nói lên cái ý nghĩa nội tâm nhiều hơn. Chữ chí nghĩa đen là đến, tâm là lòng. Nghĩa là phải có tấm lòng tha thiết cùng tột. Ở đây, Phật bảo đại chúng vừa cung kính mà cũng vừa phải hết lòng lắng nghe lời Phật tụng giới.

3. Đức Phật Kiết Giới Bồ Tát

Thuở ấy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, lúc mới thành đạo Vô thượng chánh giác trong khi ngồi dưới cội Bồ Đề, Ngài bắt đầu kiết giới Bồ tát. Ngài dạy: "Hiếu thuận với cha mẹ, Sư Tăng, Tam bảo, Hiếu thuận pháp chí đạo. Hiếu gọi là Giới, cũng gọi là cấm ngăn".

Đoạn văn kinh đây rõ ràng là lời của nhà kiết tập. Nói rằng, lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni mới thành đạo dưới cội Bồ Đề, thì Ngài liền kiết giới Bồ tát. Điều này, ta thấy khác với giới luật của Tỳ kheo. Khác như thế nào? Vì giới Bồ tát là tánh giới, căn cứ vào tánh giới thanh tịnh mà lập ra. Ngược lại, giới của Thanh Văn thuộc về giới tướng. Khi nào có phạm thì Phật mới chế giới. Sử ghi lại, sau ngày thành đạo, trong 12 năm đầu, vì chưa có người phạm lỗi, nên đức Phật không có chế giới. Từ năm thứ 13 về sau, các thầy Tỳ kheo có người phạm lỗi, nên Phật tùy theo đó mà chế ra giới để ngăn cấm. Đó là điểm khác biệt giữa giới Bồ tát và giới Thanh Văn. Không riêng gì đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà bất cứ vị Phật nào, sau khi thành đạo cũng đều kiết giới Bồ tát cả. Đó là một thông lệ của chư Phật vậy.

Kiết giới xong, đức Phật liền khai thị. Lời dạy đầu tiên của Ngài là đặt nặng vấn đề hiếu thuận. Đây là Phật dạy cho những Bồ tát đương cơ. Phật nêu ra ba vấn đề hiếu thuận quan trọng: "Hiếu thuận với cha mẹ, Sư Tăng, Tam bảo". Là Bồ tát đương học cần phải nhớ kỹ ba điều hiếu này. Hiếu thuận với cha mẹ là hiếu thuận pháp lành thế

dường cầu nguyện, nên vào Tăng phường thừa với vị Tri sự. Vị Tri sự bảo rằng: theo thứ tự mà thỉnh thời được thập phương Hiền Thánh Tăng. Mà người đòi thỉnh riêng năm trăm vị A La Hán Bồ Tát Tăng vẫn không bằng theo thứ tự thỉnh một phàm phu Tăng. Trong giáo pháp của bảy đức Phật đều không có pháp thỉnh Tăng riêng. Nếu thỉnh Tăng riêng đó là pháp của ngoại đạo, là không thuận với hiếu đạo. Nếu Phật tử có thỉnh riêng thời phạm "khinh cấu tội".

Giới này Phật tử cần nên chú ý nhiều hơn. Nói thỉnh Tăng riêng biệt là sao? Nói nôm na là Phật tử mời quý thầy ăn riêng, cúng dường riêng. Nghĩa là Phật tử có cảm tình với thầy nào thì xem trọng ưu đãi riêng vị thầy đó. Nếu Phật tử có ý thỉnh riêng để cúng dường cho những vị mà mình thương, thích, quý trọng, thì Phật tử đó phạm tội khinh cấu. Nếu thí chủ nào có ý tốt muốn cúng dường cho Tăng chúng để cầu nguyện cho một sự kiện đặc biệt nào đó, thì tốt nhất là phải gặp vị Trụ trì hoặc thầy Tri sự để trình bày rõ về việc thỉnh Tăng cúng dường. Vị thầy Trụ trì hay Tri sự cũng phải vô tư và công tâm dựa trên tinh thần bình đẳng mà dạy Phật tử theo thứ tự thỉnh cầu. Nếu không theo thứ tự thỉnh cầu, thì dầu cho có thỉnh mười phương Hiền Thánh Tăng, hoặc thỉnh riêng năm trăm vị A la Hán Bồ tát vẫn không bằng theo thứ tự thỉnh một phàm phu Tăng. Phật còn nêu rõ trong giáo pháp của bảy đức Phật đều không có pháp thỉnh Tăng riêng. Nếu thỉnh Tăng riêng đó là pháp của ngoại đạo, không phải trong giáo pháp của Phật. Lời dạy này, xét kỹ, phải thành thật mà nói, trong hàng Phật tử tại gia đã phạm phải rất nhiều.

dành riêng về mình. Vì người cúng dường không phải cúng cho riêng mình. Mà của cúng dường đó là cúng dường cho chư Tăng trong mười phương. Thập phương Tăng đều có phần hưởng dụng. Nếu mình lấy để tiêu xài riêng cho cá nhân mình thì thành ra tội trộm. Đây là phạm tội trọng thứ hai ở trước đã nói. Ngoại trừ khi cúng, vị thí chủ đó nói rõ là phần cúng dường này, con chỉ cúng dường riêng cho thầy thôi. Còn các vị Tăng khác con đã có cúng hết rồi. Nếu như vị thí chủ đó nói rõ ra như vậy, thì mình thọ dụng riêng không bị tội. Tuy nhiên, không bị tội khinh cầu, nhưng có lỗi trong 6 phép Lục hòa. Vì trong Lục hòa, có một phép hòa là "Lợi hòa đồng quân". Nghĩa là có lợi lộc thì phải chia đều ra để cùng chung hưởng, không được thọ dụng riêng một mình.

Nói của vật trong tám phước điền bao gồm: "chư Phật, Thánh nhơn (Bồ tát, Duyên giác, La hán) đại sư Hòa thượng (vị truyền giới), đại sư A xà lê (vị dạy cách thọ giới) chư Tăng, cha, mẹ và bịnh nhơn". Tám bậc này được gọi là ruộng phước tốt để gieo trồng nuôi lớn phước đức cho ta. Nên gọi là 8 ruộng phước. Nếu như không thọ thỉnh theo thứ tự (như giới 28) sau đây nói, mà thọ thỉnh riêng biệt, lại sử dụng một mình. Đây là phạm hai lớp chiếm đoạt: chiếm đoạt của chư Tăng mười phương và của 8 ruộng phước.

28. Giới Biệt Thỉnh Tăng

Nếu Phật tử, có những hàng Bồ tát xuất gia, Bồ tát tại gia và tất cả đàn việt lúc muốn thỉnh Tăng để cúng

gian. Đối với Bồ tát xuất gia, không phải xuất gia rồi là không nghĩ đến công ơn sanh thành giáo dưỡng của cha mẹ. Không nghĩ đến mới thật là bất hiếu. Đã bất hiếu thì sao gọi là tu theo hạnh Bồ tát được? Rõ ràng, giới Bồ tát đã nói rất rõ về sự hiếu thuận với cha mẹ. Còn Sư Tăng là chỉ cho các vị Hòa thượng, A xà lê truyền giới. Đó là những vị Giới sư mà chúng ta phải hết lòng kính trọng phụng hành. Còn Tam bảo là Phật, Pháp, Tăng. Tăng trong Tam bảo là thập phương Tăng, trong đó có tất cả các bậc Hiền, Thánh Tăng thuộc về Tăng chúng thập phương.

"Hiếu thuận với cha mẹ thời những điều ác về thế gian dứt, mà những điều lành về thế gian sanh trưởng. Hiếu thuận với Sư Tăng, Tam bảo, thời những điều ác của thế gian và xuất thế gian đều dứt tuyệt. Những điều lành về thế gian và xuất thế gian phát sanh cho đến viên mãn thành tựu đạo quả.

Vì ý nghĩa ấy nên hiếu thuận là cốt tủy của Bồ tát giới và là chí đạo" (*lời chú thích của dịch giả*)

Tóm lại, hiếu thuận với cha mẹ, Sư Tăng, Tam bảo có thể ngăn tất cả các ác pháp thế gian và xuất thế gian, viên mãn pháp lành thành tựu Phật quả. Cho nên mới nói hiếu thuận là pháp chí đạo (cùng tột, rốt ráo). Đức Phật kết lại: "**Hiếu gọi là giới", cũng gọi là cấm ngăn**". Thế nên đối với người Phật tử tại gia thì việc hiếu thuận với cha mẹ rất là hệ trọng. Sau đó mới đến sư trưởng. Ngược lại, đối với người xuất gia tuy cũng hiếu thuận với cha mẹ, nhưng quan trọng hơn là hiếu thuận với các bậc Sư Trưởng Thầy

Tổ. Theo Hòa thượng Vạn Đức cho rằng: "*Người xuất gia mà phạm tội Sư Trưởng Thầy Tổ thì mất đi nghĩa hiếu thuận và giới không còn nữa. Nếu người nào mất nghĩa hiếu thuận, thì khó toàn vẹn giới thể*". Ngoài ra, trong quyển Cương Yếu Giới Luật, Hòa thượng Thiện Siêu cũng nói: "*Sau khi thọ giới Bồ tát, thì chỉ có hai trường hợp mất giới là phạm trọng do thượng phẩm phiền não trói buộc (ví dụ, cố ý sát nhân hiện hành liên tục không biết tầm quý, đó là thượng phẩm phiền não). Còn có trường hợp gọi là "ô trọng giới" như ngộ sát, thì không đến nỗi mất giới. Trường hợp hai là xả Bồ đề tâm, ví dụ nói: "Tôi không tin việc làm Phật, không phát tâm Bồ đề nữa"*".

Bồ tát mệnh chung không mất giới, vì phát nguyện thọ từ kim thân cho đến Phật thân, trừ có hai duyên có mất giới như đã nói trên.

"Liên đó, từ nơi miệng, đức Phật phóng ra vô lượng tia sáng, bây giờ có đến trăm vạn ức đại chúng, các Bồ tát mười tám Phạm thiên, sáu cõi trời Đục, mười sáu đại Quốc Vương đồng chấp tay chí tâm nghe đức Phật tụng giới pháp Đại thừa của tất cả chư Phật".

Sau khi đức Phật tuyên bày khai thị về thâm nghĩa hiếu thuận cũng chính là giới pháp, liền đó từ nơi miệng đức Phật phóng ra vô lượng tia sáng chiếu khắp đại chúng và thập phương thế giới. Trong pháp hội có đến trăm vạn ức đại chúng (1 ức là 10 triệu). Vấn đề hào quang mà trong các kinh điển Đại thừa như Kinh Pháp Hoa, Kinh Lăng

nếu không thì vị Tri sự phải mắc tội. Phạt quả vị đó không đáng là hàng Sa môn, không phải dòng Thích tử, nào khác gì loài súc sanh. Điều này vị Tri sự phải hết sức chú ý. Nếu không thì phải đắc tội lớn.

Còn nói, nếu như tự mình không có, thì phải bán những người thân nhứt của mình và thậm chí còn phải lóc thịt mình mà bán để sắm đồ cung cấp cho những khách Tăng ấy. Vấn đề này, theo Hòa thượng Trí Quang cho rằng: "có nhiều bản không có, và không có thì đúng hơn". Hòa thượng còn nói thêm: "*Câu này nói riêng cho người tại gia thọ Bồ tát giới, và đó là nói cái tình đãi sư tăng và đồng đạo cực kỳ chí thiết, nên nói như vậy, có nghĩa giả sử nhiều hơn. Tuy nhiên, cách nói ấy cũng nên hiểu. Nói bán mình và bán con như kiểu đi ở thời xưa và nay hay có. Nói bán mình và bán con là bán sức lao động chân tay và trí thức thì ở đâu và thời nào cũng có và có dưới nhiều hình thức*".

27. Giới Thọ Biệt Thỉnh

Nếu Phật tử, tất cả chẳng nhận được của cúng dường dành riêng về mình. Của cúng dường này thuộc thập phương Tăng, nếu nhận riêng thì là lấy của thập phương Tăng đem về phần mình. Và của vật trong tám phước điền: chư Phật, Thánh nhơn, các Sư Tăng, cha, mẹ và người bệnh, tự mình riêng nhận dùng. Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Thọ biệt thỉnh nghĩa là nhận lời mời riêng. Phẩm vật của Đàn na tín thí cúng dường, thì không được nhận phần

càng lúc lại càng bị mòn dần đi. Nếu là viên đá non thì nó mau bị mòn lắm! Tức giới đức kém mà thọ dụng nhiều thì càng mắc nợ thí chủ nhiều mà thôi.

Nếu mình ở trong Tăng chúng, khi thấy Bồ tát Tỳ kheo khách Tăng đến, thì ta phải đón tiếp một cách nồng hậu cung kính nhiệt tình. Ta có thể hướng dẫn vị khách Tăng đó, tham quan nơi này nơi kia. Đồng thời, ta cũng phải cung cấp những vật phẩm thức ăn nước uống và đồ xài một cách đầy đủ đàng hoàng. Thậm chí tất cả những phương tiện vật dụng khác như thuốc men, nhà, phòng, giường, ghế v.v... cũng phải để cho vị khách Tăng đó tùy nghi sử dụng.

Ngày xưa thời Phật, người Phật tử cúng dường có hai cách: mời chư Tăng đến tư gia, hoặc mang thực phẩm đến Tinh xá cúng dường. Ngoài ra, thì họ cúng dường bằng cách sót bát. Bởi vì Phật và chúng Tăng đều đi khất thực từng nhà. Tỉnh thoảng thì mới đi thọ trai ở tại nhà thí chủ. Khi nào có thí chủ mời riêng cúng dường tại nhà. Chư Tăng khi đi thọ thực thì cũng phải có sự sắp xếp thứ tự tính theo hạ lạp. Người có tuổi hạ cao thì đi trước và cứ thế mà tính dần xuống. Bởi đâu có thí chủ nào mời một lần mà hết cả chư Tăng. Do đó mà phải chia đều ra để đi. Việc này, đối với Phật giáo Bắc Tông thời nay thì khác. Thường thì chư Tăng, Ni của Phật giáo Bắc Tông chỉ dùng bữa tại chùa. Bởi đâu có đi khất thực như Phật và các Thánh chúng của thời Phật. Điều quan trọng nói ở đây là, khi có thí chủ đến thỉnh chúng Tăng thọ trai, thì vị Tri sự (phó trụ trì) phải sắp xếp cho vị khách Tăng cùng đi,

Nghiêm, Kinh Địa Tạng v.v... thường nêu ra Phật phóng quang một vài nơi trên thân thể của Ngài. Khi thì trên đỉnh đầu, lúc thì ở trước ngực, hoặc giữa chạng mai, nơi miệng v.v... Vấn đề này, theo chỗ nghiên cứu học hỏi của chúng tôi, thì đó chẳng qua là một hình thức tiêu biểu thôi, còn nội dung nhằm nói lên một ý nghĩa rất thâm sâu. Trong Kinh thường nói tất cả mọi ánh sáng đều tượng trưng cho trí huệ. Mà trí huệ Phật thì chiếu sáng trùm khắp không ngần mé. Đó là thứ trí huệ bát nhã "Chiếu kiến ngũ uẩn giai không". Hào quang chỉ là cách biểu hiện ẩn dụ cụ thể cho chúng sanh dễ nhận dễ hiểu đó thôi. Kỳ thật, thì đức Phật không bao giờ có chuyện phóng quang xẹt xẹt như người ta làm tượng. Điều này, không phải chỉ riêng tôi nhận hiểu như thế, mà tôi cũng đã nghe một vài bậc tôn túc thông suốt Phật lý cũng đều giảng giải như vậy. Còn tin hay không đó là chuyện của mỗi người. Nếu không khéo, thì chúng ta dễ bị mê hoặc rơi vào mê tín và tà kiến.

Ở đây, Phật nêu ra số thính chúng dự nghe giới gồm có: chúng Bồ tát thì có trăm vạn ức, mười tám cõi trời Phạm thiên, sáu cõi trời Dục giới, mười sáu đại Quốc Vương. Chúng Bồ tát nói đây là chỉ cho các vị Bồ tát trong 40 vị: **Thập phát thú:** 1. Xả tâm. 2. Giới tâm. 3. Nhẫn tâm. 4. Tinh tấn tâm. 5. Định tâm. 6. Huệ tâm. 7. Nguyện tâm. 8. Hộ tâm. 9. Hỷ tâm. 10. Đánh tâm. **Thập trưởng dưỡng:** 1. Từ tâm. 2. Bi tâm. 3. Hỷ tâm. 4. Xả tâm. 5. Thí tâm. 6. Hảo ngữ tâm. 7. Ích tâm. 8. Đồng tâm. 9. Định tâm. 10. Huệ tâm. **Thập kim cương và Thập địa** (đã có nêu ở trước).

Mười tám Phạm thiên là 18 cõi trời ở Sắc giới, *trời Sơ thiên có 3 cõi*: 1. Phạm chúng thiên, 2. Phạm phụ thiên, 3. Phạm vương thiên. *Trời Nhị thiên có 3 cõi*: 4. Thiểu quang thiên. 5. Vô lượng quang thiên. 6. Quang âm thiên. *Trời Tam thiên có 3 cõi*: 7. Thiểu tịnh thiên. 8. Vô lượng tịnh thiên. 9. Biến tịnh thiên. *Trời Tứ thiên có 9 cõi*: 10. Phước sanh thiên. 11. Phước ái thiên. 12. Quảng quả thiên. 13. Vô tướng thiên. 14. Vô phiền thiên. 15. Vô nhiệt thiên. 16. Thiện kiến thiên. 17. Thiện hiện thiên. 18. Sắc cứu cánh thiên. Cộng chung lại là có 18 cõi trời. *Sáu cõi trời dục gồm có*: 1. Tứ thiên vương thiên. 2. Đao lợi thiên. 3. Dạ ma thiên. 4. Đâu suất thiên. 5. Hóa lạc thiên. 6. Tha hóa tự tại thiên.

Ở Ấn Độ (Thiên Trúc) thời Phật người ta chia ra làm 16 nước lớn. Mỗi nước đều có một ông vua cai trị. Ngoài những nước lớn ra, còn có nhiều nước nhỏ nữa. Nói chung, là những thành phần tham dự pháp hội buổi thuyết giới pháp Bồ tát đầu tiên của đức Phật.

Mọi người đều thành tâm chấp tay lóng nghe đức Phật tụng giới pháp Đại thừa của tất cả chư Phật. Với một số thánh chúng đông đảo như thế, đức Phật dùng viên âm diễn xướng vang khắp trong đại hội. Vì đức Phật nhờ có viên âm, nên không cần đến máy phát thanh như hiện nay. Đặc biệt hơn nữa, là khi Phật thuyết pháp thì mỗi loài đều nghe hiểu theo ngôn ngữ của mình. Đâu cần đến thông dịch viên của mỗi loại ngôn ngữ khác nhau.

"Đức Phật nói với các vị Bồ tát:

cùng trong đại hội... chư Tăng ở trước phải rước đến đưa đi, cung cấp cho những đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men, nhà, phòng, giường, ghế v.v... Nếu tự mình không có, thì phải bán thân, bán con cái, lóc thịt thân mình mà bán, để sắm đồ cung cấp cho những khách Tăng ấy. Nếu có thí chủ đến thỉnh chúng Tăng thọ trai, khách Tăng có dự phần, vị Tri sự phải theo thứ tự phải khách Tăng đi thọ trai. Nếu chư Tăng ở trước riêng đi thọ trai mà không phải khách Tăng đi, thời vị Tri sự mắc vô lượng tội, không đáng là hàng Sa Môn, không phải dòng Thích tử, nào khác gì loài súc sanh. Phạt tử nầy phạm "khinh cấu tội".

Lợi dưỡng cho riêng mình, điều này người xuất gia phải hết sức cẩn trọng. Nói lợi dưỡng có nghĩa là những vật dụng do tứ sự cúng dường, rồi lạm dụng nhận lấy xài riêng cho mình. Khi nào đồ vật cúng dường đó, thí chủ cúng riêng cho mình, thì mình mới có quyền tùy ý sử dụng. Tuy nhiên, nếu mình thọ dụng nhiều thì thí chủ sẽ được lợi lớn. Còn mình là người thiếu nợ họ. Trong Quy Sơn Cảnh Sách, Tổ Quy Sơn hay nhắc điều này: "Thọ dụng ân phòn, thí lợi nông hậu". Càng thọ dụng của tín thí nhiều, thì họ càng được thêm lợi ích lớn. Người Phật tử tại gia, vì muốn có thêm phước báo, nên họ thật tâm cúng dường cho mình mọi thứ. Khi thọ dụng mình nên tự xét rằng, mình có xứng đáng đầy đủ phước đức để cho người ta dâng cúng hay không? Đừng quên rằng, chúng ta giống như là một viên đá, mà thí chủ là những con dao, họ cứ đem con dao mài trên viên đá của chúng ta. Càng mài thì con dao của họ càng sắc bén, còn viên đá của mình thì

nào. Vì như thế sẽ gây ra tạo thêm hồ sâu ngăn cách chia rẽ. Không được có ý công kích chê bai hay cố tâm thọc gậy bánh xe làm ly gián đôi bên. Làm cho hai đảng xích mích với nhau tạo thành thù hận, đây là một trọng tội mà ta cần phải tránh.

Đến vấn đề tiêu xài, ta không được tiêu xài lãng phí của Tam bảo. Phải hết sức cẩn thận tiết kiệm tài vật của thường trụ Tam bảo. Không nên lợi dụng chức vụ của mình mà lạm dụng của thường trụ Tam bảo hoặc của chúng Tăng. Chẳng những thế mà ta còn phải bảo trọng gìn giữ của Tam bảo. Bởi của Tam bảo là tài vật chung không ai được sử dụng tiêu xài riêng. Sử dụng chung cho trong Tăng chúng thì được. Tài vật của Tam Bảo tránh không được xài chung lộn lạo. Như tiền của người ta cúng Phật tượng, thì mình không được lấy in kinh ấn tống. Hoặc là mua đồ vật cho chúng Tăng. Vật nào phải xài đúng theo vật đó. Không được lấy cái này xài cho cái kia. Ngược lại của Pháp và của Tăng cũng vậy. Ngoại trừ khi có sự đồng ý chấp nhận chung của chúng Tăng thì được. Như trong buổi họp có 5 người, mà 3 người đồng ý thì được. Nghĩa là thiểu số phải phục tùng đa số, Đây là cách yết ma khi sử dụng của Tam bảo. Ngoài ra, không ai được quyền sử dụng có tánh cách riêng tư là phạm tội.

26. Giới Riêng Thọ Lợi Dưỡng

Nếu Phật tử, ở trước trong tăng phùng, lúc sau thấy có khách Bồ tát Tỳ kheo đến, hoặc nơi thành ấp nhà cửa của Tăng hay của vua, nhần đến chỗ kiết hạ an cư

Nay ta cứ mỗi nửa tháng tự tụng giới pháp của chư Phật. Tất cả hàng Bồ tát sơ phát tâm, nhần đến các Bồ tát Thập phát thú, Thập trưởng dưỡng, Thập kim cương, Thập địa, cũng tụng giới ấy. Vì thế nên giới quang từ miệng ta phóng ra. Phóng quang là vì có duyên do, chớ chẳng phải vô cớ. Giới quang ấy chẳng phải màu xanh, vàng, đỏ, trắng và đen; chẳng phải sắc pháp, cũng chẳng phải tâm pháp, chẳng phải pháp hữu, pháp vô, cũng chẳng phải pháp nhơn, pháp quả. Nó chính là bản nguyên của chư Phật, là căn bản của chúng Phật tử. Vì thế nên chúng Phật tử phải thọ trì, phải đọc tụng, phải học kỹ giới pháp này".

Thật ra, đức Phật không riêng gì nói với các vị Bồ tát, mà nói chung cho cả pháp hội cùng nghe. Những vị Bồ tát Thập phát thú, Thập trưởng dưỡng, Thập kim cương và Thập địa, các Ngài này đã thực sự vào địa vị Bồ tát hết rồi. Ngoài ra, còn có những vị Bồ tát chỉ danh tự thôi, nhưng vì đã thọ giới Bồ tát nên cũng được gọi là Bồ tát. Bồ tát có nhiều hạng. Từ hạng sơ phát tâm, tức mới lãnh thọ giới pháp Bồ tát, cho đến hàng Thập địa Bồ tát (những vị Bồ tát cận kề thành Phật). Đây là những hạng Bồ tát cấp cao. Sở dĩ có những đẳng cấp thấp cao khác nhau như thế, là do quá trình tu học, đánh giá theo trình độ hội nhập tu chứng của các Ngài.

Phật tuyên bố rõ, cứ mỗi nửa tháng là chính đức Phật tự tụng giới pháp Đại thừa này. Giới pháp Đại thừa này không riêng gì đức Phật mới tụng mà tất cả chư Phật đều tụng. Vì đây là giới pháp chung của chư Phật. Ta cần nên

lưu ý: các vị sơ phát tâm Bồ tát và các vị mới lãnh thọ giới Bồ tát, thì những vị này chưa có thể nhập vào địa vị Bồ tát. Dù vậy, nhưng tất cả cũng đều được tham dự nghe Phật tụng giới này. Cho nên mới có những ánh sáng từ nơi kim khẩu của đức Phật phóng ra. Phật cho biết, việc Phật phóng quang là có duyên do, duyên có chớ không phải vô duyên mà làm việc ấy. Giới quang ấy chẳng có màu gì cả, cũng chẳng phải sắc, cũng chẳng phải tâm, chẳng phải pháp có, pháp không, cũng chẳng phải nhọn, chẳng phải quẻ. Vậy thì nó là gì? Nó chính là bản nguyên của chư Phật, là căn bản của chúng Phật tử. Bản nguyên là nguồn gốc. Như trước chúng tôi có nêu ra trong Chúng Đạo Ca có câu: "*Bản nguyên tự tánh thiên chơn Phật*". Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói: bản nguyên là cái gốc, cái nguồn, gọi là tự tánh. Tự tánh là tánh thực của chính mình, là thiên chơn Phật, tức là đức Phật thiên chơn, là đức Phật chơn thật sẵn có từ muôn đời chớ không phải đức Phật mới tu hành. Nói rõ ra "bản nguyên" là bản tánh chơn thật của tất cả chúng sanh đều sẵn có. Cho nên Phật mới nói, chính cái bản thể này cũng là căn bản của chúng Phật tử.

Ánh sáng từ miệng Phật phóng ra, đó là biểu tượng của giới thể là bản tánh bình đẳng thanh tịnh. Trong bài kệ ở trước Phật có nói: "*Giới như vùng nhật nguyệt sáng*". Như vậy ánh sáng rõ ràng là biểu trưng cho giới. Vì giới thể này rất quan trọng, Phật tụng từ miệng, nên trước khi tụng, Phật dùng hình ảnh cụ thể là từ miệng Phật phóng quang để cho đại chúng phải nhiếp tâm chánh niệm chú ý những giới mà Phật sắp tụng. Đó chẳng qua là một hình ảnh thức nhắc biểu trưng mà thôi.

Trong thiên môn tùy theo lãnh vực chuyên môn của mỗi chức vụ mà có những tên gọi khác nhau. Như đặc trách chuyên ngành giảng pháp, thì gọi là Pháp sư hay Giảng sư. Chuyên trì Luật hoặc thông suốt Luật tạng, thì gọi là Luật sư. Chuyên tu thiền và am tường về giáo lý thiền, thì gọi là Thiền sư. Thông thường Trì sự và Trì khách nằm trong Ban chức sự của chùa. Đó là theo quy chế trong thiên môn mà đặt định có những chức vụ khác nhau như thế. Những chức vụ trong thiên môn phần lớn là do Tăng chúng công cử. Người được trong chúng công cử thì phải hết lòng phục vụ cho chúng Tăng hay chúng Ni. Mỗi chức vụ đều có phạm vi quyền hạn của nó. Tuy nhiên, cũng cần nên hỗ trợ giúp nhau trong công việc chung. Không nên có ý lánh nặng tìm nhẹ. Hoặc tránh né công việc khi được trong chúng giao phó. Vì như thế sẽ làm méch lòng chúng và coi như là phá sự hòa hợp trong chúng. Đó là một trong ngũ nghịch tội. Sống trong chúng ta cần nên cần trọng và lưu ý vấn đề này.

Trong khi hành sự điều quan trọng là phải giữ thái độ hòa chúng. Phải khéo xử sự trên dưới hòa thuận với nhau. Người dưới phải tôn trọng người trên và người trên phải hết lòng yêu thương chỉ dạy người dưới và tận tâm giúp đỡ cho nhau vui vẻ tu hành. Sống chung an lạc là yếu tố cực kỳ quan trọng ở trong chúng. Phải áp dụng "Sáu phép hòa" mà Phật đã dạy. Người có chức vụ lớn không được khinh khi coi thường người dưới. Nếu trong chúng có xảy ra việc bất hòa vì một lý do nan giải nào đó, thì người có chức vụ cao phải đứng ra giải quyết hòa giải một cách ôn hòa êm đẹp. Tuyệt đối không được coi trọng thiên vị bên

(vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, trân châu, mã não) là những thứ quý giá ở thế gian để học lấy những sách luận tà giáo (tà kiến), nhị thừa, ngoại đạo, thế tục. Đó là một sự thiệt thòi cho chúng ta rất lớn. Khác nào như có người xuống biển không chịu lượm vàng mà lại lượm toàn ngói gạch. Kinh sách Nhị thừa mà Phật còn không cho học thì nói chi là những sách vở của ngoại đạo thế tục. Bởi hàng Nhị thừa (Thanh văn và Duyên giác) chưa thấy được Phật tánh. Cho nên các vị này không thể thành tựu quả vị Phật được. Vì vậy, Phật mới nói học theo sách vở của họ là làm mất giống Phật. Theo Hòa thượng Thích Trí Quang cho rằng: *"Nhị thừa ở đây, là các bộ phái a tỳ đà, nói như vậy là chỉ nói thời kỳ bộ phái, không nói thời kỳ nguyên thủy, lại càng không nói về giới luật. Do vậy mà người xuất gia thọ Bồ tát giới càng phải lãnh thọ, học hỏi và tuân giữ cho nghiêm về Tỳ kheo giới. Còn ngoại đạo ở đây là các chủ thuyết phức tạp và hỗn tạp của hết thảy học phái cùng tôn giáo khác. Thế tục là những thi văn truyện ký của thế tục..."* (Giới Pháp Xuất Gia tại Gia Bồ Tát Giới)

25. Giới Trì Chúng Vụng Về

Nếu Phật tử, sau khi Phật nhập diệt làm Pháp Sư, Giảng Sư, Luật Sư, Thiền Sư, Trì Sư, Trì Khách, phải có lòng từ bi khéo hòa giải trong chúng, khéo giữ gìn tài vật của Tam bảo, chớ dùng vô độ như của riêng mình, mà trở lại khuấy chúng gây gỗ, kình chống, lung lộng xài của Tam bảo. Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Chính vì điểm tối ưu quan trọng đó, nên câu kết Phật bảo: **"Vì thế nên chúng Phật tử phải thọ trì, phải đọc tụng, phải học kỹ giới pháp này"**.

Câu kết này, chúng ta nên chú ý: Phật dùng liên tiếp 3 chữ **"Phải"**. Chữ Phải này không phải ở dạng thức bình thường. Mà là một động từ có tánh cách bắt buộc phải làm. Động từ phải này, tương đương với động từ trong tiếng Anh là "Must Be" chứ không phải "have to". Have to là nghĩa thường thôi, đại khái làm cũng được mà không làm cũng không sao. Còn must be là bắt buộc phải làm. Không có lý do viện cớ từ chối. Thành ra hai động từ nói lên hai tánh cách khác nhau rất rõ ràng.

"Thọ trì, đọc tụng, học kỹ" đó là những điều mà bắt buộc các Bồ tát phải làm. Nếu không làm được ba điều này thì thực sự chưa xứng danh là Bồ tát vậy.

Đức Phật lại nói tiếp:

"Chúng Phật tử lắng nghe! Nếu là người thọ giới Bồ tát này, không luận là Quốc vương, Thái tử, các Quan chức hay Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, không luận là chư Thiên cõi Sắc, cõi Dục, không luận là hàng thứ dân, huỳnh môn, dân nam, dân nữ, hay hàng nô tỳ, cũng không luận là tám bộ quỷ thần, thần Kim Cương, hay loài súc sanh, nhân đến kẻ biến hóa, hễ ai nhận hiểu được lời truyền giới của Pháp sư thời đều thọ đặng giới, và đều gọi là thanh tịnh thứ nhất".

Ở đây, chúng ta cũng cần nên chú ý về cách xưng hô cho đúng trong khi đọc tụng giới. Nếu chỉ có Tăng, Ni các vị thọ đại giới và Bồ tát giới không thôi, thì người được Tăng sai tụng giới phải gọi là chư Đại Đức. Còn nếu như có các vị Sa di tăng, Sa di ni, Thức xoa ma na và Ưu bà tắc, Ưu bà di cùng chung nghe giới, thì nên gọi là chư Đại chúng. Còn nếu chỉ có Phật tử tại gia không thôi, thì gọi là chư Phật tử.

Giới Bồ tát vì là tánh giới, ai cũng có Phật tánh nên ai cũng có thể thọ giới Bồ tát được cả. Như trên đây đã nêu ra gồm có đủ mọi hạng người trong xã hội, cũng như các loại quý thân, tất cả đều được thọ giới. Miễn sao người đó không câm, không điếc, nghe và nhận hiểu được lời truyền giới của Pháp Sư thì thọ được cả. Bất luận là hạng người nào, từ vua quan cho đến thứ dân, thậm chí những kẻ huỳnh môn (bán nam, bán nữ) dân nam, dân nữ v.v... chỉ có điều kiện là nghe và hiểu được thì tất cả đều được lãnh thọ. Và khi thọ rồi thì được thanh tịnh thứ nhất, bởi vì đã có giới thể Đại thừa Bồ tát. Điều quan trọng là khi thọ rồi phải gìn giữ cho thanh tịnh. Người thọ giới Bồ tát khác với người thọ giới tướng Thanh Văn. Người thọ giới không như thiết phải là loài người, mà các loại quý thân, các loài biến hóa cũng đều được thọ cả. Ngược lại, đối với giới Thanh Văn thì chỉ có loài người mới có thể được thọ mà thôi. Nhưng với điều kiện là phải đầy đủ sáu căn, vì giới Thanh Văn là phải hiện tướng Tăng đầy đủ. Còn giới Bồ tát thì chú trọng về tâm tánh, nên loài nào cũng có thể thọ được cả. Vì loài nào cũng có Phật tánh.

lỗi thiếu bốn phạm của người Phật tử đã thọ giới Bồ tát. Khi học giáo pháp kinh luật Đại thừa, là Phật tử đã có chánh kiến, chánh tánh. Chánh kiến là bước đầu của người Phật tử khi bước chân vào con đường học Phật. Chánh kiến là cái nhìn đúng hướng chân lý. Sống đúng với chân lý, thì không có khổ. Ngược lại, rơi vào tà kiến, đó là cái nhìn sai lệch chánh pháp, tất nhiên là phải thọ khổ. Cho nên trong đạo Phật chánh kiến rất quan trọng. Học hiểu chánh pháp Đại thừa, đó là chánh kiến. Chánh kiến là kiến giải về Phật tánh là chánh tánh. Thực hành đức tánh của Phật tánh là chánh pháp thân. Như vậy, khi học kinh luật giáo nghĩa Đại thừa thì có đầy đủ tất cả những cái "Chánh" này. Phật tánh là tánh thanh tịnh sáng suốt mà mỗi chúng sanh đều sẵn có. Trong Tam nhân Phật tánh thì đây gọi là chánh nhân Phật tánh. Như trong cây vốn sẵn có lửa, trong gạo vốn sẵn có chất cơm và trong bột vốn sẵn có chất bánh. Tuy nhiên, nếu muốn có lửa thì phải dùng nhiên liệu cọ xát để có lửa. Tuy trong gạo sẵn có chất cơm, nhưng đòi hỏi phải nấu và phải nấu cho đúng cách. Trong bột sẵn có bánh nhưng chính mình phải chế tác đúng theo công thức thì mới có bánh được. Tất cả những việc làm đó, gọi chung là duyên nhân Phật tánh. Nghĩa là muốn Phật tánh hiển hiện thì hành giả cần phải tu và phải tu đúng theo chánh pháp Đại thừa. Khi thành tựu được Phật tánh cũng gọi đó là thể nhập pháp thân. Tóm lại ba điều (chánh kiến, chánh tánh, chánh pháp thân) bao hàm tất cả nội dung về "Lý", "Hạnh" và "Quả" của giáo nghĩa Đại thừa vậy.

Một nguồn giáo lý thậm thâm siêu việt như thế, mà không chịu siêng năng tìm hiểu học hỏi. Lại chịu bỏ bả của báu

không tự thọ một mình, mà họ còn đại diện cho một số đông người cùng thọ. Dù họ chỉ là một vị cư sĩ tại gia, nhưng có ý muốn làm thầy thiên hạ nên không cần phải đến chùa cầu thỉnh Tăng, Ni xin thọ. Đã vậy, họ còn cho pháp danh từng người một. Phật nói, đây là hạng người ngạo mạn không cần ai truyền thọ cho họ. Đã làm trái với giới luật Phật dạy, thì thử hỏi làm sao mà đắc giới cho được? Thế mà họ vẫn hui hui tự đắc cho mình làm đúng. Thật là một pháp nạn họa hại cho Phật pháp.

Nếu có hàng tân học Bồ tát đến thọ giáo cầu học về những yếu nghĩa Đại thừa, thì vị Pháp Sư phải hết lòng chỉ dạy cho họ. Nếu vì ngã mạn cống cao, trọng mình, khinh người mà không thật tâm chỉ dạy, dù mình thông suốt kinh luật, nhưng vì ty hiềm ganh ghét nên không chịu dạy, thời vị Pháp Sư này phạm "khinh cấu tội".

24. Giới Không Tập Học Đại Thừa

Nếu Phật tử, có kinh luật Đại thừa pháp, chánh kiến, chánh tánh, chánh pháp thân của Phật, mà không chịu siêng học, siêng tu, lại bỏ bầy của báu, trở học những sách luận tà kiến của nhị thừa ngoại đạo, thế tục đó mà làm mất giống Phật, là nhơn duyên chướng đạo, chẳng phải thật hành đạo Bồ tát. Nếu cố làm như vậy, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Khi đã thọ giới Bồ tát, tất nhiên, Phật tử đã vào nhà Như Lai Đại thừa pháp. Thế mà Phật tử không chịu siêng năng gắng công nỗ lực học tập kinh luật Đại thừa, thì đó là cái

V. Vài Nét Về Giới Trọng

Nói giới trọng là bởi vì giới Bồ tát đặt nặng ở nơi tâm ý hơn là ở nơi thân và miệng. Bởi giới Bồ tát thuộc về tánh giới. Điều này khác với giới tướng Thanh Văn. Giới tướng Thanh Văn thì đặt nặng ở nơi thân và miệng (thân nghiệp và khẩu nghiệp) cho nên, giới Thanh Văn không đặt nặng ở nơi tâm ý. Bởi đó là tướng giới. Trong ba nghiệp mà chúng sanh gây tạo nghiệp nhân lành, dữ, thì đối với giới Thanh Văn quan tâm chú trọng ở nơi hai nghiệp thô: "thân nghiệp và ngữ nghiệp". Còn giới Bồ tát thì chú trọng ở nơi ý nghiệp. Tâm ý khởi niệm bất chánh tổn mình hại người, hại vật là phạm tội. Trái lại, giới Thanh Văn thì không phạm. Bởi chưa có hành động cụ thể, thì không thể kết thành tội được. Chính vì thế, mà giới Bồ tát rất vi tế và rất khó giữ.

Đức Phật bảo các Phật tử rằng:

Có mười điều giới trọng. Nếu người thọ giới Bồ tát mà không tụng điều giới này, thời người ấy không phải Bồ tát, không phải là Phật tử. Chính ta cũng tụng như vậy.

Tất cả Bồ tát đã học, sẽ học và đương học!

Đã lược giảng xong tướng trạng của giới Bồ tát cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì.

Phần trên đã lược bày về các thành phần được lãnh thọ giới Bồ tát, tiếp theo đây, đức Phật khuyến bảo và thức

nhắc quả quyết rằng: có mười điều giới trọng mà bất luận ai đã lãnh thọ thì đều phải tụng (thuộc lòng) mười điều giới trọng này. Nếu người nào đã thọ giới Bồ tát mà không tụng mười điều giới này, thì Phật nói người đó không phải là Bồ tát và cũng không phải là Phật tử. Chính đức Phật còn phải tụng như vậy. Những vị Bồ tát đã học, tức là đã có tìm hiểu nghiên cứu thấu đáo và những vị chưa học thì tương lai sẽ học. Còn các vị nào đủ duyên hiện tại đương học thì phải cố gắng chịu khó tài bồi nghiên cứu học hỏi. Có thể, thì mới xứng danh là Bồ tát. Chẳng những đọc tụng học hỏi không thôi mà Phật còn dạy bảo phải hết lòng kính trọng phụng trì.

VI. Thành Phần Mười Giới Trọng

1. Giới sát sanh
2. Giới trộm cướp
3. Giới dâm
4. Giới vọng
5. Giới bán rượu
6. Giới rao lời tứ chúng
7. Giới tự khen mình chê người
8. Giới bôn sên thêm mắng đui
9. Giới giận hờn không nguôi
10. Giới hủy báng Tam bảo

Đây là mười tướng trạng, tức mười giới trọng của Bồ tát. Bây giờ đây, chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu qua từng giới một, mà Phật đã răn dạy:

và thông cảm nhau. Trò không được nhìn lỗi thầy mà khinh khi chê bai ngạo mạn.

"Về vấn đề thọ giới Bồ tát, đại khái gồm có ba phẩm khi thọ để được đắc giới.

a) Đối trước Phật cùng Bồ tát mà thọ giới thời thuộc thượng phẩm đắc giới.

b) Thọ Bồ tát giới với Pháp Sư, thời thuộc trung phẩm đắc giới.

c) Đối trước tượng Phật, tượng Bồ tát mà tự nguyện thọ, thời thuộc hạ phẩm đắc giới. Trong phần tự nguyện thọ giới này phải đủ hai điều kiện mới đắc giới:

1. Trong nghìn dặm không có Pháp Sư truyền giới.

2. Phải thấy hảo tướng. Nếu có Pháp Sư có thể truyền giới mà không đến xin thọ, lại tự nguyện thọ, thời dầu có thấy hảo tướng cũng không đắc giới, vì có tâm khinh mạn vậy" (chú thích của dịch giả).

Về việc thấy hảo tướng, theo kinh nghiệm của các bậc Cổ Đức thì có hai:

a) Hoặc thấy trong lúc sám hối, tọa thiền.

b) Hoặc trong lúc ngủ chiêm bao thấy.

Sau khi thấy hảo tướng (như thấy tượng Phật, hay Bồ tát lấy tay xoa đầu, hình ảnh hoa sen v.v...) có cảm giác thân tâm thư thối nhẹ nhàng thì đó là tốt. Nếu như có vị Pháp Sư trực tiếp truyền giới, thì không cần phải thấy hảo tướng. Có người, vì có tâm khinh mạn, nên họ tự đối trước tượng Phật hoặc Bồ tát mà thọ giới. Mặc dù có các vị Pháp Sư không cách xa chỗ ở của họ. Chẳng những họ

tượng Bồ tát mà tự nguyện thọ giới. Nên ở trước tượng Phật và tượng Bồ tát sám hối trong bảy ngày, hễ được thấy hảo tướng là đắc giới. Như chưa thấy hảo tướng thì phải sám hối hai mươi bốn ngày, hăm một ngày, hay đến cả năm cầu thấy được hảo tướng. Khi được thấy hảo tướng rồi, thời được đối trước tượng Phật Bồ tát mà thọ giới. Như chưa thấy hảo tướng thì dầu có đối trước tượng Phật thọ giới, vẫn không gọi là đắc giới. Nếu đối trước vị Pháp Sư đã thọ giới Bồ tát mà thọ giới, thời không cần thấy hảo tướng. Tại sao vậy? Vì vị Pháp Sư ấy là chư sư truyền giới cho nhau, nên không cần hảo tướng. Hễ đối trước vị Pháp Sư ấy mà thọ giới liền đắc giới, do vì hết lòng kính trọng nên đắc giới. Nếu ở trong vòng nghìn dặm, mà tìm không được vị Pháp Sư truyền giới, thời Phật tử được phép đối trước tượng Phật và Bồ tát mà tự nguyện thọ giới Bồ tát, nhưng cần phải thấy hảo tướng.

Nếu các vị Pháp Sư ý mình thông kinh luật cùng giới pháp Đại thừa, kết giao với các nhà quyền quý, khi có hàng tân học Bồ tát đến cầu học nghĩa kinh, luật, lại giận ghét, hay khinh ngạo, không chịu tận tâm chỉ bảo, vị này phạm "khinh cấu tội".

Giới này, trước hết nói về bốn phận của tình thầy trò. Bốn phận của thầy thì phải tận tâm chỉ dạy cho trò. Ngược lại, bốn phận của trò cũng phải hết lòng kính trọng thầy để học hỏi. Không nên nhìn ngó đánh giá bề ngoài của thầy. Thầy thì phải trang nghiêm oai nghi giới đức để làm gương mẫu cho trò. Tình thầy trò phải tương thông hiểu

a. Nêu Rõ Và Yêu Giải Từng Giới

1. Giới sát sanh

"Nếu Phật tử, hoặc tự mình giết, bảo người giết, phương tiện giết, thấy giết mà tùy hỷ, nhẫn đến dùng bùa chú để giết: nhơn giết, duyên giết, cách thức giết, nghiệp giết.

Phàm tất cả loài hữu tình có mạng sống đều không được cố ý giết. Là Phật tử, lẽ ra phải luôn luôn có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, lập thể cứu giúp tất cả chúng sanh, mà trái lại tự phóng tâm nở lòng sát sanh, Phật tử này phạm "Bồ tát Ba la di tội".

Trong giới Bồ tát thì Phật chế giới bất sát đứng đầu. Ngược lại, giới của Tỳ kheo, tức giới tướng Thanh Văn, thì Phật chế giới không được hành dâm đứng đầu. Tại sao có sự khác biệt như thế? Bởi Bồ tát luôn lấy lòng từ bi làm trọng. Đã có lòng từ bi thì không nở sát hại sinh vật. Phải tôn trọng và bảo vệ mạng sống muôn loài. Do đó, mà "giới bất sát" đứng đầu trong mười giới trọng của Bồ tát. Ngược lại, giới Thanh Văn tức giới Tỳ kheo thì đặt nặng vấn đề sanh tử. Thanh Văn thì luôn muốn giải thoát cho riêng mình. Mà dâm dục là nguyên nhân gây ra sự sanh tử khổ đau. Do đó, muốn chấm dứt dòng sanh tử luân hồi khổ đau thì cần phải dứt hẳn dâm dục. Do đó, mà trong bốn pháp Ba la di của Tỳ kheo thì giới không hành dâm đứng đầu, vì nó rất quan trọng vậy.

Như đã nói, lòng từ bi đối với Bồ tát thật vô cùng quan yếu. Bồ tát luôn tôn trọng sự sống và yêu thương muôn loài. Vì muôn loài đều có sự sống như nhau. Loài nào cũng ham sống sợ chết cả. Dù nhỏ nhít như con kiến, con sâu, con trùn, con dế, chúng cũng biết tham sanh úy tử. Tuy mạng sống của chúng không dài lâu, nhưng chúng cũng vẫn ham sống sợ chết. Do đó, không nên vì sự sống của mình mà nhẫn tâm chà đạp giết chết mạng sống của các loài khác. Như thế, thì còn gì là từ bi và công bằng? Cho nên, giới không sát sanh đứng đầu trong 10 giới trọng của Bồ Tát và cũng là giới căn bản đứng đầu của 5 giới của người Phật tử tại gia.

Mở đầu Phật dạy về giới bất sát này, Phật nói: "Nếu Phật tử" ba chữ này chỉ riêng nói với những người đã thọ giới Bồ tát thôi. Khi đã thọ giới, trước tiên, ta cần phải học hỏi để biết qua về hành tướng của giới như thế nào là phạm và như thế nào thì không phạm. Về cách thức phạm giới sát sanh này, theo luật, nếu phạm một trong những điều sau đây đều thuộc về phạm tội sát sanh cả. Bốn điều đó là: 1. Tự mình giết. 2. Dạy bảo người khác giết. 3. Khen tặng sự giết. 4. Thấy người khác giết vui theo. Cho đến dùng bùa chú để giết. Còn khi tội sát sanh được thành lập thì phải hội đủ 4 điều kiện: "*Nhơn giết, duyên giết, cách thức giết và nghiệp giết*". Nếu thiếu một trong 4 điều này thì chưa kết thành tội được.

- **Thế nào là *nhơn giết*?** Nghĩa là nói cái nguyên nhân, do tâm niệm cố ý giết. Đây là nguyên nhân chính của việc sát sanh. Nếu không có tâm cố ý giết hại thì không thành tội.

với giáo pháp Phật dạy, thì họ vẫn còn mù tịt. Thế mà ý mình có học vấn ngoài đời cao, nên khi vào chùa họ lại hiu hiu tự đắc, chẳng chịu hạ mình học hỏi với ai. Lại có một hạng người, do con nhà sang trọng quyền quý giàu có, rồi sanh lòng kiêu mạn hống hách không chịu học hỏi kinh luật với các vị Thầy có sở học Phật pháp trước mình. Sở dĩ họ không chịu hạ mình học hỏi là vì họ mắc phải hai chứng bệnh nặng: "ngã mạn và khinh người". Khinh người nên thấy ai kém hơn họ về học lực thế gian, bằng cấp này bằng cấp nọ, hay ngoại ngữ này, hoặc ngoại ngữ kia, thì họ vênh vác kiêu ngạo lên mặt khinh khi người khác. Họ còn nhìn về mặt gia thế sang hèn hoặc ngoại diện tật nguyên xấu xí không bằng họ. Họ đâu có biết rằng, tuy ngoại diện của vị đó, kém phần phước báo tăng tướng, nhưng vị đó có một trình độ Phật học uyên thâm. Vị đó thông kinh luật và đức hạnh hơn người. Đó quả thật là người "hạnh giải tương ưng". Vì là người ngã mạn công cao khinh thường người khác nên họ đâu có thấy được cái chiều sâu của một vị Thầy tài đức vẹn toàn. Đó là cái bệnh chấp ngã và "sở tri chướng" quá nặng. Bệnh này rất là chướng ngại thánh đạo. Người thực tâm tu học và có chí hướng thượng, thì không nên nhìn bề ngoài của người khác. Như quả sàu riêng tuy vỏ ngoài sần sùi gai góc, nhưng trong ruột thì lại thơm ngon. Người học đạo chớ nên trông mặt mà bắt hình dung. Đó là đánh giá thật quá ư sai lầm.

23. Giới Khinh Ngạo Không Tận Tâm Dạy

Nếu Phật tử, sau khi Phật nhập diệt, lúc có tâm tốt muốn thọ giới Bồ tát, thời đối trước tượng Phật và

ngịch". Cho nên Bồ tát nào mà còn có tâm niệm muốn báo thù người khác, thì Bồ tát này phạm "khinh cấu tội" (tuy tội nhẹ nhưng nó vẫn làm như bản cái đạo tâm trong sáng của mình).

22. Giới Kiêu Mạn Không Thỉnh Pháp

Nếu Phật tử, mới xuất gia chưa thông hiểu kinh luật, mà tự ý mình là trí thức thông minh, hoặc ý mình là cao quý, lớn tuổi, hoặc ý mình là dòng sang, con nhà quyền quý, hoặc ý mình học rộng, phước to, giàu lớn v.v... rồi sanh lòng kiêu mạn mà không chịu học hỏi kinh luật với các vị Pháp Sư học đạo trước mình. Vị Pháp Sư ấy hoặc dòng hèn, con nhà hạ tiện, tuổi trẻ, nghèo nàn, hèn hạ, hay có tật nguyên, nhưng lại thiết có đức hạnh cùng thông hiểu nhiều kinh luật. Hàng tân học Bồ tát không được nhìn vào dòng giống vị Pháp Sư mà không chịu đến học đạo lý Đại thừa với vị ấy. Phật tử nếu như vậy thời phạm "khinh cấu tội".

Kiêu mạn là một trong 6 món căn bản phiền não (tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến) hoặc 10 (tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ). Đây là loại tâm hành tiêu cực thật khó đoạn trừ. Vì nó có gốc rễ rất sâu dày. Nó cũng là một thứ tập khí (thói quen) lâu đời. Nghiệp dụng của nó là hay công cao ngã mạn, xem người dưới mắt mình (mục hạ vô nhơn). Có người mới xuất gia vào chùa, chưa rành kinh luật gì cả, ý mình có chút kiến thức học hỏi ở ngoài đời, có bằng cấp cao cử nhân, tiến sĩ, hay kỹ sư, bác sĩ v.v... rồi khinh thị coi ai chẳng ra gì. Tuy có thông minh về thế pháp, nhưng đối

- **Thế nào là duyên giết?** Nghĩa là lấy đối tượng bị giết hại làm duyên. Đây là đối tượng tạo điều kiện để giết hại. Như lấy các loài hữu tình động vật làm đối tượng để giết. Còn các loài vô tình thực vật thì không thành tội giết.

- **Thế nào là cách thức giết?** Nghĩa là dùng các phương tiện để giết. Như đâm, chém, bắn, chặt, thậm chí dùng thuốc độc, nhận nước, đốt cháy, bùa chú ếm đối, trù rủa cho người ta phải chết. Nói chung, những thứ đó đều gọi là cách thức giết cả.

- **Thế nào là nghiệp giết?** Nghĩa là khi dùng những hành động trên gây ra làm cho đối tượng bị chết ngay, thì đó là thành nghiệp sát sanh rồi. Còn nếu như đối tượng không chết liền, chỉ bị thương tích thôi, thì không thành nghiệp sát sanh.

Nếu người bị giết đó là cha mẹ hay Thánh nhơn thì thuộc về tội nghịch. Tội nghịch tất nhiên nặng hơn tội trọng. Nếu giết loài người hay những loài có nghe, có biết được lời truyền giới của Giới sư, thì cũng đều phạm tội trọng cả. Đã phạm tội trọng xem như đã mất giới thể. Người đó muốn cho thanh tịnh trở lại thì cần phải thủ tướng sám hối (sám hối cho thấy hảo tướng) thì tội mới tiêu. Tiêu rồi thì phải thọ giới lại. Ngoài ra nếu giết những con vật khác như chó, mèo v.v... vì những con vật này nó không có biết nên không bị mất giới.

Tóm lại, nếu Bồ tát nào cố ý giết hại sinh vật, nhất là loài người, bằng những cách thế như đã nêu trên, thì Bồ tát đó phạm "Ba la di tội".

2. Giới Trộm Cướp

Nếu Phật tử, tự mình trộm cướp, bảo người trộm cướp, phương tiện trộm cướp, nhấn đến dùng bùa chú trộm cướp. Tất cả tài vật có chủ, dầu là của quý thân hay của kẻ giặc cướp, nhấn đến một cây kim, một ngọn cỏ đều không đặng trộm cướp. Là Phật tử, lẽ ra phải luôn luôn có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, thường giúp cho mọi người được phước, được vui, mà trái lại trộm cướp tài vật của người, Phật tử này phạm "Bồ tát Ba la di tội".

Là con người ai cũng muốn bảo vệ tài sản của mình. Vì tài sản của mình tạo ra bằng mồ hôi nước mắt, tất nhiên ai cũng quý tiếc khi bị hao tổn mất mát. Mình đã thế, thì người cũng thế. Suy bụng ta ra bụng người. Đã biết bảo vệ quý tiếc tài sản của mình như thế, thì tại sao mình lại nhấn tâm trộm cắp cướp giựt hoặc hành hung chiếm đoạt của kẻ khác? Theo lẽ công bằng, điều gì mình không muốn thì không nên làm cho người khác phải đau khổ. Hơn thế nữa, đối với những vị đã thọ Bồ Tát giới rồi, thì Phật cấm không được trộm cướp. Xét về hành tướng của giới trọng trộm cướp này bao gồm những hành động như: Trộm, cắp, cướp, giựt, trốn thuế, gian dối nhà nước, làm lậu không khai báo, đi xe, qua đò v.v... mà không chịu mua vé trả tiền. Tất cả đều thuộc về giới trộm cướp cả. Phật nói nếu vì bảo vệ mạng sống của mình mà có những hành vi xấu xa xâm phạm trộm cắp hay cướp giựt tài sản của kẻ khác, dù chỉ là một xu, cũng đều coi như là phạm giới.

Hành vi trộm cướp này bao gồm:

có các vị trung quân ái quốc này, mới có thể làm được mà thôi. Vì họ khéo biết đặt quyền lợi quốc gia lên trên quyền lợi cá nhân, không vì báo thù riêng mà làm tổn hại cho quốc gia dân tộc.

b) Phóng xa tầm đao nhãn, như trong giới phóng sanh trên, đức Phật nhấn mạnh rằng: "tất cả nam nữ đều là cha mẹ của ta trong nhiều đời, vì ta đã có vô lượng thân về thưở quá khứ. Giết người để báo thù cho cha, chính là vì báo thù cho cha đời này mà đi giết cha ở đời trước, thế cũng là không thuận với hiếu đạo" (chú thích của dịch giả).

Còn việc không được chứa nuôi tội tó, rồi đánh đập mắng nhiếc chúng, mỗi ngày tam nghiệp tạo vô lượng tội, nhất là khẩu nghiệp. Đánh đập thuộc về thân nghiệp. Mắng nhiếc thuộc về khẩu nghiệp. Thời xưa, những nhà giàu có, họ thường nuôi tội tó trong nhà để làm những công việc nặng nhọc. Vui thì thôi, buồn thì họ hành hạ kẻ ăn người ở như những kẻ tù đày. Họ đánh đập chửi mắng một cách tàn nhẫn thậm tệ. Có lắm kẻ, vì vay nợ mà phải đem thân ở đợ làm tội đòi cho họ. Thời nay, những người làm công tương đối họ đối xử không đến nỗi tệ bạc ác đức như vậy. Mướn người làm phải trả lương sòng phẳng. Không được nặng nhẹ la mắng mà tội khẩu nghiệp. Ở đây, Phật dạy cho các vị Bồ tát tại gia, khi mướn người làm công cho mình, mình phải đối xử với họ đàng hoàng tử tế và phải cẩn thận nhứt là cái khẩu nghiệp.

Chủ yếu của giới này là Phật nhấn mạnh đến việc báo thù. Báo thù còn không được, nói chi đến việc gây ra tội "Thất

Cho nên mới có câu nói: "Mười năm trả thù không muộn". Thật là đáng kinh sợ! Ngược lại, Bồ tát thì khác. Ngoài từ bi và trí tuệ ra, Bồ tát còn tu hạnh nhẫn nhục nữa. Như tiền thân của đức Phật là vị Tiên non tu hạnh nhẫn nhục ở trên núi, đã bị vua Ca Lợi chặt tan thân thể. Thế mà Ngài vẫn không tỏ ra một chút hờn giận.

Câu nói: "*Giết sanh mạng để báo thù sanh mạng, đó là việc không thuận với hiếu đạo*". Ý nghĩa câu này là sao? Có hai ý:

a) Như cha mình bị người giết, đó hoặc là do tức nghiệp vay trả nhau. Nếu mình giết người để báo thù cho cha, thì tức nghiệp của cha không dứt mà gây thêm oan trái cho cha. Hoặc không phải do tức nghiệp, thì cũng kết thêm oan trái cho cha. Thành ra sự báo thù của mình, không lợi ích cho người cha bị giết, mà còn làm cho người cha thêm khổ ở tương lai, nên gọi là không thuận với hiếu đạo.

Vấn đề này, hẳn chúng ta còn nhớ, lúc Trần Liễu (anh ruột Trần Cảnh tức Trần Thái Tông) trước khi qua đời, ông có trần trối với các người con của ông là Trần Tung (Tuệ Trung Thượng Sĩ) và với Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn rằng: "các con phải báo thù rửa hận cho cha". Nhưng các người con này không thuận theo ý cha, quyết một lòng vì giang san tổ quốc mà hết lòng trung thành với nhà Trần, nên chẳng những họ không báo thù cho cha, mà còn giúp cho các ông vua đầu đời Trần đánh đuổi giặc ngoại xâm phương Bắc, dành thắng lợi vẻ vang oai hùng cho tổ quốc. Đó là một nét son sáng giá đáng kính, mà chỉ

- Tự mình trộm cướp.
- Báo người trộm cướp (xúi giục người khác làm)
- Phương tiện trộm cướp.
- Dùng bùa chú trộm cướp.

Xét về hành tướng của giới này cũng có 4 điều kiện mới thành tội. Bốn điều kiện đó là:

- 1. Nhơn:** Bởi do tâm niệm cô ý trộm cướp.
- 2. Duyên:** Bao gồm những thứ: đồ vật, của cải, tiền bạc...
- 3. Cách thức:** Về cách thức thì có nhiều cách như: đào tường, khoét vách, cạy cửa v.v... Hoặc lường gạt, mượn mà không trả, hoặc nói thiệt để bán đất tiền, cân non, đong thiếu, vật thiếu nói đủ. Tất cả đều thuộc về cách thức trộm cướp.
- 4. Nghiệp:** Thế nào thuộc về nghiệp trộm cướp? Ngang nhiên dời đồ vật của người khác sai chỗ cũ, khi rời khỏi chỗ cũ thì thành nghiệp trộm cướp. Trộm là khi lấy đồ vật đó mà người chủ không biết, không hay. Còn cướp là lấy trước mặt người chủ có khi hành hung mà cướp đoạt. Khi cầm một món đồ lên, có người thấy liền để trở lại hoặc ăn năn trả lại, nhưng tội cũng thành rồi. Hoặc mượn sách hay tiền bạc mà có tâm niệm muốn lấy luôn, tâm niệm đây đã thành tội trộm cướp.

Về tội trộm cướp cũng có nặng và nhẹ. Theo xưa, nhẹ thì dưới 5 tiền, nhưng không mất giới. Sám hối thì hết tội. Nặng thì từ 5 tiền trở lên. Phạm thì mất giới (5 tiền thời Phật so với trị giá đồng tiền hiện nay, như tiền Việt Nam hay tiền đô la, thú thật là không biết bao nhiêu cho tương xứng. Hơn nữa, các nước hiện nay trên thế giới mỗi nước

có tiền tệ giá trị cao thấp khác nhau, không biết phải trị giá như thế nào mới có thể tương xứng để khi phạm thì sẽ bị mất giới)

Tóm lại, bất cứ đồ vật nào có chủ mà chủ nhân không bằng lòng mình ngang nhiên chiếm hữu đoạt lấy, do tâm tham lam cố ý để lấy, thậm chí dời đồ vật rời khỏi chỗ cũ mà không được sự đồng ý của chủ nhân, cũng đều phạm tội trộm cướp cả.

Đức Phật nói, là Phật tử đã thọ Bồ tát giới, phải có lòng từ bi, lòng hiếu thuận (thương giúp cho mọi người được an ổn vui vẻ hạnh phúc), phải mở rộng cõi lòng bố thí... nhưng ngược lại đã không làm được như thế mà còn trộm cướp tài sản của người khác, thì Phật tử Bồ tát phạm "Ba la di tội".

3. Giới Dâm

Nếu Phật tử, Tự mình dâm dục, bảo người dâm dục, với tất cả phụ nữ, các loài cái, loài mái, cho đến Thiên nữ, quỷ nữ, Thần nữ cùng phi đạo mà hành dâm: như dâm dục, duyên dâm dục, cách thức dâm dục, nghiệp dâm dục. Là Phật tử, đối với tất cả không được cô dâm dục. Lẽ ra phải có lòng hiếu thuận, cứu độ tất cả những chúng sanh, đem pháp thanh tịnh khuyên dạy người, mà trái lại không có tâm từ bi, làm cho mọi người sanh việc dâm dục, không lựa súc sanh, cho đến hành dâm với mẹ, con, chị, em trong lục thân, Phật tử này phạm "Bồ tát Ba la di tội".

đánh, thì oán thù chồng chất thêm biết đến bao giờ mới thực sự chấm dứt. Trong Kinh Thánh, đức Chúa Jesus có dạy: "*Nếu người ta đánh má bên phải của người, thì người nên đưa má bên trái cho người kia đánh tiếp*". Lời dạy này thật là chí lý. Bởi nếu người ta đánh mình một cái, thì mình đánh trả lại một cái. Thế là không thể nào dập tắt được lòng sân hận. Còn nếu người ta đánh mình một cái, mình không đánh trả lại, chẳng những thế mà mình còn nhin nhục không đáp trả lại, để cho người đó trút cơn nóng giận, thì quả đó là hạnh của Bồ tát làm. Với tâm từ bi và trí tuệ, mình quán chiếu thấy rõ người đang nổi cơn thịnh nộ, là người đó họ đang ôm cái nỗi khổ lớn. Chính vì họ có nỗi khổ lớn cho nên họ mới trút giận lên mình. Quán chiếu như thế, thì mình cảm thấy thương họ nhiều hơn. Đó là tâm địa của Bồ tát. Đừng quên rằng hiện mình đang tu tập theo công hạnh của Bồ tát và mình cũng đang muốn làm Bồ tát. Là Bồ tát thương người còn không hết có đâu nổi giận và đánh trả thù. Khi mình thấy được nỗi khổ của người khác, thì mình sẽ không còn oán trách hờn giận họ nữa.

Ở đây nói, không những không đánh trả lại, thậm chí người ta giết hại cha mẹ hay trong lục thân (cha mẹ, anh em, chồng vợ) quyền thuộc của mình, cũng như vị quốc vương trong nước bị giết hại, thì mình cũng không được báo thù. Tại sao vậy? Bởi vì tâm hạnh của Bồ tát khác hơn tâm địa của người đời rất nhiều. Người đời thì họ cố chấp với chủ trương ăn miếng trả miếng. Chẳng những nuôi hận thù trong một đời mà họ còn ôm cái oán hận đó trong nhiều đời nữa. Cái khổ của người đời là ở chỗ cố chấp đó.

Để kết luận mười giới khinh vừa nêu trên, Phật dạy tiếp:

"Mười giới như thế cần nên học tập và hết lòng kính trọng phụng trì". (Như đã nói ở phần trên, ở đây xin miễn giải thích lại)

21. Giới Đem Sân Báo Sân Đem Đánh Trả Đánh

Nếu Phật tử, không được đem giận trả giận, đem đánh trả đánh. Nếu cha mẹ anh em hay lục thân bị người giết cũng chẳng được báo thù, hoặc quốc chủ bị người thí chết cũng chẳng được báo thù. Giết sanh mạng để báo thù sanh mạng, đó là việc không thuận với hiểu đạo. Hãy còn không được chứa nuôi tội tở, rồi đánh đập mắng nhiếc chúng, mỗi ngày tam nghiệp tạo vô lượng tội, nhứt là khẩu nghiệp. Huống lại cố đi làm tội thất nghịch. Nếu xuất gia Bồ tát không có lòng từ bi cố báo thù, nhứt đến cố báo thù cho trong hàng lục thân. Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Trong mỗi người chúng ta ai cũng đều có quả bom sân hận gài sẵn. Khi đụng chuyện trái ý nghịch lòng là chúng ta sẵn sàng cho bom nổ ngay. Giận là một tập khí lâu đời không phải dễ bỏ. Là Phật tử đã thọ giới Bồ tát, thì ta luôn thực tập tình thương. "*Hiểu, thương và thông cảm*" đó là ba yếu tố giúp cho chúng ta bỏ bớt tánh nóng giận. Bởi có hiểu thì mới có thương mà có thương thì mới dễ thông cảm bỏ qua. Cái khác của người Phật tử với người đời là ở chỗ trả thù hay cảm hóa. Người Phật tử thì không nên báo thù. Chẳng những không báo thù mà còn cảm hóa đối phương. Nếu chúng ta đem giận trả giận, đem đánh trả

Ta nên nhớ, Bồ tát tại gia, Phật chỉ cấm là không được tà dâm. Còn Bồ tát xuất gia thì Phật cấm không được dâm dục. Tự mình dâm dục phạm tội đã đành, nhưng bảo xúi người khác làm chuyện dâm dục cũng đều phạm tội. Sự dâm dục không chỉ trong phạm vi loài người không thôi, mà thậm chí đến các loài thú vật khác như: loài cái, loài mái cho đến Thiên nữ, quỷ nữ, Thần nữ cùng phi đạo (hành dâm không phải nơi nam căn, nữ căn, hoặc nơi miệng chẳng hạn) mà hành dâm thấy đều phạm tội cả.

Giới này cũng có 4 điều kiện mới thành tội phạm. Bốn điều đó là:

- 1. Nhon:** Có tâm cố ý. Còn như ngủ mê, hay chiêm bao v.v... thì không phải là cố ý.
- 2. Duyên:** Là đối tượng để hành dâm với người khác phái hay cùng phái. Nói rộng ra là người nữ, loài cái, loài mái là duyên của bên nam. Người nam, loài đực, loài trống là duyên của bên nữ.
- 3. Cách thức:** Tìm đủ mọi cách thế để được lân la gần gũi hoặc dùng bạo lực hành hung hãm hiếp v.v... mà hành dâm cho thỏa mãn dục tính.
- 4. Nghiệp:** Bên nam, bên nữ đã giao xúc với nhau bằng xác thịt bất chánh, thì ngay giây phút đó là phạm.

"Phật bảo: là Phật tử phải có lòng hiểu thuận cứu độ tất cả chúng sanh, đem pháp thanh tịnh khuyến dạy người".

Đã có lòng hiểu thuận, thì không nên hành động trái với luân thường đạo lý và lương tâm con người. Còn nói cứu

độ, có nghĩa là đã biết dâm dục là cái nhơn sanh tử luân hồi, là sự khổ đau của chúng sanh. Thế nên, Phật tử phải có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, không nỡ gây ra làm chúng sanh đau khổ. Nếu không dâm dục thì chúng sanh sẽ được giải thoát. Lẽ ra phải đem pháp thanh tịnh mà giáo hóa cho chúng sanh rời sự dâm dục để thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Đối với giới dâm này nếu chúng ta không hiểu rõ thì dễ bị nhận lầm. Như các giới sát sanh, trộm cướp thì chúng ta dễ nhận hiểu, vì làm cho chúng sanh đau khổ. Tuy nhiên, đối với giới dâm này, khi hành dâm là do hai bên đã đồng ý thỏa thuận với nhau. Cả hai đều có sự thỏa mãn vui thích. Thế thì tại sao lại phạm giới trọng? Đây là điều mà chúng ta cần phải hiểu để khỏi ngộ nhận. Lý do là vì dâm dục chính là nguyên nhân gây ra sự sanh tử luân hồi. Mà người xuất gia thì phải đoạn tuyệt cái nguyên nhân này. Nếu không có dâm dục thì làm gì có việc thọ quả báo khổ đau trong vòng sanh tử luân hồi. Còn dâm dục là còn cái "Nhân" của quả khổ, cho nên nói phạm trọng tội là vậy.

4. Giới Vọng

Nếu Phật tử, mình nói vọng ngữ, bảo người vọng ngữ, phương tiện vọng ngữ: nhơn vọng ngữ, duyên vọng ngữ, cách thức vọng ngữ, nghiệp vọng ngữ. Nhấn đến không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, hoặc thân vọng ngữ, tâm vọng ngữ. Là Phật tử, lẽ ra phải luôn luôn chánh ngữ, chánh kiến, và cũng làm cho tất cả chúng sanh có chánh ngữ, chánh kiến, mà trái lại làm cho mọi người tà ngữ, tà kiến, tà nghiệp, Phật tử này phạm "Bồ tát Ba la di tội".

ta, mà cũng là thân cũ của ta". Thân do tứ đại hiệp thành. Khi chết rồi thân này trả về cho tứ đại: địa, thủy, hỏa, phong. Như vậy thì có mất mát đi đâu mà sợ. Rồi cũng thân tứ đại đó, đủ duyên kết hợp thành thân con vật hoặc con thú kia. Những con vật sắp sửa bị giết, bị hại, tất nhiên thân của nó cũng là thân cũ của ta. Phải có cái nhìn bằng tuệ giác thâm thấu như thế thì mới có thấy được như vậy. Thế nên Phật nói: **"Tất cả tứ đại đều là bản thân, bản thể của ta"**. Nghĩ như thế, thì không lẽ mình tự giết mình. Vì tất cả thân cũng chính là thân mình. Bởi thân nào cũng do tứ đại ngũ uẩn hợp thành. Đó là cái nhìn rộng lớn bao dung của Bồ tát.

Có cái nhìn như thế, thì mới thấy được sự lợi ích thiết thực của việc phóng sanh. Không những tự mình phóng sanh mà còn khuyên bảo người khác cùng làm. Nếu thấy ai sát hại sinh vật, thì nên tìm cách cứu hộ cho chúng thoát nạn khổ. Nếu thực sự mình không đủ sức cứu thoát được chúng, thì nên niệm Phật chú nguyện cho chúng thác sanh về cõi lành. Phật khuyến nhắc chúng ta nên đem giới Bồ tát giảng dạy để cứu độ chúng sanh. Đây là việc làm không những cho người còn sống, mà ngay cả những người đã mất cũng nhờ phước báo này mà sanh về cảnh giới an lành. Tại sao phải đem Bồ tát giới ra giảng dạy? Vì kinh luật Bồ tát giới nhằm mở rộng tâm thức cho chúng sanh. Bởi tất cả chúng sanh không ngoài tánh giác mà có. Khi khởi niệm giác là tương ưng với thể tánh chơn như. Do đó, mà người còn kẻ mất cả hai đều được ân triêm lợi lạc vậy.

phóng thích chúng. Con nào mạnh thì còn bay cao xa, còn những con yếu ớt thì chỉ bay là đà, thậm chí có con bay không nổi. Phóng sanh theo cái kiểu lễ nghi hình thức này thì thật là tội nghiệp cho chúng quá! Thay vì chúng được tự do bay bổng ngoài trời cao đất rộng, nay lại bị bắt nhốt trong lồng, khác nào chúng bị giam nhốt trong lao tù. Thật chúng cũng rất đau khổ lắm! Phóng sanh như thế, thì phước đâu không thấy mà chỉ thấy thêm tội thôi. Đúng nghĩa phóng sanh, là thấy con vật sắp chết, mình ra tay cứu thoát nó và phóng thích cho nó được tự do ngay, như thế thì mới đúng ý nghĩa phóng sanh.

Phóng sanh như thế mới thực sự là có phước, và thể hiện đúng với lòng từ bi của Bồ tát. Tuy nhiên, nếu hiểu sâu thêm một chút nữa, thì Phật nói: "**Tất cả nam tử là cha ta, tất cả nữ nhơn là mẹ ta. Từ nhiều đời ta đều thác sanh nơi đó**". Lời dạy này đức Phật nhằm khai thông tuệ giác cho ta. Người Phật tử thọ giới Bồ tát phải có cái nhìn sâu sắc thấu đáo của việc sống chết trong vòng lục đạo luân hồi. Nếu chỉ nhìn cục bộ trong hiện đời thì, làm sao hiểu được luân hồi trong sáu nẻo? Phật bảo hãy nhìn tất cả những người nam là cha mình. Dù không phải cha trong dòng huyết thống hiện tại, nhưng cha đây là cha trong nhiều đời nhiều kiếp. Bởi vì chúng ta đã trôi lăn trải qua nhiều đời nhiều kiếp trong vòng luân hồi lục đạo. Có khi làm người, lúc lại làm trời, rồi làm thú vật v.v... Như vậy, mình nhìn tất cả người nam là cha mình nhiều đời trong quá khứ xa xôi cũng đâu có gì là lạ. Rồi đến người nữ cũng vậy. Cũng có một kiếp nào đó họ là mẹ mình. Vì thế mà Phật nói: "**Chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ**

Vọng là giả dối, ngữ là lời nói. Lời nói giả dối, điêu ngoa, gian xảo, lường gạt... không thật với lòng mình, tất cả đều gọi chung là vọng ngữ. Đây là những lời nói thiếu chánh niệm. Lời nói làm tổn thương gây cho người khác đau khổ vì mình. Đó là những lời nói thiếu ái ngữ. Lẽ ra những lời nói của mình sẽ đem lại niềm an vui lợi lạc hạnh phúc cho người mới phải, nhưng trái lại mình chỉ đem lại những khổ đau cho người khác. Lời nói đó là lời nói có ác ý, thiếu tư duy chín chắn, đó không phải là lời nói của người tu hạnh Bồ tát. Lời nói nào mang tính chất thương yêu có khả năng gây thêm niềm tự tin và hy vọng, thì đó mới đích thực là lời nói có giá trị đoàn kết xây dựng.

Là Bồ tát phải nói lời chân thật. Lời nói có chất lượng nhìn sâu vào chiều sâu tâm thức. Lời nói không mang tính chất tuyên truyền rao báng phá hoại gây chia rẽ hận thù, kỳ thị làm mất đi sự hòa khí với nhau. Bồ tát phải phát nguyện với lòng mình là phải luôn luôn tôn trọng sự thật. Thà bỏ thân mạng quyết không bao giờ nói dối, lừa đảo, gian xảo, phỉnh gạt kẻ khác. Lời nguyện đó rất quan trọng đối với Bồ tát. Vì ý thức nỗi khổ đau, vì những lời nói độc ác, gây thêm khổ đau hận thù chông chát, nên Bồ tát phải tìm mọi cách để làm giảm bớt những hố sâu oán thù khổ đau đó. Muốn thế, thì trước hết Bồ tát phải tự trang bị cho mình có đầy đủ "chánh ngữ", "chánh kiến" và "chánh niệm". Đó là những lợi khí sắc bén để Bồ tát dẫn thân hành Bồ tát đạo. Nếu không, thì con đường tà ngữ, tà kiến, tà niệm, tà nghiệp... ngày càng phát triển lớn mạnh làm cho chúng sanh đau khổ nhiều hơn. Và như thế, thì Bồ tát sẽ đắc tội với chính mình.

Như những giới khác, tự mình vọng ngữ (vì thiếu chánh niệm) bảo người vọng ngữ (không làm mà xúi giục sai khiến người khác), phương tiện vọng ngữ (tạo nhiều cách thế để lừa đảo dối gạt người khác), cách thức vọng ngữ (nói hoặc viết hay ra dấu bằng những tín hiệu v.v...) Nghiệp vọng ngữ (đối tượng nhận biết mình nói dối).

Phân tích kỹ ta thấy giới này cũng phải hội đủ 4 điều kiện mới kết thành tội vọng ngữ. Bốn điều kiện đó là:

- 1. Nhơn:** Nghĩa là có cái tâm niệm cố ý nói dối hoặc cố ý xúi giục bảo người khác nói dối.
- 2. Duyên:** Nghĩa là phải có người đối diện để nghe mình nói dối.
- 3. Cách thức:** Nói ra tiếng, hoặc viết bằng chữ hay ra dấu v.v...
- 4. Nghiệp:** Khi người nghe mình nói, họ biết rằng lời nói của mình là không thật, như thế là đã thành nghiệp nói dối rồi. Hoặc đối với người nào đó mà ta ra dấu, lắc đầu hay khoác tay để dối gạt người kia. Như muốn người hiểu chuyện đó là không có, thì ta lại lắc đầu hay khoác tay, nhưng kỳ thật thì việc đó là có chứ không phải không. Như thế là đã thành nghiệp nói dối. Ngược lại, nếu mình nói mà người đối diện không hiểu tiếng mình nói gì (như người ngoại quốc chẳng hạn), thì dù cho mình nói dối bao nhiêu cũng không thành tội. Vì người đó có hiểu mình nói cái gì đâu mà thành tội.

Những cách nói dối như là: Chuyện có nói không, chuyện không nói có. Nói thêm thắt đặt điều gạt gẫm người khác.

của ta, cho nên phải thường làm việc phóng sanh và khuyên bảo người làm. Nếu lúc thấy người đòi sát sanh, nên tìm cách cứu hộ chúng sanh được thoát khỏi nạn khổ! Thường đem giới Bồ tát giảng dạy để cứu độ chúng sanh. Nếu ngày cha mẹ hay anh em chết, nên thỉnh Pháp sư giảng kinh luật Bồ tát giới. Người chết nhờ phước đức ấy, hoặc được vãng sanh Tịnh độ ra mắt chư Phật, hay thác sanh cõi trời cõi người. Nếu không làm các điều trên đây, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Mười giới như thế cần nên học tập kính trọng phụng trì.

Thấy người hoặc con vật sắp chết, mà mình không tìm cách cứu thoát chúng, thì sẽ mang tội không phóng sanh. Người làm việc phóng sanh là vì người đó có tâm từ bi thương người thương vật. Vì ý thức được nỗi khổ đau do sự sát hại gây nên, nên người Phật tử khởi từ tâm bảo vệ sinh mạng của người và vật. Chẳng những không giết hại chúng sanh mà còn làm việc phóng sanh, đó là điều mà chư Phật thường khen ngợi. Tuy nhiên, phải phóng sanh như thế nào mới đúng cách thiết thực nhất? Có người họ mua những con vật như các loài chim cá v.v... để phóng sanh. Nhưng không phải mua đâu thả đó. Họ lại chờ vào những ngày lễ hội lớn của Phật giáo như Lễ Phật Đản, Vu Lan, thì họ mua chim, cá để phóng sanh. Những con vật này bị nhốt trong lồng hoặc ở trong chậu có khi cả đêm ngày, chờ cho đến khi thầy làm lễ để thả, thì ôi thôi! những con vật này chúng nháy đập lên nhau, con nào yếu thì bị bầm dập như tử. Đến khi làm lễ xong, mới mở lồng

thủ thuật ly gián bằng cách nói xấu hoặc đặt điều vu khống làm cho hai bên thù ghét nhau. Đây là người có tâm địa độc ác, mà Phật nói họ là kẻ ác tâm.

Thay vì thấy những vị tu Bồ tát hạnh, lẽ ra họ phải tùy hỷ tán dương công đức khuyến khích khen ngợi mới phải, nhưng đặng nầy họ lại khởi ác tâm ty hiềm ganh ghét tìm cách nói xấu bôi nhọ ly gián hãm hại. Nói tay bụng lư hương thực tập Bồ tát hạnh, thật ra nếu nói đầy đủ thì sự thực tập hạnh này còn phải dâng hương, lễ bái, trì niệm v.v... Thực tập Bồ tát hạnh cũng là giữ Bồ tát giới. Cho nên thấy ai thành tâm thấp hương, lễ bái, cúng dường, thì mình phải hết lòng tùy hỷ tán dương công đức. Đó là thật hành hạnh tùy hỷ công đức của Bồ tát như trong Kinh Pháp Hoa đã nói. Nếu không có tâm tùy hỷ thì cũng đừng sanh tâm ganh ghét đố kỵ ty hiềm nói xấu bên đây, đâm thọc bêu xấu bên kia, làm cho mình tổn phước đức thêm chớ chẳng có ích lợi gì. Thấy người tinh tấn tu hành mình nên khen ngợi, chớ không nên phỉ báng. Nếu vì lòng ganh ty hại người trì giới tinh tấn tu hành, thì mang tội rất nặng. Đồng thời vì mình mà người khác lại mất tín tâm khinh chê Tam bảo thì tội đây lại càng nặng hơn.

20. Giới Không Phóng Sanh

Nếu Phật tử, vì tâm từ bi mà làm việc phóng sanh. Tất cả nam tử là cha ta, tất cả nữ nhơn là mẹ ta. Từ nhiều đời ta đều thác sanh nơi đó. Vì lẽ ấy nên chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta. Nếu giết chúng để ăn thịt thời chính là giết cha mẹ ta, mà cũng là giết thân cũ của ta. Tất cả chất tứ đại đều là bản thân bản thể

Chuyện ít xích cho nhiều, hoặc nói ly gián hay đâm thọc cho đôi đảng gây gổ xa lánh thù hằn nhau. Nói thêm, nói bót với mục đích hại người v.v... tất cả đều là phạm tội vọng ngữ. Đó là nói cái miệng vọng ngữ. Vậy còn cái thân vọng ngữ như thế nào?

Như trường hợp khi Bồ tát người tụng giới hỏi rằng: "Trong chúng đây có thanh tịnh không?" Hỏi như thế ba lần, người đó biết mình trong nửa tháng qua có phạm tội, nhưng thân của họ vẫn ngồi yên không đứng lên hay quỳ xuống để khai tội. Như thế đó là cái thân đang nói dối. Khi cái thân vọng ngữ tất nhiên, kèm theo đó, cái tâm cũng vọng ngữ luôn. Như trong lúc người hỏi mình, mình thầm nhận biết có tội, nhưng mình vẫn giữ lặng thinh, không nói một lời nào cả. Đó thuộc về vọng ngữ ở nơi tâm.

Như vậy, chỉ trong một câu hỏi đó mà người có tội lại mắc phải tội vọng ngữ về miệng, về thân và về ý. Cả ba nghiệp đều vọng ngữ hết cả. Xét như thế, thì mình cảm thấy thật là xấu hổ! Đây thuộc về cái tội che giấu. Như thế thì phạm "Bồ tát Ba la di tội".

5. Giới Bán Rượu

Nếu Phật tử, tự mình bán rượu, bảo người bán rượu: nhơn bán rượu, duyên bán rượu, cách thức bán rượu, nghiệp bán rượu,- tất cả rượu không được bán - rượu là nhơn duyên sanh ra tội lỗi. Là Phật tử, lẽ ra phải làm cho tất cả chúng sanh có trí huệ sáng suốt, mà trái lại đem sự mê say điên đảo cho tất cả chúng sanh, Phật tử này phạm "Bồ tát Ba la di tội" .

Về giới bán rượu này, ta thấy khác với 5 giới của người Phật tử tại gia và cũng khác với 10 giới luật của Sa di. Nhưng trong giới Tỳ kheo thì không thấy nêu ra trong 4 pháp Ba la di. Và cũng không đề cập đến vấn đề bán rượu. Chỉ thấy trong 90 giới Đơn Đọa của Tỳ Kheo có nói đến việc uống rượu, tức không được uống các thứ rượu. Tuy nhiên, tại sao ở đây, Phật lại cấm người Phật tử thọ Bồ tát giới thì không được bán rượu, chớ không phải uống rượu? Nếu chúng ta chịu khó suy nghĩ kỹ một chút thì người uống rượu, tuy cũng có lỗi nặng, như trong 5 giới cấm của người tại gia, trong giới thứ 5 Phật cấm không được uống rượu và tiêu thụ các chất ma túy. Tuy nhiên, người uống so với người bán, thì người bán tội nặng hơn. Vì có người bán cho nên người ta mới mua uống. Giả như trên thế giới này không có ai bán rượu hết, thì thử hỏi có ai uống rượu không? Chắc chắn là không rồi. Rượu hay thuốc lá cũng vậy. Nói chung là những loại có chất kích thích ma túy đều có hại cả. Do đó mà trong giới luật của Phật đều cấm người Phật tử không nên tiêu thụ dùng những thứ có tác hại này. Lý do ở đây Phật cấm Phật tử thọ Bồ tát giới không được bán rượu, là vì Bồ tát lấy hạnh lợi tha, giác tha làm chánh, mà bán rượu là cố ý làm cho người khác say sưa, làm cho họ mất hết hạt giống trí huệ. Đó là một việc làm lợi mình mà tổn hại người rất lớn. Vì thế, trái với công hạnh của Bồ Tát nên phạm tội rất nặng. Ngược lại, nếu chỉ mình tự uống thì phạm tội nhẹ, vì chỉ có hại cho riêng cá nhân mình mà thôi.

Cũng như những giới kia, giới này cũng phải có đủ 4 điều kiện mới kết thành tội.

trái. Nhưng không phải chỉ tụng một lần, mà phải tụng nhiều lần trong một ngày. Trong đây có chia ra một ngày 6 thời. Ngày 3 thời (sáng, trưa, chiều) đêm 3 thời (đầu hôm, giữa đêm và cuối đêm). Như vậy, cả ngày đêm đều nghiêm trì giới Bồ tát, không xen hở. Câu nói hiểu rõ nghĩa lý tánh, Phật tánh của giới là sao? Tánh của giới chính là chủng tử (hạt giống) Phật tánh, là bản nguyên của chư Phật cũng là căn bản của hàng Bồ tát.

Các giới mà chúng ta học ở đây là thuộc về giới tướng (tướng của giới). Vì vậy, cần phải học hiểu về giới luật. Nếu không hiểu một kệ, một câu, như duyên của giới luật, mà tự nói mình thông hiểu, đây là tự dối gạt mình và cũng dối gạt người. Nếu thế, mà đi truyền giới cho người, thì vị này phạm khinh cấu tội. Thế nên, những ai chưa thông hiểu giáo pháp Đại thừa, thì Phật nói không nên đi làm thầy truyền giới cho người.

19. Giới Lưỡng Thiệt

Nếu Phật tử, vì ác tâm, thấy Thầy Tỳ kheo trì giới tay bung lư hương, tu hạnh Bồ tát, tự đi đâm thọc hai đầu, cho sanh sự bất hòa khinh khi người hiền, tạo nhiều tội ác. Phật tử này "phạm khinh cấu tội".

Lưỡng thiệt là nói hai lưỡi, tức lưỡi đôi chiều mà người đời thường gọi là "đòn xóc hai đầu". Cây đòn xóc của nhà nông có hai đầu nhọn hoặc để vót lúa bó. Họ dùng cây đòn xóc đâm bó này rồi đâm bó kia để gánh lên vai. Cho nên nói đòn xóc hai đầu là vậy. Nghĩa là đến kia nói đây, đến đây nói kia cho hai đảng xích mích với nhau. Họ dùng

1. **Trường hàng:** theo thể văn xuôi.
2. **Trùng tụng:** những bài kệ lặp lại của văn trường hàng.
3. **Cô khởi:** những bài kệ riêng rẽ, khác với văn kệ trùng tụng.
4. **Bổn sanh:** kể lại những tiền kiếp của Phật hay của các đệ tử.
5. **Bổn sự:** Phật thuật lại những việc làm và những thấy nghe ở đời trước của Phật.
6. **Vị tăng hữu:** Việc chưa từng có, khó hiểu, khó tin.
7. **Nhơn duyên:** Phật giải về căn bản của quả báo từ gốc tới ngọn.
8. **Thí dụ:** Phật dùng thí dụ trong lúc giảng thuyết giúp cho thính chúng hiểu ý kinh dễ dàng hơn.
9. **Tự thuyết:** Không ai thưa hỏi mà Phật tự nói.
10. **Luận nghị:** biện luận sâu rộng, khúc chiết, mạch lạc cho dễ hiểu.
11. **Thọ ký:** Phật thọ ký cho chúng đệ tử sẽ thành Phật ở đời vị lai.
12. **Phương Quảng:** Phật nói các kinh có văn từ phong phú, giáo nghĩa sâu xa rộng lớn.

Tóm tắt bằng một bài kệ cho dễ nhớ như sau:

*Trường hàng trùng tụng tinh cô khởi
Thí dụ nhơn duyên dữ tự thuyết
Bổn sanh, bổn sự, vị tăng hữu
Phương quảng, luận nghị cập ký biệt.*

Tại sao Phật bảo phải thường tụng giới? Vì có thường tụng thì mới nhớ. Mà có nhớ thì thực hành mới không sai

Nhơn: Có tâm niệm cô ý bán.

Duyên: Người đến mua.

Cách thức: Đong rượu, cân rượu vô chai.

Nghiệp: Người mua đã mua xong.

Rượu là nhơn duyên sanh ra các thứ tội lỗi. Là Phật tử thọ giới Bồ Tát lẽ ra ta phải làm cho mọi người tăng thêm trí huệ sáng suốt, hầu để cho họ dứt trừ mọi tội lỗi do si mê bất giác gây ra. Đã không làm như thế, trái lại, còn làm việc tà mạng bán rượu. Nghĩa là bán tất cả mọi thứ rượu kể cả rượu thuốc cũng không được bán. Vì rượu thuốc uống nhiều cũng vẫn say xỉn. Nếu ta bán rượu như thế, thì chẳng khác nào chúng ta tiếp tay làm cho người ta càng gây thêm nhiều tội lỗi. Vì một khi uống rượu say rồi, thì người ta mất hết lý trí. Khi uống vào quá chén, họ không thể kiềm chế được những dục vọng tật tánh xấu ác. Từ đó, họ có thể gây nên bao hậu quả tai hại cho mình và người. Thế nên, dù có lợi lộc cho mình đến đâu, là Bồ Tát dù xuất gia hay tại gia, ta quyết không bao giờ hành nghề buôn bán rượu. Tuy bán rượu phạm tội trọng mà không bị mất giới. Nghĩa là sau khi phạm biết ăn năn hối cải thành tâm sám hối nguyện chừa bỏ không tái phạm, thì tội lỗi sẽ được tiêu trừ và trở lại thanh tịnh.

Cần nói thêm, từ giới thứ năm đến giới thứ mười, chỉ phạm trọng giới mà không bị mất giới. Nhưng nếu phạm rồi mà không chịu ăn năn sám hối cứ tiếp tục phạm là bị mất giới. Ta nên nhớ, giới Bồ tát là đặt nặng về tánh giới. Bởi vì tự tánh vốn là thanh tịnh sáng suốt. Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, đức Lục Tổ Huệ Năng có nêu ra 5 cái

"Đâu Ngờ". Trong đó, có cái "Đâu Ngờ" đầu tiên là: "*Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh*". Nhưng khổ nỗi, từ chỗ thanh tịnh sáng suốt đó mà chúng ta lại khởi lên những niệm bất giác như sát hại, trộm cướp, dâm dục, vọng ngữ, bán rượu v.v... thì đã trái với tánh giác. Một khi trái với tánh giác, tức rơi vào trần lao phiền não. Tất nhiên, là đã thành tội trọng. Cho nên giữ những giới này là thuận theo tánh giác. Mà thuận theo tánh giác là ta đã trở về với bản thể uyên nguyên thanh tịnh. Vì vậy, Phật chế những điều giới này là nhằm mục đích để cho chúng ta "hoàn đồng chánh giác" vậy.

Thế nên, Phật tử Bồ tát nào hành nghề buôn bán rượu này, thì sẽ phạm "Bồ tát Ba la di tội".

6. Giới Rao Lỗi Của Tứ Chúng

Nếu Phật tử, tự miệng rao nói tội lỗi, của Bồ tát xuất gia, Bồ tát tại gia, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, hoặc bảo người rao nói những tội lỗi ấy: như rao nói tội lỗi, duyên rao nói tội lỗi, cách thức rao nói tội lỗi, nghiệp rao nói tội lỗi. Là Phật tử, khi nghe những kẻ ác, ngoại đạo cùng người nhĩ thừa nói những điều phi pháp, trái luật trong Phật pháp, thời phải luôn luôn có lòng từ bi giáo hóa những kẻ ác ấy cho họ sanh tín tâm lành đối với Đại thừa, mà trái lại Phật tử lại tự mình rao nói những tội lỗi trong Phật pháp. Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.

Rao bày chỉ trích phê bình nói lỗi tứ chúng, lỗi này cũng rất nặng. Tứ chúng gồm có: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà

chịu, không bảo ai làm theo mình. Như thế tạo ra vây cánh bè đảng chỉ làm tổn thương khổ cho nhau mà thôi.

Nói ác cầu đa cầu là sao? Ác cầu là cầu không đúng pháp, dùng quyền lực để thúc giục người ta. Người ta không có ý phát tâm cúng hay đóng góp, nhưng vì sợ quyền lực nên bắt buộc phải cúng đó thôi. Còn đa cầu là đòi hỏi nhu cầu quá đáng. Người ta cúng ít, mình muốn người ta cúng thật nhiều. Người được chánh quyền ủng hộ, nương thế lực áp bức người khác, Phật tử nào làm như vậy là phạm "khinh cầu tội".

18. Giới Không Thông Hiểu Mà Làm Thầy Truyền Giới

Nếu Phật tử, phải học mười hai phần kinh, thường tụng giới. Mỗi ngày sáu thời, nghiêm trì Bồ tát giới, hiểu rõ nghĩa lý tánh Phật tánh của giới. Nếu Phật tử không hiểu một kệ một câu cùng như duyên của giới luật, mà dối rằng thông hiểu, đó chính là dối gạt mình và cũng là dối gạt người khác. Không hiểu một pháp, không biết một luật mà lại đi làm thầy truyền giới cho người. Phật tử này phạm "khinh cầu tội".

Giới này Phật dạy nghiêng hẳn cho người xuất gia. Vì chỉ có người xuất họ Đại giới và Bồ tát giới mới có đủ tư cách truyền giới cho người. Tuy nhiên, người truyền giới phải tìm hiểu học hỏi thông thuộc 12 phần kinh, hay còn gọi là 12 thể tài, hoặc 12 phần giáo. Mười hai phần kinh gồm có:

quá đáng. Ngược lại, cũng có người lợi dụng việc xây cất hoặc tạo dựng những việc khác, mà quyên góp để phục vụ vì vấn đề lợi dưỡng cho cá nhân. Tệ hơn nữa, lại còn toa rập với thế quyền mà quyên góp rồi ăn chia bỏ túi riêng. Việc này đã xảy ra nhan nhản trong xã hội. Đó là nói việc quyên góp xây dựng trong Phật giáo. Còn ngoài đời thì sao? Chắc ai cũng biết những việc thị phi lùm sùm xảy ra hiện nay trên trang mạng truyền thông ở Việt Nam. Có lắm người lợi dụng trong trận thiên tai bão lụt ở miền Trung năm rồi, đứng ra kêu gọi mọi người đóng góp để làm từ thiện. Trong số đó, ngoài những đồng bào trong nước ra, còn có các mạnh thường quân những nhà hảo tâm đầy lòng nhân ái ở hải ngoại gởi tiền về để cho họ cứu trợ. Nhưng cứu trợ đâu không thấy mà chỉ thấy họ bỏ tiền vô túi để xài riêng. Người ta nêu rõ đích danh người này (ở đây xin miễn nêu tên) và ông ta là một danh hài rất nổi tiếng nằm trong giới nghệ sĩ. Tuy nhiên, trong số những nghệ sĩ đó, cũng có người thật tâm xả thân để làm việc nghĩa. Cho nên việc làm nào cũng có kẻ tốt người xấu. Do đó, nên việc kêu gọi đóng góp từ thiện hiện nay người ta rất dè dặt cẩn thận. Mặc dù đây là một việc làm tràn đầy ý nghĩa từ bi nhân ái. Việc cứu giúp người trong cơn đại nạn như dịch bệnh hiện nay ở Việt Nam phải nói rất là cấp thiết. Cho nên đối với tâm nguyện của Bồ tát, thì đây là cơ hội tốt để cho Bồ tát thể hiện tấm lòng từ bi cao độ của mình.

Mình làm mang tội đã đành lại còn bảo người khác cũng làm như mình, đó là tâm địa của kẻ phàm phu, không phải là tâm địa Bồ tát. Tâm địa của Bồ tát là dám làm thì dám

tắc (nam) và Ưu bà di (nữ). Chẳng những mình không được nói lỗi mà cũng không nên dạy bảo xúi giục người khác nói. Dù tội lỗi của người đó, chính mắt mình thấy, tai mình nghe, nhưng miệng mình cũng không được rao bày nói xấu. Nói với mục đích xuyên tạc bừa bãi, nói với dụng ý là nhằm triệt hạ uy tín cá nhân. Trừ trường hợp người phạm tội mà chính họ không hề hay biết, thì mình có thể khuyên bảo thức nhắc cho họ biết để họ mau sám hối tiêu trừ tội chướng. Nhưng phải y cứ vào luật mà cứ tội khuyên bảo. Khuyên bảo như thế thì không có lỗi. Nếu mình khuyên mà họ không nghe, thì mình có thể trình lên người trên có trách nhiệm để người đó khuyên bảo trách phạt họ. Điều này hợp lý rất tốt. Tuyệt đối, không được đem việc này thuật lại rồi bàn bạc nói xấu châm chích mỉa mai cho người này người khác nghe. Như thế, đều phạm vào cái tội nói lỗi tứ chúng cả.

Giới này cũng có 4 điều kiện mới thành phạm:

- 1. Nhon:** Là có tâm cố ý rao nói những lỗi lầm của những người đồng đạo.
- 2. Duyên:** Nghĩa là cũng có người đối diện với mình để nghe cái lỗi của mình thuật lại hay nói những điều lỗi đó.
- 3. Cách thức:** Hoặc nói ra lời, hoặc viết thơ, viết giấy hay đăng quảng cáo, rải truyền đơn nặc danh v.v... Nếu rao nói phơi bày những giới trọng của người đã phạm, thì người nói đã phạm tội trọng. Còn nếu rao bày giới khinh thì phạm tội khinh.
- 4. Nghiệp:** Khi ta rao bày nói xấu tội lỗi của người nào đó cho người khác nghe. Và khi người đó họ nghe ta nói mà

họ nhận hiểu rõ ràng, thì đã thành nghiệp rồi. Muốn không thành nghiệp, thì ta cương quyết nguyện với lòng không bao giờ nói xấu vạch bày chỉ lỗi với bất cứ một ai trong đồng đạo của ta.

Do đó, là Phật tử Bồ Tát giới, ta phải hết sức cẩn thận. Ta nên nhớ rằng, tuy rao bày tội lỗi sự thật mà người khác đã phạm, còn phạm tội như thế, hà tất gì bày chuyện đặt điều vu khống, chụp mũ, miệt thị vu oan giá họa cho người khác thì tội nặng gấp trăm ngàn lần. Thế nên, ta phải nên giữ gìn cẩn thận ở nơi cái miệng. Ta nên nhớ lời Phật Tổ thường khuyến nhắc, bao nhiêu phước đức tài bồi tu tạo của ta thấy đều do cái khẩu nghiệp nó phá hoại làm tiêu tan hết! Xin tất cả hãy thận trọng ở nơi lời nói của mình! Người xưa nói: "Phải cẩn ngôn, thủ khẩu như bình".

Để kết lại giới này, Phật dạy: ***"Là Phật tử, khi nghe những kẻ ác, ngoại đạo cùng người nhĩ thừa nói những điều phi pháp, trái luật trong Phật pháp thì phải luôn luôn có lòng từ bi giáo hóa những kẻ ác ấy cho sanh tín tâm lành đối với Đại thừa, mà trái lại Phật tử lại tự mình rao nói những tội lỗi trong Phật pháp. Phật tử này phạm "Bồ tát Ba la di tội"***.

Đối với ngoại đạo họ bài bác hay đả phá công kích Phật pháp, thì điều đó chúng ta cũng không lấy gì làm ngạc nhiên lắm. Bởi vì có đôi khi người ta vì có chút thành kiến ác ý hay có ý kỳ thị phê bình chỉ trích, thì điều đó cũng không đáng trách, chẳng qua là vì người ta chưa chịu tìm hiểu kỹ càng về Phật pháp đó thôi. Hoặc giả người ta thấy

Nếu Phật tử, tự mình vì việc ăn uống tiền của, lợi dưỡng, danh dự mà thân cận quốc vương, hoàng tử cùng các quan, nương quyền cậy thế bức người để lấy tiền của, lại bảo người khác cũng cầu lợi như vậy. Tất cả sự cầu lợi ấy gọi là ác cầu, đa cầu, đều không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Phật tử này phạm "khinh cầu tội".

Quyên tởi là gì? nghĩa là lạc quyên hay quyên tiền để xây dựng chùa hay làm những việc ích lợi khác. Trong đây nói: "tự mình vì việc ăn uống tiền của, lợi dưỡng, danh dự mà thân cận vua quan, chánh quyền cậy thế bức ép người khác để lấy tiền của v.v... Rồi lại còn bảo người khác nên quyên góp cầu lợi giống như mình". Đọc qua giới này, ta thấy việc này đã có xảy ra thời Phật. Vì vậy nên Phật mới nêu ra để nhắc nhở. Việc quyên góp này, chắc chắn thời nào cũng có. Bởi vì thời nào người ta cũng có những nhu cầu tín ngưỡng cần thiết. Trước hết, nói về việc quyên góp trong đạo, chỉ riêng nói về đạo Phật thôi. Việc xây chùa, đúc chuông, tạo tượng Phật, Bồ tát v.v... xưa nay đều có. Nhất là trong thời đại hiện nay thì việc quyên góp này xảy ra rất nhiều, hầu như nơi nào cũng có. Bởi vì đây là một nhu cầu tín ngưỡng tối thiết yếu. Do đó, nên việc đáp ứng đúng theo nhu cầu này hiển nhiên là phải có. Tuy nhiên, điều quan trọng đáng nói ở đây là, vấn đề quyên góp như thế nào mới đúng ý nghĩa? Nếu thật tâm chỉ một lòng phụng sự vì đạo pháp và nhơn sinh, thì việc quyên góp để có phương tiện tài vật xây dựng là điều đáng khích lệ và tán dương. Tuy nhiên, cũng không nên lợi dụng lòng tốt của đàn na thí chủ mà phô trương bày vẽ

khô hạnh của Bồ tát còn bố thí cả thân mạng như xẻ thịt nơi thân... cho các loài thú dữ như cọp, sói, sư tử đói ăn. Tuy nhiên, nếu ai cũng bố thí như thế, thì chắc không còn ai để tu hành giảng pháp. Vấn đề này, theo Hòa thượng Vạn Đức giải thích: *"Đại thừa Bồ tát không lấy thời gian, hạn cuộc nơi thân. Nếu ở đời đó có chết đi, tức là làm nhơn duyên cho đời sau để độ. Thuở xưa, Đức Phật đã kết nhơn duyên đem thịt nơi thân thể để bố thí cho mấy người đói, nên khi thành Phật rồi nhờ nhơn duyên đó mới độ họ được đắc pháp"*. Theo Hòa thượng Trí Quang thì: *"Thiêu đốt nằm trong nghĩa hy sinh, phóng xả. Thiêu đốt để hiển lên chư Phật là hiển lên chư Phật cái chí nguyện kiên cố như trong sự thiêu đốt. Nhưng đây là nói để thử. Thử coi nói đến hiển lên chư Phật mà họ có mạnh mẽ tâm chí không. Không thì phải dạy bảo từ từ, cốt sao cho họ có được tâm chí kiên cường để thọ trì Bồ tát giới"*.

Đức Phật dạy tiếp: *"Nếu Phật tử vì quyền lợi, đáng dạy mà không dạy, lại giảng kinh luật một cách điên đảo, vẫn tự lộn xộn không có thứ lớp trước sau, thuyết pháp có tánh cách hủy báng Tam bảo"*. Lẽ ra nên đem chánh giáo Đại thừa giảng dạy cho hàng tân học Bồ tát, nhưng vì quyền lợi riêng tư nào đó mà không chịu dạy. Khi dạy lại giảng kinh luật một cách điên đảo, đầu đuôi lộn ngược, vẫn tự lộn xộn không có thứ lớp trước sau, theo kiểu mình "Ngô" đầu "Sở". Giảng dạy như thế sẽ làm mất giá trị chánh pháp. Mà mất giá trị chánh pháp của Phật, tất nhiên là mang tội hủy báng Tam bảo rồi.

17. Giới Cậy Thế Lực Quyền Tỏi

có một vị tăng hay ni nào đó có những hành vi trái với giới luật, thì họ lại chê bai nói xấu, thậm chí họ còn quơ đũa cả nắm. Điều đó cũng chỉ vì họ thiếu chút tự trọng và chưa hiểu rõ đó thôi. Rất tiếc, họ không hiểu được lời nói của người xưa rằng: "Mía sâu có đốt, nhà dột có nơi". Việc đó, thiết nghĩ cũng không có gì đáng nói. Điều đáng nói ở đây là, có những vị tu hành theo "Nhị thừa" mà lại có tư tưởng kích bác chê bai "Đại thừa". Đây là điều mới đáng nói và đáng trách. Tuy nhiên, với tư tưởng của Đại thừa Bồ tát thì rất bao dung rộng mở tha thứ tất cả. Bởi tư tưởng của Phật giáo Đại thừa là mang tính phóng khoáng, không cố chấp luôn tôn trọng và hỷ xả. Dù ai đó có nói xấu chê bai hay công kích ta, thì Bồ tát vẫn coi đó là những người bạn lành, bạn tốt của ta. Chẳng những thế, mà Bồ tát còn cảm hóa họ để họ hồi đầu trở về với chánh pháp, vì biển cả bao la có khả năng dung nạp trăm sông ngàn suối vậy.

7. Giới Tự Khen Mình Chê Người

Nếu Phật tử, tự khen mình chê người, cũng bảo người khác khen ngợi mình chê người: nhơn chê người, duyên chê người, cách thức chê người, nghiệp chê người. Là Phật tử, lẽ ra phải thay thế chịu những sự khinh chê khổ nhục cho tất cả chúng sanh, mình nhận lấy việc xấu, nhường cho người việc tốt. Nếu Phật tử tự phô dương tài đức của mình mà đình che điều hay tốt của người, làm cho người bị khinh chê, Phật tử này phạm "Bồ tát Ba la di tội".

Tâm lý của con người thường tình, thì ai cũng thích được khen hơn là bị chê. Khen thì vui mà chê thì buồn. Có

người thích tự hào phô trương cái bản ngã của mình. Cái gì mình cũng hay cũng giỏi. Vì tự cao, tự đại, tự tôn, nên hay chê bai kẻ khác thậm tệ. Dù người đó có những đức tính tốt và khả năng kiến thức giỏi hơn mình, nhưng vì tự ái cao, chấp ngã nặng, lòng ganh tỵ, nên có bao giờ họ tự hạ mình chấp nhận người đó giỏi đâu. Lẽ ra, nếu như mình có thật tài, khả năng cao, kiến thức rộng, thì đáng lý mình lại càng khiêm tốn nhún nhường hơn mới phải. Khổng Tử có nói: "Đặt mình ngồi trước, tức mình ngồi sau". Mình là kẻ bất tài vô dụng, địa vị chức vụ thấp, mà thích ngồi chỗ cao, không xứng hợp với tư cách địa vị của mình, tất nhiên là người ta sẽ mời mình ngồi sau. Đó mới là điều què nhục thật là xấu hổ. Cho nên đức tánh khiêm nhường lúc nào cũng phải biết mình, biết người. Trong sự giao tiếp hằng ngày, người biết tự trọng bao giờ họ cũng tỏ ra khiêm tốn kính trọng mọi người. Dù người đó có đức độ, địa vị cao được mọi người kính trọng nể nang. Đó là đức tánh tốt mà chúng ta cần lưu tâm học hỏi. Điều tối kỵ là ta không nên tự đề cao mình mà hạ thấp người khác. Ai cũng có lòng tự ái, tự ngã và tự trọng. Hiểu thế, thì ta không nên chê bai hạ nhục người khác. Nhất là chê bai trước mặt những người khác, đó gọi là công xúc tu sĩ. Khen mà khen phải, đúng chỗ, đúng nơi, đúng với vị thế, việc làm, thì lời khen đó mới có giá trị. Còn chê mà chê phải, chê đúng chỗ, đúng nơi, hợp tình, hợp lý, thì lời chê đó sẽ được người ta cảm nhận mang ơn mình. Còn chê mà để hạ thấp mạ nhục người khác thì không nên.

Có người tự khen mình đã đành, lại còn bảo người khác khen mình, chê người, điều đó thật là quá đáng. Người có chút tự trọng không ai làm chuyện đó. Có người gặp ai

biết của họ còn non nớt kém khuyết nên cần phải được sự hướng dẫn giúp đỡ. Khi hướng dẫn ta nên xoáy mạnh vào giáo nghĩa Đại thừa. Bởi kinh luật Đại thừa là chi tiết và giới điều của Bồ tát giới Phạm Võng. Phật bảo phải đúng như pháp mà giảng dạy. Đúng như pháp là đúng theo giáo nghĩa Phật dạy trong các kinh điển Đại thừa.

Thật hành Bồ tát đạo phải lấy việc khổ hạnh làm trước. Khổ hạnh không có nghĩa là tu hành ép xác cho chết. Đó là một lối hành xác cực đoan sai lầm rất lớn. Khổ hạnh mà Phật nói ở đây, có nghĩa là để biểu lộ tâm lòng thiết tha cầu pháp bằng cách đốt thân, vì đốt thân là việc lớn hệ trọng, nên lấy đó làm tiêu biểu cho các thứ khổ hạnh khác. Ở đây, chỉ riêng nói về việc khổ hạnh của người xuất gia thôi. Bởi người xuất gia là người xả bỏ tất cả, kể cả thân mạng cũng chẳng màng đến. Tuy nhiên, không phải người xuất gia nào cũng phát nguyện đốt thân như thế. Ngoại trừ có những trường hợp khá đặc biệt. Như trường hợp pháp nạn năm 1963, có một số chư Tăng, Ni phát nguyện thiêu thân để dâng lên cúng dường mười phương chư Phật. Đồng thời, cũng để phản đối hành động đàn áp Tăng, Ni một cách dã man tàn nhẫn của chế độ Ngô triều. Tiêu biểu như Bồ tát Quảng Đức thiêu thân mà lịch sử đã lưu danh muôn thuở. Nếu như không đốt toàn thân, thì đốt một vài phần trong thân thể như cánh tay, ngón tay... Vì thấy việc đốt thân và tay khó khăn, nên các bậc tiền bối mới tạm khai cho đốt liều trên đầu. Với thâm ý là cốt để cho hợp pháp phần nào qua lời Phật dạy trong đây. Tuy đốt liều trên đầu, nhưng cũng là trong thân. Như vậy, đốt liều cũng có nghĩa là đốt thân để cúng dường chư Phật. Ngoài ra,

16. Giới Vì Lợi Mà Giảng Pháp Lộn Lạo

Nếu Phật tử, phải tận tâm học kinh luật oai nghi Đại thừa, thông hiểu nghĩa lý, khi thấy có hàng tân học Bồ tát từ xa trăm dặm nghìn dặm đến học kinh luật Đại thừa, nên đứng như pháp giảng giải tất cả khổ hạnh, hoặc đốt thân, đốt cánh tay, đốt ngón tay. Nếu không đốt thân hay cánh tay, ngón tay cứng dường chư Phật thời không phải là hàng Bồ tát xuất gia. Nhấn đến xả thịt nơi thân mình cùng tay chơn mà bố thí cho tất cả những cọp, sói, sư tử đói, cùng tất cả loài quỷ đói. Rồi sau mới theo tuần tự căn cơ của mỗi người mà giảng chánh pháp cho hàng tân học ấy được mở thông tâm ý. Nếu Phật tử vì quyền lợi, đáng dạy mà không dạy, lại giảng kinh luật một cách điên đảo, văn tự lộn xộn không có thứ lớp trước sau, thuyết pháp có tánh cách hủy báng Tam bảo. Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Ở đây, Phật luôn đặt nặng về giáo nghĩa Đại thừa. Do đó, người giảng pháp cũng phải am tường về giáo nghĩa Đại thừa. Muốn thế, thì cần phải tận tâm lực để học hỏi trau dồi kinh luật oai nghi Đại thừa. Học luật để có đầy đủ oai nghi. Học kinh để thông hiểu nghĩa lý. Cả hai đều bổ túc cho nhau. Giáo lý dù có hiểu biết hay giỏi đến đâu, nhưng nếu thiếu luật nghi, thì cũng không thể nào khắc phục chính mình và cảm hóa kẻ khác. Khi đã trang bị cho mình có đủ khả năng về giáo lý Đại thừa và oai nghi rồi, thì nên hướng dẫn cho những vị tân học Bồ tát, tức những vị mới phát tâm hướng vào Đại thừa. Vì những vị này sự hiểu

cũng khen, thật sự việc đó không đáng khen, nhưng họ lại vẫn khen, khen để lấy lòng. Có nhiều lúc lời khen đó nó lố bịch trở thành trơ trên làm sao! Đó là lời khen trên đầu môi chót lưỡi làm cho người được họ khen cảm thấy ngột ngột và khó chịu.

Cũng như những giới trước, giới này cũng phải hội đủ 4 điều kiện mới có thể kết thành tội.

1. **Nhơn:** Cố tâm khen mình chê người.
2. **Duyên:** Người mà mình đối diện để nói.
3. **Cách Thức:** Hoặc ra dấu, lời nói hay viết chữ.
4. **Nghiệp:** Người kia nghe hiểu được lời nói đó, thì đã thành nghiệp.

Phật dạy: người Phật tử phải có tấm lòng cởi mở bao dung rộng rãi hơn. Hạnh Bồ tát là phải thay thế chịu những điều khổ nhục khinh chê cho tất cả chúng sanh, việc xấu về mình, việc tốt nhường lại cho người. Xét lại mình là Bồ tát có giữ đúng như lời Phật dạy đây không. Hay ngược lại việc tốt mình nhận lấy, còn việc xấu xa hư tệ thì để cho người. Đây là tâm địa của những kẻ phạm phụ tục tử chó đâu phải là tâm địa của Bồ tát. Mặc dù chúng ta đang học hạnh Bồ tát. Phải thật lòng mà nhìn nhận như thế. Chẳng những thế, mình còn khoe khoang cái tài, cái đức của mình cho mọi người biết. Xin đừng quên: "*Có tài mà cậy chi tài, chữ tài liền với chữ tai một vần*" (Truyện Kiều). Làm được điều gì có lợi cho ai thì chao ôi! mặc tình đánh trống thổi kèn la ó vang dậy để khoe khoang lấy le giựt cúp cùng khắp thiên hạ. Đối với những điều hay tốt của

người khác thì lại chìm xuống hồ sâu tận đáy. Có đôi khi còn lại cướp công lao của người khác lại cho việc đó là do mình làm. Thật là háo danh quá trơ trên xấu hổ! Đó là hạng người tiểu nhân quá ích kỷ, không có tính chất quân tử cao thượng chút nào.

*Thấy người làm việc tốt lành
Mình như thua kém tiến nhanh kịp người
Thấy ai làm ác hại đời
Như sò nước nóng phải dời lánh xa
Thấy người hiền hậu ôn hòa
Ta nên cố gắng để ta bằng người.*

Tâm hạnh Bồ tát là như vậy đó. Bồ tát không có tâm ganh tỵ đố kỵ ai cả. Thấy người làm việc tốt lành thì mình nên tùy hỷ công đức. Trong Phẩm Phổ Hiền có nói: "*Dù chúng sanh có một việc lành việc tốt nhỏ như hạt bụi đi nữa, cũng phải ca tụng ngợi khen, tán thán để cho tất cả chúng sanh nương nơi sự tán dương đó mà phấn khởi làm lành*". Đã là Bồ tát thì phải có tâm từ bi hỷ xả rộng lớn. Thấy ai làm việc tốt thì mình nên tán thán ca ngợi khuyến khích thêm. Để cho người ta phát tâm rộng lớn hơn. Căn lành chưa phát thì Bồ tát phải làm cho người ta phát khởi. Cho căn lành của người ta ngày càng phát triển mạnh hơn. Muốn thế, thì Bồ tát phải hằng khích lệ khen ngợi ca tụng điều lành, điều tốt, điều phải để mọi người càng phấn chấn tu tạo tài bồi phước trí nhiều hơn.

8. Giới Bồn Sễn Thêm Măng Đuối

**Nếu Phật tử, tự mình bồn sễn, bảo người bồn sễn:
nhơn bồn sễn, duyên bồn sễn, cách thức bồn sễn,**

người với tâm ác, tâm giận, đó là mình muốn hại người làm cho họ mất lợi ích về Đại thừa, nên phạm tội. Nếu vì theo tiểu cơ mà truyền dạy tiểu giáo thời không phạm. Nội dung của giới này là không được chỉ dạy sai lệch. Nói một cách nghiêm khắc hơn, người thọ Bồ tát giới phải hướng dẫn cho họ 3 điều: "*học hiểu Bồ tát giới, phát Bồ đề tâm, học hiểu Bồ tát vị*". Đó là phương cách dạy người học Đại thừa theo thứ lớp. Nói một cách bao quát hơn, đối với lục thân quyến thuộc, thiện tri thức, ngoại đạo, ác nhơn, tất cả đều phải khuyên bảo họ thọ trì kinh luật Đại thừa. Mục đích là giảng cho họ hiểu nghĩa lý để cho họ phát khởi Bồ đề tâm.

Thập phát thú chính là Thập trụ Bồ tát. Thập trường dưỡng chính là Thập Hạnh. Thập kim cương chính là Thập hồi hướng (30 tâm này trước đã có nói). Trong 30 tâm này phải học kỹ hiểu rõ pháp dụng tuần thứ của mỗi môn.

Xin nhắc lại, nếu người đã thọ giới Bồ tát, thì phải dạy cho người học hỏi đúng theo tinh thần của Đại thừa giáo, không được giảng giải sai lệch tôn chỉ yếu nghĩa Đại thừa. Vì dạy như thế là bị phạm tội.

Nếu Phật tử nào có ác tâm, sân tâm, thay vì hướng dẫn cho người học tiến thẳng đến thành Phật, thì họ lại hướng dẫn lệch qua Thanh Văn thừa hay lạc vào ngoại đạo tà kiến, rồi đem kinh luật Thanh Văn để dạy cho người hoặc các bộ luận tà kiến để giảng dạy. Phật tử nào có ý đồ ác tâm dạy như thế thì phạm "khinh cấu tội".

trường dưỡng tâm, Thập kim cương tâm. Trong ba mươi tâm ấy, giảng cho họ hiểu pháp dụng tuần thứ của mỗi môn. Mà Phật tử lại vì ác tâm, sân tâm đem kinh luật của Thanh Văn Nhị thừa cùng các bộ luận của ngoại đạo tà kiến để dạy ngang cho người. Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Khi đã thọ giới Bồ tát rồi, chúng ta cần phải học giáo lý Đại thừa. Bởi Đại thừa, theo "Khởi Tín Luận" giải thích thì, Đại thừa có nghĩa là tâm của tất cả chúng sanh. Đó là nói nghĩa rộng của Đại thừa. Vì vậy Đại thừa bao gồm tất cả. Toàn bộ hệ thống giáo điển của Phật giáo, từ hệ giáo lý Nguyên Thủy đến giáo lý Bộ Phái (Tiểu thừa) và cuối cùng là giáo lý Phát Triển (Đại thừa). Ba hệ thống giáo lý này, được dụ như một thân cây. Một thân cây gồm có rễ cây (dụ Phật giáo Nguyên Thủy) thân cây (dụ Phật giáo Bộ Phái) cành lá sum suê của cây (dụ cho Phật giáo Phát Triển). Như vậy giáo lý Đại thừa bao trùm cả hai hệ giáo lý kia. Thế thì, giáo lý đạo Phật từ thủy chí chung đều nhưt quán. Tuy có chia ra ba giai đoạn, nhưng đều không tách biệt nhau. Đó là chỗ đặc thù của toàn bộ giáo điển của Phật giáo. Thế nên một người nghiên cứu giáo nghĩa Phật giáo thì phải nghiên cứu từ nền tảng và rồi tiến dần lên. Cho đến đỉnh cao tối thượng đó là giáo lý Đại thừa. Đại thừa nói cách khác đó cũng là Phật thừa.

Một người khi thọ giới pháp Đại thừa (vượt hơn hai thừa kia) tất nhiên là phải học và tu tập giáo lý Đại thừa. Đồng thời cũng đem giáo lý Đại thừa dạy lại cho người khác. Ngược lại, nếu đem giáo lý Tiểu thừa v.v... mà dạy cho

nghiệp bòn sẻn. Phật tử khi thấy những người bần cùng đến cầu xin, phải cấp cho theo chỗ cần dùng của họ. Mà Phật tử lại đem lòng giận ghét, cho đến không cho một mảy, có người đến cầu học giáo pháp, cũng chẳng nói một kệ một câu, lại còn xua đuổi quở mắng, Phật tử này phạm "Bồ tát Ba la di tội".

Bòn sẻn là người có tánh hà tiện keo kiệt. Có người tuy của cải có dư thừa, nhưng họ không bao giờ lòi ra cho ai một đồng điếu. Dù là vật rất nhỏ, nhưng họ cũng vẫn khư khư ôm chặt, không bao giờ bố thí cho ai cả. Lắm kẻ nghèo khổ đói khát đến xin họ, thì họ lại tỏ thái độ khinh bỉ coi thường. Giả như có cho, thì họ lại cho theo kiểu cho để bỏ ghét. Thái độ của họ thật là kiêu căng hách dịch. Họ không có một chút từ tâm thương người. Hạng người này họ chỉ biết thương họ thôi. Họ coi trên đời này chỉ có họ, ngoài ra không có ai cả. Thậm chí họ còn xua đuổi mắng nhiếc những kẻ đói khát rách rưới ăn xin. Thật là tội nghiệp biết bao!

Nếu là Phật tử, tự mình keo kiệt bòn sẻn, lại còn bảo người khác cũng keo kiệt bòn sẻn như mình, điều này thật không thể nào chấp nhận được. Tuy nhiên, muốn kết thành tội bòn sẻn, Phật dạy phải hội đủ bốn điều kiện như các điều giới kia.

Nhơn: Tâm niệm bòn sẻn. Bòn sẻn có cố ý.

Duyên: Tiền hay pháp do người đến cầu xin (xin tài vật hoặc xin giáo pháp)

Cách Thức: Có tiền, có vật lại đem cất giấu đi, hoặc làm cách tỏ vẻ thiếu thốn, hoặc nói tôi không có vật đó chẳng hạn.

Nghiệp: Nghĩa là khi xua đuổi người đến xin, làm họ thất vọng hoàn toàn, khi họ bước lui đi thì thành nghiệp.

Phật dạy, người Phật tử nhất là người Phật tử thọ Bồ tát giới, thì đối với những người bần cùng khốn khổ đói khát, cơm không có ăn, quần áo không đủ mặc, họ đến cầu xin mình, tùy theo chỗ cần dùng của họ và cũng tùy theo tài vật của mình hiện có, tùy đó mà cung cấp bố thí cho họ. Khi bố thí mình nên nghĩ rằng, họ là ân nhân của mình, vì có họ đến xin, nên mình mới có được cơ hội làm phước. Vì vậy khi cho, mình phải tỏ ra tôn trọng họ. Tuyệt đối, không có thái độ khinh thường họ. Cho nên, người ta nói vật cho không bằng thái độ cho. Thái độ cho hết sức quan trọng. Đừng có cho theo kiểu xua đuổi tỏ thái độ khi dễ khinh thường họ. Lúc đói thì họ cần đó, nhưng trong lòng của họ rất căm hận thù ghét mình. Là Phật tử Bồ tát, ta nên hết sức cẩn thận vấn đề này. Cho như thế nào mà người nhận, họ cảm thấy vui vẻ và tỏ ra biết ân kính phục mình. Thật ra, đối với người Phật tử, dù chưa có học hỏi hiểu đạo sâu, nhưng với tấm lòng từ bi vị tha nhân ái thương người, thương vật, lúc nào họ cũng sẵn sàng đáp ứng. Thấy người hoạn nạn thì thương, thấy người tàn tật lại càng thương hơn. Đã thương thì sẵn sàng giúp đỡ. Có người nhịn ăn, nhịn mặc để cứu giúp cho những kẻ khốn khổ nghèo đói. "Một miếng khi đói, bằng một gói khi no". Do vì có tấm lòng thương người muốn cứu giúp người trong cơn hoạn nạn như thiên tai bão lụt, dịch bệnh lan tràn v.v... cho nên hễ ai kêu gọi đóng góp tài vật thì họ sẵn sàng trợ giúp. Cũng vì vậy, mà có lắm kẻ ác tâm lợi dụng lòng tốt của mọi người, ăn xén ăn bớt như những trường

những tháng đó thì không được đốt lửa. Nếu đốt thì những loài sinh vật này sẽ bị chết cháy thiêu rụi.

Mùa khô trời nắng gắt gặp lửa thì nó cháy lan tỏa không lường được. Có khi không ai phóng hỏa nhưng vì nóng quá nên rừng cây tự phát lửa. Khi phát lửa thì gây nên những trận hỏa hoạn khủng khiếp. Nếu ai phóng hỏa làm cho cháy lan nhà cửa, thành ấp, tăng phường, ruộng cây v.v... của những người khác, thì theo luật pháp thế gian bắt buộc người phóng hỏa đó phải bồi thường tùy theo mức độ thiệt hại lớn nhỏ.

Nói cung điện tài vật của quý thần là những vật công hữu, tất cả đều là vật có chủ. Như những nơi đền, miếu, đình v.v... tức chỗ thờ các vị quý thần (cũng là loài quý, nhưng có oai quyền hơn, gọi là thần) "Tất cả chỗ có sanh vật không được cố thiêu đốt". Vì thế nên bất luận mùa nào, chỗ nào, dù một khúc cây mà trong đó có kiến, có mối, cũng không được đem đốt. Cho nên nói, tất cả chỗ có sanh vật đều không được cố thiêu đốt. Nếu cố ý thiêu đốt thì phạm "khinh cấu tội". Còn nếu như khi đốt mà không chịu quan sát kỹ xem trong đó có sanh vật không? Nếu có mà vẫn cứ đốt thì phạm tội nặng.

15. Giới Dạy Giáo Lý Ngoài Đại Thừa

Nếu Phật tử, từ Phật đệ tử, lục thân, tất cả thiện tri thức, đến ngoại đạo ác nham, đều phải khuyến bảo thọ trì kinh luật Đại thừa. Nên giảng cho hiểu nghĩa lý khiến phát Bồ đề tâm, Thập phát thú tâm, Thập

Phật tử nào có hành vi như thế, thì phạm tội nghịch (nặng hơn tội trọng) đọa tam ác đạo chịu khổ nhiều đời. Phật tử nào có những hành vi như thế thì phạm "khinh cấu tội".

14. Giới Phóng Hỏa

Nếu Phật tử, vì tâm ác, phóng hỏa đốt núi, rừng, đồng nội. Từ tháng tư đến tháng chín phóng hỏa. Hoặc cháy lan đến nhà cửa, thành ấp, tăng phường, ruộng cây của người và cung điện tài vật của quý thân. Tất cả chỗ có sanh vật không được cố thiêu đốt. Nếu cố thiêu đốt, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Giới này, rất phù hợp với luật pháp thế gian. Bởi luật pháp thế gian cũng nghiêm cấm vô cớ đốt rừng. Nói chung là những loại cây cối ở những nơi núi, đồi, rừng rậm. Ngay cả ở nơi đất trồng đồng bằng cũng không được phóng hỏa. Riêng ở Úc vấn đề đốt lửa luật pháp Úc có quy định rõ ràng. Nghĩa là tùy theo thời tiết nhiệt độ, nhất là hôm nào trời nóng dữ dội nhiệt độ lên đến hơn 40 C thì chánh phủ nghiêm cấm người dân sống trong vùng đó không được đốt lửa. Bởi ở Úc thường hay xảy ra nạn cháy rừng. Mỗi lần cháy rừng như thế thì bị tổn thất thiệt hại rất nặng nề. Ngoài việc cây cối bị cháy xơ xác tiêu điều ra, còn có các loài thú vật cũng bị thiêu đốt có khi lên đến hàng mấy ngàn con. Trong đây nói: "Từ tháng tư đến tháng chín phóng hỏa" là sao? Bởi vì tháng đó là nhằm vào những tháng mùa mưa. Đây là tính theo thời tiết ở Ấn Độ. Mùa mưa, tất nhiên có nhiều loại sinh vật nhỏ nhít như trùng, kiến v.v... chúng sống trong những đám cỏ rác. Cho nên,

hợp lùm xùm hiện nay ở Việt Nam. Cho nên Phật dạy người Phật tử có lòng từ bi nhân ái là tốt rồi, nhưng cũng cần phải có trí huệ nữa. Không thì cũng dễ bị những kẻ ác tâm xấu xa có ý đồ lợi dụng. Chừng đó mới bật ngựa hồi tiếc ân hận. Đó là điều ta cần phải cẩn thận phòng ngừa.

9. Giới Giận Hờn Không Ngươi

Nếu Phật tử, tự mình giận, bảo người giận: nơn giận, duyên giận, cách thức giận, nghiệp giận. Người Phật tử lẽ ra phải làm cho tất cả chúng sanh được những căn lành không gây gỗ; thường có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Mà trái lại, đối với trong tất cả chúng sanh, cho đến trong loài phi chúng sanh, đem lời ác mạ nhục, còn thêm dùng tay, chân, dao, gậy để đánh đập mà vẫn chưa hả dạ cho đến nạn nhân kia lấy lời nhỏ nhẹ xin lỗi, cầu sám hối tạ tội, nhưng vẫn còn không hết giận, Phật tử này phạm "Bồ tát Ba la di tội".

Hạnh nguyện của Bồ tát là hạnh nguyện từ bi ban vui cứu khổ. Với lòng từ bi vị tha nhân ái cao thượng, Bồ tát chỉ đem lại niềm vui an lạc cho mọi người. Kẻ oán hay người thân, Bồ tát vẫn đối xử bình đẳng như nhau. Bồ tát nguyện không làm tổn thương tác hại với bất cứ chúng sanh nào. Vì lòng từ bi nên Bồ tát lúc nào cũng thương người thương vật. Vì Bồ tát ý thức được nỗi khổ đau tràn ngập của chúng sanh. Chúng sanh vì tham giận kiêu căng, công cao ngã mạn, nên tạo ra nhiều khổ lụy đau thương cho mình và người. Ngược lại, Bồ tát thì không bao giờ tỏ ra biết giận hờn hay trách móc ai cả. Nếu lỡ như có giận

buồn ai thì cũng chỉ thoáng qua rồi liền hỷ xả. Bồ tát không bao giờ chất chứa sân hận buồn giận trong lòng. Có như thế thì Bồ tát mới an vui giải thoát được.

Tự mình giận mà không tự biết tháo gỡ, còn xúi giục bảo người khác giận, như nói người đó làm việc ẩu tả chẳng có chút gì hiểu biết thật đáng giận lắm.

Giới này cũng có 4 điều kiện mới kết thành tội.

1. **Nhơn:** Cố ý giận hờn.
2. **Duyên:** Người làm trái ý mình muốn.
3. **Cách thức:** Hoặc nói ra lời, dùng tay chân để hất quăng ném, đánh đập, trợn mắt, đỏ mặt v.v...
4. **nghiệp:** Không chịu hỷ xả tất nhiên thành nghiệp. Thật ra chưa ai tránh khỏi sân hận khi gặp nghịch cảnh, nhưng giận rồi phải quán chiếu hỷ xả buông bỏ đừng cố chấp. Nếu còn ôm lòng sân hận mãi thì phạm tội trọng.

Người đã thọ Bồ tát giới rồi, phải hằng nhớ rằng, mình là người đang thật hành tập tu theo hạnh Bồ tát, mà Bồ tát thì phải hết lòng yêu thương chúng sanh, làm cho chúng sanh luôn phát khởi thiện căn và không nên tranh cãi hơn thua.

*Phải quấy hơn thua ích lợi gì?
Do lòng chấp ngã quá ngu si
Thân do duyên hợp cho là thật
Tâm giả theo trần chấp nghĩ suy
Muốn thoát luân hồi luôn tỉnh giác
Gìn lòng niệm Phật hết sâu bi*

bi, lòng hiếu thuận, mà trở lại vu khống cho là phạm tội nghịch, đọa nơi ác đạo, Phật tử này phạm "khinh cầu tội".

Trong Phật pháp, đã coi nhau là quyến thuộc, tất cả đều có nhân duyên bà con xa gần với nhau, mà làm cho họ khổ tâm, thì còn gì gọi là từ bi, là hiếu thuận, là hạnh nguyện của Bồ tát. Hủy báng là có ác ý chê bai, vu khống đều phạm tội này. Vì có ác tâm, ác ý, nên bắt kể người tốt, người lành, thậm chí đến các vị Pháp sư, Sư Tăng là những bậc trưởng thượng, đáng tôn kính cũng đều hủy báng không chừa. Đến như những vị nguyên thủ quốc gia như Quốc Trưởng, Tổng Thống, Thủ Tướng hoặc hàng quý tộc quan quyền, là những người trị quốc an dân, họ không có lỗi lầm gì mà mình lại phê bình chê trách vu khống, tội này tội nọ v.v... Như có người họ trong sạch không có tham nhũng hay ăn hối lộ lại vu khống chụp mũ họ thế này thế kia, thì đó là người có ác tâm ganh tỵ. Thậm chí, còn quy kết cho những vị đó là phạm vào bảy tội nghịch (giết cha, giết mẹ, giết A la Hán, Phá hòa hợp tăng, gây thương tích nơi đức Phật, giết Hòa thượng, giết A xà lê)

Đối với cha mẹ anh em nói chung là sáu thân, vô cơ không được chê bai nói xấu hạch tội lỗi thế này thế kia. Đó là mất lòng từ bi, lòng hiếu thuận của Bồ tát. Trong trường hợp biết rõ người đó có lỗi, thì nên chỉ lỗi cho họ để họ sám hối sửa đổi lại. Ngược lại, không như vậy mà vì lòng ganh ghét rao bầy nói hành nói tội chuyện không nói thành có, chuyện có nói không, hoàn toàn nói sai sự thật.

vật này, sở dĩ Phật cấm người Phật tử không được bán, là vì những loài vật này nó có công lao giúp ích cho con người. Vì lòng từ bi, không nỡ bán nó để người ta lột da xẻ thịt thì thật quá tàn nhẫn. Do đó, nên Phật cấm.

Thậm chí, Phật còn cấm người Phật tử không được buôn bán quan tài. Tại sao Phật lại cấm như thế? Nếu không bán quan tài thì khi có người chết lấy chi mà chôn cất? Thật ra, những người bán quan tài thì thường có ác niệm trông mong cho người đến mua nhiều, mà muốn mua nhiều thì đương nhiên là phải có người chết nhiều. Vì không muốn người Phật tử có quan niệm ác ý đó, cho nên Phật mới cấm. Trái lại bố thí quan tài thì phước báo vô lượng. Vì chỉ muốn giúp cho những người nghèo nàn túng thiếu thôi, kỳ thật không có ác ý trông mong người chết để bố thí. Muốn người khỏe mạnh ít bệnh, ít đau đó là ý nghĩ tốt. Không những Phật cấm buôn bán quan tài thôi mà ngay cả đến ván cây và đồ đựng thây chết cũng không được bán. Nói chung là những đồ tận liệm đều không được bán. Vì đó là kế sống trên cái chết của người khác. Tự mình bán, hoặc bảo người bán, hay bỏ vốn hùn hạp, cũng đều phạm tội này. Cho nên người Phật tử thọ Bồ tát giới thì cần nên lưu ý điều này.

13. Giới Hủy Báng

Nếu Phật tử, vì ác tâm, nói người tốt, người lành, Pháp sư, Sư Tăng, hoặc Quốc Vương và hàng quý nhơn, vốn vô sự mà hủy báng là phạm bảy tội nghịch, mười giới trọng. Với cha, mẹ, anh, em, lục thân phải có lòng từ

*Đâu Xuân tự nhắc khuyên mình thế
Thị còn chẳng có, có chi phi
(Thích Phước Thái)*

Vì còn có ý niệm hơn thua tranh chấp phải quấy với nhau, thì đó là mầm mống gây ra đau khổ cho mình và người. Phải có lòng từ hiếu thuận với tất cả chúng sanh. Đừng vì ích kỷ chỉ biết lợi mình hại người. Không nên dùng lời chua cay ác độc mạ luy mắng nhiếc người khác. Tuyệt đối không được bạo hành bằng cách đánh đập, đâm chém v.v... Nếu như ai đó có lỗi mà họ đến xin lỗi mình, thì mình hãy rộng lượng bao dung tha thứ bỏ qua. Chẳng những mình không hỷ xả bỏ qua mà trái lại còn nổi giận trách móc đủ thứ, như thế, thì sẽ phạm tội trọng.

*Giận tức chi nhiều khổ lắm thay!
Sao người giận mãi hận thù dai
Càng buồn càng giận càng thêm khổ
Buông xả nhẹ lòng thế mới hay*

*Buông xả nhẹ lòng thế mới hay
Cuộc đời cay đắng lắm chua cay!
Ôm chi thù hận thêm sâu khổ
Buông hết cho rồi thoát khổ ngay*

*Buông hết cho rồi thoát khổ ngay
Cuộc đời hạnh phúc quá vui thay!
Mong người nhớ mãi câu "buông xả"
Đời sống an lành hết đắng cay*

Đời sống an lành hết đắng cay

*Nhớ rằng thế giới hiện hôm nay
Biết bao người chết nằm phơi xác
Con số tử vong choáng mặt mày!*
(Thích Phước Thái)

10. Giới Hủy Báng Tam Bảo

Nếu Phật tử, tự mình hủy báng Tam bảo, xúi người hủy báng Tam bảo: nhọn hủy báng, duyên hủy báng, cách thức hủy báng, nghiệp hủy báng. Phật tử nghe một lời hủy báng Tam bảo của ngoại đạo và kẻ ác, còn đau lòng như ba trăm cây nhọn đâm vào tim mình, huống là tự miệng mình hủy báng! Không có đức tin và lòng hiếu thuận đối với Tam bảo, lại còn giúp sức cho những kẻ ác, kẻ tà kiến hủy báng nữa, Phật tử này phạm "Bồ tát Ba la di tội".

Tam bảo là ba viên ngọc quý mà ta phải hết lòng kính trọng. Chẳng những kính trọng không thôi, mà ta còn phải phát huy mạnh mẽ để cho mọi người hướng về nương tựa Tam bảo tu hành. Nhờ tu hành mà mọi người sẽ vui bớt khổ đau. Hình thức Tam bảo bên ngoài nhằm nhắc nhở cho ta nhớ lại Tam bảo tự tâm. Cả hai "Sự" và "Lý" Tam bảo đều có công năng giúp cho chúng ta thăng tiến vững chắc trên bước đường tu học. Do đó, ta không được có ý niệm khinh lờn phỉ báng. Khinh lờn còn không có nói chi đến việc hủy báng chê bai. Nếu tự mình hủy báng còn xúi giục người hủy báng thì tội đây rất nặng. Giới này cũng có 4 điều kiện mới kết thành tội:

tình dục, hoặc bóc lột tình dục, nhằm đem lại lợi nhuận cho kẻ buôn người hoặc những người khác. Điều này bao gồm việc kiếm cô dâu trong bối cảnh hôn nhân ép buộc, hoặc dùng để lấy nội tạng. Nạn buôn người có thể xảy ra trong một quốc gia hoặc nhiều quốc gia. Nạn buôn người là một tội ác tày trời làm cho biết bao người phải sống trong cảnh thương tâm biệt ly đau khổ. Việc buôn bán người này đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Con buôn có sở trường lường gạt tinh vi mà người bị bán đi không hề hay biết. Điều này đã xảy ra nhan nhản trong xã hội. Họ bán người vào lầu xanh hoặc bán người để làm tôi tớ. Những kẻ lái buôn chuyên đi săn người, nhất là những cô gái lâm vào hoàn cảnh nghèo khổ thiếu thốn, thì rất dễ để họ dụ dỗ lừa gạt đem bán. Họ dùng những lời mánh khéo tán tỉnh mật ngọt để khuyến dụ các cô gái tuổi còn ngây thơ trong trắng chưa từng trải nếm biết rõ mùi đời. Một khi đã biết mình sa vào bẫy rập của họ rồi, chừng đó thì đã quá muộn màng. Chỉ còn có nước ngược mặt lên trời mà kêu than thống trách! Đó là số phận của những cô gái và trẻ em không may rơi vào hoàn cảnh đau thương kêu trời không thấu. Khác hơn các cô gái vì nghèo đói, nên bị dụ dỗ, Thúy Kiều ngày xưa, vì bị nạn vu oan giá họa, nên nàng Kiều tình nguyện bán mình để chuộc cha. Kiều chỉ nghĩ bán mình để làm tôi tớ cho người ta thôi, chớ Kiều đâu có ngờ bọn buôn người đã có dã tâm ác độc đưa Kiều vào lầu xanh. Chính vì xưa nay đều có xảy ra những chuyện buôn người như thế, nên đức Phật mới cấm người Phật tử không được hành nghề buôn bán ác đức thất nhân tâm này. Thậm chí cũng không được buôn bán lục súc (6 loại thú nuôi): trâu, bò, chó, ngựa, heo, dê. Sáu loại thú

binh. Hạng sứ giả này đương nhiên là sẽ được mọi người tán dương ủng hộ. Bởi vì chiến tranh là tội ác không ai muốn cả. Như dân chúng Hoa Kỳ đứng lên biểu tình rầm rộ đòi hỏi Mỹ phải ngưng chiến tranh Việt Nam.

Sau khi nói qua về vai trò của một sứ giả bất chánh gây nên sự tàn khốc chết chóc của vô số sinh linh, Phật lại nói đến vai trò trọng trách của người Phật tử. Người Phật tử đã thọ Bồ tát giới nên ý thức rằng, việc quân sự, quân trận không phải là việc của mình. Đã không phải là việc của mình thì mình vào trong đó hay qua lại để làm gì. Và tuyệt đối không được làm môi giới gây nên chiến tranh. Nếu Phật tử nào cố ý làm như thế, thì Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

12. Giới Buôn Bán Phi Pháp

Nếu Phật tử, cố bán người lành, tội trai, tở gái, lục súc, buôn bán quan tài, ván cây, đồ đựng thầy chết, còn không được tự mình buôn bán các thứ ấy, huống lại bảo người. Nếu cố tự buôn bán, hay bảo người buôn bán các thứ ấy, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Đối với người xuất gia, Phật cấm tuyệt hành nghề buôn bán, còn người Phật tử tại gia thì Phật không cấm hẳn, nhưng Phật chỉ cấm buôn bán phi pháp thôi. Buôn bán người, không những thời xa xưa mới có xảy ra tệ nạn này, mà ngay cả thời đại nguyên tử 4.0 như hiện nay, người ta vẫn còn hành nghề buôn bán người. Buôn bán người nguy tạo dưới mọi hình thức, như cưỡng bức lao động, nô lệ

1. Nhơn: Cố ý hủy báng làm mất uy tín giá trị Tam bảo.

2. Duyên: Đối tượng Tam bảo là Phật, Pháp, Tăng.

3. Cách thức: Dùng lời nói công kích chê bai, hoặc hành động bằng tay chân, như dùng cái loại dụng cụ, vũ khí v.v... nhằm triệt tiêu phá hoại Tam bảo.

4. Nghiệp: Dùng lời nói hoặc hành động gây nên xúc phạm làm tổn thương có hại đến Tam bảo đều kết thành nghiệp cả.

Ba món độc hại: Tham (giới thứ 8), Sân (giới thứ 9) Si (giới thứ 10). Vì tham lam nên mới bòn sẻn keo kiệt. Do sân nên mới nóng nảy giận hờn. Vì si nên mới phát sanh tà kiến chê bai phá hoại. Bất luận hành động nào có tánh cách hủy báng Tam bảo đều là tà kiến cả. Ngược lại, hết lòng tin kính Tam bảo đó là chánh kiến.

Hàng ngoại đạo do vì họ không có đức tin nơi Tam bảo, nên họ mới có những hành động bất kính Tam bảo. Họ là những kẻ tà kiến, ác nhơn nên bất chấp tội lỗi. Khi mục kích chứng kiến những hành động tàn bạo phá hoại Tam bảo như phá chùa, đốt kinh sách, đập đổ tượng Phật, sát hại Tăng Ni v.v... thử hỏi nhìn thấy cảnh tượng đó, có Phật tử nào mà không đau lòng chua xót?! Chắc chắn là rất đau lòng khác nào như ngàn mũi kim nhọn châm vào tim mình. Người Phật tử thông thường, chưa nói đến người Phật tử đã thọ Bồ tát giới, chắc chắn là không ai dám có ý niệm khinh thường Tam bảo, chớ đừng nói chi đến chuyện phá hoại Tam bảo. Chẳng những thế, mà người Phật tử chọn chánh lúc nào cũng nghĩ ngợi và tìm mọi cách làm thế nào để phát huy Tam bảo ngày càng vững mạnh để làm lợi lạc cho tất cả chúng sanh. Và Tam bảo chính là

điểm tựa vững chắc cho chúng sanh quay về tu học. Nhờ có Tam bảo ở thế gian làm cho chúng sanh phát khởi tín tâm tu hành mà được giác ngộ giải thoát. Vì lợi ích chúng sanh nên người Phật tử cố gắng duy trì và phát huy làm cho Tam bảo ngày càng phát triển hưng thịnh mạnh mẽ hơn. Nếu không được vậy thì ta sẽ đắc tội với Tam bảo vậy.

Để hiểu rõ thêm về vấn đề giới nào phạm thì bị mất giới, còn giới nào phạm mà không bị mất giới, sau đây, chúng tôi xin trích dẫn lời của Đại lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh để chứng minh nói rõ về vấn đề này.

"Trong 10 giới trọng này, ban đầu từ giới sát sanh đến giới vọng. Bốn giới này thuộc về "Tánh giới". Nếu phạm thì mất giới (nếu phạm phần tánh, phần nặng).

- **Như giới sát sanh:** giết người trở lên, phạm trọng mất giới, còn giết những loài nhỏ phạm trọng không mất giới.
- **Còn trộm cướp:** từ 5 tiền trở lên thì phạm trọng, mất giới, còn dưới số đó, phạm trọng không mất giới.
- **Vọng ngữ:** nếu là đại vọng ngữ xưng mình là chứng Thánh được pháp siêu phàm, đó là vọng ngữ thuộc về tội trọng mất giới, còn vọng ngữ thường, phạm trọng không mất giới.
- **Giới dâm:** nếu phạm thì mất giới không có phạm trọng thì không mất giới, chỉ có phạm trọng mới mất giới mà thôi. Phạm trọng không mất giới, nghĩa là phương tiện để hành dâm chưa thành dâm. hoặc do nhân duyên gì đó mà ngăn lại được. Như vậy không có phương tiện hoạt động,

Chủ yếu của giới này là cấm việc làm sứ giả ngoại giao. Bởi trách vụ của một nhà ngoại giao không phải là một sứ mệnh nhỏ. Trách nhiệm của sứ giả được chia ra hai phần: phần trọng trách lớn và phần trọng trách nhỏ. Trọng trách lớn là lãnh sứ mệnh đại diện cho cả nước. Trọng trách nhỏ là lãnh sứ mệnh riêng với cá nhân một người nào. Trường hợp như đưa thư hoặc vật phẩm nào đó đến tận tay người nhận. Nếu ngoại giao với ý đồ gây hấn làm cho hai nước (hoặc vài nước) hiểu lầm thù ghét nhau gây nên chiến tranh, thì đây thuộc về loại gián điệp, đó gọi là quốc tặc. Những nước gây nên chiến tranh làm cho dân chúng bị tử vong phần lớn cũng do quốc tặc này gây ra. Đó là một thảm họa mà dân chúng của hai quốc gia gây hấn chiến tranh lãnh đủ. Hoặc người cùng trong một quốc gia gây nên một cuộc nội chiến kéo dài làm cho dân chúng phải sống trong cảnh chết chóc điêu linh lầm than thống khổ. Như những cuộc nội chiến ở Việt Nam trước đây chẳng hạn. Đúng như câu Tục ngữ đã nói: "Gà nhà bôi mặt đá nhau". Đá nhau kéo dài như Trịnh Công Sơn đã nói: "Ba mươi năm chinh chiến từng ngày". Xa hơn, thì như trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh, gây nên cảnh nội chiến nội da xáo thịt giữa đảng trong (Chúa Nguyễn) và đảng ngoài (Chúa Trịnh) kéo dài dai dẳng hàng mấy trăm năm. Đến năm 1802 vua Gia Long lên ngôi mới thống nhất đất nước, bấy giờ mới chấm dứt cuộc nội chiến. Đây là hai cuộc nội chiến tương tàn tương sát đầy tội ác. Tuy nhiên, cuộc nội chiến lần thứ hai là do những thế lực ngoại bang làm chủ động.

Còn các sứ giả mang trọng trách vận động dân chúng đứng lên kêu gọi hai bên ngưng chiến đòi hỏi phải có hòa

Để kết luận mười giới khinh vừa nêu trên, Phật dạy tiếp:

"Mười giới như thế cần nên học tập và hết lòng kính trọng phụng trì"

Phật bảo mỗi người chúng ta cần nên học kỹ để hiểu, để nhớ và phải tôn trọng giữ gìn. Hai chữ "Học tập" là từ ngữ Hán - Việt, có nghĩa là học và thực hành những điều mà mình đã học. Nguyên nghĩa của chữ học là bắt chước làm theo. Tập là thực hành cho thật quen thuộc nhuần nhuyễn (Từ Điển Hán Việt Từ Nguyên - Bửu Kế).

Cần là siêng năng. Nghĩa là qua 10 giới khinh đã nêu trên, chúng ta nên siêng năng học cho thật kỹ nghĩa lý của mỗi giới và phải thực hành cho đúng. Đồng thời, chúng ta phải hết lòng kính trọng những giới luật mà Phật đã tuyên thuyết chỉ bày cặn kẽ. Nghe và học không chưa đủ mà chúng ta còn cần phải gia công vâng giữ hành trì đừng để cho sai phạm. Đại khái đó là lời kết thúc qua mỗi 10 giới khinh của đức Phật. Những lời kết thúc của mỗi mười giới khinh về sau cũng đều như thế, nên chúng tôi xin miễn lặp lại.

11. Giới Đi Sứ

Nếu Phật tử, chẳng đặng vì quyền lợi và ác tâm mà đi thông sứ mạng cho hai nước hiệp hội quân trận, đem binh đánh nhau làm cho vô lượng chúng sanh bị giết hại. Là Phật tử còn không được vào, cùng qua lại trong quân trận, huống lại cố làm môi giới chiến tranh. Nếu cố làm, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

nhưng nó chưa thành nghiệp, nên phạm trọng không mất giới.

Nói chung, giới sát sanh, trộm cướp, vọng ngữ, có phân ra phạm trọng mất giới và phạm trọng không mất giới. Nếu phạm trọng mất giới, phải sám hối rồi thọ giới lại. Còn phạm trọng không mất giới thì sám hối rồi được thanh tịnh trở lại. Còn giới dâm hay tà dâm, nếu đã phạm thì thành nghiệp phạm trọng thì mất giới.

Còn 6 giới sau: giới bán rượu cho đến giới hủy báng Tam bảo là phạm trọng không mất giới. Nhưng nếu không chịu ăn năn sám hối chừa bỏ thì dồn dập lâu ngày sẽ trở thành tội trọng mất giới.

Tóm lại, trong 10 giới trọng phân ra làm 3:

- Những giới phạm trọng mất giới (sát sanh, trộm cướp, vọng ngữ) và cũng vừa phạm trọng không mất giới.
- Những giới chỉ riêng phạm trọng mất giới (giới dâm).
- Những giới phạm trọng không mất giới (6 giới sau)"

b. Đức Phật Kết Răn

Này các Phật tử! trên đây là mười giới trọng của Bồ tát, các Phật tử cần nên học.

Trong mười giới đó không nên trái phạm một giới nào cả, dầu một mảy nhỏ như vi trần, huống chi phạm đủ cả mười giới ư! Nếu có người nào trái phạm, thời người ấy hiện đời không được phát Bồ đề tâm, rồi

cũng mất ngôi Quốc Vương, ngôi Chuyển Luân Vương, ngôi Tỳ kheo, Tỳ kheo ni; cũng mất những quả "Thập Phát Thú", "Thập Trưởng Dưỡng", "Thập Kim Cương", "Thập Địa", tất cả diệu quả Phật tánh thường trú đều mất, đọa trong ba ác đạo, trong hai kiếp, ba kiếp chẳng được nghe danh tự của cha mẹ và Tam bảo. Vì thế nên không được phạm một giới nào cả. Tất cả Bồ tát các Ngài đã học, sẽ học và hiện nay học. Mười giới như thế cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì.

Sau khi đức Phật tụng mười giới trọng của Bồ tát, đến đây, Ngài tóm kết lại bằng lời thiết tha khuyên bảo các Phật tử cần phải học. Tại sao Phật khuyên bảo người Phật tử đã thọ giới Bồ tát cần phải học? Bởi vì đã thọ mà không học từng điều giới thì không biết đâu mà gìn giữ cho đúng pháp, đúng luật. Vì giới luật Phật chế dù cho người Phật tử tại gia hay xuất gia, tất cả đều rất quan trọng. Có am hiểu giới luật phần nào, thì việc gìn giữ giới luật mới có thể đúng pháp được. Do đó, mà Phật khuyên người Phật tử cần nên học là thế. Ngoài việc tụng đọc giới ra, chúng ta còn cần phải nghiền ngẫm suy tư từng giới, đó là nghĩa của chữ học. Học là phải tư duy từng chữ, từng câu, từng điều giới qua lời Phật dạy. Cho nên chúng ta cần phải đề tâm nghiên cứu kỹ càng. Nếu vì chưa hiểu thì nên học hỏi với những người đã có kinh nghiệm nghiên cứu trước mình. Có thể thì mới có tiến bộ trên bước đường tu học.

Phật dạy tiếp, trong 10 giới trọng mà Phật đã nói không nên trái phạm giới nào cả. Nghĩa là một giới nhỏ như vì

Điều mà ai cũng biết, chẳng những biết thôi mà người ta còn lo sợ cho một cuộc chiến tranh nguyên tử. Bởi quốc gia nào cũng chạy đua tranh nhau chế tạo những vũ khí hạt nhân nguyên tử. Nếu nước nào không có đủ khả năng phát minh chế tạo được thì, họ phải bỏ tiền ra để mua vũ khí của những quốc gia tiên tiến khác, với mục đích là để tàng trữ phòng bị cho quốc gia mình. Lòng người còn hung ác, thì chiến tranh vẫn còn tiếp diễn. Ba đức tổ "**Tham, Sân, Si**" chính là nguyên nhân gây ra sự đau khổ triền miên cho nhơn loại. Muốn không có chiến tranh, thì nhơn loại cần phải tiêu diệt ba loại siêu vi khuẩn ác độc này. Đây là thứ vi khuẩn nội tại ẩn tàng trong tâm thức của mỗi người thật khó mà tiêu diệt tận gốc.

Đức Phật còn khuyên nhắc chúng ta, dù cha mẹ mình có bị người giết hại, là Phật tử Bồ tát chúng ta cũng không được báo thù. Bởi vì sự trả thù không có giá trị đình chỉ tội ác. Trong Kinh Pháp Cú Phật dạy: "Hận thù không bao giờ diệt được hận thù, chỉ có tình thương mới diệt được hận thù mà thôi". Lấy oán trả oán thì oán kia cứ mãi chất chồng. Lấy ân trả oán thì oán kia ắt phải tiêu tan. Đó là một nguyên lý sống rất thực tế. Thay vì trả thù sao chúng ta không mở rộng lòng từ để cảm hóa. Cảm hóa đối tượng giết cha mẹ mình, đó là cách giải thích vì sao mà mình không trả thù giết lại kẻ đó. Bacon cũng nói: "Trả thù là đứng ngang hàng với kẻ nghịch, tha lỗi là đứng lên trên kẻ ấy". Câu nói thật là chí lý. Đó là cách giải quyết theo tinh thần của người Phật tử, chỉ có tình thương mới tiêu diệt được hận thù. Người Phật tử giải quyết bằng cách đó, chớ không phải vô tình đối với kẻ giết cha mẹ mình.

giúp đỡ cho họ. Giúp đỡ bằng nhiều cách như chăm sóc cho họ ngay tại chỗ, rồi dùng phương tiện liên lạc chở họ vào trong bệnh viện cấp cứu. Ngược lại, nếu thấy thể mà bỏ đi, thì Bồ tát này sẽ phạm "khinh cấu tội".

10. Giới Chứa Khí Cự Sát Sanh

Nếu Phật tử, không được cất chứa những binh khí: như dao, gậy, cung, tên, búa, giáo v.v... cùng những đồ sát sanh như chài, lưới, rập, bẫy v.v... Là Phật tử dù cho đến cha mẹ bị người giết, còn không báo thù, huống lại đi giết tất cả chúng sanh! Không được cất chứa những khí cụ sát sanh. Nếu có cất chứa, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Trong thời đại của Phật, người ta chưa phát minh ra những loại vũ khí tối tân tinh xảo như bây giờ. Cho nên thời đó, người ta còn sử dụng những thứ vũ khí thô sơ như các loại vũ khí nêu trên. Đối với thời đại khoa học nguyên tử hạt nhân hiện nay, người ta chế tạo ra toàn là những thứ vũ khí tối tân hiện đại giết người hàng loạt. Thời nay, chẳng những người ta tàng trữ súng đạn không thôi, mà người ta còn buôn bán các loại vũ khí hạng nặng nữa. Các loại vũ khí thời xưa, chỉ giết người hay các loài sinh vật khác trong phạm vi rất nhỏ hẹp. Bây giờ chỉ cần một trái bom hạng nặng thì công sức tàn phá của nó rất dữ dội. Tàng trữ những khí giới chiến tranh và cho đến những dụng cụ mang tính tàn sát, không những chỉ riêng mình phạm tội sát sanh, mà còn do mình làm liên can đến những kẻ khác phạm vào tội ác này.

trần còn không nên phạm nói chi đến cả 10 giới trọng (lớn). Nói giới nhỏ là có đôi khi chúng ta thấy nhỏ mà khinh thường. Như trường hợp giới sát sanh chẳng hạn, không hẳn là thiết giết, như phải kiến, đập muỗi, chà rệp v.v... mà làm lỡ tay cho nó chết. Tuy chúng ta không có cố ý giết, song cũng phạm tội, vì cũng có phần nào của tâm niệm sân dự vào. Tuy đó là những lỗi nhỏ nhưng nếu chúng ta coi thường không ngăn ngừa thì lâu ngày sẽ trở thành tội nặng.

Phật nói, nếu có người nào trái phạm, thời người ấy hiện đời không được phát Bồ đề tâm, rồi cũng mất luôn tất cả các ngôi vị. Tại sao vậy? Bởi Bồ đề tâm là tâm giác ngộ. Tâm này còn gọi là Bản giác. Nghĩa là cái tánh giác (Phật tánh) sẵn có của tất cả chúng sanh. Thể tánh này hằng hữu bất sanh bất diệt. Vì nó không tướng mạo nên không sanh diệt. Cho nên người tu Phật là muốn được giác ngộ bản tâm chơn như vậy. Mà muốn được giác ngộ bản tâm thì phải gìn giữ 10 giới trọng mà Phật vừa nêu. Vì sao? Bởi vì tất cả những giới đó phát xuất từ tánh thể chơn như mà có. Phật căn cứ vào thể tánh chơn thật sẵn có này mà lập thành giới. Nếu như trái với những giới này tức là trái với tánh giác. Đã trái với tánh giác thì rơi vào trần lao. Cho nên Phật mới nói: *"nếu trái phạm thời người ấy không được phát Bồ đề tâm"*. Điều này rất là quan trọng, chúng ta cần nên lưu ý.

Tiếp theo, Phật mới kể ra mất luôn các ngôi vị... Tại sao phải mất luôn các ngôi vị như Quốc vương, Chuyển luân, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Thập phát thú v.v... Bởi vì tất cả

những ngôi vị này đều từ nơi thể tánh mà lập. Tóm lại, là không được phạm một giới nào cả. Vì một khi đã phạm thì phải đọa vào ba đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) trong hai kiếp, ba kiếp chẳng được nghe danh tự của cha mẹ và Tam bảo. Phật lập lại thêm một lần nữa để cho các vị Bồ tát chú ý: "Tất cả Bồ tát đã học, sẽ học và hiện đang học. Học cái gì? Học mười giới trọng này cho thật kỹ và phải hết lòng kính trọng phụng trì".

VII. Vài Nét Về Giới Khinh

Nói giới khinh (nhẹ) là vì so với 10 giới trọng (nặng) nói trên. Thật ra, thì những giới khinh này cũng rất hệ trọng. Người học xin chớ coi thường. Những điều giới khinh này, nếu lỡ sai phạm thì chỉ cần thành tâm sám hối hành thiện thì tội sẽ tiêu và giới trở lại thanh tịnh. Tuy nhiên, người phạm phải chí thành sám hối, chớ không phải sám hối qua loa cho có lệ mà hết tội được. Nếu nói một cách tổng thể, thì nội dung giới khinh của Bồ tát, cũng là "Nhiếp thiện pháp giới" và "Nhiều ích hữu tình" của Tam tụ tịnh giới. Nếu nói một cách chi ly và nghiêm khắc hơn, thì bất cứ giới trọng hay giới khinh nào cũng thấy đều nhiếp vào thành phần của Tam tụ tịnh giới cả.

VIII. Thành Phần 48 Giới Khinh

1. Giới không kính thầy bạn
2. Giới uống rượu
3. Giới ăn thịt
4. Giới ăn ngũ tân

Trong tám thứ phước điền (1. Phật. 2. Thánh nhơn. 3. Chư Tăng. 4. Hòa thượng. 5. A xà lê. 6. Cha. 7. Mẹ. 8. Người bệnh), Phật nói chăm sóc giúp đỡ bệnh nhân là phước điền lớn nhất. Khi giúp đỡ, ta không nên có tâm phân biệt thân, sơ. Và ta cũng không nên tỏ thái độ nhòm góm làm cho người bệnh sanh tâm mặc cảm tự ty khó chịu. Ta nên nhớ rằng, giúp đỡ cho bệnh nhân an vui, đâu có khác gì ta cúng dường chư Phật. Chính đức Phật còn phải đích thân giúp đỡ chăm sóc cho các thầy Tỳ kheo bệnh tật. Tâm lý người bệnh lúc nào họ cũng mang nhiều mặc cảm tội lỗi đau khổ. Do đó, họ dễ sanh tâm sân hận hờn dỗi, cau có, gắt gỏng, ghét ganh. Ta nên cảm thông và tận tâm chăm sóc. Chăm sóc một cách tận tình và phải hết lòng yêu thương kính trọng họ. Có thể, thì ta mới không hổ danh là người đã thọ Bồ tát giới. Đó là hạnh nguyện cao cả thiêng liêng của Bồ tát mà ta cần phải tu tập thật hành. Bệnh trạng có thể xảy ra ở bất cứ nơi đâu không ai có thể lường trước được. Nhất là bệnh xảy ra thành linh ở giữa đường xá. Trong trường hợp này, việc cứu giúp cho bệnh nhân thật tối ưu cần thiết. Khi gặp hoàn cảnh cấp thiết này, dù là người không phải thọ Bồ tát giới, người ta cũng không thể ngoảnh mặt làm ngơ, nếu họ còn có chút lòng nhân ái tình người. Người thường còn như thế, nói chi đến những vị đã và đang thật hành hạnh Bồ tát. Đây là cơ hội để cho ta thể hiện lòng từ bi của mình. Từ bi không phải chỉ nói suông trên đầu môi chót lưỡi. Nếu thế, thì còn gì là tâm hạnh của Bồ tát?

Do đó, nên Phật dạy, khi đang đi trên đường, nếu thấy có người ngất xỉu hay bệnh trạng gì đó xảy ra, ta liền đến

9. Giới Không Khán Bệnh

Nếu Phật tử, thấy tất cả người tật bệnh phải tận tâm cúng dường như cúng dường Phật. Trong tám phước điền, khán bệnh là "phước điền thứ nhất". Nếu như cha mẹ, Sư tăng cùng đệ tử có bệnh, có tật, trăm thứ bệnh đau khổ, đều nên săn sóc cho được lành mạnh, Phật tử lại vì lòng hờn giận không chăm nuôi, dẫn đến thấy trong Tăng phường, thành ấp, nơi núi rừng đồng nội đường sá có người tật bệnh mà không lo cứu tế, Phật tử này phạm "khinh cầu tội".

Bệnh tật là một trong bốn nỗi khổ lớn nhất của con người. Đó là sanh, lão, bệnh, tử. Đã là người không ai lại không có bệnh. Vì thân thể ta là một ổ vi trùng. Tâm trạng của người bệnh tật, thật là khổ sở đau đớn khó chịu. Họ rất đau khổ và oán ghét bản thân. Một khi đã mang phải chứng bệnh nan y rồi, thì ôi thôi! họ không còn tha thiết gì đến đời sống hiện hữu nữa! Trước mắt họ là cả một bầu trời đen tối bi thảm. Họ nhìn đâu cũng đầy vẻ ảm đạm tẻ nhạt chán nản bi quan. Họ luôn ôm ấp một nỗi buồn chán chường với cuộc sống. Trong hoàn cảnh với một tâm trạng bi thương đó, ta cần nên an ủi làm xoa dịu cho họ vui bớt đi những nỗi ưu tư sâu khổ. Hạnh nguyện của Bồ Tát là hạnh nguyện từ bi cứu khổ. Là Phật tử, nhất là Phật tử đã thọ giới Bồ tát, ta không thể nào nhẫn tâm thờ ơ làm ngơ trước sự đau khổ của người bệnh tật. Nhất là người đó lại là người thân thương của ta. Họ là những người đang cần đến bàn tay từ ái dịu hiền của ta cứu giúp.

5. Giới không dạy người sám tội
6. Giới không cúng dường thỉnh pháp
7. Giới không đi nghe pháp
8. Giới có tâm trái bỏ Đại thừa
9. Giới không khán bệnh
10. Giới chứa khí cụ sát sanh
11. Giới đi sứ
12. Giới buôn bán phi pháp
13. Giới hủy báng
14. Giới phóng hỏa
15. Giới dạy giáo lý ngoài Đại thừa
16. Giới vì lợi mà giảng pháp lộn lạo
17. Giới cậy thế lực quyền tở
18. Giới không thông hiểu mà làm thầy truyền giới
19. Giới lường thiệt
20. Giới không phóng sanh
21. Giới đem sân báo sân - đem đánh trả đánh
22. Giới kiêu mạn không thỉnh pháp
23. Giới khinh ngạo không tận tâm dạy
24. Giới không tập học Đại thừa
25. Giới tri chúng vụng về
26. Giới riêng thọ lợi dưỡng
27. Giới thọ biệt thỉnh
28. Giới biệt thỉnh Tăng
29. Giới tà mạng nuôi sống
30. Giới quản lý cho bạch y
31. Giới không mua chuộc
32. Giới tổn hại chúng sanh
33. Giới tà nghiệp giác quán
34. Giới tạm bỏ Bồ đề tâm

35. Giới không phát nguyện
36. Giới không phát thệ
37. Giới vào chỗ hiểm nạn
38. Giới trái thứ tự tôn ty
39. Giới không tu phước huệ
40. Giới không bình đẳng truyền giới
41. Giới vì lợi làm thầy
42. Giới vì người ác giảng giới
43. Giới cố mỏng tâm phạm giới
44. Giới không cúng dường kinh luật
45. Giới không giáo hóa chúng sanh
46. Giới thuyết pháp không đúng pháp
47. Giới chế hạn phi pháp
48. Giới phá diệt Phật pháp

a. Nêu Rõ Và Yếu Giải Từng Giới

Đức Phật bảo các vị Bồ tát rằng: Đã giảng mười giới trọng rồi, nay tôi sẽ nói về bốn mươi tám giới khinh:

1. Giới Không Kính Thầy Bạn

Nếu Phật tử, lúc sắp lãnh ngôi Quốc Vương, ngôi Chuyển Luân Vương, hay sắp lãnh chức quan, trước nên thọ giới Bồ tát. Như thế tất cả quý thân cứu hộ thân vua và thân các quan. Chư Phật đều hoan hỷ.

Đã đắc giới rồi. Phật tử nên có lòng hiếu thuận và cung kính. Nếu thấy có bậc Thượng tọa, Hòa thượng, A xà lê, những bậc Đại Đức, đồng học, đồng kiến, đồng hạnh đến nhà phải đứng dậy tiếp rước lạy chào, hỏi

Thanh Văn, chứ không phải như ở chỗ khác nói nhị thừa là Duyên Giác và Thanh Văn.

Không phản bội giới pháp Đại thừa bằng cách thọ trì cấm giới và sách vở của ngoại đạo, điều này thì khỏi phải luận bàn. Điều đáng nói ở đây là: Tại sao giới này bảo thọ trì cấm giới của Thanh Văn cũng là phản bội Đại thừa giới? Thiết nghĩ điều này cần phải quyết trạch giải nghi. Nếu không thì chúng ta cũng dễ lầm nhận. Ai cũng biết, giới pháp Thanh Văn là Tỳ kheo giới. Giới pháp ấy là bản thể của Tăng bảo. Như vậy ai không thọ Tỳ kheo giới thì người đó không được gọi là Tăng. Tuy nhiên, thọ Tỳ kheo giới mà cố chấp bảo thủ cho rằng chỉ có giới ấy là Phật chế, còn giới Bồ tát thì không phải Phật chế, tức bài xích giới Bồ tát, chính đó nên điều 8 của giới Bồ tát này gọi đó là trái hay phản bội và cấm chi. Trái lại, vừa thọ giới Tỳ kheo mà cũng vừa thọ luôn giới Bồ tát để thành Tỳ kheo Bồ tát Tăng, thì điều này chính là Bồ tát giới Phạm Võng cố tạo ra.

Tóm lại, nếu Phật tử nào đã thọ giới Bồ tát Đại thừa mà bỏ Kinh, Luật, Luận của Đại thừa, đi tham cứu học hỏi những kinh điển của ngoại đạo hay các tà thuyết khác, thì gọi đó là kinh luật tà kiến. Nếu bỏ Kinh, Luật, Luận Đại thừa, mà tìm cầu học hỏi của nhị thừa thì cũng có tội và gọi chung là phản bội Đại thừa. Còn nếu như vừa học hỏi Đại thừa và cũng vừa học hỏi kèm theo cấm giới của Thanh văn nhị thừa thì rất hợp tình hợp lý, tất nhiên là không có tội lỗi.

chú ý. Vì như thế sẽ không lãnh hội được những gì mà vị Giảng sư trình bày. Thế thì rất uổng phí thời gian vô ích. Và như thế thì sẽ mắc tội khinh pháp vậy.

8. Giới Có Tâm Trái Bỏ Đại Thừa

Nếu Phật tử, có quan niệm trái bỏ kinh luật Đại thừa thường trụ, cho rằng không phải của Phật nói mà đi thọ trì kinh luật tà kiến và tất cả cấm giới của Thanh Văn nhị thừa cùng ngoại đạo ác kiến, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Trong giới này, ta thấy câu: trái (phản) bỏ kinh luật Đại thừa thường trụ, rất là quan trọng. Thế nào gọi là kinh luật Đại thừa thường trụ? "*Kinh luật thường trụ của Đại thừa là Bồ tát giới Phạm Võng mà bản nguyên là Phật tánh thường trú, nên gọi là kinh luật thường trú*" (HT Thích Trí Quang). Đã thọ giới Bồ tát, tất nhiên là chúng ta phải tôn kính pháp Đại thừa mới phải. Tại sao phải bỏ kinh luật Đại thừa thường trụ? Ai có hành động như vậy là kẻ đó phản bội lại giáo pháp Đại thừa. Bởi pháp Đại thừa là cỗ xe lớn, tức chỉ cho nhất thừa hay Phật thừa như trong Kinh Pháp Hoa đã nói. Quy tam thừa về Nhất thừa, tức hiển tam quy nhất. Mà nhất thừa hay Phật thừa là chỉ cho bản nguyên Phật tánh thiên chơn Phật mà chúng tôi đã trình bày ở trước. Như vậy phản Đại thừa là phủ bác Phật tánh của chính mình. Đó là một quan niệm thật quá ư là tà kiến. Chỉ có ngoại đạo ác kiến mới nói như vậy. Ở đây, ta cũng cần chú ý thêm cụm từ "Thanh văn nhị thừa". Thanh văn nhị thừa là cỗ xe cấp hai, thứ yếu, nên gọi là nhị thừa

thăm. Mỗi sự đều đúng như pháp mà cúng dường, hoặc tự bán thân cho đến quốc thành con cái, cùng bảy báu trăm vật để cung cấp các bậc ấy. Nếu Phật tử lại sanh lòng kiêu mạn, sân hận, ngu si, không chịu tiếp rước lạy chào, cho đến không chịu y theo pháp mà cúng dường, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Trước tiên, Phật khuyên mọi người nên thọ giới Bồ tát. Bởi Bồ tát là người luôn có trái tim rộng lớn như trái tim mặt trời. Đó là trái tim yêu thương tất cả muôn loài vạn vật, mà không cần đòi hỏi điều kiện. Vì Bồ tát có bốn cái tâm nguyện rất lớn: "*Từ, Bi, Hỷ, Xả*". Đây là bốn cái tâm rộng lớn không biên giới, thuật ngữ Phật học gọi là "Tứ vô lượng tâm". Ngược lại, với tâm lượng Bồ tát, thì đó là tâm lượng hẹp hòi ích kỷ của hàng Thanh Văn. Thanh Văn thì không được có cái tâm rộng lớn yêu thương chúng sanh như Bồ tát. Do đó, nên Phật mới khuyến khích mọi người nên thọ giới Bồ tát. Nhất là, Phật quan tâm đối với những nhà làm chánh trị. Những người sắp lãnh trách nhiệm lớn để cai trị đất nước, như các vị vua chúa hay lớn hơn là "Chuyển luân thánh vương" (vị vua này thân hình có 32 tướng tốt giống như Phật, khi lên ngôi có luân bảo nên rất oai phong hàng phục bốn châu thiên hạ), cũng như các quan chức lớn nhỏ, thì Phật khuyên họ nên thọ giới Bồ tát, trước khi lãnh lấy trách nhiệm trọng đại. Tại sao thế? Bởi vì khi đứng ra cai trị đất nước, nhất là, người đứng đầu cai trị muôn dân, mà thiếu tấm lòng yêu nước thương dân, thì dễ đưa đất nước vào chỗ suy yếu và diệt vong. Cho nên, yếu tố thương dân như con đẻ là yếu tố rất quan trọng, có thể giúp cho nhà lãnh đạo rất dễ thành công. Điều này, ta thấy rất rõ ở hai triều đại Lý, Trần ở

Việt Nam. Các ông vua Phật tử đầu nhà Trần được người đời ca tụng là các bậc "Quân Vương Hộ Pháp". Đó là những bậc minh quân tài đức vẹn toàn. Lịch sử chứng minh, thời nào có được những bậc minh quân trị nước và các quan chức hiền tài mẫu mực, một lòng vì dân vì nước, thì thời đó đất nước sẽ được hưng thịnh. Ngược lại, thì đất nước sẽ bị suy đồi. Các vị minh quân đời Lý, Trần, sở dĩ được như thế là nhờ vào những yếu tố học hỏi và hành động theo công hạnh Bồ tát. Vì họ có một tâm lượng rộng lớn yêu nước thương dân, tất cả vì lợi ích chung. Họ khéo đặt quyền lợi quốc gia lên trên hết. Họ chỉ có một tấm lòng phục vụ ích nước lợi dân mà thôi. Họ không ngồi trên đầu muôn dân để thụ hưởng khoái lạc. Họ là người nêu cao ngọn đuốc từ bi nhân ái. Tâm địa đó rất xứng hợp với tâm địa Bồ tát. Phải có cái tâm đặt quyền lợi quốc gia lên trên quyền lợi cá nhân. Có thế thì nước mới giàu và dân mới mạnh được. Nếu người làm chánh trị mà có được cái tâm rộng lớn đó thì ích lợi cho đất nước, cho dân chúng biết ngần nào. Người trị quốc chơn chánh thì luôn có quỷ thần ủng hộ. Đó là điều mà chư Phật trong mười phương đều hoan hỷ.

Phật dạy tiếp: "***đã đức giới rồi, Phật tử nên có lòng hiếu thuận và cung kính***". Hiếu thuận với ai? và cung kính những vị nào? Rõ ràng, ta thấy giới thứ nhất này phần lớn Phật dạy cho người Phật tử tại gia. Người Phật tử tại gia thì phải có bốn phận hiếu thuận với ông bà cha mẹ và Thầy Tổ. Đối với các bậc trưởng thượng trong hàng xuất gia như Thượng tọa, Hòa thượng và A xà lê, cũng như chư Tôn đức Tăng, Ni đồng học, đồng kiến, đồng hạnh Đại

hàng Bồ tát tại gia hay xuất gia nên cố gắng siêng năng bền tâm lập chí kiên cường học hỏi. Bất cứ nơi nào có giảng kinh thuyết pháp, thì chúng ta phải cố gắng thu xếp công việc để đến nghe. Nghe để hiểu, hiểu để tư duy, tư duy để mang ra thật hành. Đó là con đường trau dồi Tam huệ học thiết yếu của Bồ tát. Nếu Bồ tát nào có tâm biếng nhác không chịu đến nghe pháp, dù gần hay xa, thì Bồ tát đó phạm "khinh cấu tội".

Thế nên, muốn tiến đạo nghiêm thân, muốn được lợi ích thiết thiết trong đời sống hằng ngày, thì Bồ tát phải thường xuyên nghiên tâm học hỏi giáo pháp Đại thừa. Có thế, thì mới không luống uổng và phí phạm thời gian một cách vô ích vậy.

Nói về địa điểm thuyết pháp, thì nơi nào cũng có thể giảng kinh thuyết pháp được cả. Miễn sao nơi đó trang nghiêm thanh tịnh là được. Ngày xưa, đức Phật thuyết pháp ở ngoài trời nhiều hơn là ở trong tinh xá. Ngoài trời được cái lợi là không gian rộng lớn, mát mẻ, yên tĩnh. Bởi nhiều khi số thính chúng dự nghe rất đông. Những hội thuyết Kinh Đại Thừa lớn, phần nhiều là đức Phật thuyết giảng nơi rừng cây hoặc trên núi v.v... Thế nên, ở đây, Phật nói trong chùa hay ngoài trời chỗ nào cũng được. Điều quan trọng là người nói pháp và người nghe pháp cả hai đều phải hết lòng vì chánh pháp. Người nói pháp phải tận tâm lực vì người nghe pháp mà trình bày cho khúc chiết rõ ràng, người nghe để hiểu để tiện theo dõi và lãnh hội. Ngược lại, người nghe pháp cũng phải hết lòng lắng nghe không được nghĩ ngợi lung tung thiếu sự tập trung

muôn. Cho nên trí huệ rất là quan trọng trong việc tu hành. Mà muốn có trí huệ, tất nhiên, Bồ tát cần phải gia công nỗ lực học hỏi. Muốn học hỏi thì Bồ tát phải siêng năng tinh tấn. Vì lười biếng, nên thường chúng ta hay viện ra muôn ngàn lý do để biện hộ. Vì duyên có này hoặc vì lý do kia hay vì có nhiều lý do khác v.v... nên tôi mới không đến nghe pháp. Chớ kỳ thật thì tôi cũng muốn đi lắm. Trong mỗi người của chúng ta đều sẵn có ông Luật sư chuyên biện hộ cho mấy người lười biếng rất hay. Biện hộ để rồi đưa chúng ta đi xuống vực thẳm tội lỗi. Chúng ta nên nhớ rằng, đức tinh tấn là một đức tánh rất cần thiết cho người Phật tử. Dù ngoài đời hay trong đạo, nếu thiếu đức tánh siêng năng này, thì chúng ta sẽ khó mà thành công trong sự nghiệp.

Hơn ai hết, đối với Bồ Tát là người hăng cuu mang một hoài bão thiết tha rộng lớn, đó là hoài bão thế nguyện rộng độ tất cả chúng sanh. Đây là một trong bốn điều thế nguyện rộng lớn của Bồ Tát:

*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ
Phiên não vô tận thế nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thế nguyện học
Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.*

Qua tứ hoằng thế nguyện trên, nguyện nào ta thấy cũng cao cả thiêng liêng rộng lớn. Thế thì, chúng ta phải làm sao cho xứng đáng không hổ danh mình là người đã thọ giới Bồ tát. Thọ giới Bồ tát có nghĩa là mình đã có ý muốn trở thành Bồ tát. Mà Bồ tát thì phải phát Bồ đề tâm rộng lớn. Muốn thể hiện được điều đó, thì Phật khuyên các

thừa Bồ tát giới. Nói chung là đồng hạnh Đại thừa đều phải cung kính, cúng dường. Nếu như Phật tử Bồ tát nào có thái độ tỏ ra kiêu mạn, sân hận, ngu si, mà không chịu cung kính cúng dường, tất nhiên là người đó phạm giới. Vì bổn phận của người Phật tử là phải cổ xúy phát huy giá trị Đại thừa ngày càng tăng trưởng mạnh mẽ hơn.

Có thể thì mới có lợi ích cho mình và người. Có cung kính cúng dường thì mới tăng thêm phước đức. Nhưng phải đúng như pháp mà cúng dường. Nghĩa là khi cúng dường mình phải mở rộng cõi lòng không để tâm dính mắc vào bất cứ hình thức đối tượng nào. Nói rõ ra là không cố chấp vào người và vật. Đó là biểu lộ cách cúng dường đúng theo pháp "Tam luân không tịch" vậy. Không tịch là vắng lặng. (nghĩa là không thấy mình là người cúng, vật để cúng và người thọ nhận). Nếu Phật tử Bồ tát nào sanh tâm ngã mạn mà không chịu cung kính cúng dường thì vị đó sẽ phạm giới khinh tội này. Đây là điều rất quan trọng, kính mong các vị Phật tử Bồ tát quan tâm ghi nhớ.

2. Giới Uống Rượu

Nếu Phật tử cố uống rượu, mà rượu là thứ làm cho người uống hay sanh ra vô lượng tội lỗi. Nếu tự tay trao chén rượu cho người uống, sẽ mang ác báo: năm trăm đời không tay, huống là tự uống. Cũng chẳng được bảo người và tất cả chúng sanh uống rượu, huống là tự mình uống! Tất cả các thứ rượu Phật tử không được uống. Nếu mình cố uống cùng bảo người uống, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Ta còn nhớ trong 10 giới trọng ở trước, Phật chỉ cấm là không được bán rượu, nhưng ở đây trong giới khinh cấu này, Phật cấm Phật tử không được uống rượu. Như vậy, ta thấy giữa bán rượu và uống rượu, thì bán rượu tội nặng hơn. Vì Bồ tát phải có lòng từ bi thương người, thương vật, không nỡ thấy người khác gây tạo tội lỗi mà phải bị sa đọa. Cho nên không vì lợi ích cho riêng mình mà gây ra đau khổ cho người. Vì muốn cho Phật tử không bị sa đọa đau khổ, cho nên, chẳng những Phật cấm bán mà còn cấm uống nữa. Bởi rượu là thứ làm cho người ta khi uống vào say sưa sẽ mất giống trí tuệ và cũng mất hết nhân cách lễ nghĩa. Chẳng những thế, nó còn gây ra nhiều tai hại cho bản thân, gia đình và xã hội. Người thọ Bồ Tát giới tuyệt đối không được uống rượu. Vì rượu là nhân duyên gây ra các thứ tội lỗi. Mình không được uống cũng không nên bảo người khác uống. Kinh nói: “*Nếu mình trao rượu cho người khác uống, thì sẽ mang ác báo 500 đời không tay*”. Dù đọa lạc vào bất cứ loài nào cũng đều không có tay cả. Trao cho người uống còn bị tội như thế, hà tất gì tự mình uống không biết đọa lạc đến bao nhiêu kiếp!

*Rượu uống ham chi phải khổ đời
Gặp nhau trà nước cũng vui tươi
Lúc đầu vào tiệc còn thân thiết
Khi đã say mèm nói chẳng thôi
Buổi tiệc chưa tàn gây ấu đả
Người ngồi tù tội kẻ xa chơi...!
Ai người nghiện rượu xin chừa bỏ
Cứu thoát đời mình khỏi khổ thôi.*
(Thích Phước Thái)

Tăng phường là nơi cư trú của chư Tăng, cũng có thể nói là Tăng xá hay tự viện. Dù xa xôi ngàn dặm mà có được những bậc đồng học, đồng kiến, đồng hạnh Đại thừa đến nơi mình hiện đang cư trú, thì phải hết lòng cung kính đón tiếp nồng hậu và thành tâm lễ bái cúng dường.

Nếu Phật tử thọ Bồ tát giới mà không có thành tâm cung kính cúng dường và thỉnh pháp đối với các Pháp sư Đại thừa, thì phạm "khinh cấu tội".

7. Giới Không Đi Nghe Pháp

Nếu Phật tử, hàng tân học Bồ tát, phạm nơi nào, chốn nào có giảng kinh, luật, phải mang kinh, luật đến chỗ Pháp sư để nghe giảng và thưa hỏi. Hoặc nơi núi rừng, trong vườn cây, chùa, nhà v.v... tất cả chỗ thuyết pháp đều đến nghe học. Nếu Phật tử không đến nơi ấy để nghe pháp cùng thưa hỏi, thì phạm "khinh cấu tội".

Nghe pháp thuộc về văn huệ. Mà văn huệ thì đứng đầu trong ba môn “Tam huệ học”. Đó là Văn huệ, Tư huệ và Tu huệ. Người Phật tử, đặc biệt là Phật tử đã thọ Bồ tát giới, tất nhiên là phải luôn luôn hành trì tinh tấn. Có nghe hiểu, tư duy chín chắn và thật hành đúng pháp Phật dạy, thì chúng ta mới có được lợi ích rất lớn. Nếu vì giải đãi lười biếng không chịu học hỏi giáo pháp, không đi nghe giảng pháp, thì thử hỏi làm sao chúng ta biết được đường lối tu hành? Mà Bồ tát phải lấy trí huệ làm đầu. Dù tu bất cứ pháp môn nào, nếu thiếu trí huệ chỉ đạo, thì việc tu hành của chúng ta sẽ không bao giờ có kết quả như ý

Pháp sư đó thuyết giảng chánh pháp. Vì trọng pháp nên phải lo phục vụ "Tứ sự" cúng dường. Đó là biểu lộ tinh thần học hỏi cầu pháp. Vì trọng pháp nên chẳng tiếc thân mạng. Thuở xưa, tiền thân của đức Phật Thích Ca đã từng làm như thế, như trong Kinh Pháp Hoa ở Phẩm Đề Bà Đạt Đa thứ 22 đã diễn tả. Chỉ vì muốn cầu pháp Đại thừa, dù chỉ là một bài kệ thôi, vẫn bất chấp thân mạng để phục vụ cúng dường vị Pháp sư. Thậm chí, bỏ cả ngôi vua, nhường ngôi báu cho người khác, theo vị Pháp sư lên núi hầu hạ, trải qua thời gian lâu xa mà vẫn một lòng quyết tâm không nản chí. Trọng pháp đến dường ấy, thì trên đời này chỉ có một không hai.

Xét lại chúng ta thì sao? Chắc là không có ai trọng pháp đến như thế. Chính vì lẽ đó, nên chúng ta khó thành tựu được đạo quả. Hạnh Bồ tát là xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo. Hạnh Bồ tát là phải xả bỏ tất cả.

*Lưu luyến thêm chi khổ lụy nhiều
Đường trần gánh nặng mỗi chân xiêu
Trăng lạnh mây sâu thôi vương vấn
Bóng hạc qua mau tuổi xế chiều
Chung bước ta đi một con đường
Tìm về "Bến Cũ" dứt tơ vương
Sau lưng bỏ lại niềm mơ ước
Chỉ có trăng vàng một chữ "Thương"*

*Nặng nợ đường trần khổ lắm ru!
Ra vào khổ lụy gót phong lưu
Thuyền đời trôi mãi từ bao kiếp
Buông gánh cho rồi trọn kiếp tu.*
(Thích Phước Thái)

Trường hợp bị bệnh nặng hết phương cứu chữa, thầy thuốc khuyên bảo nên phải uống rượu thuốc mới mong lành bệnh, khi đó ta mới được uống. Tuy nhiên, trước khi uống, ta phải cho người đồng thọ giới như ta biết qua. Điều này, trong luật Phật tạm thời khai cho. Nhưng sau khi lành bệnh rồi, thì ta không nên tiếp tục uống nữa. Nếu tiếp tục uống, thì phạm tội vô ý. Người Phật tử thọ Bồ tát giới, chẳng những không được uống rượu, mà còn không được sử dụng những loại có tính chất ma túy kích thích tố như cần sa, á phiện v.v...Có lẽ, vì thời Phật chưa có những thứ này xuất hiện, nên Phật không có nói đến để ngăn cấm. Nhưng đối với hiện nay, thì những thứ này cấm tuyệt không được tiêu thụ vì nó rất là độc hại.

Khi đã thọ giới Bồ tát là ta đã có ý nguyện: "*Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh*". Với một ý chí nguyện lực to lớn xung thiên như thế, nên chắc chắn mọi người sẽ gìn giữ cẩn thận giới này. Khi đã thọ giới Bồ tát rồi, là ta phải quyết chí tu tập theo hạnh nguyện cao cả của Bồ tát. Có thế, thì chúng ta mới mong thoát khỏi con đường sanh tử trầm luân đau khổ vậy.

3. Giới Ăn Thịt

Nếu Phật tử cố ăn thịt, tất cả thịt của mọi loài chúng sanh đều không được ăn. Luận về người ăn thịt thời mất lòng đại từ bi, dứt giống Phật tánh; tất cả chúng sanh đều tránh xa người này. Người ăn thịt mắc vô lượng tội lỗi. Vì thế nên tất cả Phật tử không được ăn tất cả thứ thịt của mọi loài chúng sanh. Nếu cố ăn thịt, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Biết ăn thịt chúng sanh là có tội mà vẫn cố ăn, thì không phải là Bồ tát rồi. Giới này đối với người Phật tử Bồ tát tại gia, xét ra thật khó giữ. Ngoại trừ những vị đã phát nguyện trường chay thì mới tránh khỏi giới không ăn thịt này. Riêng đối với Bồ tát xuất gia thì giới này không bao giờ phạm. Cần nói rõ thêm, ở đây, chúng tôi chỉ nói những vị xuất gia tu theo hạnh Bồ tát Đại thừa, chứ chúng tôi không có đề cập chung là người xuất gia. Bởi những vị xuất gia tu theo hệ phái Nam Tông (Tiểu thừa) thì các vị đó vẫn ăn thịt, nhưng các ngài không có giết hại chúng sanh. Ăn các loại thịt chúng sanh, là do các Phật tử tại gia dâng cúng, cúng gì các ngài ăn nấy. Đây là sự khác biệt giữa Phật giáo Bắc Tông và Nam Tông trên phương diện thọ thực vấn đề chay mặn. Thời Phật còn tại thế, đức Phật tạm thời khai cho các Thầy khất sĩ được ăn thịt gọi là "tam tịnh nhục". Nghĩa là ăn các loại thịt của một con vật mà mình không thấy nó chết, không nghe tiếng kêu la giãy giụa của nó, và cũng không nghi ai giết. Hoặc giả đi giữa đường mà thấy con vật đã chết, thì được ăn. Tuy nhiên, đó là phương tiện Phật cho tạm thời mà thôi. Chớ không phải Phật cho lúc nào cũng được ăn thịt chúng sanh. Ngày nay các vị tu theo hệ phái Phật giáo Nam Tông cũng ăn theo lối tam tịnh nhục, mà xưa kia Phật đã khai cho. Cần nói rõ, giới này Phật chỉ dạy riêng cho những vị Phật tử thọ Bồ tát giới Đại thừa mà thôi. Tại sao Phật cấm không được ăn thịt? Bởi vì bản nguyện của Bồ tát là lấy tâm đại bi làm chính. Mà đã là đại từ, đại bi, thì phải thương tất cả muôn loài vạn vật. Thế thì, làm sao mà nói đến việc ăn thịt chúng sanh? Chắc chắn là Bồ tát không nỡ ăn thịt chúng sanh rồi. Vì muốn có thịt chúng sanh để ăn, dù loài

dặm, nghìn dặm đến nơi tăng phòng, nhà cửa, thành ấp, thời liền đứng dậy rước vào, đưa đi lễ bái, cúng dường. Mỗi ngày ba thời cúng dường, trăm thức uống ăn, giường ghế, thuốc men, tất cả đồ cần dùng giá đáng ba lượng vàng đều phải cấp hộ cho Pháp sư. Mỗi ngày: sáng, trưa và chiều, thường thỉnh Pháp sư thuyết pháp và dẫn lễ. Không hề có lòng sân hận buồn rầu. Luôn thỉnh pháp không mỗi nhàm, chỉ trọng pháp chớ không kể thân. Nếu Phật tử không như thế thời phạm "khinh cấu tội".

Kính Phật thì phải trọng pháp và kính Tăng. Pháp là những lời Phật dạy, được ghi chép lại thành Tam tạng giáo điển. Nếu có giáo pháp mà không có chư Tăng truyền bá, thì mọi người biết đường lối đâu mà tu học. Cho nên việc truyền bá chánh pháp rất là quan trọng. Phật pháp hưng thịnh là nhờ có các bậc Tăng già xiển dương truyền bá. Truyền bá nói ở đây chính là truyền bá giáo pháp Đại thừa. Vì chỉ có Đại thừa mới có thể đưa hành giả đến chỗ cứu cánh Phật quả mà thôi. Do đó, nên phải hết lòng cung kính Pháp sư Đại thừa. Pháp sư Đại thừa nói ở đây, phải biết tinh tấn chỉ dạy chánh pháp và khéo biết thiếu dục tri túc. Pháp sư thông thường đã là khó, nói chi đến Pháp sư Đại thừa. Pháp sư Đại thừa phải có tấm lòng bao dung rộng mở. Phải có trái tim yêu thương rộng lớn cao đẹp. Phải thông hiểu giáo pháp và làm gương mẫu cho tứ chúng. Những bậc hạnh giải tương ưng, tài đức vẹn toàn, thật đáng cho chúng ta cung kính cúng dường. Tuy nhiên, sự biểu lộ lòng cung kính cúng dường đó, dĩ nhiên là có nhiều cách. Nhưng cách tốt nhất là phải cung thỉnh vị

Câu Lô Châu, nhưng khô nổi, ở nơi đó không có Phật pháp. Còn sanh lên cõi trời vô tướng định, cũng không thể nào lãnh thọ được giáo pháp của Phật. Nói chung, là những nơi đó không có Phật pháp. Vì thế cho nên mới nói là nạn.

Đó là nói những người phạm giới và sanh những chỗ không có Phật pháp. Tiếp theo là Phật nói đến việc khuyên những người phạm giới phải sám hối. Sở dĩ khuyên người khác sám hối là vì, do lòng từ bi thương xót muốn cho mọi người được tăng thêm phước lạc. Phước tăng thì tội giảm. Đã là Phật tử thọ giới Bồ tát khi thấy người phạm những lỗi lầm, mà mình không một lời khuyên bảo người đó ăn năn sám hối. Rõ ràng, đây là mình thiếu lòng từ bi và trái với hạnh nguyện Bồ tát. Chẳng những không khuyên bảo, mà còn cùng người đó đồng sinh hoạt trong các pháp sự, như đồng chung thuyết giới, đồng chung bố tát, không nhắc nhở, không cử tội mặc nhiên cùng người đó sống chung... Nếu như đã nhắc nhở mà người đó vẫn ngoan cố không chịu sám hối thì phải làm sao? Tất nhiên là phải đưa ra giữa chúng đứng theo luật mà xét xử. Ngược lại, không đưa ra chúng mà đi rao báng nói xấu người phạm giới đó, thì người đó phạm vào giới trọng nói trên. Phật tử nào như thế, thì phạm "khinh cấu tội".

6. Giới Không Cúng Dường Thỉnh Pháp

Nếu Phật tử, thấy có vị Pháp sư Đại thừa, hay những bậc đồng học, đồng kiến, đồng hạnh Đại thừa, từ trăm

động vật rất nhỏ, như con ốc, con tôm, con tép v.v... thậm chí loài có máu hay không có máu, tất cả đối với Bồ tát thì không bao giờ giết hại để ăn. Vì loài nào cũng đều ham sống sợ chết cả. Dù mạng sống của chúng rất ngắn ngủi, nhưng chúng vẫn muốn sống. Vì bản năng sinh tồn nên bất cứ loài vật nào chúng cũng đều biết bảo vệ mạng sống của chúng. Có người cho rằng, nếu mình không ăn, thì cũng có người bán thịt. Họ cũng vẫn giết như thường. Xét kỹ, nếu một người không ăn, thì cũng giảm bớt sự giết hại một phần.

Tóm lại, là Phật tử thọ Bồ tát giới, dù bất cứ trong trường hợp nào cũng không được ăn thịt chúng sanh. Nếu cố tình ăn, thì Bồ tát này phạm "khinh cấu tội".

4. Giới Ăn Ngũ Tân

Nếu Phật tử, chẳng được ăn loại "ngũ tân"- loại hành, họ, tỏi, nén và hưng cừ. Loại ngũ tân này gia vào trong tất cả thứ thực phẩm đều không được ăn. Nếu cố ăn, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Trong 5 loại ngũ vị tân (5 thứ cay hay tanh nồng) này, có một loại gọi là hưng cừ. Hưng cừ chưa biết là loại gì. Vì ở Trung Hoa cũng như ở Việt Nam không có. Trong quyển Bồ Tát Giới do HT Thích Trí Quang dịch, thì ngài không có nói hưng cừ mà nói là kiêu. Tức là tỏi, kiêu, hành, nén, họ. Có chỗ nói: "hưng cừ là một loại thảo mộc, có tên khoa học là Ferula Asafoetida, chiều cao tối đa 2 mét, thân củ mập, sắc trắng, mùi hôi như tỏi thường dùng làm gia vị

rất khó chịu khi chưa nấu..." (Bộ Từ Điển Chú Thích Phật Học - trên trang mạng).

Theo sự giải thích của Hòa thượng Trí Quang cho rằng: "ăn 5 thứ này thì tụng kinh trì chú không linh nghiệm mà còn tai họa". Nhưng 5 thứ này cũng có nhiều chỗ giải thích, và rốt cuộc có người cho là tể toái, không đáng bàn kỹ. Giải thích thì có hai ý kiến đáng ghi: Một, trong 5 thứ, thứ hung cừ ở Tàu không có, còn 4 thứ kia là tỏi, hành, hẹ, nén. Hai, 5 thứ là tỏi, kiệu, hành, nén và hẹ...

Thay vì hung cừ không có thì người ta thế vào là kiệu. Còn hành thì dù hành tây, hành tàu hay hành ta gì cũng không được dùng. Bởi ăn những thứ này có những điều bất lợi tổn hại như sau:

1. Nếu ăn sống thì tăng thêm lòng nóng nảy sân hận.
2. Nếu ăn sau khi nấu chín, thì tăng thêm dâm dục.
3. Vì mùi tanh hôi của các loại này làm cho quỷ thần phải lánh xa.
4. Niệm Phật, tụng Kinh, trì Chú chẳng những không có phước mà còn có hại không linh nghiệm (Kinh Lăng Nghiêm)
5. Kinh nói: các loại quỷ rất thích mùi vị này, nên đêm ngủ quỷ đến liếm môi, chỉ có Phật nhãn mới thấy biết thôi.

Tóm lại, mỗi khi ăn những thứ cay nồng tanh hôi này, thì có những tai hại như trên. Vì thế, nên Phật cấm những Phật tử thọ giới Bồ tát, thì không được ăn những thứ này. Nếu cố ý ăn thì phạm "khinh cấu tội".

5. Giới Không Dạy Người Sám Tội (Hối)

Nếu Phật tử, khi thấy người phạm ngũ giới, bát giới, thập giới, phá giới, hay phạm thất nghịch, bát nạn tất cả tội phạm giới v.v... phải khuyên bảo người ấy sám hối. Nếu Phật tử chẳng khuyên bảo người phạm tội sám hối, lại cùng ở chung, đồng sống chung, đồng chúng bố tát, đồng thuyết giới, mà không cử tội người ấy, không nhắc người ấy sám hối, Phật tử này phạm "khinh cấu tội".

Giới này Phật dạy chung cho những người đã lỡ phạm giới như:

- Năm giới cấm của người Phật tử tại gia.
- Bát quan trai giới
- Mười giới Sa di
- Phạm tội thất nghịch (thêm 2 tội giết Hòa thượng và A xà lê, thành thất nghịch tội)
- Bát nạn (là 8 chỗ khó khăn chướng nạn không nghe được chánh pháp) như các nạn sau đây: 1. Địa ngục 2. Ngạ quỷ 3. Súc sanh 4. Đui điếc câm ngọng 5. Sanh Bắc cầu Lô Châu 6. Vô tướng thiên, hay còn gọi là Trường thọ thiên. 7. Sanh vào thời kỳ trước Phật hoặc sau Phật. 8. Thế trí biện thông. Đó là nói những người phạm tội và những chướng nạn không gặp được chánh pháp để tu hành. Cho nên gọi là bát nạn. Đọa vào cảnh giới "Tam đồ" (địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh) khổ thì làm gì nghe được Phật pháp? Tuy được làm thân người mà bị tật nguyên đui, điếc, câm, ngọng, thì cũng không thể nào học hỏi được chánh pháp của Phật. Người có phước lớn mới được sanh về ở Bắc